NGUYỄN DANH PHIỆT

Nhà Đình đẹp loạn và dựng nước

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
1990

https://tieulun.hopto.org

NGUYỄN DANH PHIỆT

NHÀ ĐINH
DẸP LOẠN VÀ DỰNG NƯỚC

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI — 1990

https://tieulun.hopto.org

LỜI TỰA

Trong lịch sử Việt Nam, thời kỳ thế kỷ X là thời kỳ ít tài liệu. *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim chỉ có vài trang về nhà Đinh. *Lịch sử Việt Nam* tập I của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam cũng chỉ có vài trang về nhà Đinh. Các sử cũ của Việt Nam như *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cũng chép rất sơ sài về nhà Đinh.

Thời kỳ nhà Đinh từ khi Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp 12 sứ quân đến khi ông lên ngôi hoàng đế, cầm quyền dựng nước cho đến năm 980, quả là thời kỳ còn có nhiều chỗ trống.

Đồng chí Nguyễn Danh Phiệt đã lấp các chỗ trống đó bằng cuốn *NHÀ ĐINH : DẸP LOẠN VÀ DỰNG NƯỚC*.

Cứ như chỗ tôi biết bằng mắt của tôi trong nhiều ngày, nhiều năm liền công tác với đồng chí Nguyễn Danh Phiệt, thì đồng chí đã bỏ ra rất nhiều thời gian, nhiều công sức để đi sâu vào công tác sưu tầm, tìm tòi các tài liệu.

Khỏi phải nói đồng chí đã đọc rất kỹ các sách cổ sử của ta như *Việt sử lược*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Dư địa chí*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *An Nam chí lược*, v.v...

Đồng chí Phiệt còn tham khảo các sách có viết về nhà Đinh bằng tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga.

Các sách lịch sử Việt Nam của các sử gia Việt Nam từ Bắc chí Nam, đồng chí cũng đọc hầu như tất cả.

Các tạp chí viết về lịch sử Việt Nam như Tập san của Trường Viễn Đông bác cổ, Tạp chí *Tri Tân*, Tạp chí *Nghiên cứu*

https://tieulun.hopto.org

Lịch sử, Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, Tạp chí *Khảo cổ học* cũng được nghiên cứu một cách công phu.

Đặc biệt là các tài liệu điều tra, khảo sát địa phương có liên quan đến Đinh Bộ Lĩnh được đồng chí nghiên cứu rất tỉ mỉ. Các tài liệu đó là :

— Khảo sát lịch sử Dương Xá ;

— Khảo sát lịch sử xã Thiệu Long ;

— Khảo sát lịch sử huyện Gia Viễn ;

— Hồ sơ kiểm kê di tích lịch sử (1968) tỉnh Thái Bình ;

— Báo cáo khai quật di tích Hoa Lư ;

— Hồ sơ kiểm kê lịch sử các huyện Hà Nam Ninh.

Các tài liệu này cộng với những tài liệu thu thập được khi đọc các sử cũ Việt Nam làm cho đồng chí Nguyễn Danh Phiệt có nhiều tài liệu về nhà Đinh và hoạt động của Đinh Bộ Lĩnh.

Nhưng không dừng ở đấy, đồng chí còn bỏ ra nhiều thì giờ, nhiều công sức đi nghiên cứu thực địa nhiều địa phương có liên quan đến Đinh Bộ Lĩnh. Chúng ta cứ xem *Sơ đồ Kinh đô Hoa Lư*, và bản đồ *Sự phân bố địa bàn chiếm giữ của 12 sứ quân và căn cứ của Đinh Bộ Lĩnh* sẽ thấy đồng chí đã đi nghiên cứu thực địa các địa phương cẩn thận biết nhường nào !

Đồng chí Phiệt đã sử dụng khá nhiều truyền thuyết, thần phả, thần tích. Theo quan điểm chủ nghĩa duy vật lịch sử, đồng chí đã biết gạt bỏ cái vỏ hoang đường để tìm ra cái lõi cốt của sự thật lịch sử. Việc đồng chí viết về Đỗ Thích ám hại vua Đinh và con trai trưởng là một thí dụ cụ thể. Do vận dụng phương pháp khoa học trong nghiên cứu lịch sử một cách vững vàng để nghiên cứu về nhà Đinh, đồng chí phải sử dụng nhiều truyền thuyết, thần phả, thần tích mà vẫn không hề bị sa vào cái vũng lầy mê tín dị đoan, gạt bỏ được màu sắc huyền thoại hư ảo khi chép về nhà Đinh của sử cũ.

Tác giả đi từ những sự kiện tưởng như nhỏ nhặt, phân tích, tổng hợp và hệ thống lại để tìm ra chính sách lớn của nhà Đinh : *chính sách đoàn kết, liên kết, hòa hợp để đánh bại kẻ thù và xây dựng đất nước.*

https://tieulun.hopto.org

Chính sách này được Lê Hoàn kế thừa và phát huy, khi ông được các tướng lĩnh đưa lên ngôi vua.

●

NHÀ ĐINH : DẸP LOẠN VÀ DỰNG NƯỚC, tóm lại, là một cuốn sách tốt. Nó sẽ soi sáng nhiều cho lịch sử Việt Nam thời trung đại. Với nó, lịch sử nhà Đinh trong lịch sử dân tộc không còn nhiều chỗ trống nữa.

Giới sử học chúng ta rất hoan nghênh những cuốn sách như *NHÀ ĐINH : DẸP LOẠN VÀ DỰNG NƯỚC* của đồng chí Nguyễn Danh Phiệt.

Hà Nội, tháng 4-1988

Giáo sư VĂN TÂN

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

MỞ ĐẦU

Lịch sử nước ta từng trải qua một thế kỷ có nhiều sự kiện lớn lao, dồn dập, biểu hiện sức sống mãnh liệt trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Đó là thế kỷ X, được mệnh danh là thế kỷ bản lề, chuyển nối giữa hai thời kỳ lịch sử khác biệt : thời kỳ dưới ách thống trị của bọn đô hộ phương Bắc kéo dài nhiều thế kỷ và thời kỳ Đại Việt, mở đầu bằng việc Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long vào năm 1010. Trong những sự kiện lịch sử lớn lao hồi thế kỷ X nổi lên hai sự kiện đặc biệt : Ngô Quyền tổ chức đánh thắng giặc Nam Hán trên sông Bạch Đằng (năm 938), hoàn thành trọn vẹn, triệt để sự nghiệp giải phóng dân tộc và Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, xây dựng quốc gia Đại Cồ Việt độc lập dưới quyền quản lý của nhà Đinh (968–980), mở đầu thời kỳ độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc. Đề tài này đề cập đến sự kiện lịch sử thứ hai, giới hạn trong phạm vi nhà Đinh, từ quá trình hình thành, xác lập, đến kết thúc, được thu gọn lại với nhan đề : *Nhà Đinh — dẹp loạn và dựng nước.*

Sự xuất hiện của nhà Đinh hồi thế kỷ X là một sự kiện quan trọng, nổi bật, để lại dấu ấn mạnh mẽ với bất cứ ai quan tâm đến việc nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử Việt Nam. Sự kiện này cũng được phổ biến rộng rãi trong nhân dân, đọng lại khá sâu đậm trong tâm trí mỗi người Việt Nam. Nhưng tiếc thay, về mặt nghiên cứu lịch sử, nhà Đinh nói chung chỉ mới được phác họa qua những nét mờ nhạt, rời rạc, lẻ tẻ, đôi khi còn chìm lẫn trong màu sắc mờ ảo của huyền thoại.

Xảy ra cách ngày nay hơn 10 thế kỷ, lịch sử nhà Đinh còn để lại hàng loạt vấn đề cần làm sáng tỏ và yêu cầu được lý giải. Từ

https://tieulun.hopto.org

tổ chức bộ máy quản lý đất nước, phân chia các khu vực hành chính, cho đến tính chất chính trị, cơ sở kinh tế — xã hội của nhà nước Đại Cồ Việt đang là những vấn đề cần lý giải, hấp dẫn và lý thú. Nhưng vấn đề quan trọng hàng đầu đối với đề tài này vẫn còn là vấn đề khôi phục lại có hệ thống trình tự diễn biến của sự kiện, phác họa lại bộ mặt lịch sử vốn có của nó. Vấn đề đặt ra tưởng chừng đơn giản nhưng lại có nhiều khó khăn, chủ yếu vì tài liệu khan hiếm. Đây cũng là khó khăn chung trong việc nghiên cứu lịch sử cổ trung đại Việt Nam từ thế kỷ X về trước. Chính vì tình trạng khan hiếm tài liệu nên về nhà Đinh cho đến nay được nhận biết một cách không trọn vẹn, thậm chí còn lệch lạc, tùy tiện, dẫn đến những nhìn nhận, đánh giá khác nhau, nhiều khi còn mâu thuẫn.

Khan hiếm tài liệu là vậy, nhưng đề tài nhà Đinh đã và sẽ còn được nhiều sử sách đề cập đến, được nhiều tác giả quan tâm vì tầm quan trọng của bản thân nhà Đinh trong quá trình vận động và phát triển của lịch sử và vì nội dung khoa học của nó. Đây cũng chính là lý do khiến chúng tôi chuyên khảo về nhà Đinh mặc dù đề tài này đang ở tình trạng cạn tắc.

Quả vậy, cho đến nay, từ những điều ghi chép của sử cũ như *Việt sử lược* (1), *An Nam chí lược* (2), *Đại Việt sử ký toàn thư* (3), *Việt sử thông giám cương mục* (4), bổ sung thêm tài liệu từ các nguồn khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học, bia ký, thần phả, truyền thuyết, đã có nhiều người đề cập đến đề tài này, nhưng chưa có ai đề cập đến một cách toàn diện, tường tận, biên soạn thành một chuyên đề lớn hoặc một công trình khảo cứu độc lập. Hầu như các tác giả chỉ dừng lại ở tường thuật, khôi phục từng mảng của sự kiện, hoặc có kết hợp đưa ra những phân tích, nhận định qua một luận văn, hoặc một phần.

1. *Việt sử lược* biên soạn vào thế kỷ XIV, chưa rõ tác giả, bản dịch của Trần Quốc Vượng ; NXB Văn Sử Địa, Hà Nội, 1960.

2. *An Nam chí lược*. Lê Trắc biên soạn vào thế kỷ XIV. Bản dịch của Phan Huy Tiếp, tài liệu đánh máy.

3. *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên và sử thần thời Lê. Tập I. Xin gọi tắt là *Toàn thư*. Bản dịch của Ngô Đức Thọ. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983.

4. *Việt sử thông giám cương mục* — Quốc sử quán triều Nguyễn. Bản dịch của Ban nghiên cứu Văn Sử Địa. Tập II Tiền biên và Tập III Chính biên, NXB VSĐ, Hà Nội, 1957. Gọi tắt là *Cương mục*.

https://tieulun.hopto.org

thậm chí một đoạn trong sách lịch sử chuyên đề, hay trong một cuốn thông sử.

Quá trình lịch sử nghiên cứu về đề tài này hiện ra ba thời kỳ rõ rệt.

Thời kỳ thứ nhất, bao gồm các công trình biên soạn, khảo cứu của các sử gia thời phong kiến và thời cận đại.

Về các sử gia thời phong kiến, trước hết cần kể đến những người biên soạn các bộ biên niên sử gốc của ta như các sách *Việt sử lược*, *Toàn thư*, *Cương mục* và Phan Huy Chú với sách chuyên khảo *Lịch triều hiến chương loại chí*. Nhìn chung các sử gia thời này đều ghi chép vắn tắt, có ít nhiều khác biệt, quá trình từ Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, gây dựng nên nước Đại Cồ Việt, đến khi nhà Đinh mất. Các sử gia thời này hầu như đều nhấn mạnh đến tính chất « hùng cứ » của 12 sứ quân, khẳng định và đề cao công lao dẹp loạn của Đinh Bộ Lĩnh. Đặc biệt hai bộ sử biên niên lớn : *Toàn thư* và *Cương mục* đều đã đặt nhà Đinh vào vị trí mở đầu cho phần *Bản Kỷ* (*Toàn thư*) hoặc phần *Chính biên* (*Cương mục*).

Sang thời cận đại, bên cạnh các tác giả người Việt, còn có người nước ngoài, chủ yếu là người Pháp đã từng khảo cứu về nhà Đinh. Trong số tác giả người Việt, cần lưu ý đến Trần Trọng Kim và Nguyễn Văn Tố. Trần Trọng Kim trong *Việt Nam sử lược*, xuất bản lần đầu năm 1917, cũng không ngoài việc sao chép lại theo sử cũ. Riêng Nguyễn Văn Tố trong tạp chí *Tri Tân* từ số 153 tháng 7 đến số 162 tháng 10 năm 1944, đã có nhiều công phu sưu tầm tài liệu từ các thần phả, các bản khai báo về thần tích và phong tục của làng xã để chép lại sự tích các sứ quân và nhà Đinh. Công phu là vậy, ông Nguyễn Văn Tố vẫn phàn nàn về nhà Đinh còn có nhiều điều chưa thỏa mãn vì tài liệu ít ỏi, lại còn có nhiều chỗ chưa rõ ràng.

Về các tác giả người Pháp, có nhiều người viết về lịch sử Việt Nam. Cần điểm đến C. Paris, tác giả sách *Tóm tắt lịch sử An Nam từ 2874 trước Công nguyên đến 1890* (1) và G. Dumoutier với sách *Nghiên cứu về Hoa Lư — lịch sử và khảo cổ* (2)

1. C. Paris — *Abrégé de l'histoire d'Annam de 2874 avant J.C. à 1890 ère chrétienne*. Imp. Typo — litho F.H. Schneider. Hà Nội, 1890.

2. G. Dumoutier — *Etude historique et archéologique sur Hoa Lư*. Angers. Imp. A. Burdin et C^ie^, 1893.

https://tieulun.hopto.org

đều có ghi chép, biên soạn về nhà Đinh từ cuối thế kỷ XIX. G. Dumoutier đã tiến hành thu thập và đưa vào sách được ít nhiều tài liệu về địa bàn chiếm giữ của các sứ quân. Đặc biệt ông đã khảo tả và phân biệt rõ hơn về động Hoa Lư và kinh đô Hoa Lư. Về nhà Đinh, ông không ghi chép được điều gì hơn ngoài những cái đã ghi trong sử cũ. C. Paris chép vắn tắt, có phần quá sơ sài, nhưng ông ta đã nêu lên một nhận định so sánh đáng lưu ý. Theo C. Paris, sau khi nhà Ngô mất mối quan cai trị một châu tự làm vua, nước An Nam bao gồm 12 tiểu vương quốc, rất giống các lãnh địa của chúa phong kiến ở nước Pháp dưới triều vua Hugues Capet (1) và Đinh Bộ Lĩnh, một vị thần xuất hiện thành người đã chinh phục lần lượt 11 châu và lên ngôi vua dưới danh hiệu Đinh Tiên Hoàng (2).

Như vậy, từ những năm cuối thế kỷ XIX, các tác giả người Pháp đã quan tâm đến nhà Đinh. Về tài liệu họ cũng không bổ sung được gì mới ; về khoa học có người đã không kế cứu tham khảo cẩn thận dẫn đến những nhận định thiếu căn cứ, khó chấp nhận.

Thời kỳ thứ 2, từ sau Cách mạng tháng 8-1945 đến năm 1971, lần lượt được đề cập đến trong sách của các tác giả : Minh Tranh, Thanh Lương, Đào Duy Anh, Trần Quốc Vượng - Hà Văn Tấn, Văn Tân, Trương Hữu Quỳnh - Nguyễn Đức Nghinh, và kết thúc ở Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam với *Lịch sử Việt Nam*, tập I (3). Bên cạnh đó, các tác giả người nước ngoài,

1. Hugues Capet (941-996), làm vua nước Pháp từ 987 đến 996, mở đầu vương triều Capétiens trong lịch sử trung đại Pháp.

2. C. Paris, Sđd, tr 4.

3. Minh Tranh — *Sơ thảo lịch sử Việt Nam. QI*, Nha Giáo dục phổ thông, Hà Nội, 1954.

+ Thanh Lương — *Histoire résumée du Vietnam* — Éditions en langues étrangeres Hà Nội, 1955.

+ Đào Duy Anh — *Sơ thảo lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Quyển thượng, Hà Nội — 1956.

+ Trần Quốc Vượng — Hà Văn Tấn — *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* Tập I, NXB Giáo dục, Hà Nội — 1960.

+ Văn Tân — *Lịch sử Việt Nam (sơ giản)* — NXB Sử học, Hà Nội, 1963.

+ Trương Hữu Quỳnh — Nguyễn Đức Nghinh — *Lịch sử Việt Nam* Q.I, tập 2, tái bản lần 2. NXB Giáo dục, Hà Nội — 1970.

+ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam — *Lịch sử Việt Nam*, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội — 1971.

https://tieulun.hopto.org

hoặc người Việt ở nước ngoài cũng có đề cập đến nhà Đinh trong các công trình biên soạn về lịch sử Việt Nam của mình. Đó là các tác giả : J. Chesnaux, Lê Thành Khôi, J. Buttinger, M.A. Cheshkov, D.V. Đêôppik (1). Ngoài ra cũng còn phải kể đến các tác giả dưới chế độ cũ ở miền Nam Việt Nam, trong đó có Phạm Văn Sơn với *Việt sử tân biên* (1954).

Nhìn chung về mặt tài liệu, các sách trên cũng không ngoài việc chọn lọc từ các nguồn đã công bố. Bước phát triển rõ rệt, vượt bậc được thể hiện ở phương pháp nghiên cứu. Nhiều tác giả đã dựa trên cơ sở kinh tế — xã hội, lấy học thuyết mácxít lêninnít về đấu tranh giai cấp, về sự tiếp nối các hình thái trong lịch sử để nhìn nhận và lý giải sự xuất hiện và vai trò của nhà Đinh trong lịch sử. Tuyệt đại đa số các tác giả đều khẳng định tính chất cát cứ phong kiến của 12 sứ quân, nhấn mạnh đến hành động xâu xé, thôn tính lẫn nhau gây nên cảnh nội chiến kéo dài. Mặt khác các tác giả đều khẳng định sự nghiệp thống nhất đất nước, xây dựng một nhà nước quân chủ phong kiến trung ương tập quyền của Đinh Bộ Lĩnh.

Thời kỳ thứ 3, từ 1972 đến nay. Bước sang thời kỳ này, sau quyển *Lịch sử Việt Nam* tập I ra đời vào năm 1971 đã kể ở trên, vẫn chưa thấy xuất hiện một công trình độc lập, một luận văn trọn vẹn về đề tài này. Tuy nhiên, vấn đề dường như lại càng được giới sử học quan tâm đến nhiều hơn trong khi nghiên cứu về thế kỷ X, về thời Lý Trần. Đó là những luận văn đề cập đến nhà Đinh có mức độ và từ những khía cạnh khác nhau của các tác giả Phan Huy Lê, Hồng Phong, Trần Quốc Vượng, Trương Hữu Quỳnh, Phan Đại Doãn, Đỗ Văn Ninh, Lê Văn Lan,

1. J. Chesnaux— *Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne* Editions sociales. Paris — 1955.

+ Lê Thành Khôi — *Le Viet Nam Histoire et Civilisation*. Edition de Minuit. Paris — 1955.

+ J. Buttinger — *The smaller dragon — A political history of Viet Nam*. New York — 1958.

+ M.A. Cheshkov — *Orherki istorii Feodalnovo Vietnama*. Izd. Naouka. Maskva, 1967.

+ D.V. Deopik. " Vietnam vo raunje sredajevekovoe " *Istoria stran, Azii i Afrika vo srednjie veka*. Izd. Maskovskvo. Ounjiversitjeta. Maskva, 1977.

https://tieulun.hopto.org

Nguyễn Danh Phiệt, Vũ Huy Phúc, Lê Kim Ngân, Nguyễn Văn Huyên, Trần Đăng Ngọc, Nguyễn Văn Trò, Nguyễn Hồng Mao, Đỗ Đức Hùng... in trong 2 tập sách *Xã hội Việt Nam thời Lý Trần* (1) và *Thế kỷ X — những vấn đề lịch sử* (2). Vấn đề này cũng còn được đề cập đến trong sách *Những trang sử vẻ vang*... xuất bản năm 1984 (3). Các tác giả người Mỹ cũng đã dành một số trang sách cho nhà Đinh (4). Sử gia Xô viết, D.V. Deopik ở « Xã hội phong kiến Việt Nam » trong sách *Việc nghiên cứu lịch sử các nước phương Đông* (5) cũng nhắc lại và duy trì quan điểm của mình về nhà Đinh đã phát biểu từ năm 1968.

Nhìn chung ở thời kỳ này, về mặt tài liệu, các tác giả cũng không có bổ sung đáng kể. Riêng về phân tích, nhận định, nếu như ở thời kỳ trước người ta vừa lòng với những kết luận về cơ sở kinh tế — xã hội phong kiến thời Đinh, được rút ra từ lý thuyết nhiều hơn là từ thực tế lịch sử, thì sang thời kỳ này, lý thuyết về hình thái được vận dụng một cách linh hoạt, nhuần nhuyễn hơn. Từ nghi ngờ đi đến phủ định tính chất phong kiến của xã hội thời Đinh, đa số các tác giả hướng về một xã hội « Á châu », với sự tồn tại phổ biến của tổ chức công xã và sự có mặt của những yếu tố phong kiến gắn liền với tàn dư của ách thống trị phương Bắc. Hầu hết các tác giả đều khẳng định sự nghiệp thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh. Tuy nhiên về 12 sứ quân và đấu tranh dẹp loạn của Đinh Bộ Lĩnh, bên cạnh những nhìn nhận như là một cuộc đấu tranh giành quyền kiểm soát các công xã, đấu tranh giữa xu hướng phân quyền và tập quyền, hoặc đấu tranh giành ảnh hưởng giữa các thủ

1. Nhiều tác giả — *Xã hội Việt Nam thời Lý Trần*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội — 1982.

2. Nhiều tác giả — *Thế kỷ X, những vấn đề lịch sử*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội — 1984.

3. Hồng Nam — Hồng Lĩnh chủ biên — *Những trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam chống phong kiến Trung Quốc xâm lược*. NXB Khoa học xã hội. Hà Nội — 1984.

4. J. Buttinger. *A Dragon defiant — A Short history of Vietnam*. Praeger. New York. Washington — 1972.

K.W. Taylor. *The Birth of Vietnam* University of California press. 1983.

5. D.V. Deopik — " Feodalnoe obshestvo Vietnama " *Istoriographie stran' vostoka*. Izd. Maskovskvo Ounjiversitjeta. Maskva, 1977.

https://tieulun.hopto.org

lĩnh vùng, tất cả được diễn ra trên cơ sở xã hội « Á châu », cũng còn có quan niệm như một cuộc nội chiến cát cứ kéo dài.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng đi sâu, tiếp cận lịch sử, nhưng từ năm 1972 đến nay, nhà Đinh vẫn chưa có dịp được đề cập đến một cách triệt để, toàn diện, hầu như vẫn dừng lại ở những mảng rời rạc, khái quát ban đầu với những kiến giải khá phân tán.

Đứng trước quá trình nghiên cứu đề tài nhà Đinh như đã trình bày, trong tập sách này chúng tôi tự đặt cho mình nhiệm vụ hàng đầu là khôi phục lại bộ mặt nhà Đinh từ xuất phát điểm lịch sử cho đến lúc kết thúc, tức từ « loạn 12 sứ quân » đến khi bị nhà Tiền Lê thay thế. Trên cơ sở sự kiện được xác lập có hệ thống, chúng tôi tiến hành phân tích, đưa ra một số nhận định về nhà Đinh, cơ sở xã hội, vị trí và vai trò của nó trong lịch sử. Ý kiến của chúng tôi về nhà Đinh có thể khác hẳn, cũng có điểm chỉ là bổ sung, khẳng định kiến giải của người trước, nhằm góp phần vào việc nghiên cứu lịch sử cổ trung đại Việt Nam nói chung, lịch sử Việt Nam trước ngưỡng cửa văn minh Đại Việt nói riêng.

Để thực hiện mục tiêu khoa học trên, mặc dù chúng tôi có may mắn được tiếp thu, kế thừa mọi thành quả nghiên cứu tích lũy trong nhiều năm của nhiều tác giả đi trước, nhưng vẫn phải đương đầu với một khó khăn lớn : tình trạng khan hiếm tài liệu. Để khắc phục điều đó, chúng tôi một mặt huy động tất cả các nguồn tài liệu có thể có được, từ sự ghi chép của chính sử đến các nguồn khảo cổ học, bia ký, thần phả, truyền thuyết đã công bố, mặt khác chúng tôi tiến hành khảo sát lịch sử, điều tra điền dã tại các địa phương có liên quan đến đề tài nhằm thu thập thêm tài liệu, kiểm tra lại tài liệu đã công bố, đồng thời tận dụng kết quả khảo sát gần đây của cơ quan bảo tàng ở trung ương và địa phương để tiến hành khôi phục bộ mặt lịch sử của sự kiện đang được xem xét.

Tình trạng khan hiếm tài liệu về nhà Đinh là một thực tế không thể chối cãi. Nhưng điều đó không có nghĩa là về nhà Đinh tuyệt nhiên không có sử liệu chắc chắn. Vấn đề là thiếu sử liệu gốc theo đúng nghĩa của nó. Quả thật về sử liệu viết, người nghiên cứu cho đến nay không có trong tay một tài liệu

https://tieulun.hopto.org

nào được viết ra đồng thời và trực tiếp tham gia vào sự hiện diện của nhà Đinh. Mặt khác, những di vật phát hiện được có mang dấu ấn rõ rệt của nhà Đinh như các cột kinh Phật của Đinh Liễn, tiền Thái Bình có chữ « Đinh » ở mặt sau lại vô cùng hiếm. Nhưng không phải vì thế mà nghi ngờ giá trị chân thực ở tất cả những điều ghi chép của *Việt sử lược*, *Toàn thư*, *Cương mục* chịu bó tay, vừa lòng với những nhận biết lộn xộn, chắp vá về nhà Đinh trong lịch sử. Những di tích như động Hoa Lư, kinh đô Hoa Lư, dấu vết thành trì của sứ quân, đền thờ các nhân vật lịch sử thời Đinh... tại sao không phải là những cứ liệu chắc chắn cho sự tồn tại hiển nhiên của một nhà Đinh ra đời từ đấu tranh dẹp loạn.

Nếu như sử liệu gốc khan hiếm, thì về đề tài này, nguồn bổ sung từ thần phả, thần tích, truyền thuyết, kèm theo những tục lệ hội hè lại phong phú. Nghiên cứu về nhà Đinh, trong tình hình đó, không thể không tìm đến và tận dụng nguồn tài liệu này, được quan niệm như một dạng tư liệu lịch sử có tác dụng hỗ trợ các lực cho sử học. Điều quan trọng là nhận thức được ở nguồn tài liệu đầy việc phản ánh thực tế lịch sử chịu sự chi phối của qui luật sáng tác văn học, đặc biệt là văn học truyền miệng. Cho dù thần tích, thần phả, bia ký có được ghi chép lại, nhưng xét cho cùng cũng là trên cơ sở truyền thuyết, có kết hợp với sử sách, được cố định thành văn bản, và việc làm của Đông các đại học sĩ Nguyễn Bỉnh ở thế kỷ XVI. Do đó, thực tế lịch sử được phản ánh qua nguồn tư liệu này thường bị méo mó, lệch lạc trong quá trình trôi giạt qua không gian và thời gian. Dầu sao nó vẫn chứa đựng cái cốt lõi lịch sử mà người nghiên cứu có thể gạn lọc và sử dụng bổ ích. Vì mục đích của sử học, không thể không quan tâm đúng mức và tận dụng loại tư liệu quí, khó sử dụng nhưng không phải không thể sử dụng được này. Homère (1), Hérodote (2), Tư Mã Thiên (3) đều đã xây dựng tác phẩm vĩ đại của mình từ chất liệu truyền thuyết, truyện

1. *Homère*, khoảng thế kỷ VIII trước Công nguyên, nhà thơ Hy Lạp cổ đại, với tác phẩm Iliát (Iliade) và Ôđixê (Odysseus).

2. *Hérodote*, thế kỷ V trước Công nguyên, nhà sử học Hy Lạp với bộ sử 9 tập về cuộc chiến tranh giữa Hy Lạp và Ba Tư.

3. *Tư Mã Thiên*, thế kỷ II trước Công nguyên, sử gia Trung Quốc với bộ *Sử Ký* nổi tiếng, được xếp vào hàng đầu trong *Nhị thập tứ sử* của Trung Quốc.

https://tieulun.hopto.org

kể, bài ca câu hát dân gian đã thu lượm được. F. Ăng ghen cũng đã sử dụng truyền thuyết, văn hóa dân gian nói chung để khôi phục nghiên cứu xã hội Hy Lạp cổ đại trong *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của nhà nước* (1).

Về nhà Đinh, nguồn tài liệu này khá phong phú, nhưng cũng rất phức tạp, chắp vá, khác biệt, đầy mâu thuẫn. Ví dụ về lai lịch của Đinh Bộ Lĩnh, khác với điều ghi chép của sử, truyện kể lại muốn rằng ông không phải xuất thân từ một gia đình quan lại cỡ lớn đứng đầu một châu, mà lại có nguồn gốc siêu phàm từ loài thủy tộc, từng trải qua cuộc sống nghèo khổ phải đi mò cua, bắt cá, chăn trâu. Các trường hợp như Dương Thái hậu, Đỗ Thích truyện kể ở Hà Nam Ninh và ở Thanh Hóa lại khác biệt, có khi hoàn toàn khác. Về Nguyễn Thủ Tiệp, cùng một nhân vật, nhưng thần phả lại chép khác nhau cả về lai lịch và hành trạng... Tình trạng này khá phổ biến, vì vậy đã từng dẫn đến hiện tượng sử dụng tùy tiện, dễ dãi theo ý muốn chủ quan của người nghiên cứu. Ở đây, được sử dụng với tư cách là một dạng tư liệu sử học, nguồn tài liệu này sẽ phải được kiểm tra, đối chiếu, sàng lọc qua mặt sàng sử học để phát hiện, chắt lọc phần cốt lõi lịch sử.

Nói một cách khác, từ những mảng rời rạc, lẻ tẻ, được thu thập, bổ sung từ nhiều nguồn với một độ tin cậy khó xác định, tư liệu này sẽ không giúp ích được bao nhiêu, có khi còn gây hỗn loạn cho người nghiên cứu, một khi tách chúng ra khỏi các mối liên hệ trong quá trình vận động phát triển tiếp nối của lịch sử để xem xét.

Vì vậy trong khi tiến hành nghiên cứu về nhà Đinh, gặp tình trạng có nhiều thông tin khác nhau về cùng một hiện tượng, một sự kiện, một nhân vật, chúng tôi vận dụng phương pháp đối chiếu, so sánh, loại suy, đặt sự kiện trong mối liên hệ chung để loại trừ những chi tiết, những thông tin sai lệch, không hợp lý. Trước những ghi chép của sử cũ không rõ ràng, chưa đủ độ tin cậy, nhưng cũng không dễ dàng phủ định, chúng tôi buộc phải ngược dòng lịch sử hoặc dõi theo quá trình vận động của nó trong những thời đại tiếp sau để khảo sát, khẳng

1. F. Ăng ghen — *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của Nhà nước*, trong *Tuyển tập Mác — Ăng ghen*, tập VI. NXB Sự thật, Hà Nội, 1984.

https://tieulun.hopto.org

định hay phủ định. Ví dụ như về tổ chức bộ máy quản lý quốc gia Đại Cồ Việt, việc chia đặt các đơn vị hành chính cấp đạo, cấp cơ sở chẳng hạn.

Với cách làm việc như vậy, chúng tôi hy vọng trước hết sẽ khôi phục lại được một cách tương đối toàn diện bộ mặt lịch sử nhà Đinh, trên cơ sở đó làm sáng tỏ thêm về nhà Đinh trong lịch sử. Về nhà Đinh có nhiều vấn đề lý thú nhưng cũng rất khó khăn. Đặc biệt là các vấn đề cơ sở giai cấp và tính chất của Nhà nước, về chế độ kinh tế — xã hội là những vấn đề đã khó, lại càng khó vì tình trạng thiếu cơ sở tài liệu để khảo cứu. Vì vậy, trong sách chuyên khảo này chúng tôi không có tham vọng giải đáp, mà khi cần thiết, chỉ đưa ra những giả thuyết khoa học, còn phải được điều chỉnh, chứng minh thêm một khi thu thập được tài liệu mới trong tương lai.

Nội dung của đề tài sẽ được trình bày trong 4 chương sách, từ loạn 12 sứ quân đến sự kết thúc của nhà Đinh trên vũ đài lịch sử.

Nhằm mục đích cung cấp cho độc giả một số tư liệu cần thiết đã tham khảo chung quanh đề tài này, chúng tôi dành cho cuốn sách phần *Phụ lục* gồm văn bia, thần phả, truyện kể, do bạn *MAI LÒNG* công tác ở Viện Hán Nôm phiên âm, dịch và chú giải. Cũng ở phần *Phụ lục* này chúng tôi sẽ giới thiệu 3 bản đồ nhằm phản ánh sự phân bố địa bàn chiếm giữ của các sứ quân và khu vực Hoa Lư nói chung, gồm động Hoa Lư và kinh đô Hoa Lư để độc giả có thể hình dung rõ hơn về diễn biến của sự kiện đang được xem xét trong không gian lịch sử.

NHÀ ĐINH — DẸP LOẠN VÀ DỰNG NƯỚC sẽ được đề cập đến bắt đầu từ xuất phát điểm lịch sử của nó, cũng tức từ điều kiện lịch sử và hoàn cảnh ra đời, đó là « loạn 12 sứ quân » như sử sách đã ghi chép.

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG I

NHÀ ĐINH — TỪ XUẤT PHÁT ĐIỂM LỊCH SỬ: « LOẠN 12 SỨ QUÂN »

Nhà Đinh tồn tại trong lịch sử từ năm 968 đến năm 980 bao gồm hai đời vua: Đinh Tiên Hoàng tức Đinh Bộ Lĩnh, làm vua từ năm 968 đến năm 979 và Đinh Toàn lên làm vua khi mới 6 tuổi, ở ngôi 8 tháng vào cuối năm 979 đến nửa đầu năm 980. Quá trình hình thành và xuất hiện của nhà Đinh gắn liền với một sự kiện lịch sử khá quen biết mà sử cũ gọi là « loạn 12 sứ quân ». Đinh Bộ Lĩnh — người mở đầu nhà Đinh, cũng là người đã tiến hành đấu tranh dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước và xây dựng nên nước Đại Cồ Việt. Vì vậy khảo sát nghiên cứu về nhà Đinh bắt đầu từ « loạn 12 sứ quân », được quan niệm như là xuất phát điểm lịch sử của nhà Đinh trên vũ đài lịch sử hồi thế kỷ X.

Trước hết cần khẳng định ngay rằng « sứ quân » không phải là danh hiệu tự xưng của những người tham gia « nổi loạn ». Sử sách chép họ xưng là « *công* » như

https://tieulun.hopto.org

Ngô Lãm *công*, Đỗ Cảnh *công*, Lý Lãng *công*, Trần Minh *công*. « Công » là một từ Hán Việt có nghĩa là « ông » — tiếng dùng để xưng hô tôn kính, không bao hàm một nội dung chức tước, uy quyền, địa vị xã hội của người tự xưng cũng như đối với người được xưng tụng. Ngoài ra cũng có người xưng *vương*, đó là các trường hợp Nguyễn Thủ Tiệp xưng là Vũ Ninh Vương (1), Ngô Nhật Khánh xưng An Vương (2). Tuyệt nhiên không có ai xưng là sứ quân, vậy danh hiệu sứ quân là do người sau ghi chép truyền tụng, gán cho các nhân vật cầm đầu trong cuộc nổi loạn hồi giữa thế kỷ X.

Sứ quân là gì? Trở lại với *Từ nguyên*, theo *Từ Hải*, sứ quân có nghĩa : 1) từ dùng để chỉ viên quan đứng đầu châu quận ; 2) tiếng xưng hô tôn kính đối với những viên quan lại mang theo sứ mệnh của triều đình (3). Như vậy, danh hiệu « sứ quân » bao gồm một nội dung chức tước, uy quyền của người thuộc đội ngũ quan tước. Trong thực tế, các « sứ quân » ở đây có hoàn toàn đúng như vậy không, và nên hiểu như thế nào cho phù hợp? Một giải đáp thỏa đáng sẽ tự nó được rút ra từ việc đi sâu tìm hiểu về loạn « 12 sứ quân » qua các mặt : diễn biến lịch sử, nguồn gốc, thế lực và hành động của họ.

1. Diễn biến lịch sử.

Để nghiên cứu, khôi phục diễn biến lịch sử của « loạn 12 sứ quân », những điểm cơ bản cần được xác định và khảo sát là : số lượng sứ quân, thời gian và không gian hoạt động của họ.

1. *Cương mục*. Tiền biên, tập II, Sđd, tr. 52.
2. *Toàn thư*. Sđd, tr. 211.
3. « Phàm châu quận trưởng quan tiện xưng chi ». — « Phụng sứ chi quân tôn xưng chi viết sứ quân ». *Từ Hải*, tr. 101.

https://tieulun.hopto.org

Trước hết về số lượng, **sử sách** ghi chép rõ ràng với con số tuyệt đối 12, có sự khác biệt chút ít về tên các sứ quân. Theo các biên niên sử: *Việt sử lược*, *Toàn thư*, *Cương mục*, ta có bảng liệt kê dưới đây (1):

Số TT	VIỆT SỬ LƯỢC	TOÀN THƯ — CƯƠNG MỤC
1	Kiều Tam Chế tên là Công Hãn	Kiều Công Hãn xưng là Kiều Tam Chế
2	Nguyễn Thái Bình — Khoan, Kỷ	Nguyễn Khoan — Nguyễn Thái Bình
3	*Trần* Công Lãm — Nhật Khánh	*Ngô* Nhật Khánh — *Ngô* Lãm Công
4	Đỗ Cảnh Công - Cảnh Thạc	Đỗ Cảnh Thạc — Đỗ Cảnh Công
5	*Nguyễn* Du Lịch—Xương Thức	*Ngô Xương Xí*
6	Lý Lãng Công — Khuê	Lý Khuê — Lý Lãng Công
7	Nguyễn Lệnh Công—Thủ Tiệp	Nguyễn Thủ Tiệp — Nguyễn Lệnh Công
8	Lã Tá Công — *Khoáng*	Lã Đường — Lã Tá Công
9	Nguyễn Hữu Công — Siêu	Nguyễn Siêu — Nguyễn Hữu Công
10	Kiều Lệnh Công — Thuận	Kiều Thuận —Kiều Lệnh Công
11	Phạm Phòng Ất— Bạch Hổ	Phạm Bạch Hổ — Phạm Phòng Ất
12	Trần Minh Công — Lãm	Trần Lãm — Trần Minh Công

1. *Việt sử lược* — *Toàn thư* — *Cương mục* — Sđd.

VN
...ĐẠI HỌC TỔNG HỢP
...Ồ CHÍ MINH
https://tieulun.hopto.org
Ngày nhận sổ 21

Nhìn chung con số 12 là thống nhất, có sự khác biệt ở thứ tự sắp xếp trên dưới giữa cả 3 cuốn sử. Ở đây, chúng tôi chép theo thứ tự của *Việt sử lược* để tiện so sánh. Riêng về tên sứ quân, *Toàn thư* và *Cương mục* chép giống nhau; có sự khác biệt ở 3 trường hợp giữa *Việt sử lược* với *Toàn thư* và *Cương mục*: một trường hợp khác họ: Nhật Khánh; trường hợp khác tên: Lã Đường và một trường hợp khác cả họ và tên: Ngô Xương Xí (1).

Điều cần nhấn mạnh là con số 12. Số lượng tuyệt đối này đã được hầu hết các nhà sử học sử dụng, mặc dù có thể còn có nghi vấn, thêm bớt. Ví dụ: Lã Tá Đường có phải là sứ quân không? Có người còn muốn xếp Đinh Bộ Lĩnh vào hàng ngũ sứ quân. Hoặc nữa, có trường hợp sử sách không ghi chép, nhưng chính sử quan Lê Tung trong phần « Tổng luận » sách *Toàn thư* lại có kể đến một Ngô Nam đế ở Dạ Trạch cũng là một sứ quân (2).

Nói chung, tuy thừa nhận con số 12 sứ quân, nhưng mọi người đều nghĩ rằng đó cũng chỉ là 12 người có thế lực lớn, trội hơn, được sử sách « điểm mặt chỉ tên ». Có thể còn có những người khác cũng hành động như sứ quân, nhưng thế lực không đáng kể.

Tóm lại, con số tuyệt đối 12 vẫn bao hàm một ý nghĩa tương đối, xuất phát từ chính sử, do chính sử cung cấp. Trên tinh thần đó, 12 sứ quân được sử sách ghi chép đã thực sự tiêu biểu, đại diện cho tầng lớp người gây nên cuộc « nội loạn » vào giữa thế kỷ X.

1. Trong sách chúng tôi ghi theo tên các sứ quân được chép ở *Toàn thư* và *Cương mục*. Trường hợp Ngô Xương Xí, có sự khác nhau là do nhầm lẫn trong khi sao chép giữa chữ « thức » bộ « ngôn » và chữ « xi » bộ « hỏa ».

2. *Toàn thư* — Phần « Tổng luận ». Sđd, tr. 104.

https://tieulun.hopto.org

Tách riêng từng sứ quân để xem xét sẽ không giải quyết được vấn đề. Nhưng một khi tổng hợp lại để nghiên cứu, chắc chắn sẽ cung cấp cho chúng ta nhiều điều cần thiết, rút ra được những nhận định sát hợp về sự kiện lịch sử này thông qua 12 đại diện tiêu biểu của nó. Vì vậy, số lượng 12 sẽ là cơ sở để tiến hành nghiên cứu về cuộc nội loạn của các sứ quân, đồng thời nghiên cứu điểm xuất phát quá trình hình thành của nhà Đinh trong lịch sử.

Về thời gian. — Hoạt động của các sứ quân, chính sử chép gọn vào các năm từ sau khi Xương Văn chết trong khi đánh dẹp hai thôn ở Thái Bình (năm 965) cho đến khi Đinh Bộ Lĩnh thống nhất đất nước, lên ngôi hoàng đế vào đầu năm 968. Như vậy, thời gian tồn tại của cái gọi là « loạn 12 sứ quân » được gói trong 2 năm 966—967. Tuy nhiên, căn cứ vào sự xuất hiện của Trần Lãm ở Cửa Bố từ những năm sau khi Ngô Quyền mất, tạo nên một thế lực mạnh để sau đó thành lực lượng liên kết của Đinh Bộ Lĩnh, hoàn toàn có cơ sở để nghĩ rằng có sứ quân đã xuất hiện từ trước năm 965. Hơn nữa, điều ghi chép sau đây của *Cương mục* : « Từ sau khi Dương Tam Kha cướp ngôi nhà Ngô (945) thổ hào các nơi đua nhau nổi dậy » (1) là cơ sở để cho nhiều người nghiên cứu đi đến nhận định thời gian tồn tại và hoạt động của các sứ quân kéo dài hơn 20 năm, từ 945 đến 967.

Để cho vấn đề được sáng tỏ, cần phân biệt hai hiện tượng rõ rệt : hiện tượng rối loạn nội bộ của triều đình Cổ Loa trước sự suy yếu của vương triều Ngô và hiện tượng tự xưng hùng trưởng của các sứ quân khi vương triều Ngô sụp đổ hoàn toàn.

1. *Cương mục*, sđd, tr. 50.

https://tieulun.hopto.org

Hãy bắt đầu lần gỡ vấn đề từ mối quan hệ giữa các sứ quân với vương triều Ngô.

Trước hết, điểm đến 12 sứ quân, theo sử sách, chúng ta khẳng định được Đỗ Cảnh Thạc là nha tướng của nhà Ngô (1), Ngô Xương Xí là viên tướng, đồng thời là cháu nội của Ngô Quyền, con Thiên Sách vương Xương Văn (2) và Ngô Nhật Khánh là dòng dõi Ngô Quyền (3). Bổ sung thêm qua nguồn thần tích, ta biết Phạm Bạch Hổ, Kiều Công Hãn, Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Siêu, Nguyễn Khoan đều là tướng thần của Ngô Quyền (4). Trong số đó Phạm Bạch Hổ đã từng tham gia chống giặc Nam Hán trên sông Bạch Đằng vào năm 938. Ngoài ra, một tấm bia phát hiện được ở xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, Hà Bắc cho biết có một ông Lã Minh ở trang Liễu Chữ, huyện Siêu Loại, dòng dõi nhà hào kiệt, tập hợp tráng sĩ ở thôn Lã Đường (huyện Siêu Loại), theo Ngô Quyền làm đến chức tả tướng. Lã Minh từng tham gia diệt Kiều Công Tiễn đánh giặc Nam Hán. Dưới triều Ngô Vương ông xin về, có Liễu Chữ làm thực ấp (5). Chúng tôi cho rằng Lã Minh ở đây chính là Lã Đường (nhà của họ Lã) được mệnh danh cho sứ quân họ Lã được thờ ở xã Phụng Công huyện Văn Giang trước đây mà ông Nguyễn Văn Tố đã thuật lại theo bản khai của xã cho biết chỉ nghe truyền khẩu, không có thần tích (6).

1. *Cương mục*, Sđd, tr. 50.

2. + 3. *Cương mục*, Sđd, tr. 50 ; *Toàn thư*, Sđd, tr. 211.

4. Theo thần tích Kiều Công Hãn, thần tích đền thờ Phạm Bạch Hổ ở Hải Hưng, Thần tích xã Đông Kết ở Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

Xem « Nguồn gốc các sứ quân » ở phần sau, và phần *Phụ lục*.

5. Bia tìm cờ phát hiện được tại nhà ông Môn, hợp tác xã Liễu Lâm. Tài liệu do Giáo sư Phan Đại Doãn cung cấp.

6. Nguyễn Văn Tố, *Tri Tân*, số 158, tháng 9 — 1944.

https://tieulun.hopto.org

Như vậy trong số 12 sứ quân có 9 người (3 theo sử sách và 6 theo thần tích và bi ký) thuộc hàng ngũ tướng thần của vương triều Ngô. Trong bọn họ, có người đã góp phần xây dựng vương triều Ngô từ đầu và khôi phục lại vương triều sau khi bị Dương Tam Kha tiếm đoạt như Đỗ Cảnh Thạc, Phạm Bạch Hổ, Kiều Công Hãn, Ngô Nhật Khánh. Với tư cách là tướng thần của nhà Ngô, họ đã bị cuốn vào vụ lục đục tranh chấp ngôi giữa Dương Tam Kha và các con trai của Ngô Quyền, hoặc giữa Nam Tấn Vương Xương Văn và Thiên Sách Vương Xương Ngập. Những vụ lục đục nối tiếp nhau đó đã có tác dụng đẩy nhanh quá trình suy yếu đi đến sụp đổ của bộ máy quản lý quốc gia trung ương tập quyền vương triều Ngô.

Khi vương triều sụp đổ, đám tướng thần này mới phân tán về đất bản bộ, hoặc dựa vào cơ sở vùng đất « thực ấp » của mình, mỗi người chiếm giữ một vùng và trở thành sứ quân. Số sứ quân còn lại : Kiều Thuận, Lý Khuê, Trần Lãm cho đến nay không có một tài liệu nào cho biết họ là cựu thần của nhà Ngô. Vì vậy ý kiến cho rằng : « Tất cả những người có trong danh sách 12 sứ quân đều đã có một thời gian tham dự triều đình này » (triều Ngô) (1) hoặc « Mỗi quan lại trong châu tự làm vua » (2) đều không có căn cứ thuyết phục. Có thể đoán định rằng 3 trường hợp còn lại đó là thổ hào có thế lực lớn ở địa phương, trong điều kiện chưa với tay đến hoặc từ suy yếu đi đến sụp đổ của chính quyền trung ương, họ đã nổi dậy, tự cai quản vùng đất bản bộ của mình

1. K. W Taylor — Sđd, tr. 275.
2. C. Paris. — Sđd, tr. 4.

https://tieulun.hopto.org

Mặc dù thời gian xuất hiện trước sau của các sứ quân này chưa xác định được, nhưng với con số $\frac{9}{12}$ sứ quân xuất hiện từ khi vương triều Ngô sụp đổ hoàn toàn cho phép ta nhận định : *Cục diện 12 sứ quân chỉ xuất hiện trọn vẹn từ sau cái chết của Xương Văn* Hiện tượng lục đục trước đó chỉ là tiền đề cho sự xuất hiện cục diện 12 sứ quân. Như vậy, về mặt thời gian tồn tại của « loạn 12 sứ quân » chỉ khuôn trong 2 năm : 966 — 967, như sử cũ đã ghi chép.

Tuy nhiên, dường như chưa thật đầy đủ, đúng mực, nếu như chỉ giới hạn việc truy tìm nguyên nhân dẫn đến « loạn 12 sứ quân » ở sự suy yếu đi đến sụp đổ của vương triều Ngô. Ngược dòng lịch sử, một thực tế lịch sử không thể chối cãi, đó là quá trình phân hóa xã hội với sự xuất hiện của tầng lớp « thổ hào », « quan lại » có thế lực mạnh về kinh tế, chính trị, dưới thời Bắc thuộc đã diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Mặt khác, với con số 159 hương thuộc thời Cao Biền cho phép nghĩ rằng cho đến cuối thời Bắc thuộc, bọn thống trị đô hộ cũng chỉ với tay quản lý đến cấp quận, huyện và một số đơn vị hành chính cơ sở gần lỵ sở. Tuyệt đại đa số công xã vẫn do các thổ hào, thủ lĩnh địa phương quản giữ, chịu sự ràng buộc lỏng lẻo, hoặc hoàn toàn tồn tại ngoài vòng quản lý của chính quyền đô hộ. Đó chính là cơ sở xã hội và điều kiện thuận lợi cho sự xuất hiện các cuộc nổi dậy do thổ hào, thủ lĩnh địa phương cầm đầu chống lại chính quyền đô hộ. Các cuộc nổi dậy của họ Phùng, họ Khúc vào thế kỷ IX, đầu thế kỷ X là những ví dụ điển hình.

Cho đến khi giành lại được quyền tự chủ họ Khúc cũng chỉ mới đầy số đơn vị hành chính cơ sở lên đến

https://tieulun.hopto.org

340. Điều đó có nghĩa là nhiều địa phương còn nằm ngoài vòng quản lý của chính quyền trung ương. Hiện tượng Dương Đình Nghệ, Lê Lương ở châu Ái với những vùng rộng lớn tồn tại độc lập ngoài bộ máy chính quyền ở Đại La — Cổ Loa là bằng chứng hùng hồn.

Như vậy, mầm mống của tình trạng phân tán cát cứ có nguồn gốc sâu xa do quá khứ lịch sử để lại vẫn tồn tại thường trực suốt thế kỷ X cả về sau nữa và thường xuất hiện khi có điều kiện thuận lợi. « Loạn 12 sứ quân » là một vụ bùng nổ lớn, điển hình cho xu hướng phân tán có nguồn gốc cơ sở sâu xa như đã trình bày. Giới hạn việc truy tìm nguyên nhân trực tiếp của hiện tượng đang xem xét từ hiện tượng suy yếu của nhà Ngô cho phép xác định thời gian tồn tại trọn vẹn của cục diện « 12 sứ quân » trong các năm 965 — 967.

Về không gian. — Từ sự phân bố địa bàn chiếm giữ của 12 sứ quân trên bản đồ (xem phần phụ lục), điều có thể dễ dàng nhận thấy được là các sứ quân đều tập trung quanh vùng đồng bằng và trung du Bắc bộ ngày nay. Trừ trường hợp Ngô Xương Xí lạc vào Bình Kiều ở Thanh Hóa. Đã có nhiều cố gắng nhằm xác định cụ thể địa điểm và phạm vi chiếm giữ của từng sứ quân, như trường hợp Ngô Xương Xí ở Bình Kiều (Triệu Sơn, Thanh Hóa) (1), Đỗ Cảnh Thạc ở trại Quèn

1. Đào Duy Anh : *Đất nước Việt Nam qua các đời*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1964, tr. 86.

— Phan Đại Doãn : *Vài nhận xét về thành Ngô Xương Xí*.. Tài liệu đánh máy của Khoa Sử Đại học Tổng hợp Hà Nội.

— Nguyễn Danh Phiệt : *Vùng đất Bình Kiều và ngôi thành của sứ quân Ngô Xương Xí*. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 4, 1981.

https://tieulun.hopto.org

(còn gọi là Quyền) ở Quốc Oai, Hà Sơn Bình (1). Nhưng cũng có trường hợp chỉ có thể chỉ định chung quanh như Nguyễn Khoan ở Tam Đái, Yên Lạc thuộc Vĩnh Phú ngày nay. Mặc dù vậy, từ những chỉ dẫn trên đi tới một nhận xét thêm là tuyệt đại bộ phận đều tập trung ở dọc các dòng sông: sông Hồng, sông Đuống, sông Tích tức sông Con. Lấy Cổ Loa — kinh đô thời Ngô — làm trung tâm, thì gần là Yên Lạc, Tế Giang, Tiên Du, Tây Phù Liệt và xa nhất là Bình Kiều. Vấn đề là tại sao các sứ quân lại chỉ tập trung hầu hết ở Bắc bộ, gần trung tâm Cổ Loa, dọc theo các con sông? Trong khi đó đất nước ta hồi thế kỷ X gồm các đất Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam cũ, tức vùng đất Bắc bộ, Bắc Trung bộ (từ đèo Ngang trở ra) và một phần đất Đông Nam Quảng Đông Trung Quốc ngày nay. Chỉ có thể giải thích tình hình này từ hai phía: Nguyên nhân bên trong và tác động bên ngoài.

Về bên trong, điều có thể đoán định mà không sợ sai lầm là trong buổi đầu giành lại và xây dựng nền độc lập tự chủ, chính quyền trung ương từ thời họ Khúc, họ Dương đến họ Ngô đã tiếp quản các đơn vị hành chính thời thuộc Đường, cũng chỉ giới hạn phạm vi kiểm soát được các vùng đồng bằng và trung du thuộc châu thổ sông Hồng, là chủ yếu, và phần nào ở vùng sông Mã, sông Lam. Còn lại các vùng thượng du và vùng biên viễn vẫn nằm trong tình trạng ràng buộc lỏng lẻo như trước. Trong tình hình đó quan hệ phục tùng hay chống đối ly khai giữa địa phương và chính quyền trung ương chỉ nổi lên và thành vấn đề ở khu vực trực tiếp kiểm soát, quản lý của nhà nước. Cái di

1. Đỗ Văn Ninh: *Thành Quèn*... Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 132. 1970.

https://tieulun.hopto.org

nặng nề của hơn 1000 năm thống trị do bọn đô hộ phương Bắc để lại đó, các nhà nước độc lập hồi thế kỷ X chưa khắc phục được, phải đợi cho đến thời Lý, Trần, tiếp đến Lê Sơ (thế kỷ XV) mới giải quyết được về căn bản.

Về tác động của bên ngoài, chúng tôi muốn lưu ý đến tình trạng « năm đời mười nước » (1) ở Trung Quốc từ khi nhà Đường bước vào suy vong. Ảnh hưởng của nó, tuy không phải là chủ yếu, nhưng không phải không có tác động đến tầng lớp cầm quyền, tầng lớp thổ hào ở vùng trung tâm đất Việt — nơi chịu tác động mạnh ảnh hưởng từ bên ngoài dội tới. Đặc biệt đối với những phần tử có nguồn gốc, quan hệ với phương Bắc thời bấy giờ, khi mà chính quyền đô hộ ngoại tộc đã bị quét sạch, nhưng dấu vết còn lưu lại khá đậm trên đất nước ta. Theo thần phả, ít nhất trong 12 sứ quân có ba anh em họ Nguyễn: Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Khoan, Nguyễn Siêu gốc người phương Bắc mới nhập cư trên đất nước ta với tư cách dòng dõi một viên Phiêu kỵ đại tướng quân đô đốc quản Bình Dương hầu Nguyễn Nẻ mới đem quân sang vào đầu triều nhà Ngô (2).

Ngoài ra, cũng theo thần phả thì Đỗ Cảnh Thạc gốc người Quảng Lăng mới sang nước ta được 2 đời (3), còn Trần Lãm người Quảng Đông thì bản thân ông ta

1. « Ngũ đại thập quốc » từ 907 đến 960 gồm các đời Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu và 10 tiểu vương quốc, trong đó có Nam Hán.

2. Thần tích xã Văn Uyên và Đông Phù Liệt, *Tri Tân* đã dẫn số 166. Xem thêm phần *Phụ lục*.

3. Thần tích « Độc Nhĩ đại vương », xem phần *Phụ lục*.

https://tieulun.hopto.org

đời sang Cửa Bố lập nghiệp (1). Như vậy cả 5 người đó đều đã rời bỏ quê hương xứ sở đang làm vào cảnh « đại loạn » để có mặt ở nước ta vào những năm của nửa đầu thế kỷ X. Dù chỉ dừng lại ở suy luận, có thể nhận thấy rằng tình hình « đại loạn » ở Trung Quốc lúc bấy giờ không thể không có tác động và theo chân những người ngoại tộc đó ảnh hưởng vào nước ta. Ấy là chưa kể đến ý đồ thường trực của thống trị phương Bắc muốn can thiệp, khôi phục quyền lợi của chúng vừa mới bị quét sạch trên đất nước này.

Để hình dung được rõ hơn tác động, ảnh hưởng của bên ngoài, mặt khác cũng để đi đến một nhận thức đúng mức hơn về « loạn 12 sứ quân » ở nước ta trong tương quan với « đại loạn » ở phương Bắc cũng xảy ra vào thế kỷ X, một phác họa đôi nét về cục diện « Năm đời mười nước » ở Trung Quốc là cần thiết.

Trước hết về mặt thời gian, từ sau khi nhà Đường sụp đổ (987), Trung Quốc lâm vào tình trạng « đại loạn » liên miên kéo dài, không chỉ chấm dứt ở năm 960 khi Triệu Khuông Dận cướp ngôi nhà Hậu Chu lập nên vương triều Tống. Trong thực tế, nội chiến còn kéo dài cho đến năm 979 với việc tiểu vương quốc cuối cùng còn lại là Bắc Hán bị nhà Tống diệt. Tình trạng « đại loạn » hầu như bao gồm khắp nước. Trong gần 3/4 thế kỷ, Trung Quốc lâm vào tình trạng hỗn chiến cát cứ phong kiến theo đúng nghĩa của nó. Cuộc hỗn chiến không chỉ nhằm giành nhau quyền vị chung quanh bộ máy trung ương mà thực quyền hầu như chỉ còn giới hạn như một tiểu vương quốc chiếm giữ vùng trung

1. Tích tích đến Lạc Đạo. Theo Nguyễn Văn Tố, Tạp chí *Tri Tân* đã dẫn. Xem thêm « sự tích Dũng quốc công Trần Minh Công », phần *Phụ lục*.

https://tieulun.hopto.org

nguyên. Dầu sao bộ máy đó về danh nghĩa vẫn kế tiếp nhau, tồn tại theo trình tự : Hậu Lương (907 — 923), Hậu Đường (923 — 926), Hậu Tấn (936 — 946), Hậu Hán (947 — 950), Hậu Chu (951 — 960) và kế đó là nhà Tống. Trong cùng thời gian, trên lãnh thổ Trung Quốc lại xuất hiện một cục diện cát cứ với sự hiện diện trước sau của 10 tiểu vương quốc chia nhau chiếm giữ các vùng đất còn lại. Đó là : Tiền Thục (907 — 925) giữ vùng Tứ Xuyên, Hậu Thục (931 — 965) vùng Tây Xuyên ; Ngô (892 — 937) vùng Nam sông Hoài ; Nam Đường (937 — 975) giữ vùng Giang Tây - An Huy ; Ngô Việt (895 — 978) giữ vùng Triết Giang ; Mân (895 — 945) giữ vùng Phúc Kiến ; Sở (896 — 951) ở Hồ Nam ; Kinh Nam tức Nam Bình (907 — 963) ở vùng đất thuộc một phần Hồ Nam và Hồ Bắc ; Bắc Hán (951 — 979) ở Sơn Tây ; và Nam Hán (917 — 971) ở vùng Quảng Đông - Quảng Tây. Trong cuộc hỗn chiến đó các tiểu vương quốc lần lượt bị xóa sổ theo thứ tự thời gian như sau :

Tiền Thục bị nhà Hậu Đường diệt vào năm 925 ; Ngô, Mân, Sở bị Nam Đường diệt lần lượt vào các năm 937, 945, 951 ; Kinh Nam, Hậu Thục, Nam Hán, Nam Đường, Ngô Việt, Bắc Hán lần lượt bị nhà Tống diệt vào các năm 963, 965, 971, 975, 978 và 979.

Bảng so sánh sau đây cho phép nghĩ rằng « loạn 12 sứ quân » là biểu hiện của hiện tượng khủng hoảng về thể chế chính trị, tổ chức quản lý đất nước tập quyền hoặc phân tán, đã xảy ra vào cuối triều Ngô — một cuộc « nội loạn » — hơn là một cuộc nội chiến cát cứ phong kiến theo đúng nghĩa của nó. Trong khi ở Trung Quốc « đại loạn » kéo dài triền miên gần 3/4 thế kỷ bao trùm cả nước, thì ở nước ta, mầm loạn đã sớm bị dập tắt và chỉ giới hạn ở khu vực trung tâm, tức vùng trung du và đồng bằng Bắc bộ ngày nay.

https://tieulun.hopto.org

Tổng hợp lại, ta có một bảng so sánh.

	LOẠN 5 ĐỜI 10 NƯỚC	LOẠN 12 SỨ QUÂN
Thời gian	72 năm (907 — 979)	2 năm (966 — 967)
Phạm vi và hình thức biểu hiện	Khắp nước, xuất hiện 10 tiểu vương quốc song song tồn tại với bộ máy chính quyền trung ương gồm 5 đời ở Trung nguyên.	Bộ máy chính quyền trung ương không tồn tại, xuất hiện các vùng tự trị, chủ yếu ở khu vực trung tâm của đất nước.
Quan hệ và chung cục	Nội chiến, tiêu diệt lẫn nhau, cuối cùng bị chính quyền trung ương nhà Tống quét dẹp.	Tồn tại độc lập cho đến khi Đinh Bộ Lĩnh phất cờ dẹp loạn, thống nhất đất nước, tập hợp lực lượng xây dựng lại bộ máy nhà nước quân chủ trung ương tập quyền độc lập tự chủ.

2. Nguồn gốc các sứ quân.

Hơn một thế kỷ trước, các sử gia triều Nguyễn từng bó tay trước việc tìm hiểu lai lịch của một số sứ quân. Họ thú nhận một số trường hợp: « Trần Lãm, Kiều Công Hãn, Nguyễn Khoan, Lý Khuê, Lã Đường, Nguyễn Siêu, Kiều Thuận, Phạm Bạch Hổ đều không rõ người ở đâu » (1). Để góp phần bổ sung vào chỗ thiếu sót đó, hãy viện dẫn đến thần tích, thần phả và sẽ lần lượt

1. *Cương mục* — Sđd, Tiền biên, tập II, tr. 52.

https://tieulun.hopto.org

khảo sát ở các mặt: nguồn gốc dân tộc, địa vị xã hội của từng sứ quân.

Nguồn gốc dân tộc: Theo thần phả đền Lạc Đạo, chúng ta được biết Trần Lãm người Quảng Đông (Trung Quốc), cha là Trần Công Đức. Trần Lãm sang nước ta chiếm giữ vùng Bố Hải Khẩu, nay thuộc thị xã Thái Bình (1). Về ba anh em họ Nguyễn: Nguyễn Khoan, Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Siêu, theo thần tích xã Văn Uyên và xã Đông Phù Liệt, họ là cháu của Nguyễn Hãng — một danh tướng Bắc triều, con của Nguyễn Nê — quan võ đời Tấn (936 – 946) Nguyễn Nê đem quân sang nước ta đời họ Dương triều cống. Nguyễn Nê dựng bản doanh ở Thanh Quả lấy vợ Việt sinh ra ba anh em Nguyễn Khoan. Sau khi Nguyễn Nê chết, ba anh em tranh nhau giữ binh quyền, theo mẹ ở lại nước ta «người nào cũng nhiều của cải, nhiều quân quyền» (2). Đỗ Cảnh Thạc, theo thần phả *Đức Nhĩ đại vương* gốc người Quảng Lăng (Trung Quốc) (3), cha là Đỗ Thục,

1. Xem sự tích Dũng quốc công, Trần Minh công, phần *Phụ lục*.

2 Thần tích xã Văn Uyên, và Đông Phù Liệt. Trong số 3 sứ quân này, riêng về Nguyễn Thủ Tiệp, ông Nguyễn Văn Tố còn có dẫn thần tích ở mấy làng thuộc huyện Tiên Du chép khác: Nguyễn Thủ Tiệp người quận Ba An, Trung Quốc, con một nhà lệnh tộc tên là Lã Thanh. Lã Tiệp từng làm Thái thú quận Nhật Nam. Năm 31 tuổi, vào cuối đời Ngô Nam Tấn (965), lúc đó Lã Tiệp đã chiếm giữ đất huyện Tiên Du, đổi sang họ Nguyễn gọi nơi ở là Nguyễn Xá trang.. *Tri Tân* số 157 tháng 9-1944, *Cương mục*. Tiền biên, tập II, tr. 52 chua: Nguyễn Thủ Tiệp có tên hiệu là Ba An quân, người ta gọi là Lôi Công, đóng giữ huyện Tiên Du, sau lấy cả đất Vũ Ninh, không rõ người xứ nào. Xem thêm « Thần tích xã Đông Kết » Phần *Phụ lục*.

3. *Cương mục*. Tiền biên, tập II, tr. 46 chua: người huyện Thuận Đức thuộc Quảng Đông.

https://tieulun.hopto.org

mẹ là Trần Thị Thọ. Năm Đỗ Thực 37 tuổi mới sinh ra Cảnh Thạc. Năm 26 tuổi, Cảnh Thạc đi theo phò tá Ngô Quyền. Khi nhà Ngô mất, Cảnh Thạc là một trong 12 sứ quân.

Số sứ quân còn lại: Ngô Nhật Khánh, Ngô Xương Xí, Kiều Công Hãn, Kiều Thuận, Phạm Bạch Hổ, Lã Đường, Lý Khuê là người Việt. Nếu như trong họ có người nào đó gốc gác từ phương Bắc thì cũng lâu đời và đã Việt hóa, trở thành người bản địa.

Về đẳng cấp xã hội Cho đến nay một tư liệu chắc chắn được rút ra từ sử sách để xác định thành phần xuất thân của các sứ quân hầu như không có. Đây là một vấn đề quan trọng và cần thiết phải giải đáp, nhằm làm sáng tỏ địa vị xã hội của từng sứ quân nhưng cũng cực kỳ khó khăn và phức tạp. Từng có một thời người ta đã gộp tất cả vào giai cấp địa chủ phong kiến, nhưng không ai đưa ra được một cứ liệu để chứng minh. Phải chăng mới là những dự cảm khoa học? Trong tình hình tài liệu hiện nay, thật khó mà làm khác được. Một sự khẳng định về thành phần giai cấp của sứ quân đều không tránh khỏi võ đoán. Tuy nhiên dựa vào thần tích, bước đầu xem xét phân tích, đi đến một giả thiết, cũng có thể rút ra được đôi điều bổ ích.

Theo thần tích, ba sứ quân họ Nguyễn có nguồn gốc từ một viên võ quan đồng thời là chủ trại Thanh Quả « Muốn mưu tính việc lớn, bèn ẩn uy rõ rệt... tiền của chất như núi ». Đến đời họ thì « Người nào cũng nhiều của cải và nhiều quân quyền » (1). Nguyễn Thủ Tiệp có trang trại ở Tiên Du gọi là Nguyễn Xá trang. Đỗ Cảnh Thạc, chủ trại Quèn (còn gọi là trại Quyền,

1. Thần tích xã Văn Uyên và Đông Phù Liệt. Đã dẫn.

https://tieulun.hopto.org

Cổ Hiền) ở xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai ngày nay, có tên họ gắn liền với đất ở và dòng sông (sông Tích) vòng bên trại: Đỗ Động Giang (con sông thuộc động của họ Đỗ) (1). Phạm Bạch Hổ được Ngô Quyền cho lập trang ấp ở Đằng Châu (2). Theo văn bia, Lã Đường (Lã Ninh) có thực ấp ở Liễu Chữ (3). Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở đây, nhiều lắm cũng chỉ cho phép nhận xét được các chủ trang trại đó thuộc thành phần cơ cấu, từng tiến hành bóc lột dân chúng trong trại ấp của mình. Để xác định họ có phải đã là địa chủ phong kiến chưa, lại đòi hỏi phải biết phương thức sản xuất nào đã xuất hiện trong trang ấp. Hoàn toàn không có tài liệu. Bằng suy luận, nhiều lắm chỉ có thể nghĩ rằng bọn quan lại phong kiến Trung Quốc sang nước ta, vì lý do này hoặc lý do khác đã ở lại sinh sống và lập nghiệp, hẳn có đem theo và áp dụng phương thức bóc lột phong kiến đã giữ địa vị thống trị ở Trung Quốc dưới thời Đường. Mặt khác, dưới ách đô hộ của nhà Đường, tô dung điệu và lưỡng thuế đã áp dụng ở nước ta. Hình thức bóc lột đó một khi đã áp đặt chính thức trong xã hội, thì sẽ được lập lại ít nhất trong phạm vi quản lý, chiếm giữ của các chủ trang ấp. Chỉ khác nhau ở chỗ: một đằng là bóc lột của nhà nước phong kiến Trung Quốc đối với nhân dân bị đô hộ thông qua bộ máy cai trị ở địa phương; và một đằng là bóc lột trực tiếp của cá nhân phong kiến đối với nông dân trong trang trại chiếm hữu và đối với cư dân giáp xã thuộc phạm vi chiếm giữ và khống chế của họ.

Từ thần tích và điều suy luận trên, có thể nghĩ đến sự có mặt của những cá nhân địa chủ phong kiến,

1. Thần tích Độc Nhĩ Đại Vương. Đã dẫn.

2. Thần tích Đằng Châu, dẫn theo Nguyễn Văn Tố — *Tri Tân* số 159 tháng 9-1944.

3. Bia ở Song Liễu, Đã dẫn.

https://tieulun.hopto.org

mà tình hình tài liệu chưa cho phép chỉ định cụ thể. Số còn lại không có một thông tin nào cho biết họ là chủ trang ấp, được gọi là chung chung là thổ hào. Tuy nhiên có thể biết được họ đều thuộc tầng lớp giàu có mà nguồn thu nhập hẳn không ngoài bóc lột bằng lao dịch và cống nạp đối với người lao động trong vùng kiểm soát của họ.

Về địa vị xã hội, từ lai lịch các sứ quân như đã khảo sát ở phần trên, có 9 người từng tham gia bộ máy nhà nước vương triều Ngô. Đó là Đỗ Cảnh Thạc, Phạm Bạch Hổ, Ngô Nhật Khánh, Ngô Xương Xí, Kiều Công Hãn, Lã Đường, Nguyễn Khoan, Nguyễn Thủ Tiệp và Nguyễn Siêu. Trong số này có người từng là khai quốc công thần tham gia từ khi chống giặc Nam Hán (938), như Đỗ Cảnh Thạc, Phạm Bạch Hổ, Kiều Công Hãn, Lã Đường.

Nhận xét khái quát:

+ Về nguồn gốc dân tộc : 7/12 Việt
: 5/12 ngoại tộc.
+ Về đẳng cấp xã hội : 9/12 quan lại (5 Việt)
(4 ngoại tộc)
: 3/12 thổ hào không quan tước (2 Việt)
(1 ngoại tộc)

Kết quả khảo sát trên chắc hẳn chưa đầy đủ và không hoàn toàn chính xác. Nhưng chỉ ít trong tình hình sử liệu hiện nay, cũng cho phép bước đầu tiếp cận với chân lý lịch sử một cách sáng rõ hơn, phù hợp với tình hình phức tạp của xã hội nước ta hồi thế kỷ X. Đó là sản phẩm của xã hội đã phân hóa rõ rệt nhưng chưa triệt để, sâu sắc, do quá khứ để lại đang vận động và phát triển trong bối cảnh lịch sử sục sôi với những biến cố phi thường.

https://tieulun.hopto.org

Kết quả khảo sát bước đầu như trên đưa đến một bảng thống kê để tiện xem xét :

Số TT	HỌ VÀ TÊN SỨ QUÂN	NGUỒN GỐC DAN TỘC		ĐẲNG CẤP XÃ HỘI	
		Việt	*Ngoại tộc*	*Quan lại*	*Tri hào không quan tước*
1	Kiều Công Hãn	X		X	
2	Kiều Thuận	X			X
3	Nguyễn Khoan		X	X	
4	Nguyễn Thủ Tiệp		X	X	
5	Nguyễn Siêu		X	X	
6	Ngô Nhật Khánh	X		X	
7	Phạm Bạch Hổ	X		X	
8	Đỗ Cảnh Thạc		X	X	
9	Trần Lãm		X		X
10	Ngô Xương Xí	X		X	
11	Lã Đường	X		X	
12	Lý Khuê	X			X

3. Thế lực các sứ quân.

Tìm hiểu về thế lực của các sứ quân, chúng tôi sẽ đề cập tới các mặt : uy thế chính trị, tiềm lực kinh tế, lực lượng quân sự và cơ sở quần chúng.

Về uy thế chính trị : Với tỷ số 9/12 sứ quân là cựu thần của vương triều Ngô, trước hết chúng ta biết được đa số các sứ quân là những phần tử thuộc đẳng cấp

https://tieulun.hopto.org

cầm quyền. Họ có một uy thế chính trị bao trùm với tư cách là quan tướng, huân thần của một vương triều từng lập nên chiến công lừng lẫy và được kính trọng trước sự ngưỡng mộ của dân chúng. Ấy là chưa kể tới nhiều sứ quân đã đến với nhà Ngô mang theo uy thế sẵn có của con dòng cháu giống. Hai anh em họ Kiều, cháu nội Kiều Công Tiễn thuộc một họ lớn ở châu Phong, ba sứ quân họ Nguyễn là con trai của một danh tướng Bắc triều ; hai sứ quân họ Ngô là dòng dõi của Ngô Quyền. Nhìn chung, họ đều có một uy thế chính trị nhất định, tạo nên hệ thống để có thể nổi dậy cầm đầu một vùng thuộc phạm vi họ chiếm giữ.

Đi sâu thêm một bước, chúng ta còn được biết tuyệt đại đa số đám cựu thần này đều xây dựng uy thế chính trị của mình từ nghiệp võ. Nói một cách khác, xuất thân từ quan võ trưởng thành trong nghiệp võ, là đặc điểm nổi bật của đám sứ quân này. Nhưng rõ ràng họ xuất hiện với tư cách là sứ quân, có một uy thế chính trị bao trùm không chỉ bằng tài năng quân sự, mà chủ yếu lại bằng quyền lực chính trị và kinh tế. Tình hình này đã phản ánh một sự thật là vào thế kỷ X, khi xã hội đã phát triển và phân hóa rõ rệt thì uy thế chính trị, địa vị xã hội của cá nhân được xác lập không chỉ bằng tài năng quân sự, mặc dù lúc này tính cách thủ lĩnh quân sự vẫn còn khá rõ ở những nhân vật nổi bật.

Tiềm lực kinh tế : Tài liệu chưa cho phép xác định được rõ ràng, nhưng từ một vài mảng thông tin rời rạc từ thần tích cũng gợi hé cho thấy đôi chút ánh sáng. Theo thần tích, ta được biết ba sứ quân họ Nguyễn đều « tiền của chất như núi » hoặc « người nào cũng nhiều của cải » ; Phạm Bạch Hổ « lập ấp ở Đằng Châu khao

https://tieulun.hopto.org

thưởng quân sĩ, bô lão ở Đằng Châu xin làm thần tử » ; Ngô Nhật Khánh giữ vùng đất bản bộ của họ Ngô ở Cam Lâm ; Kiều Công Hãn quản các châu Thái, châu Hào, châu Phong ; Trần Lãm giữ vùng đất trù phú ở Cửa Bố ; Ngô Xương Xí xây thành Bình Kiều ; Đỗ Cảnh Thạc quản giữ 72 trại ấp...

Tìm hiểu thêm về vùng đất chiếm giữ của các sứ quân, như đã trình bày, phần đông đều tập trung ở vùng gần trung tâm đất nước, cạnh các dòng sông. Đó cũng chính là khu vực trù phú, được khai phá và hình thành những cụm cư dân sớm. Các vùng đất Tiên Du, Tế Giang, Phù Liệt, Bảo Đà, Đằng Châu, Cửa Bố đều là những vùng đất khá màu mỡ, nông nghiệp phát triển và giao thông thuận tiện. Xa hơn như Cam Lâm, Bạch Hạc, Tam Đái, Hồi Hồ cũng đều là những vùng đất cổ màu mỡ thuộc miền đỉnh tam giác châu thổ sông Hồng và là cửa ngõ, đầu mối giao thông liên lạc giữa vùng núi và vùng đồng bằng đang bước vào giai đoạn cải tạo, khai thác mạnh mẽ từ thế kỷ X. Do đó, khi quản lý trong tay một khu vực dù nhỏ hẹp trong phạm vi một vài xã như trường hợp Ngô Nhật Khánh, Nguyễn Siêu, Lã Đường, Phạm Bạch Hổ hoặc rộng lớn hơn — một hai huyện như trường hợp Đỗ Cảnh Thạc, Nguyễn Thủ Tiệp, hẳn rằng các sứ quân đều có một tiềm lực kinh tế nhất định. Nguồn gốc tiềm lực kinh tế của họ hẳn không ngoài thu nạp dưới hình thức bóc lột. Đó là bóc lột địa tô hiện vật và lao dịch đối với nông nô, tá điền trong trường hợp họ là chủ sở hữu trang trại ; bóc lột thuế khóa dưới hình thức cống nạp đối với nhân dân trong phạm vi quản giữ, trong trường hợp họ là thổ hào, thủ lĩnh cầm đầu một địa phương. Cần nói rõ cho đến nay không có một nguồn tài liệu nào cho phép khẳng định họ là chủ sở hữu lớn toàn

https://tieulun.hopto.org

bộ ruộng đất vùng họ khống chế, chiếm giữ. Tuy nhiên không loại trừ khả năng có trường hợp là chủ sở hữu một trang trại như Nguyễn Thủ Tiệp ở Tiên Du ; Phạm Bạch Hổ ở Đằng Châu ; Đỗ Cảnh Thạc ở trại Quèn ; Trần Lãm ở Cửa Bố.

Lực lượng quân sự : Trong số 12 sứ quân, có một số người có thế lực quân sự đáng kể. Đó là các trường hợp Đỗ Cảnh Thạc, Kiều Công Hãn, Nguyễn Siêu đều là quan võ dưới triều Ngô. Đỗ Cảnh Thạc từng cầm quân đi đánh dẹp hai thôn ở Thái Bình ; Kiều Công Hãn từng giữ chức đề sát thời Ngô Quyền, lại cùng Đỗ Cảnh Thạc, Ngô Nhật Khánh, Phạm Bạch Hổ cầm quân đem giấu Xương Ngập ở trong sơn động (1). Nguyễn Siêu từng giữ chức thống lĩnh tướng quân (2). Sự thực này còn được phản ánh rõ trong khi đối đầu với Đinh Bộ Lĩnh, ba sứ quân trên cũng là những người chống trả quyết liệt nhất. Theo thần tích và chính sử, lực lượng quân sự của Trần Lãm đã là nguồn bổ sung quan trọng cho Đinh Bộ Lĩnh. Số sứ quân còn lại không có một lực lượng quân sự đáng kể.

Về lực lượng quân sự còn phải xét đến việc xây thành đắp lũy. Theo sử sách, *Việt sử lược*, *Toàn thư* cũng như *Cương mục* không hề chép tất cả các sứ quân đều có thành lũy. *Việt sử lược* chỉ kể tên và địa điểm chiếm giữ của sứ quân. *Toàn thư* và *Cương mục* chỉ chua thêm một vài trường hợp có dấu vết thành. Cuối thế kỷ XIX, G. Dumoutier dựa vào mảng lưới giáo học ở địa phương, trong sách khảo cứu về Hoa Lư có ghi dấu vết của thành trì. Cho đến những năm gần đây, chúng tôi tiến hành khảo sát những nơi được chỉ định là còn dấu vết thành. Tổng hợp lại, được biết như sau :

1. Xem Bài ký « Long Kiều Đại vương ». Phần *Phụ lục*.
2. « Thần tích xã Đông Kết » — Xem phần *Phụ lục*.

https://tieulun.hopto.org

TÊN SỨ QUÂN	ĐỊA BÀN CHIẾM GIỮ	DẤU VẾT THÀNH TRÌ				
		V S L	ĐV SK TT	C M	Khảo sát của Dumoutier	Khảo sát gần đây
Trần Lãm	Bố Hải Khẩu	0	0	0	0	
Kiều Công Hãn	Phù Lập — Bạch Hạc	0	0	có	có	0
Nguyễn Khoan	Tam Đài	0	0	0	0	
Kiều Thuận	Hồi Hồ	0	có	có	có	có (1)
Ngô Nhật Khánh	Cam Lâm	0	0	0	có	0
Đỗ Cảnh Thạc	Bảo Đà	0	0	có	có	0
	Thành Quèn	không	biết	không	biết	có (2)
Lý Khuê	Siêu Loại	0	0	0	0	
Phạm Bạch Hổ	Đằng Châu	0	0	0	0	
Nguyễn Thủ Tiệp	Tiên Du	0	0	0	0	
Lã Đường	Tế Giang	0	0	0	0	
Nguyễn Siêu	Phù Liệt	0	0	0	0	
Ngô Xương Xí	Bình Kiều	không	rõ	ở đâu ?	0	có (3)

1. Mai Trung Thu : Bài « Mũ thành » trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1980.*
2. Đỗ Văn Ninh : Bài « Thành Quèn ... » *Nghiên cứu lịch sử*, Đã dẫn.
3. Nguyễn Danh Phiệt. — Bài « Vùng đất Bình Kiều ». *Nghiên cứu lịch sử* số 4, 1981.

https://tieulun.hopto.org

Theo G. Dumoutier, 12 địa điểm trên là lỵ sở đồng thời là chiến lũy của các quan cai trị (sứ quân — T.G.) ở 12 địa phương (1). Nhận định của Dumoutier không chính xác, bởi lẽ không phải 12 sứ quân đều là quan cai trị ở 12 địa phương. Điều có thể nhận biết được là có sứ quân, khi nổi dậy đã dựa vào lỵ sở, thành lũy (nếu có) của quận, huyện cũ dưới thời Bắc thuộc để dựng căn cứ. Trường hợp Đỗ Cảnh Thạc là một ví dụ.

Về qui mô thành trì của sứ quân, một vài nét còn có thể thu lượm, hình dung được từ vết tích còn lại của hai tòa thành; thành Đỗ Động tức là thành Quèn của Đỗ Cảnh Thạc và thành Bình Kiều của Ngô Xương Xí sẽ cho ta một ý niệm đúng đắn.

Thành Đỗ Động, còn gọi là thành Quèn của Đỗ Cảnh Thạc thuộc thôn Quèn, còn gọi là trại Quyền xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Sơn Bình ngày nay. Theo vết tích còn lại, thành hình vuông mỗi cạnh 170m, cao từ 1m50 đến 2m, chân rộng 9,50m, bốn góc thành có 4 ụ đất, bên ngoài đắp lượn tròn. Ở giữa thành có khu đất cao hình chữ nhật mỗi bề 23m và 20m, được gọi là ruộng cột cờ. Thành nằm sát bên bờ sông Con, còn gọi là sông Tích, tức sông Đỗ Động; bốn mặt đều có cửa. Dưới chân thành ở độ sâu từ 0,4m đến 0,6m có một lớp di vật độ dày tới 1m bao gồm gạch ngói, ngói bản, ngói ống và những mảnh nồi, vò đất nung. Tất cả đều mang đậm nét văn hóa Hán của thời Bắc thuộc, chưa xác định được niên đại cụ thể. Những di vật này cho biết nơi đây dưới thời Bắc thuộc đã từng là một lỵ sở huyện, trấn hoặc cũng có thể chúng đã xây thành đắp lũy ở đây (2).

1. G. Dumoutier, Sđd, tr. 3.

2. Đỗ Văn Ninh. Bài « Thành Quèn ... ». Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 132, năm 1970.

https://tieulun.hopto.org

Nếu như thành Quèn được xây dựng trên một địa điểm có di vật cho phép xác định là một lỵ sở hoặc thành lũy cũ thì thành Bình Kiều lại là một tòa thành do chính sử quân Ngô Xương Xí xây dựng trên vùng đất mới chọn. Thành nằm lọt vào giữa một vùng đất cách thị xã Thanh Hóa 25 km về phía Đông, cạnh dãy Cửu Noãn Sơn, liền kề phía Bắc núi Nưa thuộc huyện Nông Cống. Vùng đất này ngày nay thuộc các xã Hợp Lý, Hợp Tiến, Hợp Thành thuộc huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Cho đến ngày nay, dấu vết của thành hầu như đã bị xóa sạch. Theo tài liệu của Giáo sư Phan Đại Doãn công bố vào năm 1971 và kết quả khảo sát thực địa của chúng tôi tiến hành vào năm 1981 thì tòa thành này đắp bằng đất, được xây dựng trên một khu đất vuông vắn. Thành hình vuông, mỗi bề gần 180m, nay đã trở thành bờ vùng, bờ thửa và lũy tre của hợp tác xã. Chung quanh thành có vết hào bao bọc. Thành cao khoảng 2m, chân thành rộng từ 3 đến 4m, mặt thành rộng khoảng 2m. Thành có 4 cửa và 4 góc thành có 4 cồn đất cao; giữa thành có ụ đất cột cờ rộng khoảng 2m². Tòa thành nằm cạnh con sông Mau Giếng một nhánh của sông Nhơm – thượng nguồn của sông Cầu Quan, đổ vào sông Yên để ra biển qua cửa Ghép. Tên gọi Bình Kiều xuất phát từ một chiếc cầu: cầu Bừng (nay không còn) qua sông Mau Giếng ở gần phía Bắc tòa thành (1).

Như vậy, căn cứ vào sử sách, vào vết tích của thành còn khảo sát được, ta biết rằng thành lũy các sứ quân nếu có cũng chỉ là những thành đất có qui mô nhỏ hẹp khoảng 3 héc-ta, cũng có trường hợp lợi dụng lỵ sở hành chính địa phương thời Bắc thuộc và một số không có thành, biến xóm làng thành căn cứ chiếm giữ.

1. Nguyễn Danh Phiệt — Bài « Vùng đất Bình Kiều... » Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 4 (199) — 1981.

https://tieulun.hopto.org

Tóm lại, về lực lượng quân sự của các sứ quân nói chung không lớn mạnh, nếu không muốn nói là nhỏ yếu, mỏng manh.

Cơ sở quần chúng: Điều nhận xét đầu tiên có thể rút ra được là trong số 12 sứ quân, có người đã xây dựng lực lượng ngay trên đất quê hương, bản bộ của mình. Đó là các trường hợp Ngô Nhật Khánh, Phạm Phòng Ất, Kiều Công Hãn ; một số trường hợp khác như ba anh em họ Nguyễn, Đỗ Cảnh Thạc, Trần Lãm, mặc dù theo thần tích, có địa bàn gồm 72 ấp, được mọi người « ái mộ » (Đỗ Cảnh Thạc), hoặc « xa gần vui theo, lòng người hướng phục » (3 sứ quân họ Nguyễn), nhưng trong thực tế, họ có nguồn gốc từ phương Bắc mới sang lập nghiệp một vài đời, chưa cắm sâu được cơ sở trong dân chúng. Còn Ngô Xương Xí lạc vào Bình Kiều thuộc châu Ái, cũng là đất lập nghiệp và là quê ngoại của con cháu Ngô Quyền.

Qua tình hình trên, rõ ràng các sứ quân đều có ít nhiều cơ sở trong dân chúng, nhờ ở đất bản bộ của mình, hoặc do uy thế chính trị và thế lực kinh tế tạo nên. Họ đã thu phục, khống chế được dân chúng trong phạm vi chiếm giữ. Nhưng phạm vi chiếm giữ của họ không rộng. Nhiều lắm cũng chỉ trong một hai huyện ngày nay như Đỗ Cảnh Thạc, Nguyễn Thủ Tiệp, Kiều Công Hãn, Trần Lãm. Số còn lại cũng chỉ chiếm giữ một vùng nhỏ hẹp vài ba xã ngày nay như Ngô Xương Xí ở Bình Kiều, Phạm Phòng Ất ở Đằng Châu, Kiều Thuận ở Hồi Hồ, Nguyễn Siêu ở Phù Liệt. Nhìn chung, họ có ít nhiều cơ sở nhưng không vững chắc và không được nhân dân ủng hộ. Sự thật đó được chứng minh thêm trong cuộc đọ sức với Đinh Bộ Lĩnh, tất cả các sứ quân đều nhanh chóng bị đánh dẹp, không còn mảy may một hậu thuẫn,

https://tieulun.hopto.org

một dư đảng để tiếp tục chống đỡ. Họ đã bị xóa sổ hoàn toàn. Đến như Đỗ Cảnh Thạc, cuối cùng cũng chỉ còn được thờ phụng ở 72 ấp mà thôi.

Tổng hợp từ những mặt đã xem xét, các sứ quân hiện ra, tuy mạnh yếu khác nhau, đều thuộc tầng lớp trên trong xã hội, tuyệt đại bộ phận thuộc đẳng cấp cầm quyền. Họ có dáng dấp của thủ lĩnh quân sự trong xã hội cổ đại, nhưng hoàn toàn không phải là thủ lĩnh quân sự. Họ không có tư cách và uy tín như thủ lĩnh quân sự. Xã hội nước ta hồi thế kỷ X không có cơ sở cho sự tái hiện chế độ thủ lĩnh quân sự. Một số trong bọn họ có dáng dấp của địa chủ phong kiến, chủ trang trại, chiếm giữ quản lý một vùng, nhưng chưa hẳn và tất cả chưa phải là địa chủ phong kiến. Họ là những phần tử thuộc tầng lớp trên giữ quyền thống trị, có nguồn gốc dân tộc khác nhau, nắm trong tay một uy thế chính trị và tiềm lực kinh tế nhất định trong xã hội đang vận động theo chiều hướng phong kiến hóa với một thế lực nhỏ bé.

4 Hoạt động của các sứ quân.

Cục diện 12 sứ quân xuất hiện trọn vẹn sau sự tiêu vong của vương triều Ngô (965), vào lúc đất nước lâm vào tình trạng hoàn toàn không có bộ máy quản lý chung. Điều đó có nghĩa là tình trạng phân tán tự quản được tái lập trong xã hội trên cơ sở hương, giáp — tổ chức công xã nông thôn đã trở thành đơn vị hành chính cấp cơ sở từ thời Đường, mở rộng thêm dưới thời họ Khúc. Loại tổ chức cơ sở này chắc hẳn còn được tiếp tục tăng thêm dưới thời họ Dương và thời vương triều Ngô. Chúng tôi đã có nhận định rằng, vương triều Ngô vẫn chưa với tay quản lý được khắp mọi miền, đặc biệt là các vùng thượng du, biên viễn xa xôi. Như vậy, ngay sau khi đã giành được độc lập tự chủ, trên đất nước

https://tieulun.hopto.org

ta thời đó vẫn còn những vùng tồn tại dưới chế độ tự quản theo truyền thống, chịu sự quản lý, ràng buộc lỏng lẻo của chính quyền trung ương.

Giả định có thể khoanh trên bản đồ phạm vi chiếm giữ của từng sứ quân, thì chúng ta dễ dàng nhận thấy phạm vi đó chưa phải đã bao kín toàn bộ lãnh thổ miền đồng bằng và trung du. Vậy thì những vùng dân cư không thuộc phạm vi chiếm giữ của sứ quân, ngay ở cả đồng bằng và trung du, không còn con đường nào khác ngoài việc quay trở về với hình thức tự quản của tổ chức công xã nông thôn theo truyền thống cũ. Trong khi đó, các vùng bị chiếm giữ chịu sự quản lý, đúng hơn là sự khống chế của các sứ quân. Không có tài liệu cho biết các sứ quân đã tổ chức quản lý « vùng » của mình như thế nào. Có khả năng họ đã dựa vào bộ máy quản lý hương, giáp cũ, tức thông qua tầng lớp nắm quyền thống trị trong hương, giáp để tiến hành bóc lột thuế theo kiểu cống nạp và huy động nhân lực theo kiểu lao dịch như trước đó. hương, giáp phải làm nghĩa vụ đối với chính quyền trung ương. Như vậy sứ quân tương tự như một thứ thủ lĩnh địa phương cầm đầu một vùng trong tình hình đất nước « vô chủ », chứ không phải là thủ lĩnh quân sự xuất hiện do sự suy tôn của công xã hoặc liên minh công xã.

Một vấn đề quan trọng cần làm sáng tỏ, là các sứ quân đã quan hệ với nhau như thế nào ? Trở lại với sử sách, *Việt sử lược* mục « Thập nhị sứ quân » chỉ liệt kê danh sách 12 sứ quân và địa bàn chiếm giữ của từng người. Ở cuối đoạn chép về hậu Ngô Vương, *Việt sử lược* có chép « lúc bấy giờ mười hai sứ quân đều nổi lên, mỗi người chiếm giữ lấy châu, quận tự trị » (1).

1. *Việt sử lược*, sđd, tr. 43.

https://tieulun.hopto.org

Toàn thư chép : « Bính Dần... (965) Nam Tấn (vương) mất, các hùng trưởng đua nhau nổi dậy, chiếm cứ quận ấp để tự giữ » (1). Khi chép về năm Đinh Mão (967), *Toàn thư* còn chép thêm : « bấy giờ trong nước không có chủ, 12 sứ quân tranh nhau làm trưởng, không ai chịu thống thuộc vào ai » (2). Từ chỗ « tự trị », « tự giữ », « tranh giành nhau làm trưởng » của *Việt sử lược* và *Toàn thư*, quốc sử quán triều Nguyễn trong *Cương mục* lại chép : « Ngô Xương Xí giữ Bình Kiều, Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Động, cùng với thổ hào các huyện ấp tụ tập quân đánh lẫn nhau » (3), « các thổ hào ấy (12 sứ quân—T.G) thôn tính lẫn nhau» (4). Liệu có thể từ những điều ghi chép của *Việt sử lược* và *Toàn thư* để chuyển dịch sang hình thức nội chiến giữa các sứ quân như *Cương mục* đã chép được không ? Kiểm tra qua thần tích, truyền thuyết, cho đến nay, tuyệt nhiên chưa hề gặp một chi tiết nào nói đến chuyện đánh lẫn nhau trong số 12 sứ quân. Có chăng, chỉ có hiện tượng sứ quân tìm cách liên kết với nhau để chống Đinh Bộ Lĩnh, nhưng mưu toan không thành. Đó là trường hợp Kiều Công Hãn tìm đến Ngô Nhật Khánh ; Nguyễn Siêu tìm đến Nguyễn Thủ Tiệp và Nguyễn Khoan.

Vậy thì từ điều ghi chép của *Cương mục* dẫn đến khẳng định hành động « xâu xé thôn tính lẫn nhau », « đánh nhau liên miên năm này qua năm khác », « cục diện cát cứ và hỗn chiến phong kiến hơn hai chục năm », « các sứ quân đào hào xây thành đắp lũy, thôn tính lẫn nhau, gây thành cuộc hỗn chiến, kéo dài hơn hai mươi năm »,... như có người đã từng nhận định là không phù hợp với thực tế lịch sử.

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 202-203.
2. *Toàn thư*, sđd, tr. 202-203.
3 + 4. *Việt sử thông giám cương mục*, sđd, tr. 50.

https://tieulun.hopto.org

Tất nhiên, không loại trừ khả năng nếu như tình trạng này kéo dài, các sứ quân ngày một tập hợp lực lượng mạnh mẽ sẽ dẫn đến nội chiến nhằm thôn tính lẫn nhau. Nhưng trong thực tế, khả năng đó chưa biến thành hiện thực.

oOo

Tóm lại, sứ quân là người có thế lực mạnh cầm đầu một địa phương, họ đã hành động chiếm giữ, quản lý mỗi người một vùng, gây dựng củng cố thế lực riêng trong tình hình đất nước không có một bộ máy quản lý chung. Chưa có hiện tượng « hỗn chiến phong kiến cát cứ » cũng như không có hiện tượng « thôn tính lẫn nhau, gây thành cuộc hỗn chiến kéo dài hơn hai mươi năm... »

Từ khảo sát, nghiên cứu các mặt của hiện tượng « 12 sứ quân », cho phép ta nhận định : đó là một hiện tượng bộc phát của xu hướng phân tán có cơ sở sâu xa trong xã hội nói chung cũng như trong bản thân thế lực các sứ quân nói riêng.

Hiện tượng đó có nguyên nhân trực tiếp từ sự suy yếu bất lực dẫn đến sự sụp đổ của vương triều Ngô, đưa đất nước lâm vào tình trạng không có bộ máy quản lý chung. Hai năm tồn tại của « loạn 12 sứ quân » là một bước thụt lùi lịch sử, xã hội trở lại tình trạng phân tán, tự trị, tự quản theo truyền thống công xã. Đó là sự tái lập chế độ tự trị, tự quản trong một xã hội đã phân hóa giai cấp rõ rệt nhưng chưa sâu sắc, do giai cấp có của (thổ hào quí tộc quan lại) nắm giữ quyền thống trị. Những người cầm đầu đơn vị tự quản tiêu biểu được liệt vào danh sách 12 sứ quân. Nó có dáng

https://tieulun.hopto.org

về bề ngoài như tình trạng phân tán của xã hội phong kiến sơ kỳ Tây Âu, nhưng hoàn toàn không phải là phong kiến cát cứ.

Hiện tượng 12 sứ quân, xét về nguồn gốc và thế lực, đã bộc lộ các mặt tiêu cực của hai mâu thuẫn chủ yếu quán xuyến toàn bộ lịch sử dân tộc ta hồi thế kỷ X: Tập trung và phân tán, độc lập chủ quyền và thống trị của ngoại tộc. 12 sứ quân là biểu hiện chủ yếu của mặt phân tán xuất hiện vào thời cơ thuận lợi, dựa trên cơ sở công xã nông thôn đã và đang từng bước trở thành đơn vị hành chính của quốc gia độc lập tự chủ bị buông lơi trong lúc bộ máy quản lý hành chính trung ương không tồn tại.

Tình trạng phân tán với xu hướng tách khỏi sự ràng buộc của bộ máy quản lý nhà nước tập trung chính là di sản nặng nề do quá khứ để lại, buộc dân tộc ta vào thế kỷ X phải từng bước thanh toán để cùng nhau tồn tại và phát triển. Xuất hiện đồng thời với « 12 sứ quân ». Đinh Bộ Lĩnh — con người tiêu biểu cho thời đại, đã phất cờ tập hợp dân chúng giải quyết những vấn đề lịch sử đặt ra cho thế hệ ông phải đảm nhiệm.

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG II

ĐINH BỘ LĨNH VỚI SỰ NGHIỆP THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Công cuộc đấu tranh dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước của nhân dân ta vào các năm 965—967 gắn liền với tên tuổi Đinh Bộ Lĩnh — người tổ chức dẹp loạn đồng thời cũng là người gây dựng nên nhà Đinh trong lịch sử.

Để tìm hiểu về Đinh Bộ Lĩnh với sự nghiệp thống nhất đất nước, các vấn đề về nguồn gốc, thế lực và hành động của Đinh Bộ Lĩnh, cần đề cập đến và đòi hỏi được giải đáp thỏa đáng.

1. Nguồn gốc Đinh Bộ Lĩnh.

Về nguồn gốc của Đinh Bộ Lĩnh tưởng như đã rõ ràng, nhưng quả thật không hoàn toàn đơn giản. Từ những nhận biết khác nhau về nguồn gốc của Đinh Bộ Lĩnh đã từng dẫn đến những quan niệm khác nhau về con người và sự nghiệp của ông. Về vấn đề này, sử sách đều có ghi chép. Hãy bắt đầu từ những ghi chép của sử sách.

https://tieulun.hopto.org

Việt sử lược chép: «... húy là Bộ Lĩnh, họ Đinh, người động Hoa Lư, mồ côi cha từ bé, cùng với mẹ, năm người ở cạnh đền Sơn Thần» (1). *An Nam chí lược* chép: «Bộ Lĩnh người động Hoa Lư, châu Giao. Cha là Công Trứ, là nha tướng của Đinh Nghệ. Cuối thời Ngũ đại, Đinh Nghệ đi tuần châu Giao, lấy Công Trứ làm quyền thứ sử Hoan Châu. Trước kia Ngô Quyền giết Kiều Công Tiễn, thì cha con Bộ Lĩnh theo về họ Ngô. Ngô Quyền nhân khiến Công Trứ lại giữ chức cũ. Khi Công Trứ mất, Bộ Lĩnh nối thay chức ấy» (2). Điểm mâu thuẫn trong hai sách trên khá rõ ràng: đã «mồ côi cha từ bé» *(VSL)* sao lại còn có thể khi cha chết «Bộ Lĩnh nối thay chức» của cha như *An Nam chí lược* chép? Khắc phục điểm mâu thuẫn đó, *Toàn thư* chép như sau: «Xưa cha của vua là Đinh Công Trứ làm nha tướng của Đương Đình Nghệ, được Đình Nghệ giao giữ chức quyền thứ sử châu Hoan. Sau theo về với Ngô vương, vẫn được giữ chức cũ rồi mất. Vua mồ côi cha từ bé; mẹ họ Đàm đưa gia thuộc vào ở cạnh đền Sơn thần trong động» (3). Dựa hoàn toàn vào *Toàn thư*, sách *Cương mục* chép: «Ngài, người động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, cha là Công Trứ, mẹ là Đàm thị. Công Trứ trước kia làm nha tướng của Đương Đình Nghệ, quyền tạm chức thứ sử Hoan Châu, sau theo Ngô Vương, vẫn làm chức cũ. Khi Công Trứ mất rồi ngài hãy còn nhỏ, Đàm thị đưa về ở động núi» (4).

1. *Việt sử lược*, sđd, tr. 48.
2. *An Nam chí lược*, sđd, mục «thế gia họ Đinh».
3. *Toàn thư*, sđd, tập I, tr. 204.
4. *Cương mục*, sđd, tập II, tr. 3.

https://tieulun.hopto.org

Tống sử chép : « Trước kia, Dương Diên Nghệ (1) cho nha tướng là Đinh Công Trứ giữ chức Hoan Châu thứ sử kiêm chức Ngự phiên đô đốc. Đinh Công Trứ có con tên là Đinh Bộ Lĩnh, Công Trứ chết, Bộ Lĩnh lên thay » (2). Sách *Việt kiệu thư* của Trung Quốc chép như *Tống sử* : « Trước kia Dương Đình Nghệ lấy nha tướng là Đinh Công Trứ, quyền Hoan Châu thứ sử, kiêm Ngự phiên đô đốc sinh con là Bộ Lĩnh. Công Trứ chết, Bộ Lĩnh nối nghiệp, sinh con là Liễn » (3). Theo *An Nam chí nguyên* thì Đinh Công Trứ « làm nha tướng cho Dương Đình Nghệ giữ chức Giao Châu cho Công Trứ quyền nhiếp Hoan Châu. Từ khi Ngô Quyền giết được Công Tiễn, thì cha con Bộ Lĩnh về với nhà Ngô, nhân thế Ngô Quyền cho Công Trứ hoàn chức cũ » (4).

Bỏ qua những nét tiểu dị, từ sử sách của ta và của Trung Quốc ta biết được Đinh Bộ Lĩnh là người Việt ở động Hoa Lư, châu Đại Hoàng (huyện Gia Viễn — Hà Nam Ninh ngày nay), bố là Đinh Công Trứ từng làm quan đứng đầu một châu, phục vụ cho nhà nước độc lập tự chủ trải qua các thời họ Dương và họ Ngô.

Tuy nhiên, vấn đề không đơn giản chỉ có thế. Hàng loạt truyền thuyết về nguồn gốc Đinh Bộ Lĩnh khá lý kỳ, hấp dẫn, nhưng không ít hoang đường quái dị đã làm cho vấn đề thêm phức tạp. Tập trung và tiêu biểu

1. Trường hợp Dương Đình Nghệ có sách chép là Diên Nghệ, vì tự dạng gần giống nhau : đọc là « diên », đọc là « đinh ». Chúng tôi ghi theo từng sách đã trích dẫn.

2. *Tống sử*. Liệt truyện — Giao Chỉ, tài liệu đã dẫn.

3. Dẫn theo Nguyễn Văn Tố — *Truyện về Đinh Tiên Hoàng*, *Tri Tân*, số 41, 1944.

4. Cao Hùng Trưng — *An Nam chí nguyên*, bản dịch của Hoa Bằng, tài liệu đánh máy của Viện Sử học.

https://tieulun.hopto.org

là truyền thuyết kể rằng Đinh Bộ Lĩnh là kết quả của một cuộc tiếp xúc giữa người đàn bà họ Đàm với con rái cá trong dịp bà tắm ở đầm làng. Câu chuyện có liên quan đến một thầy địa lý người Tàu và ngôi huyệt đế vương ở dưới đáy hồ mà y đã tìm được... Tên thầy địa lý thuê Đinh Bộ Lĩnh lặn xuống hồ đặt hài cốt bố y vào ngôi huyệt đó. Đinh Bộ Lĩnh đã đánh lừa được thầy địa lý, lấy xương con rái cá từng bị dân làng ăn thịt đã được bà Đàm cất đi, đem đặt vào mồm ngựa dưới đáy hồ. Đinh Bộ Lĩnh trở thành người xuất chúng. Thầy địa lý biết mình đã bị lừa, y bèn khuyên Đinh Bộ Lĩnh đặt thanh gươm quý bên cổ ngựa để bảo đảm sự vững bền cho ngôi báu sau này. Đinh Bộ Lĩnh làm theo. Vì vậy, sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh lên làm vua, chưa hết đời đã bị chết vì vụ mưu sát của Đỗ Thích (1)... Cùng với truyền thuyết trên, có nhiều điều kể về tuổi ấu thơ của Đinh Bộ Lĩnh được *Toàn thư*, *Cương mục* chép lại như : chơi với trẻ chăn trâu, được chúng tôn làm trưởng ; tổ chức cờ lau tập trận, rước như nghi vệ thiên tử ; bà mẹ mổ lợn khao thưởng ; ở với chú là Đinh Dự, giết trâu của chú để khao quân, bị chú đuổi đánh, chạy về đến cầu Đàm Gia thì rồng vàng hiện lên che chở. Chú sợ phải quay lại... Các bô lão trong vùng bảo nhau : « Đứa bé này khí lượng như thế ắt làm nên sự nghiệp, bọn ta nếu không theo về ngày sau hối không kịp » ; được lập làm trưởng sách Đào Áo, v.v và v.v...

Cho đến gần đây, trong dịp đi sưu tầm, khảo sát tại chỗ ở huyện Hoa Lư và huyện Gia Viễn, Hà Nam Ninh, chúng tôi thấy các truyền thuyết trên vẫn còn được lưu truyền rộng rãi nhưng lộn xộn, chắp vá và

1. Xem thêm « Truyện Đinh Tiên Hoàng », phần *Phụ lục*.

https://tieulun.hopto.org

thêm thật nhiều chi tiết khác. Gắn liền với truyền thuyết, ở huyện Gia Viễn, nơi có làng Đại Hữu, có động Hoa Lư còn có nhiều địa danh liên quan đến truyền thuyết và gần như để minh chứng cho truyền thuyết. Ví dụ như động Hoa Lư, Thung Lau, Thung Lá là nơi Đinh Bộ Lĩnh cờ lau tập trận ; Suối Ông Gạo gần chợ Viên nơi có huyệt đế vương ; có núi Cắm Gươm, đường Tiên Yết, Bái Yết, đò Gián Khẩu, liên quan đến chuyện Đinh Bộ Lĩnh giết trâu của chú, bị chú đánh đuổi...

Trước hết, phần truyền thuyết hoang đường nhằm giải thích nguồn gốc siêu phàm từ loài thủy tộc và truyện thầy địa lý, ngôi huyệt đế vương, được gắn cho Đinh Bộ Lĩnh cũng như nhiều nhân vật khác trở thành một mô-típ khá quen thuộc trong truyện kể dân gian, tất nhiên có lý do của nó, nhưng không thuộc phạm vi nghiên cứu của sử học. Vấn đề ở đây cần quan tâm tìm hiểu và lý giải qua truyền thuyết là địa vị xã hội và mối quan hệ giữa Đinh Bộ Lĩnh với dân chúng.

Có người đã căn cứ vào những chi tiết trên để cho rằng Đinh Bộ Lĩnh xuất thân từ một tầng lớp nghèo khổ, phải đi ở chăn trâu, mò cá, bằng sự nỗ lực của mình, Bộ Lĩnh được quần chúng suy tôn trở thành một thủ lĩnh quân sự. Cũng có người muốn xếp Đinh Bộ Lĩnh vào tầng lớp nông dân, hoặc xuất thân từ xã hội nông dân. Ở trường hợp này, theo chúng tôi, truyền thuyết mặt nội chưa đủ sức thuyết phục để bác bỏ nguồn gốc quý tộc cổ lớn của Đinh Bộ Lĩnh như nhiều sử sách đã ghi chép; mặt khác, truyền thuyết lại nói lên một sự thực về mối quan hệ gần bó, gần gũi của Bộ Lĩnh và dân chúng. Nói cách khác, truyền thuyết mách bảo cho biết sự có mặt một tầng lớp quý tộc bản địa trong xã hội là hiện thực cũng như sự phân hóa xã hội đã diễn ra từ trước, nhưng cho đến giữa thế kỉ X

https://tieulun.hopto.org

vẫn chưa có dấu hiệu của sự phân hóa sâu sắc, giữa quý tộc và bình dân chưa có một khoảng cách lớn. Mặc dù vậy, cái nguồn gốc quý tộc ấy đã giữ một vai trò quan trọng trong xã hội, góp phần tạo nên hệ phóng cho Đinh Bộ Lĩnh trên con đường sự nghiệp.

Một vấn đề khác cần làm sáng tỏ là Đinh Bộ Lĩnh mồ côi cha vào độ tuổi nào và có thay cha giữ chức thứ sử Hoan Châu không?

Chúng ta không biết rõ năm mất của Đinh Công Trứ, nhưng sử chép ông mất dưới thời Ngô Quyền, tức vào khoảng các năm từ 939 đến 944. Mặt khác, sử cũ lại cho ta biết Đinh Bộ Lĩnh mất năm 979, thọ 56 tuổi (âm lịch). Như vậy, Đinh Bộ Lĩnh sinh vào năm 924 (979 — 56 + 1 = 924). Từ đó chúng ta biết được Đinh Công Trứ mất vào lúc con trai ông ở độ tuổi ít nhất là 15 tuổi (939 — 924 = 15), nhiều nhất là 20 tuổi (944 — 924 = 20), tính theo tuổi dương lịch. Về vấn đề Đinh Bộ Lĩnh có thay cha giữ chức thứ sử Hoan Châu hay không, rõ ràng với thời điểm bố mất như trên không thể căn cứ vào lý do ông mồ côi bố «từ khi còn bé» để bác bỏ được. Chúng ta biết chỉ có *Tống sử*, *An Nam chí lược* và *Việt kiệu thư* chép việc này. Các bộ sử của ta như *Việt sử lược*, *Toàn thư*, *Cương mục* chỉ chép sau khi bố mất, Đinh Bộ Lĩnh cùng với mẹ về ở cạnh đền Sơn thần trong động núi. Thêm vào đó, kiểm tra trong truyền thuyết, không hề có một chi tiết nào trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến việc Đinh Bộ Lĩnh từng thay cha giữ chức thứ sử Hoan Châu. Đến đây, có thể kết luận điều ghi chép của *Tống sử*, *An Nam chí lược* và *Việt kiệu thư* là không chính xác. Đinh Bộ Lĩnh mồ côi cha ở độ tuổi gần trưởng thành hoặc đã trưởng thành, nhưng ông không thay cha giữ chức thứ sử Hoan Châu.

https://tieulun.hopto.org

Về quê hương Đinh Bộ Lĩnh, sử sách chép không rõ ràng. Các sách *Việt sử lược*, *Toàn thư*, *Cương mục* đều chép ông người động Hoa Lư. Trong khi đi khảo sát tại chỗ động Hoa Lư — căn cứ ban đầu của Đinh Bộ Lĩnh, cũng như Hoa Lư — kinh đô, chúng tôi không thấy có dấu hiệu nơi đây là quê hương của ông. Trong khi đó truyền thuyết lại kể ông người làng Đại Hữu, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn. Làng Đại Hữu trước Cách mạng tháng Tám gồm 3 thôn (còn gọi là xóm): Vĩnh Ninh, Văn Hà và Văn Bồng. Nơi đây còn truyền câu nói: «Đại Hữu sinh vương, Điềm Dương (Giang) sinh thánh» (Làng Đại Hữu sinh ra vua (Đinh Tiên Hoàng); làng Điềm Giang sinh ra thánh (Nguyễn Minh Không). Làng Điềm Giang ở cạnh làng Đại Hữu, còn gọi là Điềm Xá, hiện có đền thờ Nguyễn Minh Không; còn ở Đại Hữu, thôn Văn Hà lại có ngôi đền thờ Đinh Bộ Lĩnh và Đinh Điền. Nguyễn Bặc đều là tướng lĩnh đồng thời là người cùng làng với Đinh Bộ Lĩnh. Trong ngôi đền tại Văn Hà còn có đôi câu đối:

«Tứ hải thành gia, Đại Hữu chí kim lưu bội tích,
Cửu châu vi thổ, Trường Yên tự cổ điện danh đô».

(*Nghĩa là*: Bốn biển là nhà, làng Đại Hữu đến nay còn lưu tích tốt đẹp; Chín châu là đất, Trường Yên từ xưa vẫn là kinh đô danh tiếng).

Ngoài ra, đến Đại Hữu chúng ta còn biết ở gần làng Văn Bồng còn có gò Bồ Đề, tương truyền là nền nhà của Đinh Bộ Lĩnh.

Phía Bắc làng Đại Hữu còn có núi Kỳ Lân với một địa điểm được chỉ định là lăng nhà Đinh. Nói là lăng, nhưng chỉ là một thung lũng nhỏ hình ngai, không có tháp, không có mộ, ở độ cao 50m so với mặt ruộng.

https://tieulun.hopto.org

Bên cạnh lăng có một hang động cao khoảng 50 – 60m. Trong hang trước đây có một ngôi chùa, gọi là chùa Đại Hữu, đã bị phá hủy hoàn toàn. Hiện nay hang thuộc khu vực sử dụng của « Đài phát tin ». Lăng và hang đều hướng Đông, trông thẳng ra con đường cái nối từ bến đò Trường Yên qua sông Đại Hoàng đến huyện lỵ huyện Gia Viễn, gọi là đường « Tiên Yết » (có người lại cho là đường « Bái Yết »), tương truyền là con đường Đinh Dự rút về, sau khi đuổi Đinh Bộ Lĩnh đến cầu Đàm Gia.

Chúng ta còn biết, từ cuối thế kỷ XIX, G. Dumoutier cũng đã khẳng định: « Làng Đại Hữu, quê của Đinh Bộ Lĩnh ở là ngạn sông, từ chỗ hợp lưu tới mất 12 giờ đi thuyền mành, dưới chân những ngọn núi đá vôi, [trong núi] còn có phần mộ tổ tiên của nhà vua ».(1)

Những điều trình bày trên, cho phép đi đến kết luận: Đinh Bộ Lĩnh quê ở Đại Hữu, thuộc huyện Hoàng Long (Gia Viễn cũ) Hà Nam Ninh ngày nay, thuộc dòng dõi một họ lớn ở châu Đại Hoàng. Xuất thân từ một gia đình quan chức cỡ lớn, từng gắn bó với chính quyền độc lập tự chủ thời Dương Đình Nghệ và thời Ngô Quyền. Sau khi bố mất (dưới thời Ngô Quyền), ông cùng với mẹ về quê cùng đám gia nhân mang theo cả uy thế chính trị của « con nhà nòi » dòng vọng tộc ở châu Đại Hoàng. Cộng thêm tài năng và ý chí của bản thân, Đinh Bộ Lĩnh trở thành người cầm đầu sách Đào Ức, rồi cả châu Đại Hoàng. Đinh Bộ Lĩnh đã quản lý, cai trị một vùng, tách ra khỏi chính quyền Cổ Loa đã bắt đầu lung lay, suy yếu từ vụ Dương Tam Kha tiếm ngôi (944) vào lúc ông vừa tròn 20 tuổi đời.

1. G. Dumoutier, sđd, tr. 61.

https://tieulun.hopto.org

2. Thế lực của Đinh Bộ Lĩnh.

Xét từ nguồn gốc như đã trình bày, Đinh Bộ Lĩnh không phải xuất thân từ tầng lớp bình dân tay trắng hoặc từ tầng lớp nông dân. Bố chết, Đinh Bộ Lĩnh cùng với mẹ và dám gia nhân về quê Đại Hoàng, tức là về đất bản bộ của cha con mình, mang theo cả uy thế chính trị lớn và còn có danh tiếng bao trùm cả vùng Hoan Ái. Không có một tài liệu nào nói về sản nghiệp của Đinh Bộ Lĩnh, cũng như của tổ tiên ông. Một vài chi tiết trong truyền thuyết như mổ lợn khao quân, đi ở chăn trâu cho chú, kết bạn với lũ trẻ mục đồng, chưa đủ cơ sở để xác định tiềm lực kinh tế của gia đình Đinh Bộ Lĩnh. Bằng suy luận, có thể nghĩ rằng với uy thế chính trị sẵn có cộng thêm tài năng và ý chí của bản thân, Đinh Bộ Lĩnh trở thành người cầm đầu một vùng châu Đại Hoàng là điều dễ dàng, phù hợp với tình hình xã hội hỗn thế kỷ X. Nói rõ hơn, từ uy thế chính trị trở thành người quản lý, cai trị một vùng độc lập với triều đình Cổ Loa lục đục và bệnh hoạn, tất nhiên Đinh Bộ Lĩnh có điều kiện cần và đủ để tạo cho mình một thế lực kinh tế nhất định. Địa bàn quản lý của Đinh Bộ Lĩnh là một vùng đồng chiêm trũng, còn lại là núi non rừng rú. Các cụ già cao tuổi ở đây cho biết ngay ở làng Đại Hữu, chưa kể vùng động Hoa Lư, cách đây vài trăm năm còn có rừng rậm, hùm beo thường về làng bắt gia súc của bà con trong thôn xóm. Như vậy, cách đây hàng chục thế kỷ, vùng đất quản lý của Đinh Bộ Lĩnh là vùng bán sơn địa hoang rậm. Bù vào đó, Đinh Bộ Lĩnh đã có lợi thế quản giữ được một vùng hiểm trở, chẳng những về địa hình mà cả về địa thế ở vị trí cửa ngõ, đầu mối liên lạc giữa hai vùng châu thổ lớn sông Hồng và sông Mã. Từ Hoa Lư vào Hoan Ái bằng đường thủy,

https://tieulun.hopto.org

đường bộ đều gần gũi, không nhiều khó khăn và vươn ra vùng châu thổ sông Hồng một cách dễ dàng. Theo sử sách, kết hợp với truyền thuyết, chúng ta biết Đinh Bộ Lĩnh đã tập hợp từ đám bạn trẻ thời niên thiếu những người cộng tác nổi tiếng như Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Trịnh Tử, Lưu Cơ và theo đó là trai tráng trong vùng thành một lực lượng quân đội riêng. Với lực lượng vũ trang đó, Đinh Bộ Lĩnh đã tồn tại như một thế lực đối địch với triều đình Cổ Loa, muộn nhất là từ năm 951 khi hai vua Ngô cất quân đánh dẹp Đinh Bộ Lĩnh không thắng lợi. Trong quá trình củng cố và phát triển lực lượng, Đinh Bộ Lĩnh có thêm những người cộng sự nổi tiếng khác như Phạm Hạp, Lê Hoàn.

Đặc biệt về Lê Hoàn, theo truyền thuyết ở Thanh Hóa thì Lê Hoàn sinh ra và lớn lên ở Kẻ Sập (nay là xã Xuân Lập huyện Thọ Xuân) đã gia nhập đội quân Hoa Lư cùng với 3000 trai tráng trong dịp Đinh Liễn đi mộ quân ở vùng đất này dưới thời Nam Tấn Vương. Nhưng truyền thuyết ở Hà Nam Ninh lại kể rằng Lê Hoàn về quê bố ở làng Bảo Thái, kết nghĩa với Nguyễn Quang Minh, hai người dựng cờ mộ quân và đem về với Đinh Bộ Lĩnh. Truyền thuyết kể có khác nhau, nhưng đều thống nhất toát lên một sự thực là trong quá trình phát triển lực lượng, Bộ Lĩnh đã tập hợp được những người tài giỏi như Lê Hoàn, sau này trở thành người tổng chỉ huy quân đội của quốc gia Đại Cồ Việt với danh hiệu Thập đạo tướng quân.

Tóm lại, với thế lực nhỏ bé ban đầu, trong quá trình hai mươi năm tồn tại độc lập với triều đình Cổ Loa, lực lượng của Đinh Bộ Lĩnh đã được nhân lên gấp bội. Đặc biệt từ khi Đinh Bộ Lĩnh xác lập được mối quan hệ liên minh với Trần Lãm ở Cửa Bố. Với thế lực đó, Đinh Bộ Lĩnh và vùng đất Hoa Lư đã nổi lên như một

https://tieulun.hopto.org

trung tâm của sức mạnh mới bùng lên trong khi Cổ Loa suy tàn, vĩnh viễn lùi vào dĩ vãng.

3. Hoạt động của Đinh Bộ Lĩnh.

Đời hoạt động của Đinh Bộ Lĩnh cho đến khi thống nhất đất nước có thể chia làm hai giai đoạn rõ rệt: Giai đoạn thứ nhất từ năm 965 trở về trước; giai đoạn hai gồm các năm 966—967, tức giai đoạn dẹp loạn 12 sứ quân.

a) Giai đoạn thứ nhất.

Cho đến nay chưa có một tài liệu nào cho biết niên đại chính xác về mốc thời gian mở đầu của giai đoạn này. Chúng ta chỉ có thể đoán định được bắt đầu từ sau khi Ngô Quyền mất (944). Đó là thời điểm bắt đầu lục đục đi đến suy yếu của chính quyền Cổ Loa sau vụ tiếm ngôi của Dương Tam Kha. Lúc này, Đinh Bộ Lĩnh đã đến tuổi trưởng thành, có ý thức vững vàng về con đường sự nghiệp của mình: 20 tuổi.

Ngay từ tuổi thành niên, Đinh Bộ Lĩnh đã tỏ ra không phục vụ, phò tá người nối dõi Ngô Quyền cũng như bất hợp tác với Dương Tam Kha — con trai của Dương Đình Nghệ — người mà bố con Bộ Lĩnh từng có duyên nợ gắn bó từ thời họ Dương và họ Ngô. Qua thực tiễn hoạt động, rõ ràng Đinh Bộ Lĩnh đã có ý thức về thế lực của mình và có ý thức dựng một cơ nghiệp riêng ngoài vòng kiểm soát của chính quyền Cổ Loa bất lực và bệnh hoạn. Vậy thì động cơ nào đã đưa Bộ Lĩnh đến hành động đó?

Trước hết, vào thế kỷ X, trong ý thức của mọi thành viên xã hội chưa có sự ràng buộc của chữ « trung » theo

https://tieulun.hopto.org

quan điểm Nho giáo, mà chỉ có sự thôi thúc của tinh thần thượng võ nhằm bảo vệ che chở lợi ích cộng đồng, yêu thương đùm bọc cộng đồng, được mở rộng thành lòng yêu nước thương nòi. Đó là đạo đức truyền thống của dân tộc hình thành và tôi luyện trong quá trình đấu tranh lâu dài để tồn tại và phát triển. Liệu có thể nghĩ được rằng người con trai của dòng họ Đinh « được tôi luyện qua các phong trào yêu nước có tiếng tăm từ Trường Châu qua Ái Châu đến Hoan Châu » (1) đã mất hết lòng tin ở triều đình Cổ Loa sau cái chết của Ngô Quyền? Ông không hy vọng tìm thấy ở đó một chỗ dựa để bảo vệ nền tự chủ, phục hưng đất nước đang là nguyện vọng tha thiết của cả dân tộc đã thấm nỗi đau của tình cảnh từng bị rơi vào ách thống trị ngoại bang. Không cộng tác với triều đình Cổ Loa, ông xây dựng một cơ nghiệp riêng, lấy mảnh đất quê hương — châu Đại Hoàng, làm bàn đạp để tiến lên làm nhiệm vụ lớn lao của lịch sử. Ông trở thành địch thủ của triều đình Cổ Loa. Lịch sử dân tộc ta hồi giữa thế kỷ X gặp bước ngoặt lớn, hai trung tâm xuất hiện là: Cổ Loa và Hoa Lư. Đây là điểm giống nhau xét về hình thức bên ngoài nhưng cũng là điểm khác nhau căn bản giữa Đinh Bộ Lĩnh và các sứ quân khác. Chỉ dừng lại ở bên ngoài đã từng có quan niệm coi Đinh Bộ Lĩnh chỉ là một sứ quân như các sứ quân khác với tinh thần « được làm vua thua làm giặc ». Nhưng một khi đi sâu tìm hiểu, sự thật không phải như vậy.

Sau khi Ngô Quyền chết, tại Cổ Loa, cơn « dông tố » Dương Bình Vương xuất hiện kéo dài đến 5 năm

1. Trần Quốc Vượng — « Việt Nam thế kỷ X — Văn hóa, Văn minh » trong « *Thế kỷ X — những vấn đề lịch sử* ». Sđd, tr. 224.

https://tieulun.hopto.org

(945—950). Sau đó hai con của Ngô Quyền xuất hiện là Xương Văn và Xương Ngập được đón từ nơi ẩn náu ở Trà Hương, Nam Sách Giang (nay thuộc Hải Hưng) về cùng trông coi việc nước, nhưng cũng không cứu vãn được tình thế. Rối loạn mới lại xuất hiện — rối loạn của một đất nước có hai vua. Đến khi Xương Ngập chết, Nam Tấn Vương Xương Văn sai sứ sang xin mệnh lệnh của chúa Nam Hán để được chức « Tĩnh hải quân tiết độ sứ kiêm đô hộ ». Xương Văn chết trong khi đi đánh dẹp hai thôn Đường Nguyễn ở Thái Bình. Đỗ Cảnh Thạc, Lữ Xử Bình, Kiều Trị Hựu, Dương Huy tranh nhau làm vua. Chính quyền trung ương sụp đổ hoàn toàn. Trong khi đó ở Hoa Lư, Đinh Bộ Lĩnh đã thu phục sách Bông của chú là Đinh Dự, tập hợp và củng cố lực lượng, biến động Hoa Lư thành căn cứ thù hiểm, trở thành cái gai trước mắt của triều đình Cổ Loa từ năm 951.

Động Hoa Lư là một thung lũng rộng, bốn bề bao bọc núi, nằm ở sườn phía nam phần cuối khối núi ăn vào địa phận huyện Gia Viễn, thuộc dãy núi đá vôi Hòa Bình, cách sông Bôi khoảng 2km về phía Đông, thuộc địa phận xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn cũ, Hà Nam Ninh ngày nay. Từ ngoài vào động phải qua một quèn nhỏ, cao khoảng 30 mét. Lòng động bằng phẳng, rộng 16 mẫu (5,76 ha), canh tác hoa màu, thuộc sự quản lý của nhân dân xã Gia Hưng. Trong động không còn vết tích ngoài một ngôi đền nhỏ, kiến trúc sơ sài, đổ nát, thờ Nguyễn Minh Không (1), và một bia đá đã mờ.

1. Nguyễn Minh Không, tên thật là Nguyễn Chí Thành, Quốc sư triều Lý, sinh năm 1066 mất năm 1141, quê ở Điềm Xá, còn gọi là Đàm Xá, thuộc huyện Hoàng Long (Gia Viễn cũ), Hà Nam Ninh ngày nay.

https://tieulun.hopto.org

Từ cuối thế kỷ XIX, G. Dumoutier cũng đã ghi nhận tình trạng này. Nhưng theo ông ta, diện tích động Hoa Lư chỉ có 43.575 ha (1).

Động Hoa Lư còn có tên gọi là Thung Lau hoặc Thung Ông, đây là một trong hàng loạt thung nối tiếp nhau về cuối đây, gồm các Thung Lá, Thung Quèn Cả, Thung Ông Sáu, ngăn cách nhau bằng những lèn núi đá vôi dựng đứng.

Động Hoa Lư có vị trí hiểm trở, nhưng không rộng lắm, lại gần như khép kín, chỉ có giá trị làm nơi giấu quân, hoặc làm nơi cố thủ tạm thời. Có thể gọi đây là căn cứ ban đầu của Đinh Bộ Lĩnh theo đúng nghĩa của nó. Hẳn rằng địa bàn chiếm giữ và quản lý của Đinh Bộ Lĩnh trước khi liên kết với Trần Lãm phải được mở rộng, bao gồm khắp huyện Gia Viễn ngày nay. Mặc dù trên vùng đất này cho đến nay còn khá nhiều địa danh, địa điểm gắn liền với hoạt động của Đinh Bộ Lĩnh, nhưng mọi chỉ định cụ thể về nơi tập trận, các đường hành quân, chiến trường, dựa theo truyền thuyết cũng chỉ là những giả định, còn phải được tìm hiểu xác minh thêm.

Theo chính sử (2), liền sau khi hai anh em Xương Ngập, Xương Văn cầm quyền, Đinh Bộ Lĩnh cho con trai mình là Đinh Liễn đến Cổ Loa triều cống. Nhưng triều đình Cổ Loa vẫn không tin. Năm đó (951), Xương Văn, Xương Ngập bắt Đinh Liễn đi cùng, đem quân tiến công căn cứ của Đinh Bộ Lĩnh ở động

1. G. Dumoutier, sđd, tr. 13. Sự sai biệt này có lẽ do Dumoutier theo số liệu khai báo ẩn lậu của làng xã thời đó.

2. *Toàn thư*, sđd, tr. 201.

https://tieulun.hopto.org

Hoa Lư. Sau một tháng vây hãm không kết quả, Xương Văn, Xương Ngập đem con trai Đinh Bộ Lĩnh là Đinh Liễn làm mồi để dụ hàng, hòng bắt địch thủ phải khuất phục. Câu nói nổi tiếng của Đinh Bộ Lĩnh: « Đại trượng phu chỉ mong lập được công danh, há lại bắt chước thói đàn bà xót con hay sao? » (1), và thái độ kiên quyết thí con của ông làm cho Xương Văn, Xương Ngập hoảng sợ phải rút quân, mặc nhiên công nhận sự tồn tại của Đinh Bộ Lĩnh như chúa tể một giang sơn riêng ở chân Trường.

Tuy nhiên, chiếm giữ một vùng không phải là mục đích cuối cùng, Đinh Bộ Lĩnh đã tìm cách mở rộng địa bàn bằng việc liên kết với Trần Lãm ở Cửa Bố. Theo sử sách, kết hợp với truyền thuyết, thần phả, chúng ta biết Đinh Bộ Lĩnh đã liên kết với Trần Lãm trước khi đánh dẹp các sứ quân. Điều đó có nghĩa là việc liên kết hai thế lực Hoa Lư và Cửa Bố đã được thực hiện từ trước năm 965. Đây là một trường hợp đặc biệt của sứ quân Trần Lãm. Thực tế này không mâu thuẫn với nhận định : cục diện 12 sứ quân chỉ xuất hiện trọn vẹn vào các năm 966 — 967 như đã trình bày ở phần trên.

Trần Lãm, theo sự ghi chép của sử sách và thần phả, được liệt vào loại nổi tiếng về đức độ, lại không có con nối dõi. Bộ Lĩnh tìm cách liên kết với Trần Lãm dưới hình thức đến nương nhờ, rồi được nhận làm con nuôi. Sau đó Trần Lãm trao binh quyền cho Bộ Lĩnh. Tác giả *Sự ra đời của nước Việt Nam* đã nhấn mạnh đến vị trí thương nghiệp của Bố Hải khẩu và đánh giá cao hiệu quả của sự liên kết này từ giá trị và vai trò của thương nghiệp. Theo K.W. Taylor, Bố Hải khẩu là « trung tâm buôn bán chính với bên ngoài », « sự chuyển hướng kinh

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 201.

https://tieulun.hopto.org

tế (thương nghiệp — T.G) tới các con đường biển vào phía Nam này xảy ra song song với uy quyền đang lên của Đinh Bộ Lĩnh ở phương nam là sự liên kết giữa trung tâm Hoa Lư và Bố Hải, một về chính trị và một về thương mại đã là một bước tiến tự nhiên đi đến sự thống nhất nước Việt Nam» (1). Quan điểm của K. W. Taylor khá mới mẻ và hấp dẫn, nhưng cũng xa lạ với thực tế lịch sử xã hội Việt Nam hồi thế kỷ X. Đúng rằng thủ công nghiệp và thương nghiệp đã xuất hiện ở nước ta từ rất sớm. Cho đến thế kỷ X, trong buổi đầu khôi phục độc lập tự chủ và xây dựng đất nước, nền thương nghiệp có điều kiện phát triển hơn nhưng chưa phải đã lớn mạnh, chưa tách rời nông nghiệp, còn giới hạn trong phạm vi mua bán trao đổi trong thị trường nhỏ hẹp của địa phương, xóm làng. Hàng thế kỷ sau, vào thời Lý — Trần mới xuất hiện những trung tâm buôn bán lớn trong nội địa cũng như trong quan hệ trao đổi với nước ngoài. Đó là kinh đô Thăng Long các tụ điểm buôn bán ở biên giới phương Bắc, Vân Đồn xuất hiện dưới thời Lý và phát triển dưới thời Trần. Bố Hải khẩu tức Cửa Bố, cho đến nay chưa từng có một thông tin nào cho biết là một thương cảng hoặc một tụ điểm thương nghiệp, ngay cả vào thời Lý — Trần.

Có lẽ sự thật sẽ đơn giản hơn một khi thừa nhận rằng Đinh Bộ Lĩnh chỉ có thể tìm đồng minh ở một thế lực khác cùng chống đối, hoặc ít ra là tồn tại độc lập với triều đình Cổ Loa. Thế lực đó, vào khoảng năm sau 951, theo sử sách và cả truyền thuyết nữa, duy nhất chỉ có Trần Lãm lại ở liền kề với địa bàn quản giữ của Đinh Bộ Lĩnh.

1. K.W. Taylor, sđd, tr. 277.

https://tieulun.hopto.org

Sự liên kết giữa Đinh Bộ Lĩnh và Trần Lãm là kết quả việc làm chủ động vì mục đích lâu dài của Đinh Bộ Lĩnh. Tranh thủ được Trần Lãm, Đinh Bộ Lĩnh đã mở rộng được địa bàn, tăng cường thế lực của mình. Từ đây, Đinh Bộ Lĩnh đã kiểm soát, đúng ra là làm chủ được một vùng đất cực kỳ quan trọng. Về mặt kinh tế, chủ yếu là một vùng nông nghiệp bổ sung và kết hợp với lâm, ngư nghiệp, có tiềm năng dồi dào, đang được khai thác mạnh dù còn ở trình độ kỹ thuật thấp hồi thế kỷ X. Nguồn lương thực thực phẩm dồi dào đó không chỉ đảm bảo cho cư dân bản địa sinh sống, cho việc nuôi quân, mà còn là nguồn hàng trao đổi với các vùng khác ở sâu trong nội địa — vùng thượng du — nhờ việc đi lại thông thương thuận tiện. Về giao thông, có thể nói làm chủ vùng đất này, Đinh Bộ Lĩnh đã giữ được vùng cửa ngõ thứ hai cực kỳ quan trọng gồm có các cửa sông Hồng, sông Đáy — cửa Đại An, cửa Tiểu Khang — Đại Ác, giao lưu với bên ngoài, tỏa đi các vùng đất thuộc miền Đông Bắc và miền Trung, miền Nam của đất nước thời đó. Về mặt quân sự, rõ ràng đây là một vùng đất có vị trí chiến lược lớn. Tầm quan trọng về mặt quân sự của vùng đất này càng ngày càng được lịch sử chứng minh rõ rệt. Thử khoanh lại trên bản đồ một đường vạch tương đối bao gồm địa bàn quản giữ của Đinh Bộ Lĩnh và Trần Lãm, chúng ta sẽ thấy hiện ra trước mắt một vùng khá quan trọng, chẳng những có lợi thế cho việc cố thủ, thủ hiểm mà còn là bàn đạp tấn công thuận lợi.

Về phía Trần Lãm, theo chính sử và thần tích, ông ta không có con trai, chỉ có em là Trần Thăng, sau này là phò mã của nhà Đinh. Người ta có thể hỏi : Không có con trai, Trần Lãm có thể bàn giao cơ nghiệp, quyền bính lại cho Trần Thăng được chứ ? Thế nhưng Trần

https://tieulun.hopto.org

Lãm lại trao quyền binh cho Đinh Bộ Lĩnh — người con trai dòng dõi quí tộc bản địa tìm đến ông để nương tựa. Chắc chắn Trần Lãm đã phải dằn đo, suy tính trước quyết định đó. Đinh Bộ Lĩnh bằng tài năng và đức độ của mình đã thuyết phục và chiếm được lòng tin của Trần Lãm. Trần Lãm đã có sự lựa chọn, gửi gắm niềm tin ở một thế lực non trẻ, đang ở trên đà vươn tới mai sau. Trần Lãm đã không nhầm.

Tóm lại, trên cơ sở lực lượng có sẵn, cộng thêm cơ nghiệp của Trần Lãm, Đinh Bộ Lĩnh đã vươn tay từ vùng lầy lội kiêm bán sơn địa hoang vàm sang vùng châu thổ màu mỡ thuộc hạ lưu sông Hồng. Đó là một sự liên kết toàn diện nhằm bổ sung tăng cường sức mạnh kinh tế, quân sự, chính trị và xã hội trên cơ sở hành động vì nghĩa lớn của Đinh Bộ Lĩnh : dẹp loạn, thống nhất đất nước.

b) Giai đoạn thứ hai.

Giai đoạn này được bắt đầu từ 966, sau sự sụp đổ hoàn toàn của bộ máy chính quyền trung ương. Nguyên nhân trực tiếp của tình trạng này về phía chủ quan là do nội bộ tổ chức nhà nước không đoàn kết, người cầm đầu non kém, không đủ tư cách, tài năng và uy tín đứng đầu quốc gia. Bên cạnh đó là bộ máy nhà nước chưa hoàn chỉnh, không còn hiệu lực trước thử thách của tình thế khó khăn, phức tạp từ sau cái chết của người anh hùng dân tộc Ngô Quyền. Về phía khách quan, những trở lực do quá khứ để lại không phải là ít. Lực lượng thổ hào, chủ trang ấp hoặc có tham chính hoặc nắm tại địa phương có nguồn gốc dân tộc và địa vị xã hội khác nhau là mầm mống của sự chia rẽ, phân tán đã được xây dựng trên cơ sở kinh tế nông nghiệp, tự cấp tự túc nhưng không hoàn toàn khép kín của

https://tieulun.hopto.org

hương, giáp — đơn vị hành chính cấp cơ sở thoát thai từ tổ chức công xã nông thôn còn tồn tại phổ biến trong xã hội nước ta — hồi thế kỷ X.

Điều đặc biệt cần lưu ý là vào lúc này, ách đô hộ của phong kiến Trung Quốc đã bị xóa bỏ, nhưng ý đồ tái xâm lược, khôi phục lại ách đô hộ của chúng chưa phải đã tuyệt.

Lịch sử chống xâm lược hồi thế kỷ X: công cuộc chống giặc Nam Hán năm 938 và chống giặc Tống lần thứ nhất vào năm 981 đã chứng minh rõ điều đó. Chúng ta lại biết trong số 12 sứ quân ít nhất có 5 người thuộc loại thế lực mạnh, mang nguồn gốc ngoại tộc, mới nhập cư một vài đời. Đặt vận mệnh Tổ quốc trong hoàn cảnh đó mới thấy được yêu cầu cấp bách phải kịp thời thanh toán nạn 12 sứ quân và tầm quan trọng của việc khôi phục thống nhất, củng cố quyền làm chủ đất nước của người Việt.

Trong tình hình ấy, Đinh Bộ Lĩnh — một người Việt thuộc dòng dõi vọng tộc ở châu Đại Hoàng có truyền thống yêu nước đã xuất hiện từ trước, lúc này vươn lên đảm nhiệm sứ mệnh trọng đại của lịch sử. Từ chỗ mất tin tưởng ở triều đình Cổ Loa sau cái chết của Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh đã chuẩn bị cho mình những điều kiện cần và đủ để có thể đáp ứng nhiệm vụ cứu vãn tình thế khi vận mệnh đất nước đòi hỏi.

Sử sách cũng như thần phả, truyền thuyết không phản ánh rõ quá trình dẹp loạn của Đinh Bộ Lĩnh, do đó không có cơ sở tài liệu để khôi phục lịch sử theo trật tự thời gian trong các năm 966—967. Vì vậy, chỉ có thể vừa lòng dừng lại khảo sát quá trình đó ở phương diện biện pháp tiến hành và hiệu quả của nó. Nói cách khác, vấn đề đặt ra là Đinh Bộ Lĩnh đã bằng cách nào để dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước?

https://tieulun.hopto.org

Kết hợp các nguồn tài liệu chính sử, thần tích, truyền thuyết để xem xét, chúng ta thấy rõ một điều lý thú: Đinh Bộ Lĩnh là một lãnh tụ quân sự có tầm chiến lược. Để thực hiện mục tiêu chiến lược dẹp loạn, thống nhất đất nước, ông đã áp dụng chiến thuật «bẻ đũa từng chiếc» với biện pháp kết hợp giữa quân sự (hành quân đánh dẹp) và chính trị (liên kết, hàng phục).

Thực hiện được việc liên kết với sứ quân Trần Lãm là một hành động sáng suốt, kịp thời và mưu trí của Đinh Bộ Lĩnh. Với việc làm này, thế lực của Đinh Bộ Lĩnh trở nên mạnh mẽ, không chỉ về mặt lực lượng quân sự, về phạm vi kiểm soát mà cả về uy tín cá nhân với sức thuyết phục to lớn của nó. Sứ quân Phạm Phòng Ất ở Đằng Châu đã xin hàng phục và sau đó được trao chức Thân vệ tướng quân (1). Kịp đến khi Ngô Xương Văn mất, triều đình Cổ Loa rối loạn, theo sử sách, mục tiêu trước mắt của Đinh Bộ Lĩnh là đám loạn thần ở Cổ Loa. *Cương mục* dẫn tài liệu của *Ngũ Đại sử* cho biết năm 965 Đinh Bộ Lĩnh đã sai con là Đinh Liễn đi đánh dẹp dảm Lữ Xử Bình và Kiều Tri Hựu ở Cổ Loa (2). Bằng những việc làm trên, Đinh Bộ Lĩnh đã biến lực lượng của mình từ một thế lực vùng trở thành một phong trào rộng lớn nối liền Hoa Lư với Cổ Loa nhằm mục tiêu dẹp loạn.

Chúng ta biết trong số 12 sứ quân, có hai người là con cháu nhà Ngô: Ngô Nhật Khánh và Ngô Xương Xí, chiếm giữ hai nơi cách biệt nhưng đều là đất bản bộ của họ Ngô. Đó là Cam Lâm thuộc châu Phong và Bình Kiều thuộc châu Ái. Bộ Lĩnh đã hành quân hàng phục được Ngô Nhật Khánh, sau đó lấy mẹ Ngô Nhật Khánh làm vợ, gả con gái cho Ngô Nhật Khánh và lấy em của

1. *Toàn thư*. sđd, tr. 203.
2. *Cương mục*, sđd, tập II, tr. 11.

https://tieulun.hopto.org

Ngô Nhật Khánh cho con trai mình là Đinh Liễn (1). Còn với Xương Xí, theo truyền thuyết chúng tôi sưu tầm được ở Thanh Hóa, Đinh Bộ Lĩnh hành quân vào Bình Kiều, đóng tại sườn Cửu Noãn Sơn, có thần nhân (mưu sĩ?) mách bảo: không cần đánh, chỉ cần mở tiệc khao quân, Xương Xí hoảng sợ tất phải xin hàng (2). Một truyền thuyết khác do chúng tôi sưu tầm được ở Đồng Lỗ (nay thuộc xã Thiệu Long, huyện Thiệu Yên, Thanh Hóa), nơi có vết tích đồn của Dương Tam Kha, còn mách bảo rằng trên đường hành quân đến Bình Kiều, Đinh Bộ Lĩnh đã qua đây yết kiến Dương Tam Kha. Ông lấy người con gái của Dương Tam Kha là Dương Nhị Ngọc Vân — người có quan hệ bác cháu bên họ ngoại (con cậu — cháu cô) với Xương Xí, làm vợ. Thông qua mối quan hệ đó Đinh Bộ Lĩnh đã hàng phục được Xương Xí (3). Truyền thuyết có khác nhau, nhưng đều thống nhất ở điểm Bộ Lĩnh đã hàng phục được Xương Xí không cần phải đánh dẹp. Qua những chi tiết trên ta thấy rõ ràng Đinh Bộ Lĩnh không áp dụng « luật rừng » đối với địch thủ. Ông đã áp dụng một biện pháp mềm dẻo « văn minh » còn được các triều đại sau này sử dụng để thu phục, cảm hóa đối phương.

Biện pháp đánh dẹp bằng quân sự đã được Đinh Bộ Lĩnh áp dụng rõ rệt nhất và cũng quyết liệt nhất đối với Đỗ Cảnh Thạc và Nguyễn Siêu. Chính sử không chép cụ thể về điều này, hãy tìm nguồn gốc bổ sung qua thần tích.

1. *Cương mục*, sđd, tập II, tr. 11.

2. Nguyễn Danh Phiệt. — « Vùng đất Bình Kiều... » *Nghiên cứu Lịch sử* số 4-1984, đã dẫn.

3. Tài liệu do chúng tôi sưu tầm trong đợt khảo sát điền dã tại xã Thiệu Long tháng 11-1985. Các cụ Lê Quang Khải 72 tuổi cán bộ hưu trí, cụ Trương Đình Xuyến 74 tuổi kể.

https://tieulun.hopto.org

Về việc đánh dẹp Đỗ Cảnh Thạc, thần phả « Độc Nhĩ đại vương » chép : «... Có một ngày, Bộ Lĩnh bàn mưu cùng các tướng rằng : Đỗ Cảnh Thạc trí dũng mưu lược chỉ có thể thắng bằng kế... Thế rồi nhân lúc đêm tối mới chia quân thành 4 đạo (...) 4 mặt cùng đánh. Lúc bấy giờ Cảnh Thạc đang ở đồn Bảo Hà, còn ở bản doanh trại Quyền chỉ có tướng giữ thành, vì thế đầu đuôi không ứng cứu được nhau. Tất thảy cùng thành, đồn trại, lương thực, thuyền chiến, khí giới đều bị Đinh Bộ Lĩnh tước đoạt phá phách tan tành. Đỗ Cảnh Thạc tập hợp tàn quân bại trận cùng với gia thần, dân phu của 72 ấp, lại một phen chỉnh đốn quân ngũ tại trại Quyền giao tranh với Đinh Bộ Lĩnh và cầm cự hơn một năm trời (...). Một hôm, giao chiến với Đinh Bộ Lĩnh ông bị một mũi tên lạc làm sát thương ... (1)

Sau Đỗ Cảnh Thạc đến Nguyễn Siêu ở Phù Liệt—một sứ quân mạnh và là một trong ba người con của viên quan võ Bắc triều mới sang nước ta như đã trình bày ở phần trên. Về Nguyễn Siêu, thần phả cho biết : Nguyễn Siêu sai đem hơn một vạn quân đóng ở Thanh Đàm thuộc Thanh Trì để phòng bị, dùng Nguyễn Trí Khả làm tiên phong, Trần Cồn làm tả dực, Đỗ Cơ làm hữu dực, Nguyễn Hiền làm tổng quản các đạo quân (....) Tháng 11 năm Bính Dần (966), Đinh Bộ Lĩnh khởi binh ở dưới núi Đọi (Đọi Sơn). Bộ lạc các nơi sợ phục, trong triều ngoài nội theo đến ba ngàn tướng sĩ (...) Nguyễn Siêu sai các tướng sĩ luyện tập binh lính đào hào đắp lũy để phòng bị (...). Ngày 6-6 tướng nhà Đinh là các bọn Nguyễn Bổ, Nguyễn Phục, Cao Sơn và Đinh Thiết đem binh mã đi đường phía Nam kéo đến vây chặt vài vòng. Trong cuộc đọ sức lần đầu này, Đinh Bộ Lĩnh bị mất 4 tướng.

1. Thần tích « Độc Nhĩ Đại Vương », xem phần *Phụ lục*.

https://tieulun.hopto.org

Sau đó Đinh Bộ Lĩnh lại sai Nguyễn Bặc làm tiên phong, Lê Hoàn làm tiếp chiến đem quân đến đánh. Đinh Bộ Lĩnh làm thống lĩnh đem voi chiến và quân sĩ đi tắt đường xã Cẩm Cơ (?) đến đánh phá. Nguyễn Siêu chọn tướng tuyển quân, sửa soạn lương ăn, phục chỗ hiểm. Ngày 26-6, có người là Đỗ Khả tiến từ phương Bắc tới hiến kế nên lui quân về phía Tây Bắc xin viện quân ở sư huynh (tức Nguyễn Khoan và Nguyễn Thủ Tiệp) đến hiệp lực chống đỡ.

Ngày 10 tháng 7, Nguyễn Siêu hợp nhau chia quân làm hai bộ phận. Một bộ phận ở lại giữ lũy, một bộ phận do Nguyễn Siêu đem đi xin cứu viện. Ngày 15 tháng 7 quân quyền của Nguyễn Siêu qua sông sang phía Bắc, đến giữa sông gặp gió lớn, thuyền tướng, quân nhu, khí giới bị đắm sạch...

Bộ Lĩnh nghe tin, nửa đêm sai 10 vũ sĩ ngầm vào phóng lửa đốt hết doanh trại. Quân Nguyễn Siêu tan tác... (1).

Sau Đỗ Cảnh Thạc và Nguyễn Siêu, phải kể đến Kiều Công Hãn. Theo thần tích đền Bái Dương còn gọi là đền Dia thờ Kiều Công Hãn và đền An Lá (xã Nam Hưng, huyện Nam Ninh) thờ Nguyễn Tấn, thì Đinh Bộ Lĩnh đem quân đến châu Phong đánh dẹp, Kiều Công Hãn chống không nổi, bèn đem vài trăm quân tìm gặp Ngô Nhật Khánh để hợp sức cùng đánh giữ. Nghe tin Ngô Nhật Khánh đã hàng, Công Hãn đem quân chạy về Giao Thủy, bị Nguyễn Bặc truy đuổi. Trên đường chạy xuống phía Nam, Công Hãn bị Nguyễn Tấn, người địa

1. Thần tích xã Đông Phù Liệt. Theo Nguyễn Văn Tố, *Tri Tân* đã dẫn. Xem thần tích xã Đông kết, phần *Phụ lục*.

https://tieulun.hopto.org

phương đem quân đón đánh. Công Hãn bị trọng thương, đến thôn Hiệp Luật thì chết ở cầu An Lũng (1).

Em Kiều Công Hãn là Kiều Thuận đóng giữ Hồi Hồ. Đinh Bộ Lĩnh đem quân đến đánh dẹp, Kiều Thuận chống không nổi, bỏ thành chạy đến thôn Trù Mật (huyện Sơn Vi, Lâm Thao, Vĩnh Phú) thì chết. Tại đây còn có đền thờ Kiều Thuận (2). Nguyễn Thủ Tiệp ở Tiên Du, khi Đinh Bộ Lĩnh sai Đinh tướng quân đến đánh dẹp, Nguyễn Thủ Tiệp bị thua chạy về Cần Hải (cửa Cờn) — Quỳnh Lưu, Nghệ An đánh nhau vài trận rồi chết ở trang Hương Ái (3). Lý Khuê theo thần tích có đánh nhau với Đinh Bộ Lĩnh, bị thua trận mất ở làng Dương Xá (4).

Số sứ quân còn lại là Nguyễn Khoan và Lã Đường, hiện nay chưa tìm thấy một thông tin nào cho biết đã bị đánh dẹp. Phải chăng đây là trường hợp « tự tan » (?)

Từ kết quả khảo sát trên, chúng tôi lập một bảng liệt kê về các biện pháp Đinh Bộ Lĩnh dùng để dẹp loạn như sau :

1. Thần tích Kiều Công Hãn. Phần *Phụ lục*. Tham khảo thêm Lê Xuân Quang — Tư liệu về tướng lĩnh ở Hà Nam Ninh hồi thế kỷ X — « Kiến Nghĩa hầu Nguyễn Tấn » — *Kỷ yếu hội nghị khoa học về thế kỷ X*. 1982 — Tài liệu đánh máy của Viện Sử học.

2. Viện Khảo cổ học. — *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1980*. Bài « Ma thành » của Mai Trung Thu.

3. Thần tích làng Tiên Xá. Theo Nguyễn Văn Tố. *Tri Tân*, số 157.

4. Thần tích xã Đình Sơn, Thuận Thành. Theo Nguyễn Văn Tố, *Tri Tân*, số 158.

https://tieulun.hopto.org

Số TT	TÊN CÁC SỨ QUÂN	Liên kết hàng phục	Đánh dẹp	Tự tan
1	Trần Lãm	X		
2	Ngô Nhật Khánh	X		
3	Ngô Xương Xí	X		
4	Phạm Bạch Hổ	X		
5	Đỗ Cảnh Thạc		X	
6	Nguyễn Siêu		X	
7	Kiều Công Hãn		X	
8	Nguyễn Thủ Tiệp		X	
9	Kiều Thuận		X	
10	Lý Khuê		X	
11	Lã Đường			X
12	Nguyễn Khoan			X
	Tỷ số	4/12	6/12	2/12

Tóm lại, sau hơn 20 năm nuôi dưỡng và tập hợp lực lượng Đinh Bộ Lĩnh với uy thế dòng dõi quý tộc yêu nước ở Đại Hoàng cộng với tài năng của mình, đã vươn lên hoàn thành nhiệm vụ dẹp loạn, thống nhất đất nước. Bằng biện pháp chính trị mềm dẻo — liên kết và hàng phục, kết hợp với biện pháp quân sự, hành quân tiêu diệt, Đinh Bộ Lĩnh đã lần lượt thanh toán các sứ quân trong vòng hai năm trời (966 — 967). Đinh Bộ Lĩnh đã thủ tiêu quyền tự trị, xóa bỏ tình trạng phân tán của các sứ quân thiết lập ở các địa phương nhân lúc bộ máy nhà nước vương triều Ngô sụp đổ. Ông đã khôi phục nền thống nhất đất nước, thiết lập nhà nước

https://tieulun.hopto.org

quân chủ trung ương tập quyền do ông đứng đầu với danh hiệu Đại Thắng Minh hoàng đế vào năm 968.

4. Nguyên nhân thắng lợi của Đinh Bộ Lĩnh.

Để nhìn nhận nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của Đinh Bộ Lĩnh trong sự nghiệp khôi phục nền thống nhất đất nước hồi thế kỷ X, chúng tôi sẽ xem xét từ hai phương diện: chủ quan của cá nhân Đinh Bộ Lĩnh và khách quan của xã hội và lịch sử.

Nguyên nhân chủ quan:

Như đã trình bày, Đinh Bộ Lĩnh là người Việt có nguồn gốc từ dòng dõi quí tộc, có uy thế chính trị lớn gắn liền với quá trình đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước dưới thời Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền. Dòng dõi và truyền thống gia đình giữ một vị trí quan trọng hơn bậc thang giá trị xã hội hồi thế kỷ X. Với dòng dõi và truyền thống đó, Đinh Bộ Lĩnh đã có trong tay một vốn liếng quí ngay từ ban đầu khi bước chân lên vũ đài lịch sử. Điều đó rất cần thiết, quan trọng nhưng chưa đủ. Cái vốn liếng quí hiếm ấy cần phải được bổ sung thêm bằng ý chí, nghị lực và tài năng cá nhân mới phát huy được tác dụng. Khảo sát quá trình lập nghiệp, chúng ta thấy Đinh Bộ Lĩnh là người có tầm mắt xa rộng và sáng suốt. Tuổi vị thành niên của ông đã trôi qua những năm tháng với sự kiện đảo điên thời Bình Vương Dương Tam Kha. Bước vào tuổi trưởng thành, chứng kiến cảnh lục đục của nội bộ vương triều Ngô, ông tỏ ra không tin tưởng và có thái độ bất hợp tác với vương triều đó. Ông tự gây dựng lực lượng riêng và tồn tại độc lập với triều đình Cổ Loa ươn hèn và bất lực. Trong cuộc đọ sức với hai vua Ngô vào năm 951, ông đã dám quyết định hy sinh tình riêng vì sự nghiệp đang theo đuổi: sự nghiệp dựng lại cơ đồ

https://tieulun.hopto.org

cho đất nước. Ông đã thắng. Nhưng chiếm giữ một vùng không phải là mục đích, ông tìm cách mở rộng địa bàn và tăng cường thế lực. Bằng tài năng, đức độ của mình, ông đã chiếm được lòng tin của sứ quân Trần Lãm, và đã chuẩn bị cho mình những điều kiện cần và đủ để hành động khi cần thiết.

Bước vào giai đoạn quyết liệt — giai đoạn dẹp loạn ông tỏ ra là một nhà chiến lược có tài, không chỉ biết tập hợp lực lượng, giỏi điều binh khiển tướng mà còn biết phân hóa đối phương, kết hợp biện pháp liên kết hàng phục với hành quân tiêu diệt để hoàn thành sứ mạng thống nhất đất nước.

Nguyên nhân khách quan:

Xu hướng thời đại, như đã trình bày, hoàn toàn thuận với hướng đi của Đinh Bộ Lĩnh. Còn nhân dân, vì lợi ích sống còn của mình, sớm muộn đã tập hợp ngày càng đông đảo dưới cờ của ông.

Đã có lúc, có người nghĩ về Đinh Bộ Lĩnh cũng như một sứ quân khác, tất cả đều lao vào cuộc «tranh hùng», cuối cùng theo «luật rừng»: «được làm vua, thua làm giặc». Đinh Bộ Lĩnh thắng, ông làm vua, các sứ quân khác thua, trở thành tặc loạn.

Quả thật, nếu chỉ dừng lại ở điều ghi chép của sử sách, dừng lại ở suy luận tư biện, chúng ta sẽ khó tìm được một lý giải nào khác có sức thuyết phục, khó dựng lại được bức tranh chân thực, dù chỉ là những nét lớn.

Hiện tượng nhân dân ủng hộ, «theo về» với Đinh Bộ Lĩnh, bất quá cũng chỉ được ghi lại ở câu nói của các bậc bô lão ở sách Đào Ức khuyên con cháu từ ngày Bộ Lĩnh còn «cờ lau tập trận». Bổ sung vào chỗ thiếu sót đó, khai thác ở tín ngưỡng thờ phụng anh hùng, người có công với dân với nước của nhân dân ta, chúng

https://tieulun.hopto.org

ta sẽ có được một nguồn tài liệu khá phong phú và chắc chắn về cơ bản đã phản ánh được sự thật lịch sử. Hẳn rằng không phải không có lý do, không có cơ sở thực tế mà làng xã trước đây lại dựng lên một nhân vật nào đó, gán cho họ những công tích cụ thể để thờ phụng, ghi nhớ công ơn. Điều có thể xảy ra ở các vị « nhân thần » này là về công tích có thể được thêm thắt, bổ sung, cường điệu, làm sai lệch so với thực tế vì sự hiểu biết không đầy đủ, vì nhu cầu suy tôn và cả vì mong ước nữa, của nhân dân qua các thế hệ tiếp nối, nhưng về cơ bản và trước hết phải là có công đức thực sự. Ở trường hợp đang xem xét, trong điều kiện tài liệu cho phép, chúng tôi nêu lên những nhân vật có công đóng góp, phò tá Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn được thờ phụng ở một số vùng để làm sáng tỏ về sự ủng hộ của dân chúng đương thời đối với hành động dẹp loạn, thống nhất đất nước của ông.

Riêng ở vùng đất thuộc phạm vi địa bàn của Đinh Bộ Lĩnh, ngoài những người đã được sử sách ghi chép, thần tích và truyền thuyết còn cho biết ông được nhân dân trong vùng ủng hộ trong khi tiến hành dẹp loạn. Đó là Trần Tấn và trai tráng ở An Lá đã góp phần diệt Kiều Công Tiễn trên đường bị truy đuổi (1) ; các ông Tạ Sùng Hi, Lê Khai cùng vợ là Quế Hoa, Phạm Cả, Bà Đậu, Bà Ngắt Tép cùng bốn con trai bà ở vùng đất huyện Vụ Bản, Hà Nam Ninh (2) ; hai anh em Bùi Quang Dũng,

1. Thần tích đình An Lá, xã Nam Nghĩa, huyện Nam Ninh. Theo Lê Xuân Quang trong bài « Tư liệu về tướng lĩnh ở Hà Nam Ninh hồi thế kỷ X » — *Kỷ yếu Hội nghị Khoa học về thế kỷ X*. Ủy ban nhân dân Hà Nam Ninh — Viện Sử học — 1982. Tài liệu đánh máy.

2. Theo Bùi Văn Tam — « Nhân dân huyện Vụ Bản với sự nghiệp thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh » — *Kỷ yếu Hội nghị Khoa học về thế kỷ X*. Ủy ban nhân dân Hà Nam Ninh — Viện Sử học — 1982. Tài liệu đánh máy.

https://tieulun.hopto.org

Bùi Quang Đạt ở Bùi Xá (Vũ Tiên, Thái Bình) (1)? Bốn anh em Trịnh Minh, Trịnh Lương, Trịnh Nguyên, Trịnh Khang ở trang An Việt (Hưng Hà, Thái Bình) ; Trần Nguyên Thái, Cao Hải ở Thái Thụy, và Quỳnh Côi (Thái Bình) (2). Trên vùng đất châu Ái, tức Thanh Hóa ngày nay, có ba anh em họ Trần : Trần Công Lương, Trần Công Tiễn, Trần Công An (huyện Triệu Sơn) (3) ; Dương Tam Kha (4) ; 70 trai tráng ở trang Phùng Cầu, huyện Cổ Lôi (huyện Thiệu Yên) thuộc bốn họ Lê, Trịnh, Đào và Nguyễn gia nhập đội quân dẹp loạn của Đinh Bộ Lĩnh (5). Trong phạm vi Hà Nội ngày nay, riêng vùng ngoại thành, chúng ta biết có nhiều người có công giúp Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, được nhân dân tôn làm thành hoàng thờ phụng ở nhiều nơi. Ở Gia Lâm, hai thôn Quán Khê và Trung Khê xã Dương Quang có thờ vị thành hoàng tên là Phúc, từng cứu Đinh Bộ Lĩnh trong khi đánh dẹp Đỗ Cảnh Thạc ở Bối Khê (Thanh Oai — Hà Sơn Bình) ; thôn Thuận Quang, xã Dương Xá thờ Phùng Tòng ; Đông Dư tức Gỏi, xã Đông Dư thờ Bạch Da ; thôn Mai Phúc, xã Gia Thụy thờ hai đại vương (không rõ tên) ; làng Phú Thị thờ tướng quân họ Đào ; sang các huyện Phúc Thọ, làng Phúc Lộc và một số làng ở tổng Phù Xa trước đây thờ Quán Sơn ; làng So xã Tân Hòa thờ ba anh em họ Cao, tất cả đều đã từng

1+2. « Báo cáo **kiểm kê di tích lịch sử đợt I** (1968) ». Ty Văn hóa Thông tin tỉnh Thái Bình.

3. Kiều Long — « Những tướng lĩnh của Lê Hoàn ở Thanh Hóa ». *Lê Hoàn và 1000 năm chiến thắng quân Tống xâm lược*. Sở Văn hóa Thông tin Thanh Hóa xuất bản — 1985.

4. Tài liệu do chúng tôi sưu tầm ở Thanh Hóa.

5. Thần tích xã Quan Thành, huyện Cổ Lôi, phủ Thiệu Thiên nay là huyện Thiệu Yên, Thanh Hóa.

https://tieulun.hopto.org

có công giúp Đinh Bộ Lĩnh trong quá trình đấu tranh dẹp loạn (1).

Chắc chắn đội ngũ những người có công lao dẹp loạn, ủng hộ Đinh Bộ Lĩnh, được nhân dân tôn thờ làm thành hoàng, còn khá nhiều ở khắp nơi, mà chúng tôi chưa có dịp phát hiện hết. Chỉ mới qua một ít tài liệu ở ba khu vực điển hình, đó là vùng địa bàn chiếm giữ, vùng trung tâm của đất nước và vùng châu Ái xa xôi, chúng ta đã thấy con số đó không phải là ít.

Sự thực lịch sử trên là bằng chứng hùng hồn nói lên hành động phù hợp với lòng dân của Đinh Bộ Lĩnh; mặt khác, nhân dân khắp nơi vì lợi ích sống còn của mình đã tập hợp đông đảo dưới cờ của ông. Đó là nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự thành công trong sự nghiệp dẹp loạn thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh hồi thế kỷ X.

Xuất thân từ nguồn gốc vọng tộc, cùng chiếm giữ một địa bàn độc lập, nhưng giữa Đinh Bộ Lĩnh và các sứ quân có một quãng cách khá xa, không thể so sánh về mọi phương diện.

Căn cứ vào hành động cụ thể theo trình tự thời gian lịch sử, chúng ta thấy được nguyện vọng cá nhân và mục tiêu sự nghiệp của họ Đinh trước hết muốn đem tài trí, sức lực và uy tín của mình góp phần xây dựng đất nước với một xã hội yên bình và một tổ chức quản lý cai trị đất nước vững mạnh. Kịp đến khi vận mệnh của đất nước có nguy cơ đe dọa từ giữa thế kỷ X và đất nước bị tan rã vào những năm 965 -967. Đinh Bộ Lĩnh đã phất cờ dẹp loạn. Những ý nghĩa sâu sắc và

1. Theo Bùi Thiết. — *Làng xã ngoại thành Hà Nội*. NXB Hà Nội, 1986.

https://tieulun.hopto.org

cống hiến lớn lao của Đinh Bộ Lĩnh không chỉ dừng lại ở dẹp « loạn 12 sứ quân » — hiện tượng xã hội hỗn loạn bột phát trong một thời gian nhất định như đã biết. Sự nghiệp đấu tranh khôi phục nền thống nhất đất nước hồi thế kỷ X có tầm cỡ lớn hơn nhiều, mang ý nghĩa thời đại, quyết định cho sự thắng lợi và ưu thế tuyệt đối của xu hướng tập trung thống nhất đối với xu hướng phân tán, tự trị có nguồn gốc từ trước vẫn âm ỷ, dai dẳng tồn tại, chờ cơ hội để phát sinh. Xu hướng phân tán đó là di sản của một nghìn năm bị lệ thuộc cùng với cơ sở xã hội của nó mà các tổ chức chính quyền tự chủ từ họ Khúc, họ Dương đến họ Ngô chưa chế ngự được. Như đã trình bày, dù vô thức hay hữu thức, xu hướng phân tán cát cứ đi liền với âm mưu và hành động tái lập ách đô hộ của ngoại bang mà nhân dân ta vừa mới xóa bỏ. Thắng lợi của Đinh Bộ Lĩnh không chỉ đẩy lùi mà còn giáng một đòn chí mạng vào xu hướng phân tán, chia cắt vừa mới bột phát, tạo điều kiện cho việc tái lập và củng cố nền thống nhất, chuẩn bị cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới của lịch sử.

Trên tinh thần đó dẹp « loạn 12 sứ quân » mới chỉ là chặng đầu có ý nghĩa trong toàn bộ sự nghiệp của Đinh Bộ Lĩnh. Để duy trì và củng cố nền thống nhất đất nước trong bối cảnh lịch sử và cơ sở kinh tế — xã hội nước ta hồi thế kỷ X, không có con đường nào khác ngoài việc thiết lập một bộ máy quản lý quốc gia tự chủ, tập trung quyền lực mạnh. Nhà Đinh ra đời sẽ duy trì, củng cố và phát huy thành tựu đạt được trong quá trình đấu tranh dẹp loạn, củng cố nền thống nhất, xây dựng nước Đại Cồ Việt độc lập tự chủ.

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG III

NHÀ ĐINH VỚI SỰ NGHIỆP DỰNG NƯỚC (968 — 980)

Nói đến nhà Đinh tức là nói đến bộ máy quản lý quốc gia độc lập tự chủ từng tồn tại trong lịch sử từ năm 968 đến năm 980. Bộ máy nhà nước đó ra đời từ quá trình đấu tranh dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, do Đinh Bộ Lĩnh khai sinh và tạo dựng. Để làm sáng tỏ về nhà Đinh trong sự nghiệp dựng nước, chương này sẽ dành cho các vấn đề sau đây : Khái quát về đất nước dưới thời nhà Đinh, cơ cấu tổ chức, chức năng và những hoạt động cụ thể của bộ máy nhà nước.

1. Khái quát về đất nước thời Đinh.

Ra đời trong đấu tranh dẹp loạn, nhà Đinh mở đầu bằng Đinh Bộ Lĩnh, đã kế tục việc làm của nhà Ngô, quản lý và xây dựng, khôi phục lại đất nước. Bước sang thế kỷ X, từ năm 905 với việc « dấy nghiệp » của họ Khúc, quốc gia Văn Lang — Âu Lạc của người Việt, sau hàng thiên niên kỷ thăng trầm vẫn tồn tại với

https://tieulun.hopto.org

tư cách một quốc gia độc lập tự chủ. Trong cuộc đấu tranh trường kỳ vì lẽ sống còn, tổ tiên ta đã giành được thắng lợi: còn nước, còn dân, còn độc lập chủ quyền. Tuy nhiên, về danh nghĩa, vì lý do sách lược mềm dẻo để tự vệ hơn là nhượng bộ, quốc gia đó vẫn mang tên một địa danh gắn liền với quá khứ nặng nề. Địa danh quen thuộc này được sử sách ghi chép là Giao Châu, có nguồn gốc từ châu Giao Chỉ thời Hán, Giao Châu đô hộ phủ, rồi An Nam đô hộ phủ đời Đường.

Kế tục họ Khúc, họ Dương, họ Ngô, nhà Đinh quản lý đất nước, tên Đại Cồ Việt xuất hiện, cắm một cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển của quốc gia dân tộc.

Lãnh thổ quốc gia hồi đó với tên gọi là Đại Cồ Việt, bao gồm đất đai của hai quận: Giao Chỉ, Cửu Chân và một phần của Hợp Phố, trong 9 quận của châu Giao Chỉ đời Hán (1); hoặc đất đai của 8 châu: Giao, Phong, Trường, Ái, Lục, Hoan, Diễn, Phúc Lộc trong 12 châu của An Nam đô hộ phủ thời Đường (2). Lãnh thổ đó tương ứng với vùng đất Bắc bộ, miền Bắc Trung bộ (từ đèo Ngang trở ra Bắc) và một phần đông nam Quảng Đông (Trung Quốc) ngày nay (3). Đó là một quốc gia có cương vực riêng: bắc giáp Trung Quốc (Tống), tây bắc giáp Đại Lý (Nam

1. Châu Giao Chỉ thời Hán, đặt năm 106, gồm 9 quận: Nam Hải, Hợp Phố, Uất Lâm, Thương Ngô (nay thuộc Quảng Đông, Quảng Tây), Chu Nhai, Đam Nhĩ (Hải Nam), Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam.

2. Giao Châu đô hộ phủ thời Đường, năm 679 đổi thành An Nam đô hộ phủ gồm 12 châu: Giao châu, Lục châu, Phong châu, Ái châu, Hoan châu, Trường châu, Diễn châu, Phúc Lộc châu, Thăng châu, Chi châu, Vũ Nga châu, Vũ An châu.

3. Tham khảo thêm H. Maspéro. — *Le Protectorat Général d' An nam Sous Les Tangs*. BEFEO, T.X, N°3 7-9-1910. P. 549 — 551.

https://tieulun.hopto.org

Chiêu), tây giáp lãnh thổ của tộc Lão Qua, tiền thân của quốc gia Lạng Xạng thống nhất vào thế kỷ XIV và nước Chân Lạp, nam giáp Chiêm Thành (Champa), đông giáp biển.

Lãnh thổ quốc gia Đại Cồ Việt vào thế kỷ X đã hình thành ổn định với 3 vùng rõ rệt: rừng núi, trung du, đồng bằng không ngừng được bồi đắp do phù sa các sông Hồng, sông Mã, sông Chu, sông Lam và sức lao động cải tạo, từng bước hoàn chỉnh dần bộ mặt thiên nhiên của con người qua nhiều thế hệ. Dân số khoảng 3 triệu (1) được tổ chức, tập hợp theo từng đơn vị hành chính « hương », « giáp », « xã » hoặc trong các công xã nông thôn tự quản theo truyền thống, đang trên con đường vận động phát triển và phân hóa rõ rệt. Nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước cổ truyền được mở mang hướng theo các triền sông tiến về phía đồng bằng. Vùng ven biển Bắc bộ và bắc Trung bộ (Thanh Hóa và một phần Nghệ An) còn là những cồn cát đầm lầy, luồng lạch nước mặn. Cửa Bố, nay thuộc thị xã Thái Bình thời đó còn gọi là cửa biển; con đê Hồng Đức ở phủ Thiên Trường và Trường Yên, tức Hà Nam Ninh ngày nay với mục đích khai hoang lấp biển được đắp vào thế kỷ XV là những bằng chứng rõ rệt nhất. Từ thị xã Thanh Hóa vào Nghệ An, phía đông đường quốc lộ I hiện nay cũng còn là những cồn cát xen lẫn đầm lạch, chưa được khai phá triệt để với dân cư trù mật như hiện nay.

Về giao thông, các con đường thủy bộ đã mở mang nhưng chắc chắn còn khá hạn chế. Từ ngoài vào vùng

1. Theo Nguyễn Trãi. « Dư địa chí » trong *Nguyễn Trãi toàn tập*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 213 : nhân hộ đời Đinh gồm 310 vạn.

https://tieulun.hopto.org

trung tâm quốc gia Đại Cồ Việt thời đó, về đường thủy chủ yếu có hai hướng chính: cửa Bạch Đằng (Quảng Ninh, Hải Phòng) và các cửa Thần Phù—Đại An (Hà Nam Ninh). Về đường bộ nối liền với phương Bắc, chủ yếu là con đường ven biển song song với đường thủy. Ngoài ra còn có đường bộ theo các triền sông từ Quảng Tây, Vân Nam ngày nay, nhưng chắc chắn còn hiểm trở, không thuận tiện cho việc đi lại. Cho đến năm 990 thời Tiền Lê, sứ nhà Tống sang nước ta còn phải theo đường thủy. *Toàn thư* chép: « Vua sai nha nội chỉ huy sứ là Đinh Thừa Chính đem 9 chiếc thuyền dẫn 360 người đến quận Thái Bình đón, theo cửa biển mà vào, nửa tháng đến sông Bạch Đằng, theo nước triều mà đi » (1). Để liên lạc với Champa ở phía Nam, chủ yếu vẫn là con đường biển. Sử cũ còn cho biết, mãi đến năm 992, Lê Hoàn mới sai Ngô Tử An đem 3 vạn người mở đường bộ từ cửa biển Nam Giới (cửa Sót, Hà Tĩnh cũ) đến Địa Lý (2) (Quảng Bình cũ).

Về giao thông nội địa, cho đến nay chưa có một tài liệu nào cho biết về tuyến giao thông nối liền các miền trong nước. Có thể nghĩ rằng giao thông chủ yếu vẫn là đường thủy, dọc theo các con sông lớn, hoặc đường bộ ven theo dòng sông nối liền các vùng thượng du, trung du và đồng bằng. Việc đi lại giữa hai vùng đồng bằng sông Hồng và sông Mã cũng còn có trở ngại cả về đường thủy cũng như đường bộ. Cho đến năm 973, Lê Hoàn còn phải đào kênh ở châu Ái (Thanh Hóa) để đi lại được thuận tiện như *Toàn thư* đã chép: « Khi vua đi đánh Chiêm Thành, qua núi Đồng Cổ (nay thuộc huyện Thiệu Yên, Thanh Hóa) đến sông Bà Hòa (nay thuộc Tĩnh Gia, Thanh Hóa), đường núi hiểm trở khó

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 223.
2. *Toàn thư*, sđd, tr. 219.

https://tieulun.hopto.org

đi, người ngựa mỏi mệt, đường biển thì sóng to khó đi lại, bèn sai người đào kênh » (1).

Tóm lại, đất nước ta vào thời Đinh là một quốc gia nông nghiệp mới được khôi phục lại sau hàng thiên niên kỷ tồn tại và phát triển không bình thường. Trên con đường hồi sinh mạnh mẽ, quốc gia đó có cương vực riêng, quốc hiệu riêng, do một bộ máy nhà nước quân chủ đứng đầu là hoàng đế chịu trách nhiệm quản lý.

2. Tổ chức bộ máy quản lý đất nước của nhà Đinh.

Về tổ chức bộ máy nhà nước thời Đinh, sử sách chép quá sơ sài. Nhà sử học Phan Huy Chú trong công trình khảo cứu có uy tín của mình là *Lịch triều hiến chương loại chí* cũng không ghi chép được gì hơn ngoài những điều ít ỏi nhặt ra từ sử cũ về quan chức, binh chế, bang giao thời Đinh, còn lại đành bỏ qua. Vì vậy, việc khôi phục lại tổ chức vương triều Đinh là một việc làm hết sức khó khăn. Tuy nhiên, từ những thông tin rời rạc rút ra từ chính sử, bổ sung bằng thần tích, kết hợp với lời nhận xét của sử gia Lê Văn Hưu được ghi lại trong *Đại Việt sử ký toàn thư*: « Vua (Đinh Bộ Lĩnh) mở nước, dựng đô, đổi xưng hoàng đế, đặt trăm quan, lập 6 quân, chế độ gần đầy đủ » (2), chúng tôi cố gắng thử dựng lại một sơ đồ thiết chế bộ máy nhà nước quân chủ thời Đinh. Do tình hình tài liệu như trên, chắc chắn sơ đồ này chưa phản ảnh đầy đủ chính xác đúng như sự thật vốn có của nó, nhưng tuyệt nhiên không phải được lập nên từ tưởng tượng, tùy tiện, không có căn cứ. Hẳn rằng còn có những điểm nghi vấn, chưa sáng tỏ, nhưng ít nhất cơ đồ này cũng cho

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 219.
2. *Toàn thư*, sđd, tr. 205.

https://tieulun.hopto.org

TRIỀU ĐÌNH TRUNG ƯƠNG

Hoàng đế

Hoàng gia

— 5 hoàng hậu (Đan Gia, Trinh Ninh, Kiều Quốc, Cổ Quốc, Ca Ông)

— 3 hoàng tử (Đinh Liễn, Hạng Lang, Đinh Toàn)

— 2 công chúa (Minh Châu) (?) và ? phò mã (Ngô Nhật Khánh, Trần Thang)

Nội ngũ quan lại văn võ

— Định Quốc Công (Nguyễn Bặc) — Thập đạo tướng quân (Lê Hoàn)

— Đô hộ phủ sĩ sư (Lưu Cơ)

— Tăng thống (Ngô Chân Lưu) — Thân vệ tướng quân (Phạm Bạch Hổ)

— Tăng lục (Trương Ma ni)

— Sùng chân uy nghi (Đặng — Ngoại giáp (Đinh Điền) Huyền Quang)

— Sứ quan (Trịnh Tú — Trần — Vệ úy (Phạm Hạp) Nguyên Thái)

— Trị nội nhân (Đỗ Thích) — Không rõ chức tước (Phạm Cự Lạng)

↓

ĐẠO

↓

GIÁP — XÃ...

Quản giáp
Phó trị giáp

Chánh lệnh trưởng
Tú lệnh trưởng

https://tieulun.hopto.org

phép tiếp cận hơn với bộ mặt thực của lịch sử, từ đó rút ra những nhận xét khái quát, nhận thức bước đầu đúng đắn hơn về một nhà nước quân chủ trung ương tập quyền do Đinh Bộ Lĩnh đứng đầu.

Trong sơ đồ tr. 86, ở cấp trung ương, trực tiếp dưới quyền điều khiển của nhà vua đã hình thành hai khối rõ rệt : hoàng gia và quan lại. Nếu như khối hoàng gia gắn bó với nhà vua bằng hai mối quan hệ : vua—tôi và thân tộc thì khối quan lại rõ ràng chỉ có một mối quan hệ duy nhất là vua — tôi. Đưa ra nhận xét trên, tuyệt nhiên không có ý gán ghép cho tổ chức triều đình Đinh các mối quan hệ quân—thần, phụ—tử theo quan điểm nho giáo mà chỉ muốn lưu ý đến mối quan hệ gắn bó, cộng đồng trách nhiệm của xã hội người Việt cổ truyền được xây dựng trên cơ sở *nước* và *nhà* khá thiêng liêng và bền chặt. Điều đó đã trở thành ý thức tư tưởng thường trực, qui định mục tiêu đấu tranh giữ nước giữ nhà và xây dựng nước — nhà của dân tộc. Từ thế kỷ I sau công nguyên, Hai Bà Trưng với nợ nước thù nhà là tiêu biểu. Với nhà Đinh, nước và nhà được kết hợp trong một bộ máy trung ương của nhà nước quân chủ dưới quyền điều khiển tối cao của nhà vua. Thành viên của hoàng gia là quan chức của triều đình, nhưng không có chuyện ngược lại. Thời Đinh chưa xuất hiện hình thức ban « quốc tính » (1).

1. Trường hợp Đinh Điền, từng có người cho ông họ Nguyễn được ban quốc tính theo họ Đinh. Hàng loạt đền thờ Đinh Điền ở nhiều làng thuộc huyện Tam Điệp, làng tháp ông ở làng Yên Hạ, xã Khánh Thịnh, huyện Tam Điệp cũng thần phả nói rõ ông « họ Đinh, tên Trào, tự Điền, cha là Đinh Thân, người Hoa Lư... » — Xem Lê Xuân Quang bài : « Đinh Điền và khu tháp mộ của ông ». *Nghiên cứu lịch sử*, số 1—2 (232—233) — 1987.

https://tieulun.hopto.org

Trong khối bá quan, ngoài những người được sử sách ghi chép như đã nêu, nguồn bi ký và thần phả còn cho biết thêm Đinh Bộ Lĩnh có phong chức tước Trấn quốc bộc xạ cho Lê Lương ở châu Ái, Trần Đông tiết độ sứ cho Bùi Quang Dũng ở Thái Bình, Phụ đực quốc chính cho Trần Lãm, Kiến nghĩa hầu cho Trần Tấn...

Ở cấp trung ương, nhà Đinh đã thực sự có một triều đình gồm hai ban văn võ hay chưa? Hiện nay không có một thông tin nào để xem xét. Tuy nhiên, điều có thể khẳng định mà không sợ sai lầm là trong bộ máy nhà nước đã có sự phân công phân nhiệm khá rõ rệt. Sự chuyên trách đó không chỉ thể hiện ở « văn », « võ », mà ngay trong « văn » cũng có sự phân công rõ ràng ở các lĩnh vực : chính trị, luật pháp, tôn giáo...

Sự chuyển đổi danh hiệu từ Vạn Thắng Vương đến Đại Thắng Minh hoàng đế, đã phản ánh trung thành quá trình xác lập đế vị người cầm đầu triều đình. Đó là con đường đấu tranh dẹp loạn thắng lợi, không phải là chuyển nhượng hoặc thoán đoạt quen thuộc thường xảy ra trong lịch sử ; càng không phải là con đường suy tôn như kiểu suy tôn thủ lĩnh quân sự của thời kỳ thị tộc, bộ tộc xa xưa. Để duy trì uy quyền tuyệt đối của mình, nhà vua đã phải tìm đến sự hỗ trợ, bảo vệ của tổ chức quyền lực mạnh mẽ giao cho người chuyên trách. Vào thế kỷ X, trong bối cảnh lịch sử xã hội đã phát triển và khá phức tạp, rõ ràng uy tín, nói rõ hơn là lòng tôn kính, ngưỡng vọng của thần dân đối với người cầm đầu quốc gia tuy lớn lao nhưng không đủ để duy trì trật tự xã hội và an ninh chính trị cũng như để bảo đảm đế quyền thế tập của dòng họ người đứng đầu quốc gia. Bổ sung cho tổ chức và hoạt động tôn giáo tư tưởng, nhà Đinh còn có

https://tieulun.hopto.org

vạc dầu, chuồng cọp, có chức quan sĩ sư do Lưu Cơ chuyên trách về xét xử ; lại có tổ chức võ trang rộng khắp, tập trung quyền điều khiển vào tay Lê Hoàn, một số quan cao cấp đồng thời là yếu nhân của triều đình. Những nét khái quát ban đầu được rút ra từ tổ chức triều đình nhà Đinh như đã trình bày gợi lên hình dáng sơ khai nhưng đã rõ nét về một nhà nước quân chủ trung ương tập quyền phương Đông từng tồn tại trong suốt thời kỳ trung đại ở nước ta.

Về cấp đạo, *Cương mục* chép vào năm Giáp Tuất, Đinh Tiên Hoàng năm thứ năm (974) : « chia trong nước làm 10 đạo » (1). *Toàn thư*, *Việt sử lược*, *An Nam chí lược* không chép việc này. Hơn nữa, cho đến nay tuyệt nhiên không có một tư liệu nào cho biết về tổ chức hành chính ở cấp đạo ra sao, thậm chí về tên các đạo cũng chưa có cơ sở để xác định. Liệu có nên chăng, xuất phát từ tình hình tư liệu như vậy để từ nghi ngờ đi đến phủ định việc chia nước theo khu vực hành chính mới (10 đạo) của nhà Đinh ? Trước hết, sẽ không lấy làm ngạc nhiên khi không thấy *Việt sử lược* chép sự kiện này cũng như nhiều sự kiện khác trong khuôn khổ chật hẹp của sách và với cách ghi chép khá vắn tắt, sơ lược của tác giả. *An Nam chí lược* chẳng những không chép, mà còn không ghi nhận cả chức Thập đạo tướng quân của Lê Hoàn. Điều này cũng dễ hiểu một khi chúng ta biết Lê Trắc tìm nguồn sử liệu qua sử sách của Trung Quốc viết về thời đó. Điều đáng phân vân là *Toàn thư* ; *Toàn thư*, không chép việc Đinh Bộ Lĩnh chia nước làm 10 đạo. Nhưng cũng như *Cương mục*, *Toàn thư* lại có chép việc nhà Tiền Lê « đổi 10 đạo làm lộ, phủ, châu » (2) vào năm Nhâm Dần (1002) và nhà Lý, năm

1. *Cương mục* : sđd, tr. 7.
2. *Toàn thư*, sđd, tr. 228 ; *Cương mục*, sđd, tr. 28.

https://tieulun.hopto.org

đầu (1630) «đổi 10 đạo làm 24 lộ» (1). Như vậy, dù *Toàn thư* không chép việc nhà Đinh chia nước làm 10 đạo, nhưng qua cách chép việc về thời Tiền Lê và thời Lý, chúng ta biết *Toàn thư* đã mặc nhiên thừa nhận có hiện tượng đất nước được chia làm 10 đạo trước đó. Một băn khoăn nữa là sử sách chép về thời này không hề ghi một đạo nào, trong khi đó cấp châu vẫn được nhắc tới. Ngay vào cuối nhà Đinh, vụ chống đối của Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Hạp được chép gắn liền với châu Ái, hoặc châu Lạng gắn với việc viên quan ở đây tâu về triều đình âm mưu xâm lược của Tống, sang thời Tiền Lê có hiện tượng Tiến Lộc đi thu thuế hai châu Hoan, Ái vào năm 989, Ngự Man vương Long Đĩnh thụ phong đất châu Phong vào năm 992, v.v... Như vậy có hai khả năng: hoặc không có việc chia nước làm 10 đạo ở thời Đinh, hoặc nhà Đinh đã dựa trên cơ sở các châu cũ, tất nhiên có thêm bớt, xuất nhập đôi chút để đổi thành cấp đạo, nhưng tên gọi đơn vị «châu» còn khá quen thuộc và thông dụng. Vả lại đơn vị đạo chỉ tồn tại có 28 năm, từ 974 đến 1002, đã bị xóa bỏ vào thời Tiền Lê và sau đó vào năm 1019 thời Lý, vì vậy các sử gia sau này chép việc vẫn sử dụng tên đơn vị «châu» theo nếp cũ. Chúng tôi cho rằng khả năng thứ hai có nhiều cơ sở và phù hợp với thực tế lịch sử hơn. Có 10 đạo mới có hiện tượng đổi đạo thành châu, lộ sau này. Hơn nữa, gắn liền với 10 đạo hành chính còn có 10 đạo quân với chức Thập đạo tướng quân của Lê Hoàn. Về tổ chức cai trị ở cấp đạo, không có một tài liệu nào nói rõ, có thể nghĩ rằng nhà vua đã cắt cử quan lại đến trực tiếp điều hành công việc.

Dưới cấp đạo là cấp cơ sở. Cấp phủ châu đã bị xóa bỏ cùng với việc chia nước làm 10 đạo, để đến năm

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 213 ; *Cương mục*, sđd, tr. 43.

https://tieulun.hopto.org

1002, nhà Tiền Lê khôi phục lại cấp phủ và châu cùng với việc đổi đạo thành lộ như *Toàn thư* và *Cương mục* đã chép.

Về tổ chức quản lý cấp cơ sở không được sử sách chép đến. Ngược thời gian về trước, từ thời họ Khúc chỉ có *Cương mục* chép việc « Khúc Hạo chia đặt các lộ, phủ, châu và xã ở các xứ; đặt ra chánh lệnh trưởng và tá lệnh trưởng, bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực dịch, lập sổ hộ khẩu, kê rõ họ tên quê quán, giao cho giáp trưởng trông coi » (1). *Cương mục* còn dẫn *An Nam kỷ yếu* cho biết thêm : Khúc Hạo đổi hương thành giáp, đặt chức quản giáp và phó tri giáp để giữ việc đánh thuế (2). *An Nam chí nguyên* của Cao Hùng Trưng cũng chép việc Khúc Hạo đổi hương thành giáp với quá trình biến đổi của nó như sau : «... Khâu Hòa, thứ sử nhà Đường, bắt đầu đem trong ngoài châu và huyện chia ra như sau : Huyện gồm có hương nhỏ, hương lớn, xã nhỏ, xã lớn. Xã nhỏ từ 10 đến 30 hộ, xã lớn từ 40 đến 60 hộ, hương nhỏ từ 70 đến 150 hộ, hương lớn từ 160 hộ đến 540 hộ. Khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785—804) Cao Biền lại chia đặt 159 hương thuộc. Giữa niên hiệu Khai Bình (907—910) Nhà Lương, Tiết độ sứ Khúc Hạo lại đổi hương làm giáp, đặt thêm 150 giáp, cộng với số đã có từ trước tất cả là 314 giáp » (3).

Gạn lọc từ những mảnh thông tin khá lộn xộn như trên, ta biết được đến thời họ Khúc, cấp cơ sở trên danh nghĩa, có hai loại hình : giáp (đổi từ hương)

1 + 2. *Cương mục*, sđd, tr. 41.

3. Cao Hùng Trưng — *An Nam chí nguyên*, QI, mục « Phường phố, ngoại thành, hương trấn ». Bản dịch của Hoa Bằng. Tài liệu đánh máy của Viện Sử Học.

https://tieulun.hopto.org

và xã. Cầm đầu giáp là quản giáp và phó trì giáp, đứng đầu xã là lệnh trưởng cấp chánh và tá. Trong thực tế đơn vị cấp cơ sở còn có những tên gọi khác tùy theo từng khu vực. Tình hình này được phản ánh rõ nét trong khi theo dõi quá trình biến đổi tiếp theo của nó. Mặc dù sử sách không chép về tổ chức ở cấp này dưới thời họ Dương, họ Ngô, họ Đinh, Tiền Lê, nhưng theo dõi biên niên sử chúng ta thấy có chép đến các tên gọi: xã (Đường Lâm, Phù Lan), hương (Trà Hương, Phù Đái, Diên Cần), thôn (Đường, Nguyễn, Đàm), động (Hoa Lư, Đỗ động), sách (Đào Ức). Sang thời Lý, chúng ta thấy có hương (Băng Sơn, Đa Mi, Thổ Lỗi, Thái Bình, Thanh Oai), giáp (Dan Nãi, Giao, Cổ Hoằng), thôn (Lưu Gia), ấp (Hải ấp)... Sử sách cũng không cho biết về những thay đổi tiếp theo trong tổ chức quản lý ở cấp cơ sở. Chúng ta biết rằng cấp xã quan này còn có hiệu lực đến đầu nhà Trần. Năm 1228 vua Trần thực hiện việc xác định số đinh ở Thanh Hóa, sử còn chép: «Lệ cũ, hàng năm vào đầu mùa xuân, xã quan khai báo nhân khẩu gọi là đơn sổ» (1). Nhà Trần thay thế nhà Lý vào năm 1225; vậy thì «lệ cũ» ở đây chính là lệ đã được đặt ra từ thời Lý về trước. Đến năm 1242, nhà Trần bắt đầu đặt đại tư xã, tiểu tư xã do quan chức có phẩm hàm quản giữ: «Các xã, sách thì đặt chức đại, tiểu tư xã. Từ ngũ phẩm trở lên là đại tư xã, từ lục phẩm trở xuống là tiểu tư xã. Có người làm kiêm cả 2, 3, 4 xã, cùng xã chính, xã sử, xã giám gọi là xã quan» (2). Xã quan thuộc ngạch quan chức của triều đình. Từ các thông tin về cấp cơ sở thời Lý, Trần ngược dòng thời gian có thể đoán định được chức danh quản lý cấp cơ sở đặt từ thời họ Khúc vẫn tồn tại như là một thứ xã quan. Cái gọi là «lệ cũ» các xã quan phải

1 + 2. *Toàn thư*, sđd, tập II, trang 8 và 16.

https://tieulun.hopto.org

thực hiện vào dịp đầu năm được nhắc lại vào năm 1228, đầu nhà Trần, một lần nữa cho phép nghĩ rằng vai trò của xã quan, trong đó có chức danh quản giáp, phó trì giáp... và tổ chức hành chính cấp cơ sở, giáp, xã vẫn tồn tại, trải qua các thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý cho đến Trần. Cùng với sự phát triển của bộ máy tổ chức nhà nước quân chủ, cho đến năm 1242, người giữ việc quản lý cấp này được khẳng định rõ ràng, sắp đặt chính thức vào hàng các chức sắc phẩm hàm, thuộc ngạch quan chức của hệ thống bộ máy nhà nước quân chủ.

Vào thời Đinh, mặc dù đã thực sự tồn tại một bộ máy quản lý nhà nước gồm 3 cấp, nhưng có thể khẳng định được nhà Đinh, cũng như các vương triều sau đó chưa với tay quản lý được tất cả các vùng của đất nước. Đặc biệt là các vùng thượng du, biên viễn xa xôi, các vùng đồng bằng hẻo lánh vẫn nằm ngoài phạm vi kiểm soát của triều đình do thủ lĩnh địa phương quản lý theo truyền thống tự quản của tổ chức công xã thời xưa. Ngay cả ở những giáp, xã do nhà nước quản lý, các chức quản giáp do nhà nước đặt có khả năng được tuyển lựa từ các thủ lĩnh địa phương, các thổ hào, lo việc thu tô thuế, đôn đốc các nghĩa vụ lao dịch, binh dịch theo lệnh của triều đình. Họ là cầu nối giữa nhà nước quân chủ với dân chúng trong khu vực do họ quản lý, là người thay mặt cho triều đình, đồng thời đại diện cho một quần thể cư dân nhỏ hẹp, họ chưa hẳn thuộc ngạch quan chức của triều đình như sau này. Họ là người cầm đầu của những « hương thuộc », « thuộc ấp » được sử sách ghi chép mà chúng tôi giả định là « công xã nông thôn lệ thuộc » để phân biệt với những « công xã nông thôn tự quản » là hai loại hình đơn vị

https://tieulun.hopto.org

hành chính – xã hội cơ sở, đã thực sự tồn tại ở thế kỷ X nói chung, thời Đinh nói riêng.

Tình hình trên là một trong những cơ sở chủ yếu cho sự tái hiện chế độ phân tán, tự trị đã xảy ra vào cuối vương triều Ngô và nhà Đinh cũng như các triều đại kế tiếp : Lê, Lý, Trần, phải tìm biện pháp khắc phục. Cho đến thế kỷ XV, với nhà Lê, việc tổ chức quản lý đến khắp mọi vùng của đất nước mới thực hiện được về căn bản.

Trước hết cần thuyết minh dù có được giả định với tên gọi công xã, các đơn vị xã hội đó không còn là tổ chức ban đầu của nó ở thời kỳ chế độ thị tộc, bộ lạc. Quá trình vận động và phát triển, dù chậm chạp hàng ngàn năm đã dẫn đến một sự phân hóa xã hội rõ rệt. Đã có quá đủ bằng chứng từ mộ táng cho đến ghi chép của sử sách về sự tồn tại của tầng lớp giàu có người bản địa, hoặc có nguồn gốc từ phương Bắc sang cai trị, lập nghiệp trên đất nước ta từ trước thế kỷ X. Sự có mặt của tầng lớp giàu có được sử sách ghi chép là thổ hào, hào trưởng, cự tộc... trên đất nước thời đó báo hiệu tổ chức xã hội công xã của nó đã đi vào quá trình tan rã từ trước thế kỷ X. Dùng thuật ngữ « công xã », chúng tôi không có ý cường điệu tính lạc hậu của tổ chức xã hội ở đơn vị hành chính cấp cơ sở thời Đinh, đẩy lùi về quá khứ xa xưa, mà chỉ để nhìn nhận tính chất công xã của nó cần được thể hiện khá đậm nét, trước hết và chủ yếu ở sự tồn tại phổ biến, bền vững và chiếm ưu thế của chế độ sở hữu chung về ruộng đất. Tài liệu về ruộng đất thời này có thể nói chung là khan hiếm. Từ một vài mảnh tư liệu lẻ tẻ, rời rạc từ thần phả, gia phả, sử sách, chúng ta biết được chế độ sở hữu tư nhân về ruộng đất đã có, nhưng chưa phổ biến, chưa có vai trò và tác động lớn

https://tieulun.hopto.org

trong kết cấu ruộng đất của xã hội. Hiện tượng tranh chấp ruộng đất xuất hiện ở thế kỷ XI (1) Đến đầu thế kỷ XII, việc mua bán, tranh chấp ruộng đất mới gây nên rối loạn, buộc nhà nước phải quy định thể lệ mua bán, cầm đợ vào các năm 1135 đời Lý Trần Tông và năm 1142 đời Lý Anh Tông. Chắc chắn không ai nghi ngờ sự xuất hiện sở hữu tư nhân về ruộng đất đã phải trải qua một quá trình vận động và phát triển nào đó mới dẫn đến sự tranh chấp, mua bán buộc pháp luật phải can thiệp. Tuy nhiên, cũng cần thấy rõ mặc dù đã có mặt thành phần ruộng đất tư hữu, nhưng ở thời Đinh, chế độ sở hữu chung về ruộng đất vẫn giữ vị trí thống trị, chi phối trong tổ chức hương, giáp, xã, sách, động...

Mặt khác, các đơn vị hành chính đó không còn là những công xã biệt lập với cuộc sống khép kín. Căn cứ vào những sinh hoạt chính trị lớn lao đã diễn ra vào cuối thời Bắc thuộc, chúng ta cũng đã thấy rõ mối liên hệ lợi ích chung đã lôi cuốn các hương, giáp, xã vào cuộc vận động đấu tranh giành độc lập chủ quyền của dân tộc. Mối liên hệ đó không chỉ dừng lại ở phạm vi nhỏ hẹp mà đã mở rộng, liên hệ với nhau ở một qui mô lớn, cùng chống một kẻ thù chung, cùng lợi dụng một dòng sông, cùng sử dụng một nguồn nước, cùng khai phá một vùng đầm lầy hoang rậm. Sự khác biệt của các vùng thượng du, trung du và đồng bằng đã hình thành ổn định cũng đòi hỏi một sự liên kết, hỗ trợ về kinh tế để cùng tồn tại và phát triển. Cái gọi là « vùng » đã thực sự xuất hiện trong « loạn 12 sứ quân » không phải là

1. Sự tranh chấp địa giới giữa hai thôn Cổ Bi và Đàm Xá ở châu Ái (Thanh Hóa) xảy ra vào đầu thời Lý. Nhờ có Lê Phụng Hiểu giúp đỡ, thôn Đàm Xá phải trả lại ruộng cho thôn Cổ Bi. *Toàn thư*, sđd, tr. 253.

https://tieulun.hopto.org

cái gì khác ngoài một liên giáp, liên xã bị các sử quân khống chế và lũng đoạn. Nó đã bị xóa bỏ nhanh chóng. Bản thân các giáp, xã, liên giáp, liên xã đứng riêng lẻ không đủ sức để tồn tại. Nó chỉ có thể vận động phát triển trong mối quan hệ theo hướng liên hệ rộng lớn với xã hội bên ngoài. Nói một cách khác, vào thời Đinh, các đơn vị hành chính cấp cơ sở giáp, xã, sách, động... là « công xã nông thôn » hoặc « liên minh công xã » đã hóa thân tự nguyện, hay cưỡng bức phải gia nhập hệ thống hành chính quốc gia độc lập tự chủ để cùng tồn tại. Vì lợi ích của quốc gia, cũng như lợi ích của bản thân tổ chức « công xã », ngoài con đường đó, các « công xã nông thôn » không còn con đường nào khác. Tất nhiên, con đường đó không hoàn toàn chỉ là tự nguyện, xuôi chiều. Lịch sử thế kỷ X và những thế kỷ tiếp theo đã chứng minh nhiều khi con đường đó phải thực hiện bằng quyền lực, cưỡng bức.

Trước khi đi sâu thêm vào tổ chức nhà nước thời Đinh, chúng tôi thấy cần phải nhắc lại một lần nữa, nhà Đinh, đúng hơn là nhà nước thời Đinh là sản phẩm của thời đại, đồng thời là kết quả của quá trình phát triển, lớn mạnh trong việc tổ chức quản lý đất nước của nhân dân ta. Từ nhà nước sơ khai thời Hùng Vương—Thục Vương của quốc gia Văn Lang, Âu Lạc tiếp đến thời kỳ đấu tranh giành quyền độc lập tự chủ kết thúc thắng lợi vẻ vang, tổ chức quản lý đất nước trong buổi đầu còn tạm thời giữ hình thức chính quyền « tiết độ sứ ». Nền độc lập tự chủ đã giành lại được từ thời họ Khúc được khẳng định dứt điểm không thể đảo ngược với nhà nước vương triều Ngô, được xây dựng vững vàng có quy củ hơn với nhà nước vương triều Đinh.

Vào thế kỷ X, nếu như chính quyền kiểu « tiết độ sứ » của họ Khúc là bước quá độ từ sau khi lật đổ chính

https://tieulun.hopto.org

quyền đô hộ ngoại tộc sang xây dựng chính quyền độc lập tự chủ, thì chính quyền vương triều Ngô là bước chuyển biến mạnh mẽ, từ bỏ hình thức chính quyền « tiết độ sứ » sang « vương quyền ». Đến lượt vương triều Đinh đã hoàn thiện bộ máy quản lý đất nước từ « vương quyền » chuyển sang « đế quyền », thực sự đặt viên gạch vững vàng, mở đầu cho nhà nước quân chủ trung ương tập quyền độc lập tự chủ. Nhà Đinh đã xây dựng một bộ máy quản lý quốc gia gồm 3 cấp : triều đình trung ương, đạo và giáp—xã..., do hoàng đế đứng đầu như đã thể hiện qua sơ đồ.

Đi sâu thêm một bước vào tổ chức quản lý đất nước của nhà Đinh, cần lưu ý đến ý nghĩa của việc chia nước làm 10 đạo. Việc làm đó tưởng như bình thường nhưng đã thực sự có ý nghĩa chính trị to lớn. Cùng với việc đặt tên nước Đại Cồ Việt, chia nước làm 10 đạo, nhà Đinh đã biểu thị chủ quyền độc lập của mình bằng cách xóa bỏ các đơn vị hành chính do bọn đô hộ đặt từ trước, thực hiện quyền quản lý và quyền phân chia khu vực hành chính quốc gia Đại Cồ Việt. Tuy nhiên về việc chia nước làm 10 đạo chúng ta biết đã được thực hiện ở Trung Quốc dưới thời nhà Đường. Nhà Đường đặt mỗi đạo một chức thái phỏng, phòng ngự sứ ; ở đạo biên viễn đặt chức tiết độ sứ. Tiết độ sứ lớn quản khoảng 10 châu, tiết độ sứ nhỏ quản khoảng vài ba châu. Tiết độ sứ có quyền quyết định mọi việc. Ngoài ra chúng ta còn biết thêm trong việc sắp đặt tên hiệu, chức tước quan lại, nhà Đinh hầu như đều sử dụng tên hiệu, chức tước của phong kiến Trung Quốc. Ví dụ, tước vương được phong cho con em của nhà vua từ thời Hán, tước công ở dưới quyền quận vương từ đời Tuỳ ; chức đô hộ từ thời Hán, đến đời Đường có đặt chức đô hộ ở vùng biên viễn để trấn thủ và đàn áp

https://tieulun.hopto.org

dân chúng, sĩ sư là chức quan coi quản về ngũ cấm, điều khiển về hình phạt ; Tăng thống là một chức tăng quan xuất hiện từ thời Đường, tương đương với Sa môn tăng thống thời Hậu Ngụy ; đại sư là chức nhạc quan, còn dùng để xưng hô tôn kính đối với người có học, hoặc dùng để chỉ các vị cao tăng ; phò mã, đô úy từ thời Hán, dùng để chỉ chức quan điều khiển ngựa phụ trong xa giá nhà vua, đến đời Ngụy Tấn phong cho con rể nhà vua ; tiết độ sứ là chức quan đời Đường, v.v...

Thật dễ dàng và đơn giản nhưng cũng không có gì hời hợt và nông cạn hơn một khi dừng lại ở hiện tượng nhà Đinh sử dụng chức tước, tên hiệu của quan lại, việc chia đặt đơn vị hành chính làm 10 đạo đều có nguồn gốc từ Tần-Hán, Tùy, Đường ở Trung Quốc như một thứ công cụ, để đi đến kết luận nhà nước thời Đinh là một kiểu nhà nước vay mượn, dập theo khuôn mẫu của nhà nước phong kiến Trung Quốc.

Vấn đề sẽ được nhìn nhận rõ ràng, sâu sắc hơn một khi xuyên qua cái vỏ ngoài của ảnh hưởng giao lưu văn hóa tất yếu phải có và luôn luôn có ý nghĩa tích cực giữa các quốc gia trong khu vực để đi sâu vào nội dung tổ chức nhà nước thời Đinh.

Nhà nước thời Đinh là sản phẩm của thời đại đồng thời là kết quả quá trình phát triển tổ chức quản lý đất nước của nước ta có nguồn gốc từ Văn Lang — Âu Lạc. Cho đến khi Đinh Bộ Lĩnh thiết lập bộ máy nhà nước, mặc dù đã có trong tay kinh nghiệm hơn một nửa thế kỷ tổ chức cai trị đất nước qua các thời Khúc, Dương, Ngô, nhưng mặt khác, ông không có một mẫu mực hoàn chỉnh nào khác ngoài mô hình đã có ở một nước láng giềng ở phía Bắc, có quan hệ trực

https://tieulun.hopto.org

tiếp, thường xuyên và chặt chẽ. Từ tinh hoa của truyền thống, tiếp thu ảnh hưởng giao lưu văn hóa trong khu vực, Đinh Bộ Lĩnh đã kịp thời xây dựng một nhà nước quân chủ trung ương tập quyền. Mang màu sắc chung của loại hình nhà nước trung đại phương Đông, nhà nước thời Đinh vẫn giữ nguyên bản sắc dân tộc đậm đà trên cơ sở xã hội Đại Cồ Việt vào giữa thế kỷ X. Nội dung đó được biểu hiện rõ qua những đặc điểm nổi bật của tổ chức nhà nước đó.

a) Thuần phác chưa nhiễm màu tư tưởng Nho.

Điểm lại đội ngũ quan chức của nhà Đinh, cho đến nay được biết hoàn toàn vắng bóng nho sĩ. Nói một cách khác, nho sĩ và hệ tư tưởng Nho giáo còn xa lạ, hay nói đúng hơn là chưa có chỗ đứng trong bộ máy quản lý quốc gia thời Đinh, mặc dù Nho học với hệ tư tưởng của nó đã có mặt ở nước ta từ khá sớm. Sĩ Nhiếp, vào thế kỷ III, đã tích cực thu nạp nho sĩ và truyền bá Nho học. Tám thế kỷ trôi qua với sự có mặt của Nho giáo và cha đỡ đầu của nó là bộ máy cai trị của bọn đô hộ Hán-Tùy-Lương-Đường cho đến đời Đinh, trong bộ máy nhà nước chắc chắn có nhiều người biết chữ nho. Thế nhưng sử sách lại cho ta biết họ không phải là đồ đệ của đạo Nho mà là tín đồ của Phật và Đạo. Sự có mặt của nhà sư trong triều đình và việc Đinh Liễn dựng một trăm cột kinh Phật vào năm 973 (1) đã chứng minh điều đó. Nho học và đạo Nho trước thế kỷ X không phải chỉ có mặt ở nước ta với mức độ phổ biến sơ đẳng, mà đã có người theo học, đậu đạt như anh em họ Khương ở Cửu Chân (Thanh Hoa) cùng đậu tiến sĩ, làm quan ở nhà Đường

1. Hà Văn Tấn, « Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư ». *Nghiên cứu Lịch sử*, số 76 tháng 7-1965.

https://tieulun.hopto.org

vào cuối thế kỷ VIII (1). Nho sĩ và đạo Nho có mặt trong xã hội nhưng không có mặt trong bộ máy quản lý đất nước thời nhà Đinh. Hoàn toàn có cơ sở để nghĩ rằng nếu như các công xã nông thôn Ấn Độ đã từng là pháo đài kiên cố chống lại sự xâm lăng của người Hồi, chống lại chế độ Hồi vương vào các thế kỷ VIII-XIII, thì ở nước ta, dưới thời Bắc thuộc, các công xã là đối tượng bóc lột, đàn áp của bọn thống trị đồng thời là căn cứ tự vệ và bảo tồn mọi giá trị văn hóa, tinh thần, vật chất bản địa. Đến thế kỷ X, trong công cuộc phục hưng đất nước, « công xã nông thôn lệ thuộc » hoặc « tự quản » đã hóa thân chuyển mình và sẽ càng ngày càng trở thành chỗ dựa của chính quyền độc lập tự chủ. Xem xét, sửa đổi lại cơ chế tổ chức cai trị áp đặt của quân thù còn rơi rớt lại, chưa nhuốm màu tư tưởng Nho giáo, đồng thời khôi phục giá trị văn hóa văn minh cổ truyền là hai mặt của nội dung xây dựng bộ máy nhà nước thời Đinh. Tinh thần đó còn được thể hiện ở sự có mặt của tăng lữ chiếm một tỷ lệ 1/1 trong đội ngũ quan lại được biết. Hơn nữa, họ lại còn giữ chức vị quan trọng trong triều đình. Về sự gần gũi, phù hợp giữa Phật, Đạo với tâm tư tình cảm, tín ngưỡng dân gian của người bản địa đã được nhiều người nghiên cứu, bàn đến và khẳng định. Chúng tôi chỉ khẳng định thêm vương triều Đinh được thiết lập với tinh thần phi Nho giáo, đậm đà tính dân tộc : tìm chỗ dựa ở Phật và Đạo là hoàn toàn có cơ sở xã hội và phù hợp với lý trí, tình cảm của dân tộc trong buổi đầu khôi phục, củng cố độc lập tự chủ.

Đặc điểm này còn được biểu hiện trong việc Đinh Bộ Lĩnh một lúc lập 5 hoàng hậu. Theo cái gọi là « đạo

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 132.

https://tieulun.hopto.org

thường » của Nho giáo, một ông vua có thể có nhiều phi tần nhưng hoàng hậu chỉ có một. Cũng như người đàn ông có thể có nhiều vợ, nhưng chỉ có một chính thất, còn lại là thiếp mọn. Điều này có thể liên quan đến vấn đề quyền trưởng nam trong thiết chế gia đình gia trưởng phụ quyền phương Đông theo quan điểm Nho giáo. Sử chép rõ, Đinh Bộ Lĩnh vào năm 969, một năm sau khi lên ngôi hoàng đế, đã lập 5 hoàng hậu với các tên hiệu : Dan Gia, Trinh Minh, Kiều Quốc, Cồ Quốc, Ca Ông. Điều cần quan tâm ở đây không phải là đi sâu vào ngữ nghĩa của tên hiệu để truy tìm ý thức tư tưởng và tâm tư tình cảm của người đứng đầu vương triều mặc dù việc chọn đặt tên hiệu thường biểu thị một thái độ, tình cảm, một niềm tin, một nguyện vọng nhất định. Điều đó sẽ rất có ý nghĩa đối với các tên hiệu : Đại Cồ Việt, Thái Bình, Thiên Phúc v.v... Ở trường hợp này điều đáng quan tâm hơn có lẽ là về mặt xã hội của hiện tượng. Có thể nghĩ được rằng việc lập 5 hoàng hậu thuộc về cuộc sống riêng tư của Đinh Bộ Lĩnh, nhưng không thể không có sự can thiệp (đồng tình hoặc phản đối) của tập thể triều đình Hoa Lư và dư luận xã hội đương thời. Việc làm đó trong thực tế đã là điều bình thường, được xã hội Đại Cồ Việt chấp nhận. Việc lập 5 hoàng hậu phải chăng là một tín hiệu cho hay tàn dư của sinh hoạt cộng đồng muốn có một sự bình quân theo truyền thống, mặc dù sự phát triển khách quan của xã hội đã vượt qua ? Tình trạng này còn kéo dài đến thế kỷ XI-XII dưới triều Tiền Lê, Lý. Có thể một lúc nào đó có người đã nghĩ đến con số 5 hoàng hậu có nguồn gốc từ tổ chức hoàng gia của vua Khơme, tiêu biểu cho thế lực 4 phương cùng hướng về trung tâm, quy tụ quanh bộ máy vương triều. Nhưng sử sách biên niên của ta còn cho biết năm 1005, Lê Long Đĩnh lập 4 hoàng hậu, năm 1019 Lý Thái Tổ lập 6 hoàng hậu, đến năm 1016 lại lập thêm

https://tieulun.hopto.org

3 hoàng hậu ; năm 1028 Lý Thái Tông lại lập 7 hoàng hậu... Vậy thì con số 5 hoặc 4, 3, 6, 7 không phụ thuộc vào một mô hình nào cả, chỉ có thể tùy thuộc vào sở thích cá nhân của người cầm đầu quốc gia Đại Cồ Việt, cũng như Đại Việt sau đó. Dầu sao, trong thực tế xã hội Đại Cồ Việt hồi thế kỷ X và vài thế kỷ sau, hiện tượng đó là điều bình thường, không đáng chê trách đối với một tổ chức bộ máy nhà nước chưa nhiễm mầu Nho giáo. Điều bình thường đó sẽ trở thành không bình thường một khi hệ tư tưởng Nho giáo đã chiếm lĩnh được vị trí đáng kể trong xã hội vào cuối thời Trần. Sử gia của thế kỷ XIV, Lê Văn Hưu đã từng phán về việc này như sau : « Từ xưa chỉ lập (hoàng hậu) một người để chủ nội trị mà thôi, chưa từng nghe nói lập đến 5 người. Tiên Hoàng không kê cứu cổ học, mà bây tôi đương thời lại không có ai biết giúp sửa cho đúng, để đến nỗi chìm đắm trong tình riêng, cũng lập 5 hoàng hậu. Sau đến hai triều Lê, Lý cũng phần nhiều bắt chước làm theo, ấy là do Tiên Hoàng khởi xướng sự rối loạn thứ bậc vậy » (1)

Có lẽ nhà sử học Lê Văn Hưu đã nhầm. Rất có thể Đinh Bộ Lĩnh không kê cứu cổ học, nhưng chắc chắn bề tôi đương thời có nhiều người am hiểu Nho, ít nhất là ở các trí thức tăng lữ. Họ biết Nho nhưng chưa coi Nho là học thuyết trị nước, là nguyên tắc « tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ ». Đó chính là tâm lý của xã hội, là tư tưởng của thời đại mà Lê Văn Hưu sống sau đó hơn 3 thế kỷ không bình dung nổi.

Đặc điểm này của nhà nước còn phản ánh ở đội ngũ những người tham dự triều chính được xét riêng về nguồn gốc dân tộc. Chúng tôi đã trình bày ở chương I

1. *Toàn thư*. Sđd, tr 206.

https://tieulun.hopto.org

khi khảo sát về 12 sứ quân, rằng tầng lớp có của giữ địa vị thống trị xã hội lúc này không chỉ có người Việt và còn bao gồm cả những phần tử ngoại tộc vì lý do này hay lý do khác sinh sống và lập nghiệp trên đất nước Đại Cồ Việt. Dẹp xong loạn 12 sứ quân, khi xây dựng nhà nước độc lập tự chủ - cơ quan quyền lực của giai cấp thống trị hiếm thấy một phần tử ngoại tộc được Đinh Bộ Lĩnh lựa chọn đưa vào tổ chức triều đình hoặc giao cho một chức vị quan trọng, ngoại trừ Trần Lãm và Trần Thăng — em của Trần Lãm, là một trường hợp khá đặc biệt trong quan hệ với Đinh Bộ Lĩnh từ buổi dẹp loạn. Điều đó nói lên trong điều kiện và hoàn cảnh xã hội đương thời, bộ máy quản lý nhà nước thời Đinh đã thể hiện rõ tính thần « Đất Việt do người Việt cai quản ».

Nho sĩ và hệ tư tưởng Nho giáo từng có mặt trong xã hội, chưa phổ biến, chưa có chỗ đứng trong triều đình Hoa Lư. Đó là đặc điểm nổi bật của bộ máy nhà nước mà chúng tôi muốn lưu ý khi nghiên cứu về nhà Đinh.

b) Hòa hợp và rộng mở.

Trước hết, hãy trở lại với nội bộ hoàng gia, cụ thể là 5 hoàng hậu của Đinh Bộ Lĩnh.

Cho đến nay chúng ta chỉ biết tên hiệu 5 hoàng hậu theo sự ghi chép của sử sách. Tuyệt nhiên không có một tín hiệu nào cho biết lai lịch từng hoàng hậu. Mặt khác, sử sách lại cho biết rõ về hai hoàng hậu của Đinh Bộ Lĩnh, đó là mẹ của Ngô Nhật Khánh và bà họ Dương, sau này là Dương Thái Hậu. Liệu có thể nghĩ được rằng đó là 2 trong số 5 hoàng hậu như sử sách đã chép rõ tên hiệu ? Tình hình tài liệu hiện chưa cho phép một giải đáp khẳng định hoặc phủ định. Tuy

https://tieulun.hopto.org

nhiên chỉ xem xét hai trường hợp hoàng hậu họ Ngô và họ Dương cũng rút ra được nhiều điều bổ ích.

Về hoàng hậu họ Ngô, nhân chép việc Ngô Nhật Khánh đến quân Chiêm về vào năm 979, sau khi Đinh Bộ Lĩnh bị ám hại, sử cũ cho biết rõ: «Nhật Khánh là con cháu của Ngô Quyền, trước xưng là An Vương, là một trong 12 sứ quân. Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên, lấy mẹ Ngô Nhật Khánh làm hoàng hậu, lấy em gái Khánh làm vợ Nam Việt vương Liễn, còn lo sinh biến, lại đem công chúa gả cho Ngô Nhật Khánh» (1). Đây là một chính sách khá đặc biệt Đinh Bộ Lĩnh đã dành cho sứ quân Ngô Nhật Khánh. Chúng ta biết trong số 12 sứ quân có 2 người thuộc dòng dõi Ngô Quyền. Việc làm trên của Đinh Bộ Lĩnh đã nhằm mục đích khá rõ rệt: sau khi hàng phục thì dùng biện pháp hôn nhân để liên kết, tập hợp lực lượng. Thông qua việc liên kết này, Đinh Bộ Lĩnh còn muốn thu phục lòng người, không chỉ nhằm dập tắt nguồn chống đối phát sinh từ dòng họ Ngô mà còn lôi kéo đến chúng mọi miền từng tập hợp chung quanh họ Ngô lập nên chiến công Bạch Đằng từ 30 năm trước. Có thể nói đây là một đối tượng mà Đinh Bộ Lĩnh đặc biệt quan tâm với tất cả lòng chân thành của mình. Lập mẹ Ngô Nhật Khánh làm hoàng hậu đường như chưa đủ, Đinh Bộ Lĩnh còn gả con gái cho Ngô Nhật Khánh, lấy em gái Ngô Nhật Khánh làm vợ Đinh Liễn. Sợi dây ràng buộc bằng tình cảm, chuyển quan hệ từ thù địch, đối đầu sang thân thuộc, gần như hòa trộn hai gia đình, hai dòng họ tiến liền vào nhau cùng cầm quyền giữ nước. Đinh Bộ Lĩnh làm vua, mẹ Ngô Nhật Khánh làm hoàng hậu. Con riêng của hai người trở thành con chung, vừa là con

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 211, *Cương mục* cũng chép tương tự.

https://tieulun.hopto.org

đế, đồng thời lại là con dâu hoặc con rể. Một sự liên kết gồm hai thế hệ. Tuy nhiên, sợi dây liên kết chặt chẽ đó có bền vững hay không lại là vấn đề khác.

Một hoàng hậu khác họ Dương, tức Dương Thái hậu của sử sách không chép rõ tên tuổi và lai lịch. Truyền thuyết và di tích cung cấp cho chúng ta khá nhiều tin sáng về vấn đề này. Theo tài liệu đã sưu tầm hiện được lưu giữ tại Phòng bảo tàng Hà Nam Ninh, thì tên thật của bà là Vân Nga, con gái ông Dương Thế Hiền ở vùng đất thuộc huyện Nho Quan ngày nay. Dương Thế Hiền, Đinh Công Trứ và Trần Minh Không là bạn đồng triều. Trước khi qua đời, Đinh Công Trứ dặn dò Trần Minh Không giúp đỡ vợ con mình. Trần Minh Không dẫn Bộ Lĩnh đi tầm sư học đạo qua vùng đất thuộc Nho Quan ngày nay, gặp một cô gái xinh đẹp, hỏi thăm tìm chỗ trọ qua đêm. Cô gái dẫn hai người về nhà, tức cô đó là nhà Dương Thế Hiền, và cô gái đó là Dương Vân Nga. Biết Bộ Lĩnh là con trai bạn, Thế Hiền gả con gái mình cho Bộ Lĩnh. Cũng ở Bảo tàng Hà Nam Ninh lại còn có ghi một truyền thuyết khác về bà với câu hát: «Tay cầm bán nguyệt xênh xang, một trăm ngọn cỏ lai hàng tay ta» trong buổi gặp gỡ vua Đinh, khi nhà vua đi du hành. Truyền thuyết còn muốn tiên đoán số phận của bà qua lời ru của một thầy tướng khi bà còn nhỏ: «Nín đi thôi, nín đi thôi; một vai gánh vác cả đôi sơn hà»(1). Trong khi đó, ở Thanh Hóa tại thôn Đông Lỗ còn gọi là Đông Lỗ trang, nay thuộc xã Thiện Long, huyện Thiệu Yên, Thanh Hóa còn có vết tích được truyền là đồn của Dương Tam Kha. Trước Cách mạng tháng Tám, Đông Lỗ gồm

1. Hồ sơ truyền thuyết sưu tầm ở Mỹ Hạ, xã Gia Thủy, huyện Hoàng Long — lưu trữ tại Phòng bảo tàng Hà Nam Ninh.

https://tieulun.hopto.org

4 giáp : Giáp Mau, Hữu Lễ, Quy Mỹ và Phong Hậu, có 290 mẫu công điền. Hàng năm chia công điền, theo tục lệ phải nhường cho tiên chỉ Giáp Mau nhận phần trước, vì Giáp Mau tức làng Thịnh Đạt sau này chỉ gồm có một họ là họ Dương, là con cháu Dương Tam Kha — người đã dựng đồn lập trang trại ở đây và đã để ruộng đất lại cho dân Đông Lỗ. Dương Tam Kha có con gái là Dương Thị Ngọc Vân. Đinh Bộ Lĩnh trong khi đi đánh dẹp ở Bình Kiều đã ghé qua Đông Lỗ trang yết kiến Dương Tam Kha và lấy con gái Dương Tam Kha làm vợ, tức Dương Thái hậu sau này (1).

Truyền thuyết và di tích là như vậy, trong khi đó chính sử lại ghi chép vào năm 950, Dương Tam Kha bị giáng làm Chương Dương công, được ban thực ấp, và chua là đất Chương Dương, huyện Thường Tín, Hà Sơn Bình ngày nay (2).

Sự mách bảo của vết tích cũ và truyền thuyết kết hợp với sử sách, cho phép nghĩ rằng Tam Kha có thực ấp ở Chương Dương, nhưng sau đó lại trở về châu Ái với đất và dân bản bộ của mình ở bên hữu ngạn sông Cầu Chày cách làng Dàng khoảng 10 km về phía thượng nguồn và gặp Đinh Bộ Lĩnh ở đây.

Điều đáng quan tâm hơn là Dương Tam Kha có thực ấp và trang trại ở Đông Lỗ trang, nay thuộc xã Thiệu Long, Thiệu Yên, Thanh Hóa, có con gái là

1. Tài liệu do chúng tôi sưu tầm trong đợt khảo sát lịch sử xã Thiệu Long, huyện Thiệu Yên, Thanh Hóa năm 1985.

2. Xã Chương Dương gồm 4 làng : Chương Dương, Kỳ Dương, Thư Dương và Chương Lộc. Làng Chương Dương, thờ Dương Tam Kha hiệu là Bột Hải hoàng đế ; ba làng khác cùng phụng sự, không có đình thờ riêng. (Tài liệu do đồng chí Bùi Thiết cung cấp).

https://tieulun.hopto.org

Dương Thị Ngọc Vân. Hoàng hậu họ Dương chính là dòng dõi của Dương Đình Nghệ. Truyền thuyết bà là con Dương Thế Hiền ở Hà Nam Ninh ngày nay xét ra có nhiều gán ghép, vay mượn, lại không có di tích phụ chứng, vì vậy có thể không phản ánh đúng sự thực.

Chúng ta biết Dương Tam Kha mặc dù đã thất thế nhưng thuộc dòng dõi một dòng họ có thế lực lớn với uy tín bao trùm cả nước từ thời Dương Đình Nghệ. Cho đến Tam Kha, ít ra cũng còn tước hiệu Chương Dương công, có thực ấp, trang trại và uy thế mạnh trên đất châu Ái, tiêu biểu cho một cự tộc vào cỡ lớn lúc bấy giờ. Đinh Bộ Lĩnh đã liên kết với họ Dương bằng con đường hôn nhân, tự nguyện làm con rể họ Dương. Người con gái họ Dương sẽ trở thành hoàng hậu của vua nước Đại Cồ Việt.

Điều ghi chép của chính sử còn cho biết thêm vào năm 974, Đinh Bộ Lĩnh gả công chúa Minh Châu cho Trần Thăng là em Trần Minh Công tức Trần Lãm (1).

Như vậy, trong tổ chức nhà nước thời Đinh, riêng nội bộ hoàng gia, ít nhất đã có sự liên kết của ba dòng họ người Việt có thể nói là lớn nhất, có uy thế chính trị bao trùm thiên hạ hồi thế kỷ X : họ Đinh, họ Ngô và họ Dương. Ngoài ra còn có mặt của họ Trần, cũng là một họ có thế lực lớn ở Cửa Bố và tiêu biểu cho đám ngoại tộc đã từng liên kết với Đinh Bộ Lĩnh từ những ngày dẹp loạn. Tất cả đều đặt dưới quyền của Đinh Bộ Lĩnh.

Mở rộng diện xem xét đến đội ngũ quan lại được tập hợp trong triều đình, lại càng thấy rõ thêm tính liên kết và rộng mở của nhà nước thời Đinh. Trong đội

1. *Toàn thư*, sđd. tr. 206.

https://tieulun.hopto.org

ngũ quan lại, theo sử sách ghi chép, có mặt nhiều tầng lớp.

— Huân thần khai quốc : Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lưu Cơ, Lê Hoàn, Trịnh Tú.

— Cựu sứ quân hoặc dòng dõi của sứ quân : Phạm Bạch Hổ, Trần Thăng, Ngô Nhật Khánh, Đỗ Thích.

— Dòng dõi cựu thần : Phạm Cự Lạng, Phạm Hạp.

— Tăng lữ : Ngô Chân Lưu, Trương Ma Ni (phật), Đặng Huyền Quang (đạo).

Bổ sung thêm từ nguồn truyền thuyết, thần phả, bia ký ta biết thêm có cựu sứ quân Trần Lãm ; thổ hào cỡ lớn : Lê Lương; huân thần khai quốc: Bùi Quang Dũng, Trần Tấn...

Đi sâu tìm hiểu về nguồn gốc xã hội, người ta còn thấy trong đội ngũ quan lại, bên cạnh những người thuộc tầng lớp trên trong xã hội như Phạm Bạch Hổ, Ngô Nhật Khánh, Phạm Hạp... còn có những người có nguồn gốc bình dân tay trắng, theo Đinh Bộ Lĩnh từ ngày dẹp loạn. Đó là Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lưu Cơ, Lê Hoàn, Trần Tấn...

Những nét cụ thể được rút ra qua việc khảo sát tổ chức triều đình Hoa Lư cho biết rằng nhà nước thời Đinh đã tập hợp được nhiều tầng lớp có địa vị xã hội, uy thế chính trị và vị trí kinh tế khác nhau. Sự khác biệt đó không hề ngăn cản họ tập hợp nhau lại trong một cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước vào giữa thế kỷ X dưới quyền điều khiển của người cầm đầu với danh vị hoàng đế. Một nhà nước quân chủ tập quyền mang tính chất rộng mở, liên kết, phải chăng là đặc điểm nổi bật của bộ máy quản lý nhà nước Đại Cồ Việt

https://tieulun.hopto.org

thời Đinh. Phải chăng đó cũng là hình ảnh thu nhỏ, phản ánh trung thành một xã hội đã phân hóa rõ nét nhưng chưa sâu sắc, đang chụm nhau lại để bảo vệ độc lập chủ quyền của quốc gia Đại Cồ Việt?

Nghiên cứu so sánh bước phát triển trong tổ chức quản lý đất nước của nhà Đinh so với trước là cần thiết, nhưng tài liệu quá khan hiếm, đặc biệt là về các tổ chức quản lý đất nước thời Khúc, Dương, Ngô. Ít nhất, đặt nhà Đinh như đã khảo tả ở trên, với bộ máy quản lý quốc gia độc lập tự chủ đã xuất hiện vào nửa đầu thế kỷ X, dù chỉ qua những nét rất khái quát sẽ cho chúng ta những nhận xét bổ ích. Về tổ chức quản lý đất nước qua các thời họ Khúc, họ Dương như đã trình bày, trong thực tế chỉ là chuyển, đúng ra là giành lại và nắm giữ bộ máy quản lý từ tay bọn thống trị đô hộ. Về mặt hình thức, vẫn giữ danh hiệu « tiết độ sứ », nhưng nội dung hoàn toàn khác : một chính quyền độc lập do người Việt quản lý đất Việt. Đến nhà Ngô, với việc xưng vương của người đứng đầu nhà nước và định đô ở Cổ Loa đã ghi dấu một bước chuyển khá quan trọng : một sự thay đổi, cải tổ về hình thức cho phù hợp, thích ứng với nội dung mới, nhưng chưa triệt để : quốc hiệu, niên hiệu, một hệ thống đơn vị hành chính và tổ chức quản lý mới chưa xuất hiện. Đến nhà Đinh, cùng với việc khẳng định danh hiệu hoàng đế, đặt quốc hiệu, định đô, xác lập niên hiệu, một hệ thống đơn vị hành chính và tổ chức quản lý mới của quốc gia xuất hiện. Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền thời Đinh đã thực sự ghi dấu một bước phát triển vượt bậc trong quản lý đất nước, cắm một cột mốc quan trọng trong lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung, lịch sử nhà nước Việt Nam nói riêng.

https://tieulun.hopto.org

3 — Chức năng và hoạt động dựng nước

Để tìm hiểu về chức năng nhà nước thời Đinh, nhận định của F. Ăng ghen và K. Mác về chức năng của các chính phủ ở «phương Đông trước kia» theo cách nói của F. Ăng ghen hoặc «ở châu Á, từ những thời kỳ xa xưa» theo cách nói của K. Mác sẽ cho chúng ta những gợi ý quí báu.

F. Ăng ghen trong thư gửi cho K. Mác ngày 6-6-1853 có đoạn viết: «Các chính quyền ở phương Đông trước kia bao giờ cũng chỉ có ba bộ: Bộ Tài chính (việc cướp bóc nước của mình), Bộ Chiến tranh (việc cướp bóc nước mình và nước ngoài) và Bộ Công trình công cộng (chăm lo về tái sản xuất)». (1). Ý kiến này của Ăng ghen đã được Mác đồng tình nhắc lại ở bài «*Sự thống trị của Anh ở Ấn Độ*» viết ngày 10-6-1885 K. Mác viết: «Ở châu Á, từ những thời kỳ xa xưa, thường chỉ có 3 ngành quản lý: Bộ tài chính hay là bộ cướp bóc nhân dân của chính nước mình, Bộ Chiến tranh hay là bộ cướp bóc nhân dân các nước khác, và sau cùng là Bộ Công trình công cộng» (2).

Nhận định trên của hai ông gắn liền với những hiểu biết còn có giới hạn về phương Đông lúc đó. Cũng như Ăng ghen, Mác giải thích điều này ở «những điều kiện khí hậu và đặc điểm của đất đai, nhất là việc có những dải sa mạc rộng lớn kéo dài từ Sahara qua Ấn Độ và Tataria đến tận những nơi cao

1. Ph. Ăng ghen — «Ăng ghen gửi cho Mác ngày 6-6-1853», trong K. Mác, F. Ăng ghen, V.I. Lê nin — *Bàn về các xã hội tiền tư bản*. Bản dịch của NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975, tr. 49.

2. *Mác — Ăng ghen Tuyển tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1981, tập II, tr. 554.

https://tieulun.hopto.org

nhất của vùng cao nguyên châu Á » (1). Cũng trên cơ sở hiểu biết về phương Đông trong giới hạn trên mà F. Ăng ghen đã nêu lên một luận điểm nổi tiếng được nhiều người viện dẫn đến khi bàn về các xã hội châu Á. F. Ăng ghen viết : « Việc không có chế độ tư hữu đất đai quả thật là chiếc chìa khóa để hiểu toàn bộ phương Đông. Đó là cơ sở của toàn bộ lịch sử chính trị và tôn giáo của nó » (2).

Những nhận định của K. Mác và F. Ăng ghen về một « châu Á » hoặc « phương Đông » có giới hạn trong phạm vi không gian và thời gian như trên vô cùng quí giá, có ý nghĩa gợi ý, soi sáng khi nghiên cứu về chức năng, tính chất của bộ máy quản lý đất nước nhà Đinh. Tuy nhiên, sẽ không tránh khỏi khiên cưỡng, gượng ép, dẫn đến những kết luận xa lạ một khi quan niệm đó là khuôn mẫu để đặt vào bất kỳ một nhà nước của một quốc gia phương Đông nào trong một khu vực nhất định, ở một thời kỳ nhất định, khi mà ở đó, các điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, tổ chức cư dân và đời sống văn hóa, xã hội có những nét khác biệt.

Một điểm nữa không kém phần quan trọng khi xem xét về chức năng của nhà nước thời Đinh là việc vận dụng học thuyết Mác—Lê nin và nhà nước. F. Ăng ghen trong *Nguồn gốc của gia đình của sở hữu tư nhân và của nhà nước* viết năm 1884 đã khẳng định : Nhà nước quyết không phải là một quyền lực từ bên ngoài áp đặt vào xã hội. Nó càng không phải là cái « hiện thực của ý niệm đạo đức » là « hình ảnh và hiện thực của lý tính » như Hêghen khẳng định. Đúng ra nhà nước là sản

1. *Mác — Ăng ghen Tuyển tập*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1981, tập II, tr. 554.

2. K. Mác, F. Ăng ghen, V. I. Lê nin. — *Bàn về các xã hội tiền tư bản*. sđd, tr. 49.

https://tieulun.hopto.org

phẩm của một xã hội phát triển tới một giai đoạn nhất định ; nó là sự thú nhận xã hội đó bị lúng túng trong một mối mâu thuẫn với bản thân và không sao giải quyết được, rằng xã hội đó đã bị phân chia thành những mặt đối lập không thể điều hòa mà xã hội đó bất lực không sao loại bỏ được. Nhưng muốn cho những mặt đối lập đó, những giai cấp có quyền lợi kinh tế mâu thuẫn nhau đó không đi đến chỗ tiêu diệt lẫn nhau và tiêu diệt luôn cả xã hội trong một cuộc đấu tranh vô ích, thì cần phải có một lực lượng cần thiết, một lực lượng tựa hồ như đứng trên xã hội, có nhiệm vụ làm dịu bớt sự xung đột và giữ cho sự xung đột đó nằm trong vòng « trật tự » ; và lực lượng đó, nảy sinh ra từ xã hội, nhưng lại đứng trên xã hội và ngày càng xa rời xã hội, chính là Nhà nước» (1). V.I. Lê nin trong *Nhà nước và cách mạng* viết vào năm 1917—1918, sau khi trích dẫn đoạn tóm kết sự phân tích lịch sử nhà nước của F. Ăng ghen như trên đã phát biểu nhận định « Tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác về vấn đề vai trò lịch sử và ý nghĩa của Nhà nước, đã được diễn đạt một cách hoàn toàn rõ ràng. Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được. Bất cứ ở đâu, hễ lúc nào và chừng nào, về mặt khách quan, những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được, thì Nhà nước xuất hiện. Và ngược lại, sự tồn tại của Nhà nước chứng tỏ rằng những mâu thuẫn giai cấp là không thể điều hòa được » (2).

Những hướng dẫn cơ bản của học thuyết Mác — Lê nin về Nhà nước sẽ trở thành bó đuốc soi đường,

1. F. Ăng ghen. — *Nguồn gốc của gia đình của sở hữu tư nhân và của Nhà nước* trong *Tuyển tập Mác—Ăng ghen*, tập VI NXB Sự thật, Hà Nội, 1984, tr. 260.

2. *Lê nin toàn tập*, tập 33, NXB Tiến bộ, Mátxcơva, 1976, tr.9.

https://tieulun.hopto.org

thành vũ khí lợi hại một khi được vận dụng một cách sáng tạo trong nghiên cứu đối tượng cụ thể, đem lại những đóng góp khoa học góp phần làm phong phú học thuyết Mác–Lê nin. Ngược lại, không có gì nghèo nàn và vô bổ hơn là biến học thuyết Mác–Lê nin thành những giáo điều kinh viện, tìm cách lắp ghép mọi xã hội vốn sinh động và đa dạng trong những điều kiện cực kỳ phức tạp, hoàn toàn không giống nhau, vào một khuôn mẫu, minh họa cho lý thuyết, xuất phát từ lý thuyết, để tự cho là chân lý lịch sử.

Nhà nước thời Đinh nói riêng, thế kỷ X–XIV nói chung, chung quanh vấn đề chức năng của nó có nhiều điểm còn trong quá trình bàn bạc và khá phức tạp. Trước khi đi vào nội dung chức năng, dù chỉ giới hạn ở mục tiêu làm sáng tỏ thêm về vai trò và tác dụng của nhà nước thời Đinh trong lịch sử, chúng tôi thấy cần thiết phải nêu lên hai điểm cụ thể mà chúng tôi quan niệm là xuất phát điểm lịch sử, cũng là điều kiện xã hội và hoàn cảnh cụ thể của đối tượng đang được xem xét.

Trước hết, bộ máy quản lý đất nước thời Đinh không phải là tổ chức nhà nước đầu tiên, nhà nước sơ khai của dân tộc ta. Việc tổ chức quản lý đất nước cho đến khi nhà Đinh xuất hiện đã có lịch sử hàng ngàn năm, từng trải qua một quá trình không bình thường. Đó là quá trình đấu tranh một mất một còn giữa độc lập tự chủ và nô dịch đồng hóa kéo dài trên 10 thế kỷ. Cho đến thế kỷ X, sau khi khôi phục được tự chủ, để đi tới bộ máy nhà nước thời Đinh, việc tổ chức quản lý đất nước cũng đã trải qua một quá trình vận động phát triển từ tổ chức chính quyền kiểu «tiết độ sứ» thời họ Khúc, họ Dương, qua nhà nước vương

https://tieulun.hopto.org

triều Ngô như đã trình bày. Đó là bộ máy quản lý của một quốc gia nhỏ bé tồn tại bên cạnh và trong phạm vi ảnh hưởng của một quốc gia rộng lớn có lịch sử lâu đời. Quốc gia đó có quan hệ chặt chẽ, thường xuyên theo hướng thù địch — nô dịch và chống nô dịch, với nhân dân ta cho đến thế kỷ X. Quốc gia rộng lớn đó lại là một trong hai trung tâm văn minh lớn của phương Đông cổ đại.

Điểm thứ hai là nhà nước thời Đinh là nhà nước thuộc loại hình phương Đông của quốc gia Đại Cồ Việt — một quốc gia đã có lịch sử dựng nước lâu đời, trên một địa bàn cư trú ổn định, thường xuyên được bồi đắp hoàn chỉnh. Quốc gia đó nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa với điều kiện thiên nhiên vừa thuận lợi nhưng cũng vừa khắc nghiệt. Độ phì của đất cùng với nguồn nước khá dồi dào do mưa lụt quanh năm rất thuận tiện cho nền nông nghiệp trồng lúa nước, nhưng nhiều khi cũng bị đe dọa ngập lụt hoặc hạn hán vì nhiều ô trũng và vì độ dốc không giữ được nước về mùa khô hạn.

Trên cơ sở kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, với chế độ sở hữu công cộng về ruộng đất đang chiếm ưu thế tuyệt đối, sự phân hóa xã hội đã diễn ra rõ rệt, với những đẳng cấp đang trên con đường phát triển thành giai cấp. Một số cơ sở kinh tế địa chủ phong kiến gắn liền với chính quyền đô hộ ngoại tộc đã bị xóa bỏ, còn lại những trường hợp chủ trang trại, chủ sở hữu ruộng đất phong kiến tương đối có tên tuổi của người bản địa, điển hình là Lê Lương ở châu Ái, chỉ có thể tính trên đầu ngón tay. Họ có thể là mầm mống ban đầu, là cá nhân phong kiến, chứ chưa đủ để trở thành một giai cấp phong kiến địa chủ nắm giữ quyền thống trị, chi phối xã hội.

https://tieulun.hopto.org

Một tầng lớp quý tộc mới, qua các thời họ Khúc, họ Dương, họ Ngô nắm quyền đã xuất hiện. Có trường hợp được phong cấp ruộng đất như Phạm Bạch Hổ, Trần Lãm, Dương Tam Kha chẳng hạn. Họ chưa hẳn là địa chủ, không phải là chủ sở hữu ruộng đất được phong cấp, nhưng chắc chắn họ là những quý tộc có trong tay ruộng đất và sống bằng lao động thặng dư của người cày trên ruộng đất đó. Đại bộ phận cư dân vừa là thành viên, là đồng sở hữu ruộng đất công vừa là tá điền với tư cách là người lao động trên ruộng đất công nộp tô thuế cho cộng đồng giáp, xã và nhà nước. Họ có thể đồng thời là chủ sở hữu nhỏ về ruộng đất, ít nhất là những mảnh sân vườn, mảnh đất vỡ hoang được của họ. Dù sao đi nữa, cái mầm mống sở hữu tư nhân về ruộng đất nhỏ bé đó chưa đủ để gây nên những xáo trộn trong kết cấu kinh tế, cũng như trật tự đẳng cấp xã hội. Trong tầng lớp lao động còn có một đẳng cấp có thể gọi là « nô lệ gia đình », hình dung được qua hình ảnh của 3 000 « nghĩa tử » hoặc « gia nhân », thực tế là tầng lớp tôi tớ như trường hợp của họ Dương ở ấp Dàng châu Ái. Tầng lớp này có lẽ không phải là ít, nhưng chưa thấy có dấu hiệu của mâu thuẫn giữa chủ và « gia nhân » mà chỉ thấy có sự gắn bó chặt chẽ như trường hợp Dương Đình Nghệ, cả ở Đinh Bộ Lĩnh nữa, chẳng hạn.

Nói tóm lại, cái xã hội đã phân hóa rõ rệt nhưng chưa sâu sắc, triệt để đó vào thế kỷ X đã và đang chụm nhau lại để giành và giữ lấy chủ quyền. Suy cho đến cùng, chủ quyền cũng không phải là cái gì khác ngoài quyền sở hữu về ruộng đất, suy rộng ra là sở hữu lãnh thổ quốc gia. Quả vậy, trước thế kỷ X, nền độc lập dân tộc bị mất, trên danh nghĩa đất đai tổ quốc thuộc quyền sở hữu của hoàng đế Trung Hoa — quốc gia xâm lược

https://tieulun.hopto.org

và đô hộ. Cư dân trên lãnh thổ lệ thuộc phải trở thành thần dân, thành vật phụ thuộc của hoàng đế Trung Hoa. Từ thế kỷ X, sau khi giành lại được chủ quyền, đất đai về danh nghĩa thuộc quyền sở hữu chi phối của người đứng đầu nhà nước, đại diện cho quốc gia độc lập tự chủ, và trong thực tế thuộc quyền sở hữu chung của các đơn vị giáp, xã, chia cho các thành viên công xã canh tác theo truyền thống. Toàn thể cộng đồng cư dân nông nghiệp bao gồm nhiều tầng lớp có địa vị xã hội và năng lực kinh tế khác nhau như trên, đã định cư lâu đời trên một địa bàn ổn định, từng phải chung lưng đấu cật chiến đấu bảo vệ quyền sống và đã chiến thắng. Trải qua quá trình lịch sử đại dựng đặc đầy vinh quang nhưng cũng không ít gian khổ đó, họ đã rèn luyện cho mình một bản lĩnh kiên cường, xây dựng được một đời sống văn hóa, tinh thần bền vững thể hiện trong các mặt tâm lý, tình cảm, ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng mà không một sức mạnh, một thế lực ảnh hưởng nào có thể đồng hóa nổi. Một nghìn năm bị đô hộ, bị tác động của ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa bằng con đường cưỡng ép hành chính, cũng như con đường giao lưu, thẩm thấu qua tôn giáo, thần quyền, không phải không để lại những dấu ấn trong xã hội về mọi phương diện. Ảnh hưởng đó không chỉ dừng lại ở tầng lớp trên, ở mặt ngoài như có người đã nhận định. Ảnh hưởng của văn hóa Hán Đường đã lan vào đời sống xã hội, đặc biệt ở khu vực trung du và đồng bằng, trên nhiều lĩnh vực của đời sống vật chất cũng như văn hóa tinh thần. Nhưng tất cả những tác động, ảnh hưởng đó không lấn át, thay thế hoặc làm phai mờ bản sắc văn hóa của dân tộc.

Nói rõ hơn, mặc dù trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc với âm mưu và hành động đồng hóa của quân

https://tieulun.hopto.org

thủ nhưng chúng không đồng hóa nổi dân tộc ta. Do đó không có cái gọi là «Hán hóa», «Trung Hoa hóa», mà chỉ có tác động và ảnh hưởng của nó đậm hoặc nhạt trong xã hội. Sở dĩ có được điều đó là nhờ ở gia tài quý báu, ở bản lĩnh của dân tộc, được biến thành sức mạnh vật chất, đảm bảo cho sự trường tồn của đất nước. Với bản lĩnh kiên cường đó, từ thế kỷ X, sau khi giành lại được độc lập, các nhà nước tự chủ đã bắt tay khôi phục, xây dựng lại đất nước mà nhà Đinh là một đại biểu xuất sắc.

Đặt bộ máy quản lý đất nước thời Đinh trong hoàn cảnh và điều kiện lịch sử như trên để tìm hiểu về chức năng của nhà nước Đại Cồ Việt thời Đinh, hy vọng sẽ góp phần xác định vai trò và tác dụng của nhà Đinh trong lịch sử dân tộc. Những tài liệu có thể nắm bắt được về bộ máy tổ chức nhà nước như đã trình bày ở trên và những thông tin ít ỏi về hoạt động xây dựng đất nước của nó trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hóa xã hội, sẽ được qui về ba mặt cơ bản bao trùm: bạo lực, tổ chức quản lý và cải tạo xây dựng để xem xét.

a) Chức năng bạo lực.

Nói đến chức năng bạo lực tức là đề cập đến mặt hoạt động của bất kỳ một nhà nước nào nhằm mục đích bảo vệ lợi ích sống còn của quốc gia, đồng thời duy trì và bảo đảm sự tồn tại của bộ máy quyền lực vì lợi ích của giai cấp thống trị. Để nói đến chức năng này, F. Ăng ghen đã dùng thuật ngữ «Quyền lực cộng đồng đặc biệt». Theo F. Ăng ghen: «Quyền lực cộng đồng đặc biệt đó là cần thiết, vì từ khi có sự phân chia xã hội thành giai cấp thì không thể có tổ chức vũ trang tự động của dân cư được nữa» và «quyền lực cộng đồng đó đều tồn tại trong mỗi nhà nước. Nó không

https://tieulun.hopto.org

phải chỉ gồm những người được võ trang mà còn gồm những công cụ vật chất phụ thêm nữa, như nhà tù và đủ các loại cơ quan cưỡng bức mà xã hội thị tộc không hề biết đến. Quyền lực đó có thể là rất đáng kể, hay hầu như không tồn tại trong những xã hội mà sự đối lập giai cấp còn chưa phát triển... » (1). Với nhà nước thời Đinh, cái « quyền lực công cộng đặc biệt » này đã xuất hiện khá rõ rệt và phát triển vượt bậc so với trước.

Trước hết phải nói đến tổ chức lực lượng vũ trang với 10 đạo quân đã khẳng định ở phần trên. Theo phiên chế thập phân như ghi chép của sử sách, quân đội nhà Đinh gồm 1.000.000 người. Bằng suy luận, sẽ dễ dàng nhận thấy không thể có được số lượng đó với số dân khoảng ba triệu lúc bấy giờ. Tuy nhiên, không thể dùng lối giản hình thức để từ nghi ngờ con số 1.000.000 quân đến phủ định 10 đạo quân. Điều cần khẳng định là 10 đạo quân được xây dựng trên cơ sở 10 đạo hành chính, đặt dưới quyền chỉ huy của một võ quan cao cấp : Thập đạo tướng quân Lê Hoàn. Chúng ta có quá ít tài liệu để hiểu biết sâu về tổ chức và trang bị quân đội thời Đinh. Nhưng một điều khá rõ ràng là tổ chức quân đội này không nhằm mục đích và hành động « cướp bóc những dân tộc khác » như « cơ quan quân sự » mà K. Mác và F. Ăng ghen đã đề cập đến khi nói về các nhà nước phương Đông trong giới hạn hiểu biết lúc bấy giờ. Bài học quá khứ cũng như hiện tại của nửa đầu thế kỷ X đang diễn ra trước mắt đòi hỏi nhân dân Đại Cồ Việt và nhà nước thời Đinh phải có một tổ chức võ trang thống nhất với một lực lượng quân đội mạnh, biết sử dụng vũ khí thành thạo, nếu muốn không phải trở lại cảnh mất nước. Tổ chức quân

1. F. Ăng ghen: — *Nguồn gốc của gia đình của tư hữu và của Nhà nước*, Sđd, tr. 261—262.

https://tieulun.hopto.org

đội này đã thực sự làm tròn chức năng của nó, đáp ứng được yêu cầu của lịch sử. Nó đã biết chiến đấu và chiến thắng. Lịch sử đã chứng minh và kiểm tra hiệu lực của nó trong chiến thắng giặc Tống lần thứ nhất vào cuối năm 980 đầu năm 981.

Về luật pháp, tòa án và nhà tù, sử chép: « Vua đặt vạc dầu lớn ở sân triều, nuôi hổ ở trong cũi, hạ lệnh rằng: « Kẻ nào phạm pháp sẽ bị nấu vạc dầu, bị hổ ăn thịt ». Bọn tù tội sợ phục, không dám trái mệnh » (1). Tại kinh đô Hoa Lư hiện nay còn di tích động An Tiêm theo truyền thuyết là hang nuôi cọp và Ao Dài — nơi thả thuồng luồng, để trừng trị người phạm tội.

Những «phép», « mệnh » của nhà Đinh cụ thể ra sao không được sử sách ghi lại, nhưng chắc chắn chưa phải là luật pháp theo đúng nghĩa của nó, nhưng cũng không chỉ dừng lại ở luật tục của một địa phương, một vùng, mà đã từ luật tục trong xã hội được nêu lên thành «phép nước». Cùng với sự trưởng thành của tổ chức bộ máy quản lý đất nước « phép nước » này sẽ được trở thành luật pháp trong việc « đặt luật lệ pháp lệnh » vào năm 1002, cuối đời Lê Hoàn (2).

Điều cần lưu ý là những hoạt động quân sự, luật pháp về danh nghĩa tập trung quyền điều hành trong tay nhà vua theo nguyên tắc bất di bất dịch của chế độ quân chủ trung ương tập quyền, nhưng trong thực tế đã có sự phân công, phân nhiệm cho người chuyên trách có danh vị, chức tước hẳn hoi. Lê Hoàn giữ chức Thập đạo tướng quân. Về luật pháp có Sĩ sư Lưu Cơ,

1. *Việt sử lược*, Sđd, tr. 50, *Toàn thư* và *Cương mục* đều chép tương tự.

2. *Cương mục*, tập III, sđd, tr. 28; *Toàn thư*, sđd, tr. 228.

https://tieulun.hoptq.org

một chức quan chuyên về xét xử, thi hành luật pháp. Với nhà nước thời Đinh, có thể nói lần đầu tiên trong lịch sử, chức năng bạo lực cùng với công cụ của nó được xác lập rõ ràng, tuy nhiên còn có mặt chập chững, ban đầu với những nét thô phác như luật pháp chẳng hạn.

Từ những điều ghi chép sơ sài nhưng khá cơ bản cho phép ta nghĩ rằng công cụ bạo lực của nhà nước thời Đinh nhằm hai mục đích rõ rệt: chống giặc ngoài để bảo vệ quyền độc lập và trừng trị kẻ chống đối bên trong để bảo vệ phép nước. Phép nước ở đây xét cho cùng, về cơ bản không ngoài vì lợi ích của dẳng cấp cầm quyền. Đó là quyền thống trị một quốc gia độc lập thống nhất, quyền hưởng sản phẩm thặng dư của xã hội dưới hình thức thu cống nạp tô thuế. Tuy nhiên, trong hồi cảnh lịch sử của thế kỷ X, việc tập trung quyền lực nhằm củng cố khối thống nhất đất nước, bảo vệ bộ máy quản lý nhà nước trung ương tập quyền không chỉ vì lợi ích riêng của dẳng cấp thống trị mà còn là yêu cầu cấp thiết của lịch sử, vì lợi ích sống còn của nhân dân. Mọi hoạt động chia cắt, mưu toan phân tán, tách ra khỏi khối thống nhất quốc gia đều trái với lợi ích chung của xã hội. Mặt khác, với một xã hội đã phát triển như xã hội Đại Cồ Việt hồi thế kỷ X, việc quản lý điều hành công việc chung đòi hỏi phải có một tầng lớp đặc biệt thoát ly lao động đảm nhiệm. Đó chính là dẳng cấp cầm quyền bao gồm các tầng lớp có của (động sản và bất động sản) dưới nhiều dạng và nắm quyền thống trị quốc gia Đại Cồ Việt. Họ vừa là kẻ thống trị, đồng thời đại diện cho các thành viên trong xã hội. Lợi ích của họ còn gắn liền với lợi ích của nhân dân. Lần giở những điều ghi chép của sử sách cũng như truyền thuyết về thời Đinh, người ta chưa gặp một dấu hiệu phản ánh mâu

https://tieulun.hopto.org

thuần sâu sắc giữa đẳng cấp thống trị và quần chúng bị trị. Điều đó sẽ thành phổ biến ở các thế kỷ sau. Tuy nhiên, không phải vì thế mà nhà nước thời Đinh không sử dụng công cụ bạo lực nhằm bảo vệ lợi ích riêng của nó. Nhưng trong buổi đầu xây dựng lại đất nước, công cụ đó tồn tại và được sử dụng chủ yếu và trước hết vì lợi ích chung của toàn thể xã hội : thống nhất đất nước và độc lập dân tộc. Và do đó nhà Đinh hiện ra trong lịch sử như một nhà nước quân chủ trung ương tập quyền nhưng còn gần gũi với dân chúng, mang màu sắc dân dã.

b) Chức năng tổ chức và quản lý.

Tổ chức và quản lý là hai việc làm khác nhau nhưng có quan hệ gắn bó chặt chẽ. Để quản lý một quốc gia, một xã hội không thể không tiến hành tổ chức và dựa vào hệ thống tổ chức đó để hoạt động. Ngược lại, để đảm bảo hoạt động của các tổ chức một cách đều đặn và có hiệu lực, không thể không tiến hành việc quản lý. Nhà Đinh ra đời đã kế thừa việc tổ chức và quản lý quốc gia độc lập tự chủ do họ Khúc họ Dương, đặc biệt là họ Ngô, từng đặt nền móng trong vòng 40 năm đầu thế kỷ X. Vào lúc nhà Ngô suy yếu, đất nước lâm vào tình trạng không ổn định gần 20 năm (từ 951 đến 968), trong đó có hai năm bộ máy nhà nước không tồn tại (966—967). Tuy nhiên, với một quốc gia có lịch sử dựng nước lâu dài, với một tổ chức xã hội gồm những « công xã nông thôn » đã và đang hóa thân thành hương, giáp, xã từng cố kết nhau lại vì lợi ích sống còn, vừa vùng dậy lật đổ ách đô hộ hàng ngàn năm thì không một thế lực nào có thể làm tan vỡ được. Mặt khác, tính biệt lập, khép kín vẫn là đặc điểm vốn có của tổ chức công xã theo đúng nghĩa

https://tieulun.hopto.org

của nó đã bị phá vỡ từng mảnh trong quá trình vận động lịch sử và phát triển xã hội. Lịch sử hai mươi năm đấu tranh dẫn đến sự ra đời của nước Đại Cồ Việt đã chứng minh điều đó. Cơn bão táp « 12 sứ quân » tuy có làm lung lay, đổ vỡ tổ chức bên trên của xã hội, của quốc gia, nhưng cơ sở giáp, xã, sách, động... của nó hầu như vẫn nguyên vẹn. Đó là yếu tố thuận lợi cơ bản để nhà Đinh bắt tay vào tổ chức lại và tiến hành thống nhất quản lý đất nước một cách nhanh chóng và có hiệu quả.

Để thấy rõ sự thay đổi mạnh mẽ của tổ chức quản lý đất nước thời Đinh, chúng ta thử so sánh hệ thống phân cấp tổ chức hành chính nhà Đinh với các hệ thống tổ chức trước đó.

An Nam đô hộ phủ (thuộc Đường)	Chính quyền tự chủ (họ Khúc, họ Dương)	Nhà nước vương triều Ngô	Nhà nước Đ, Cồ Việt
Châu	Lộ	(không rõ)	Đạo
Huyện	Phủ		
Hương	Châu		
Xã	Giáp, xã		Giáp,...

Tư tài liệu lộn xộn và rời rạc được ghi chép trong sử sách, dựng lên một bản so sánh như trên hẳn rằng khó có thể khẳng định độ chính xác hoàn toàn của nó, mà chỉ hy vọng nắm bắt được những nét lớn trong sự thay đổi của hệ thống.

https://tieulun.hopto.org

Qua bản so sánh trên, nổi bật mấy điểm cần được đặc biệt lưu ý khi nhìn nhận việc tổ chức quản lý đất nước của nhà Đinh.

Trước hết nhà Đinh đã tiến hành cải tổ một cách triệt để về tổ chức quản lý đất nước. Tinh thần đó được thể hiện rõ ở việc đặt tên nước Đại Cồ Việt và một bộ máy triều đình do hoàng đế đứng đầu. Cùng với việc xóa bỏ cái gọi là « An Nam đô hộ phủ » — con đẻ của bọn đô hộ nhà Đường, xác lập tên nước Đại Cồ Việt độc lập tự chủ, hoàng đế Đại Cồ Việt đã xóa bỏ luôn cả tên gọi các đơn vị hành chính cũ, giành giữ vị kiên quyết thực hiện quyền phân chia, sắp đặt các khu vực hành chính của đất nước. Đơn vị « đạo » trên đất Đại Cồ Việt do hoàng đế Đại Cồ Việt phân định xuất hiện. Như đã trình bày ở phần trên, hệ thống tổ chức hành chính của nhà Đinh không thấy có các phủ, châu, phải đợi đến nhà Tiền Lê mới khôi phục lại vào năm 1002. Như vậy phải chăng một hệ thống chính quyền ba cấp đã xuất hiện ở thời Đinh? Giữa trung ương và cấp cơ sở chỉ còn một cấp trung gian là cấp đạo.

Điều đặc biệt khác cần lưu ý là trong hệ thống tổ chức quản lý đó, một đơn vị hành chính đồng thời là cơ sở của một đơn vị quân sự: 10 đạo hành chính, đồng thời là 10 đạo quân. Hiện tượng đó không chỉ biểu thị sự kết hợp chặt chẽ giữa hành chính và quân sự trong tổ chức quản lý quốc gia mà còn nhằm thực hiện có hiệu lực chế độ tập trung thống nhất quyền huy động và điều khiển lực lượng võ trang trong phạm vi toàn quốc.

Từ tình hình trên có thể suy ra rằng nhà Đinh đã thực hiện cải tổ triệt để và nâng cao hệ thống tổ chức

https://tieulun.hopto.org

quản lý hành chính đã có cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện mới, bảo vệ khối thống nhất đất nước, thực thi chế độ tập quyền một cách có hiệu quả hơn. Một hệ thống chính quyền ba cấp kết hợp giữa hành chính và quân sự nhằm thực hiện quyền lực tối cao của nhà vua đối với các địa phương, đồng thời đảm bảo hiệu lực của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền đối với cơ sở. Hệ thống tổ chức quản lý đó tuy còn đơn giản nhưng không kém hiệu lực trong việc khắc phục tình trạng phân tán, tự trị của các « công xã nông thôn » tự trị, đưa chúng vào quỹ đạo chung của quốc gia quân chủ trung ương tập quyền.

Mục tiêu quản lý của nhà Đinh thông qua hệ thống tổ chức trên chắc chắn không ngoài hai đối tượng : *ruộng đất* và *con người*, nhằm thu tô thuế, cống phẩm và huy động nghĩa vụ lao dịch, binh dịch để cung phụng nuôi dưỡng bộ máy nhà nước quân chủ, đồng thời tiến hành những công việc chung : quốc phòng, giao thông, thủy lợi, các công trình xây dựng... vì lợi ích chung của toàn xã hội.

Như đã biết, đơn vị hành chính cấp cơ sở của quốc gia Đại Cồ Việt là giáp, xã, sách, động... Từ thời thuộc Đường, hương (sau đổi thành giáp), xã đã lấy đơn vị hộ làm tiêu chuẩn để phân định lớn nhỏ. Điều đó có nghĩa là hộ gia đình không chỉ là đơn vị kinh tế của xã hội, là tế bào của xã hội mà còn là đơn vị quản lý của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền.

Căn cứ vào hệ thống tổ chức quản lý, vào kết cấu kinh tế – xã hội thời Đinh, chúng tôi thử lập một mô hình, quản lý của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền đó như sau :

https://tieulun.hopto.org

Mô hình trên phản ánh nét chung nhất trong tổ chức quản lý của nhà nước thời Đinh. Giáp, xã... như đã nói ở phần trên, được quan niệm như những « công xã lệ thuộc », là đơn vị hành chính cơ sở chịu sự quản lý trực tiếp của nhà nước, đồng thời là cơ sở tồn tại của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền. Sự tồn tại phổ biến và giữ vai trò thống trị của chế độ sở hữu chung về ruộng đất của giáp, xã đã buộc thành viên xã hội từng tập hợp theo đơn vị kinh tế hộ gia đình bám vào giáp, xã... như « con ong bám vào bầy ». Mặt khác, thông qua sự quản lý trực tiếp của giáp, xã... các thành viên trong xã hội trở thành thần dân của nhà nước quân chủ đứng đầu là một hoàng đế.

Mô hình giả thiết về tổ chức quản lý xã hội được dựng lên từ những nhận biết về nhà nước và xã hội thời Đinh như trên phản ánh những nét khái quát có tính chất mẫu mực về tổ chức và quản lý, được các nhà nước tiếp theo kế thừa trong lịch sử trung đại nước ta. Trong quá trình phát triển lịch sử với sự xuất hiện phổ biến của chế độ sở hữu tư nhân, sở hữu phong kiến về ruộng đất, các nhà nước quân chủ trung ương tập quyền tiếp theo đã từng nhiều lần sắp đặt điều chỉnh lại việc tổ chức quản lý đất nước cho phù hợp, nhưng xét cho cùng cũng chỉ là những biến động trên một nguyên mẫu như mô hình trên. Đó chính là đặc trưng phương Đông khá rõ nét của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền Đại Cồ Việt, mà tàn dư của nó còn được bảo lưu dai dẳng trong quá trình vận động và phát triển của nhà nước từ sau thế kỷ X.

c) Chức năng cải tạo và xây dựng.

Cải tạo và xây dựng là chức năng cực kỳ quan trọng của mọi nhà nước, không chỉ vì lợi ích của giai

https://tieulun.hopto.org

cấp thống trị, mà còn vì lợi ích trước mắt cũng như lâu dài của toàn xã hội. Cải tạo và xây dựng, với ý nghĩa tốt đẹp của nó, thực chất là vì tiến bộ và phát triển của xã hội, vì lợi ích chung. Nó bao hàm chức năng « công trình công cộng » mà K. Mác và F. Ăng ghen đã nói về các chính phủ phương Đông khi bàn tới Ấn Độ dưới sự thống trị của tư bản Anh. K. Mác nhấn mạnh đến mặt kinh tế, đặc biệt là nông nghiệp với hệ thống tưới nước nhân tạo. K. Mác viết: « Ở Ai Cập và ở Ấn Độ cũng như ở vùng Mésopotamie, ở Ba Tư và ở các nước khác, người ta lợi dụng nạn lụt để làm cho đất đai thêm màu mỡ : mức nước lớn được sử dụng để cung cấp nước cho các sông đào. Sự tất yếu sơ đẳng đó về việc sử dụng nước một cách tập thể và tiết kiệm, ở phương Tây, đã buộc các nhà kinh doanh tư nhân phải liên hợp thành những hội tự nguyện, như ở Flandre và ở Ý, thì ở phương Đông — nơi mà nền văn minh còn ở trình độ quá thấp, và quy mô đất đai quá rộng để có thể tổ chức những hội tự nguyện như thế — nó lại đòi hỏi bức thiết phải có sự can thiệp của chính quyền nhà nước tập trung. Do đó, mới xảy ra cái chức năng kinh tế mà tất cả các chính phủ châu Á đều bắt buộc phải thực hiện, cụ thể là chức năng tổ chức các công trình công cộng » (1). Phát hiện của K. Mác, F. Ăng ghen, mặc dù còn dừng lại ở một châu Á hạn chế về không gian, nhưng hoàn toàn phù hợp với các quốc gia phương Đông (2). Ở nước ta, vấn đề trị thủy thủy lợi ngay từ xa xưa đã trở thành vấn đề bức thiết, sống còn mà ấn

1. K. Mác. — *Sự thống trị của Anh ở Ấn Độ* trong *Tuyển tập Mác — Ăng ghen*. Tập II, NXB Sự thật, Hà Nội, 1981, tr. 554.

2. Chu Văn Tần — *Vai trò của thủy lợi trong lịch sử các nước phương Đông — Nghiên cứu Lịch sử* các số 84 (tháng 3 năm 1966) và 85 (tháng 4-1966).

https://tieulun.hopto.org

tượng của nó còn đọng lại khá sâu đậm trong truyền thuyết về Sơn Tinh và Thủy Tinh. Tuy nhiên, ở trường hợp cụ thể của quốc gia Đại Cồ Việt và nhà nước thời Đinh trong thời điểm lịch sử cụ thể đang được xem xét, thì nội dung của chức năng này còn có thể và cần phải được điều chỉnh và mở rộng. Trong trường kỳ lịch sử của dân tộc ta, đặc biệt vào thế kỷ X nổi lên hàng đầu vẫn là mục tiêu giành giữ độc lập tự chủ và củng cố nền thống nhất đất nước. Thủy lợi là cần thiết, thường xuyên, nhưng chưa phải là điều cấp bách, bức thiết như từ thời Lý—Trần hoặc sớm hơn, có thể kể từ Tiền Lê về sau, khi mà nền độc lập tự chủ đã được xác lập một cách vững vàng. Vào thế kỷ X, về nông nghiệp mở đầu một thời kỳ cư dân ào ạt theo các triền sông tràn xuống chiếm lĩnh những vùng đất mới, khai hoang mở rộng diện tích canh tác và cư trú tại vùng đất cao ở miền hạ lưu các dòng sông và đồng bằng ven biển. Không thấy sử sách chép về việc đắp đê, đào sông ở thời Đinh. Qua thần phả, truyền thuyết chúng ta chỉ thấy có khai hoang và lập làng.

Xuất phát từ tình hình cụ thể của quốc gia Đại Cồ Việt, chức năng này cần được mở rộng đến các lãnh vực chính trị — quân sự, kinh tế và văn hóa xã hội.

Về chính trị và quân sự. Nổi bật nhất là cải tạo và xây dựng một nhà nước quân chủ trung ương tập quyền kết hợp giữa chính trị và quân sự như đã trình bày ở phần trên. Đó là một bộ máy nhà nước độc lập tự chủ của người Việt với một chính sách hòa hợp, gắn gũi cơ sở, gắn bó chặt chẽ giữa lợi ích của giai cấp thống trị với lợi ích của cộng đồng. Một nhà nước quân chủ trung ương tập quyền kết hợp với một tổ chức quân đội mạnh chắc chắn không phải là sản phẩm chủ quan của một cá nhân, một tập đoàn, mà là một sản phẩm

https://tieulun.hopto.org

của thời đại, có kế thừa, cải tạo và nâng cao di sản quá khứ trong hoàn cảnh và điều kiện lịch sử cụ thể của những năm giữa thế kỷ X.

Ở đây, về chính trị ngoài việc cải tạo và xây dựng bộ máy tổ chức quản lý nhà nước như đã trình bày, cần phải bổ sung và nhấn mạnh đến mặt hoạt động đối ngoại của nhà nước thời Đinh.

Đối ngoại là một hoạt động cần thiết của nhà nước nhằm thực hiện thắng lợi đường lối chính sách xây dựng đất nước thể hiện trong mối quan hệ với các quốc gia hữu quan. Vì vậy, hoạt động đối ngoại xét cho cùng không chỉ biểu thị thái độ, quan hệ của nhà nước, của tập đoàn thống trị đối với nước ngoài mà còn bao hàm nội dung dân tộc mà nhà nước là người đại diện và chịu trách nhiệm trước lịch sử.

Từ buổi đầu lập nước, nước ta đã có quan hệ với các nước gần gũi láng giềng, chủ yếu là Trung Hoa. Mối quan hệ đó từ trước cho đến thế kỷ X như thế nào sử đã ghi rõ. Từ thế kỷ X, trong buổi đầu lập nước tự chủ, mối quan hệ với Trung Hoa vẫn là điều đặc biệt quan tâm trong hoạt động đối ngoại của các tiết độ sứ họ Khúc, họ Dương và của vương triều Ngô. Từ lâu đời, lịch sử đã đặt quốc gia mang tên Đại Cồ Việt từ khi nhà Đinh xuất hiện, ở một vị trí liền kề quốc gia Trung Hoa rộng lớn, có lịch sử phát triển lâu đời gắn liền với lịch sử thâu tóm các nước nhỏ láng giềng. Nhà Đinh ra đời trong điều kiện nền độc lập tự chủ vừa mới khôi phục được trọn vẹn, triệt để từ tay bọn phong kiến đô hộ và xâm lược Trung Hoa vừa tròn 30 năm kể từ chiến thắng Bạch Đằng 938. Mối quan hệ thù địch từng bộc lộ công khai (xâm lược nô dịch và chống nô dịch) hoặc ở dạng tiềm ẩn (ràng buộc, khống chế)

https://tieulun.hopto.org

cần phải được cải tạo, hạn chế đến mức tối thiểu để chuyển sang một quan hệ bang giao hữu nghị, bình đẳng, đó là yêu cầu khách quan vì lợi ích của nhân dân cả hai phía.

Theo dõi lịch sử, vào năm 968 khi nhà Đinh xác lập, thì ở Trung Quốc, Triệu Khuông Dận đã lập nên nhà Tống; lên ngôi vua từ năm 960, nhưng đất nước còn nằm trong tình trạng chia cắt của 6 tiểu quốc : Hậu Thục, Nam Đường, Ngô Việt, Kinh Nam, Bắc Hán và Nam Hán. Đối thủ trước mặt và trực tiếp của nhà Đinh và quốc gia Đại Cồ Việt là Nam Hán — một vương quốc từng xâm lược nước ta hai lần vào các năm 931 và 938. Nhưng lúc này Nam Hán đang đứng trước nguy cơ bị nhà Tống tiêu diệt. Lợi dụng thời cơ có lợi, Đinh Bộ Lĩnh sau khi dẹp loạn, khôi phục nền thống nhất lập tức lên ngôi hoàng đế, đặt tên nước Đại Cồ Việt định đô Hoa Lư (968), lập con trai là Đinh Liễn làm Nam Việt vương (969), đặt niên hiệu Thái Bình (970) nhằm khẳng định một quốc gia có chủ quyền độc lập.

Cũng vào năm 970, Tống Thái Tổ sai tướng là Phan Mỹ đi đánh Nam Hán và thôn tính nước này vào năm 971. Trước mặt nhà Đinh là nhà Tống đang ở thế vươn lên thống nhất Trung Hoa đã trở thành đối thủ duy nhất và trực tiếp. Năm 971 khi Nam Hán bị diệt thì Đinh Bộ Lĩnh đã tổ chức triều đình, đặt phẩm cấp cho quan lại, lập 10 đạo quân, cử Lê Hoàn làm Thập đạo tướng quân chỉ huy quân đội cả nước. Sang năm 972 nhà Đinh cắt cử Đinh Liễn — tước Nam Việt vương — con trai hoàng đế Đại Cồ Việt sang giao hảo với nhà Tống và biếu sản vật địa phương (1). Quan hệ bang giao với nhà nước Trung

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 206 ; *Cương mục*, sđd, tr. 6.

https://tieulun.hopto.org

Hoa dưới hình thức giao hảo, biếu phương vật, xin phong tước hiệu của hoàng đế Đại Cồ Việt thực chất là tranh thủ sự đồng tình đi đến công nhận nền độc lập chủ quyền của mình trước một quốc gia láng giềng lớn mạnh. Việc này đã từng đặt ra và được thực hiện từ thời họ Khúc. Về phía nhà nước phong kiến Trung Hoa, trong thực tế lại muốn duy trì ách thống trị đối với quốc gia nhỏ bé láng giềng phương Nam. Nhưng một khi không hoặc chưa thực hiện được mục đích đó thì chờ đợi một sự «cống nạp» «biếu xén», xin phong tước hiệu được quan niệm như một sự «thần phục». Nhà Đinh không thể không rút kinh nghiệm và tiếp thu bài học lịch sử của các chính quyền họ Khúc, họ Dương, họ Ngô trong quan hệ bang giao với phương Bắc. Nhưng có sự khác nhau đặc biệt quan trọng là nhà Đinh đã chuẩn bị chu đáo, tạo điều kiện và thời cơ có lợi nhất để giành thế chủ động trong quan hệ với nhà Tống và đã giành được thắng lợi vẻ vang.

Trở lại với sự kiện lịch sử, hoạt động bang giao với nhà Tống của Đinh Bộ Lĩnh hiện ra hai chặng rõ rệt. Chặng đầu từ khi lên ngôi hoàng đế đến quan hệ bang giao lần thứ nhất vào năm 970. Trong chặng này, nhà Đinh đã chủ động giành được thế bình đẳng trong quan hệ bang giao giữa hai quốc gia độc lập thống nhất do vua Tống và vua Đinh đứng đầu.

Từ bình đẳng đến bình quyền là nội dung của chặng tiếp theo, rõ rệt nhất là vào các năm từ 972 đến 975 chung quanh việc phong tước hiệu.

Sử chép sau lần đi sứ của Nam Việt vương Đinh Liễn vào năm 972, sang năm sau, năm 973, vua Tống sai sứ phong Đinh Bộ Lĩnh làm Giao Chỉ quận vương và Đinh Liễn làm Kiểm hiệu thái sư Tĩnh hải quân Tiết

https://tieulun.hopto.org

độ sứ An Nam đô hộ (1). Ba năm sau, vào năm 975, sau lần sứ giả Trịnh Tú đem sản vật địa phương sang biếu, vua Tống lại sai sứ sang phong Đinh Liễn làm Khai phủ nghi đồng tam ty, kiêm hiệu thái sư Giao Chỉ quận vương (2). Việc đem tước đã phong cho Đinh Bộ Lĩnh để phong cho Đinh Liễn đã làm cho các sử gia triều Nguyễn băn khoăn thắc mắc, còn Tự Đức lại nghi hoặc (3). Điều đáng quan tâm là sau năm năm hoạt động bang giao, nhà Đinh đã đi đến kết quả : Vua Tống hủy bỏ chức Tiết độ sứ, phong cho Đinh Liễn, con trai của hoàng đế Đại Cồ Việt, làm Giao Chỉ quận vương. Tống Thái Tổ đã làm một việc mà Đinh Bộ Lĩnh đã thực hiện từ 7 năm trước — năm 969. Uy quyền của vua Tống không thể vượt quá uy quyền của hoàng đế Đại Cồ Việt : cùng phong tước vương cho Đinh Liễn. Cùng có quyền phong vương, nhưng Tống Thái Tổ còn nuối tiếc quá khứ đô hộ của mình khi dùng « Giao Chỉ quận », còn Đinh Bộ Lĩnh khẳng định dứt khoát sự hiện diện độc lập của một nước Việt phương Nam (Nam Việt).

Tiếp nối hoạt động đối ngoại của quá khứ, nói theo thuật ngữ hiện đại, nhà Đinh đã vận dụng kinh nghiệm lịch sử một cách sáng tạo : một nguyên tắc cứng rắn được thực hiện bằng những biện pháp mềm dẻo, và đã giành được thế đứng hiên ngang cho quốc gia Đại Cồ Việt còn non trẻ.

Về kinh tế, một mặt khá quan trọng quyết định sự tồn tại độc lập và vững mạnh toàn diện của đất nước, tiếc thay chính sử hầu như không chép một mảy may.

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 206 — 207 ; *Cương mục*, sđd, cũng chép tương tự.

2. *Toàn thư*, sđd, tr. 207 ; *Cương mục*, sđd, tr. 7.

3. *Cương mục*, sđd, tr. 7 và 8. Lời phê của Tự Đức và *Lời cẩn án* của sử gia.

https://tieulun.hopto.org

Cố gắng tìm kiếm may lắm cũng chỉ có được một vài tín hiệu gián tiếp lẻ lói qua những ghi chép về quy định trang phục cho quan lại văn võ, trang bị đồng phục cũ « tứ phương bình định » cho quân lính ; về các lần biếu phương vật cho nhà Tống. Đặc biệt vào năm 976 đã có hiện tượng : « thuyền buôn của nước ngoài đến dâng sản vật của nước họ » (1).

Bổ sung vào đó, qua thư tịch Trung Hoa ta biết thêm nhà Đinh vào năm 970 có đúc tiền. Đó là các đồng tiền «Thái Bình hưng bảo» mặt sau có chữ «Đinh» (2). Các thông tin đó cho phép nghĩ đến một sự có mặt của thủ công nghiệp, đặc biệt là ngành dệt, ngành thuộc da, ngành may mặc và sự mở mang thương nghiệp. Nếu như sử ít ghi chép thì tài liệu khảo cổ học và nguồn thần phả lại bổ sung cho chúng ta đôi điều cần thiết.

Qua nhiều lần khai quật, thám sát ở Hoa Lư do ngành khảo cổ học kết hợp với bảo tàng lịch sử ở trung ương và địa phương Hà Nam Ninh tiến hành, người ta đã phát hiện được tại vùng cố đô của quốc gia Đại Cồ Việt nhiều di vật với một khối lượng khá lớn, phong phú, gồm nhiều lớp từ thời Bắc thuộc, thế kỷ X và các thế kỷ sau, trong đó có gốm, gạch, đá (3). Riêng về thế kỷ X, có thể xác định được nhóm di vật của kinh đô Hoa Lư nói chung, nhưng thật khó khăn, hầu như chưa

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 207.

2. Dẫn theo Đỗ Văn Ninh. — Tiền cổ thời Lý Trần. *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6, tháng 11, 12-1979.

3. Báo cáo khai quật khu di tích Hoa Lư 1971—1978 của Ty Văn hóa Thông tin Hà Nam Ninh. Tài liệu đánh máy lưu trữ tại Bảo tàng Hà Nam Ninh.

Trần Đăng Ngọc. — «Vài nét về kinh tế Hoa Lư» trong *Thế kỷ X — Những vấn đề lịch sử*, sđd, tr. 232—250.

https://tieulun.hopto.org

làm được bao nhiêu là phân biệt giữa hai lớp Đinh và Tiền Lê. Tuy nhiên, ít nhất qua những di vật về cột kinh Phật, về gạch, cùng với sự có mặt của tiền « Thái Bình hưng bảo » được biết, có thể khẳng định sự phát triển của thủ công nghiệp bao gồm nghề mộc, nghề gốm gạch, nghề đục đá và hoạt động thương nghiệp, trong đó vai trò của tiền tệ với tư cách là vật ngang giá chung, đã được quan tâm mở mang dưới thời Đinh. Cũng tại khu vực Hoa Lư, với sự tạo dựng của nhà Đinh, một trung tâm kinh tế của đất nước xuất hiện ghi nhận sự xuất hiện thêm một đô thị trong lịch sử trung đại nước ta (1).

Về kinh tế nông nghiệp, nguồn thần tích, thần phả cho biết trong đội ngũ quan tước của nhà Đinh có Bùi Quang Dũng, từng ủng hộ Đinh Bộ Lĩnh đánh dẹp 12 sứ quân, được phong Trấn Đông tiết độ sứ giữ việc quản lý khai khẩn vùng Cửa Bố, tỉnh Thái Bình ngày nay (2). Ngoài ra tài liệu sưu tầm và phát hiện ở Hà Nam Ninh còn cho biết thời Đinh có những người như Lê Khai, khai khẩn lập làng ở hành cung huyện Nghĩa Hưng, được nhân dân ghi nhớ công ơn, tôn thờ làm thành hoàng (3). Nguồn tài liệu này cho đến nay chưa phát hiện được nhiều, nhưng ít nhất cũng cho ta biết trong kinh tế nông nghiệp thời Đinh, hướng khai hoang

1. Xem thêm Nguyễn Hồng Mao : « Bước đầu tìm hiểu thương nghiệp thế kỷ X ». — « *Thế kỷ X — những vấn đề lịch sử* » — sđd, tr. 76-81. Và Báo cáo khai quật khu di tích Hoa Lư 1977 — 1978 đã dẫn.

2. Hồ sơ kiểm tra di tích lịch sử đợt II tỉnh Thái Bình, Ty Văn hóa Thông tin Thái Bình 1968, tài liệu đánh máy.

3. Theo Bùi Văn Tam : « Nhân dân huyện Vụ Bản với sự nghiệp thống nhất của Đinh Bộ Lĩnh » trong *Kỷ yếu hội nghị khoa học về thế kỷ X*, tài liệu đánh máy của Ủy ban Nhân dân Hà Nam Ninh — Viện Sử học, tháng 9-1982.

https://tieulun.hopto.org

lận lâng, mở rộng diện tích canh tác xuống vùng đồng bằng và ven biển là một thực tế và đã được nhà Đinh quan tâm thực hiện.

Về văn hóa xã hội. Trước hết cần đề cập đến kinh đô Hoa Lư, một trung tâm văn hóa gắn liền với nhà Đinh, được nhà Tiền Lê mở mang thêm. Cần khẳng định ngay rằng tất cả những gì do con người xây dựng còn lại cho đến nay ở Hoa Lư đều do đời sau tạo dựng. Còn chăng chỉ là những hang động, thành lũy thiên nhiên, khu vực đất đai gắn liền với những truyền thuyết về hoạt động xây dựng của nhà Đinh. Tất cả di vật trên mặt đất đều đã bị tiêu hủy theo thời gian, chỉ còn lại những di vật chôn vùi trong lòng đất, nhưng rất khó phân biệt tách bạch như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, tất cả những điều đó không ngăn cản một sự nhìn nhận về công trình văn hóa lớn của nhà Đinh — kinh đô Hoa Lư. Hãy gác sang một bên ý nghĩa chính trị, giá trị quân sự của việc chuyển đô từ Cổ Loa (thời Ngô) đến Hoa Lư, đúng ra là chọn đất định đô ở Hoa Lư, mà chỉ nhìn nhận vấn đề từ góc độ văn hóa và văn minh. Có lẽ không nên vì tác động của lời Lý Thái Tổ trong *Chiếu dời đô* cho rằng Hoa Lư ẩm thấp chật hẹp và trách cứ : « hai nhà Đinh, Lê lại theo ý riêng, coi thường mệnh trời, không noi theo việc cũ Thương Chu, cứ chịu yên đóng đô ở đây, đến nỗi thế đại không dài, vận số ngắn ngủi, trăm họ tổn hao, muôn vật không hợp » (1) mà đánh giá thấp công trình văn hóa kinh đô Hoa Lư của nhà Đinh.

Trước hết, cần phải nhắc lại việc chọn đô ở Hoa Lư không hoàn toàn chịu sự chi phối của tâm lý cá nhân người cầm đầu quốc gia mà chủ yếu là do yêu cầu khách quan của lịch sử — xã hội

1. Đại Việt sử ký toàn thư, sđd, tr. 241.

https://tieulun.hopto.org

quy định. Đó là yêu cầu phòng giữ và xây dựng lại đất nước vào thế kỷ X (1). Hoa Lư vào thế kỷ X ở thế hiểm trở nên không phải chỉ là ngập trũng, hoang vu, thưa thớt. Điều đó được chứng minh bằng tư liệu khảo cổ học. Lớp văn hóa thời Bắc thuộc được khai quật hoặc phát hiện tình cờ tại khu vực Hoa Lư ven sông Hoàng Long cho biết ít nhất nơi đây đã từng là điểm tụ cư đông đúc, đô hội trên bến dưới thuyền (2). Đã vậy, Hoa Lư nói chung như đã trình bày nằm trên trục đường giao thông Bắc - Nam cả thủy lẫn bộ. Lớp di vật thế kỷ X bao gồm những cột kinh Phật, lớp trát mỏng với nền gạch trang trí hoa sen, phượng múa, bướm bay chỉ có ở thời Đinh - Lê, kết hợp với những địa danh gắn liền với truyền thuyết hiện còn, chứng minh Hoa Lư một thời gian oanh liệt, đã từ một tụ điểm cư dân đông đúc ở vị trí yết hầu trên trục đường Nam-Bắc được nâng lên thành quốc đô.

Điều quan trọng hơn là nhà Đinh không chỉ biết lợi dụng, kết hợp một cách tuyệt vời địa hình tự nhiên với việc xây dựng, mà còn gia công, hoàn chỉnh bộ mặt thiên nhiên vì lợi ích của con người.

Cách Hà Nội khoảng 100 km về phía Nam, cách thị xã Ninh Bình khoảng 10 km về phía Tây - Bắc, kinh đô Hoa Lư lọt vào giữa một vùng núi đá vôi gần như bọc kín thuộc huyện Hoa Lư, tỉnh Hà Nam Ninh ngày nay. Qua nhiều lần khảo sát, điều tra, ngành Khảo cổ học kết hợp với ngành Bảo tồn bảo tàng đã phát hiện hầu như rõ nét phạm vi kinh đô Hoa Lư cách đây 10 thế

1. Xem thêm Nguyễn Danh Phiệt. — « Tìm hiểu về chức năng của nhà nước Đại Cồ Việt » trong *Lê Hoàn 1000 năm chiến thắng quân Tống xâm lược*. Sở Văn hóa Thông tin Thanh Hóa xuất bản năm 1985, tr. 37.

2. *Báo cáo khai quật khu di tích Hoa Lư 1977 — 1978* và *Vài nét về kinh đô Hoa Lư*. Tài liệu đã dẫn.

https://tieulun.hopto.org

kỷ. Đó là một cấu trúc liên hoàn gồm hai khu vực khép kín, kề nhau, được gọi là thành ngoài và thành trong(1). Cả hai khu vực có diện tích tương đương nhau, cộng lại khoảng 300 ha, đều được tạo nên do thế núi tự nhiên kết hợp với 10 đoạn tường thành nhân tạo. Tất cả đều nằm trong phạm vi xã Trường Yên, huyện Hoa Lư.

Thành ngoài được gia công thêm bằng 5 đoạn tường thành nhân tạo: đoạn 1, nối từ núi Đầm sang núi Thanh Lâu, được gọi là tường Đông; đoạn 2, nối từ núi Thanh Lâu sang núi Cột Cờ; đoạn 3, nối từ núi Cột Cờ sang núi Chẽ; đoạn 4 nối từ núi Chẽ sang núi Chợ; và đoạn 5, nối từ núi Mã Yên sang chân núi phía đông gọi là tường Vầu.

Thành trong với cấu trúc tương tự, cũng được gia công thêm bằng 5 đoạn tường thành; đoạn 1, nối từ núi Hàm Sá sang núi Cánh Hàn được gọi là tường Dền; đoạn 2, nối từ núi Cánh Hàn sang núi Hang To; đoạn 3, nối từ núi Quèn Đót sang núi Mồng Mang, được gọi là tường Bồ; đoạn 4, nối từ núi Mồng Mang sang núi Cà Chài, được gọi là tường Bìm; và đoạn 5 chia đôi thành trong cũng gọi là tường Vầu (xem sơ đồ kinh đô Hoa Lư ở phần *Phụ lục*).

Mục tiêu đều ở địa thế núi non hiểm trở, nhưng hai thành riêng biệt đó lại được nối liền với nhau bằng một con đường kín đáo, thuận tiện giữa núi Mang Sung và núi Quèn Đót được gọi là Quèn Vòng. Hơn nữa, việc đi lại trong thành và liên lạc với bên ngoài cũng

1. Trần Đăng Ngọc, bài « *Vài nét về kinh đô Hoa Lư* » trong *Thế kỷ X — Những vấn đề Lịch sử*, sđd, tr. 233, dựa vào kỷ ức của nhân dân và di tích, còn nêu giả thiết về một khu thành thứ ba, được gọi là thành Nam, ở phía Nam, nối với thành ngoài bằng đường thủy qua hang Luồn.

https://tieulun.hopto.org

khá thuận tiện nhờ có con đường thủy do các nhánh sông Hoàng Long chảy xuyên qua (1).

Chỉ dừng lại ở những nét khái quát về địa thế tự nhiên và cấu trúc của Hoa Lư đã được phát hiện, ngày nay chúng ta biết được dưới quyền tổ chức và quản lý của nhà Đinh, có sự kế tục của nhà Tiền Lê, lao động sáng tạo của nhân dân ta đã đạt đến mức tuyệt vời, đủ thông minh, trí tuệ và tài nghệ để cải tạo, kết hợp địa thế tự nhiên hiểm trở, phức tạp, xây dựng thành một khu kinh đô nặng tính chất một công trình quân sự có dáng hình độc đáo, làm trung tâm của quốc gia Đại Cồ Việt.

Cho đến nay, Hoa Lư vẫn là một di sản văn hóa lớn của dân tộc, có giá trị về nhiều mặt mà chúng ta chưa khai thác hết được.

Về mặt văn hóa tinh thần, chính sử không chép gì hơn ngoài việc tôn sùng Phật và Đạo, dùng trí thức tăng lữ làm chỗ dựa vào triều đình. Nhà sư Ngô Chân Lưu được ban tước hiệu Khuông Việt sư thái (vị thái sư cứu giúp nước Việt). Đội ngũ tăng lữ chiếm tỷ lệ 1/4 trong số quan chức ở triều đình được biết, như đã trình bày trong phần tổ chức bộ máy quản lý đất nước. Ở thời Đinh, tuyệt nhiên chưa thấy nói đến giáo dục khoa cử. Điều này cũng dễ hiểu. Một nhà nước chưa nhuốm màu Nho giáo, như đã chứng minh, làm sao có thể có được một nền giáo dục khoa cử, mặc dù vào thời bấy giờ các bậc cao tăng đều học Nho và thông thạo chữ Nho. Tuy nhiên, việc học chữ Nho chắc chắn đã xuất hiện, trước hết có lẽ được tiến hành trong các

1. Theo Đỗ Văn Ninh. *Thành cổ Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983, chương I — Thành Hoa Lư, tr. 55—63.

https://tieulun.hopto.org

nhà chùa. Tri thức tăng lữ dùng chữ Nho làm phương tiện để truyền tải tư tưởng Phật, Đạo. Chữ Nho đã lần vào đời sống xã hội Đại Cồ Việt đến mức người thợ đục đá cũng biết chữ để có thể đục được hàng trăm cột kinh Phật như sử đã chép và đã từng phát hiện được. Có giáo dục nhưng không có khoa cử ; biết chữ Nho nhưng không dung nạp, tiếp nhận tư tưởng Nho mà lại tìm về với Phật, Đạo, đó là bộ mặt thật của văn hóa giáo dục thời Đinh. Chỉ riêng việc tổ chức, sắp xếp nội bộ vương triều — một tổ chức quyền lực cao nhất, tập trung nhất của quốc gia — dù chỉ qua những thông tin ít ỏi, rời rạc, cũng đã làm cho các sử gia phong kiến sau này lên án như lời Lê Văn Hưu được trích trong *Đại Việt sử ký toàn thư* trách Đinh Tiên Hoàng « không kê cứu cổ học », « bầy tôi đương thời lại không ai biết ». Hoặc nặng lời như Ngô Thì Sĩ : « Tăng đạo là hạng người nào ? Theo Tôn chỉ của họ thì chỉ là hư không tịch diệt, thế mà cũng cho phẩm trật cao, liệt vào hàng văn võ, khiến cho bọn mũ vàng (đạo sĩ) áo thâm (nhà sư) được xen vào hàng những người ấn vàng dải tía, ăn bạc dải xanh, làm hổ thẹn cho triều đình, nhục nhã cho quốc thể, chẳng là quá lắm sao ? » (1). Những ghi chép của sử sách kết hợp với lời phê phán của các nhà Nho đời sau cho biết rõ Nho giáo và hệ tư tưởng của nó chưa thâm nhập tới cung đình. Nói rõ hơn, nhà nước thời Đinh là sản phẩm văn hóa văn minh Đại Cồ Việt, được xây dựng bằng chất liệu bản địa, dưới sự chỉ đạo của tư tưởng tình cảm của người Việt thể hiện ở phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian được kích thích bằng chất men Phật, Đạo.

1. Phan Huy Chú — *Dịch triều hiến chương loại chí*, mục « Quan chức chí », sđd, tập II, tr. 6.

https://tieulun.hopto.org

Nhìn chung, về mặt văn hóa xã hội, nhà Đinh đã kế thừa và phát huy đến cao độ nền văn hóa cổ truyền của dân tộc từng được duy trì bảo vệ qua hơn ngàn năm đấu tranh chống đô hộ nhằm mục đích khôi phục lại đất nước. Nền văn hóa đó không chỉ thu mình tự thủ trong không gian nhỏ hẹp của bản làng, mà đã bung ra, liên kết và mở rộng biến thành sức mạnh vật chất và tinh thần của một dân tộc đang vươn lên mạnh mẽ dưới sự quản lý của nhà Đinh.

Sự thực lịch sử đã chứng minh rằng nền thống trị phong kiến đô hộ Trung Hoa không phải không có ảnh hưởng, không gây một tác động nào đến xã hội của người Việt. Như một công cụ vô thức của lịch sử, nó đã tác động, dẫn đến sự phân hóa xã hội và để lại những dấu ấn rõ nét, đặc biệt trong kiến trúc, trong ngôn ngữ, trong thể chế gia đình và xã hội của người Việt. Tuy nhiên điều đó không ngăn cản làng bản trở thành một pháo đài vững chắc, một mặt chống trả mọi sự xâm nhập phá hủy của quân thù, một mặt bảo tồn và phát triển tinh hoa của dân tộc. Thử hỏi sức mạnh nào đã buộc bọn thống trị phương Bắc phải thất bại trong âm mưu và hành động xâm lược — đồng hóa kéo dài hơn chục thế kỷ đối với đất nước của người Việt? Cái gì đã buộc cả bộ máy thống trị với đủ các loại công cụ, cả tinh thần lẫn vật chất, phải cuốn gói về nước, nếu có kẻ nào đó ở lại cũng bị đồng hóa, hòa tan trong cộng đồng cư dân bản địa? Đó chính là sức mạnh văn hóa của người Việt đã từng xây dựng, duy trì, vun đắp qua nhiều thế hệ nối tiếp hàng thiên niên kỷ. Hơn một ngàn năm bị đô hộ của ngoại bang, nước mất nhưng nhà không tan, làng bản vẫn còn, vẫn tồn tại. Đó chính là sự phát triển «không bình thường» của cộng đồng quốc gia dân tộc Việt. Quá khứ đô hộ đã

https://tieulun.hopto.org

đất văn hóa xã hội Việt trước hai con đường: một là chịu sự đồng hóa; hai là bảo tồn và phát triển. Không có cái gọi là giậm chân tại chỗ, điều đó có nghĩa là tiêu vong. Cho đến đầu thế kỷ X, nền văn hóa đó đã không bị đồng hóa, chỉ có tiếp thu ảnh hưởng, không những không bị tiêu vong mà có điều kiện phát triển nở rộ ở thời Đinh.

Nhà Đinh, như đã trình bày ở phần tổ chức bộ máy quản lý đất nước, là một nhà nước quân chủ trung ương tập quyền độc lập tự chủ có đặc điểm chưa nhiễm sâu sắc Nho giáo, hòa hợp và rộng mở. Nhà nước đó thể hiện triệt để tinh thần người Việt làm chủ đất nước Việt, ít chuyên chế, gần gũi với cơ sở mặc dù sự kết hợp giữa hành chính và quân sự là nét nổi bật. Mặt khác, cũng từ tổ chức của bộ máy nhà nước đó chúng ta thấy được đặc điểm thô phác, dân dã của nó. Đi sâu thêm vào chức năng, đó là một nhà nước phát triển, văn minh chưa từng có trong lịch sử nước ta từ trước.

Nhà Đinh — bộ máy quản lý quốc gia quân chủ tập quyền do Đinh Bộ Lĩnh dựng đầu không phải là nhà nước đầu tiên của nước ta. Chúng ta đã có nhà nước sơ khai thời Văn Lang — Âu Lạc, lại có các nhà nước xuất hiện ngắn ngủi trong thời kỳ đấu tranh chống Bắc thuộc: nhà nước của Trưng Nữ Vương, nhà nước Vạn Xuân của Lý Nam Đế. Bước sang thế kỷ X, sau khi giành lại được quyền tự chủ, trải qua một quá trình tập dượt, từ họ Khúc, họ Dương, họ Ngô đến nhà Đinh, mở đầu một thời kỳ mới của tổ chức quản lý đất nước trong lịch sử dân tộc.

https://tieulun.hopto.org

Đó là một nhà nước trẻ, trẻ không phải vì mới thành lập, mở đầu cho một thời kỳ lịch sử, mà chủ yếu ở tính thô phác, ở sức bật và khả năng phát triển của nó. Với việc tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ gồm một đội ngũ quan lại có phân công phân nhiệm rành mạch, với việc chia đất nước thành các đơn vị hành chính mới trong cả nước, nhà Đinh đã đặt cơ sở ban đầu cho một mô hình tổ chức nhà nước quân chủ trung ương tập quyền trên đất nước ta.

Mặt khác, là một bộ máy nhà nước đại diện cho lợi ích và sức mạnh của cộng đồng các giáp, xã.. nhà Đinh tượng trưng cho sự đoàn kết tập hợp các lực lượng vì mục đích độc lập tự chủ và thống nhất. Từ ảnh hưởng của quan hệ giao lưu văn hóa giữa các quốc gia trong khu vực, có hiện tượng sử dụng chức tước, danh hiệu của nhà nước phong kiến Tùy Đường, nhưng nhà Đinh vẫn hiện ra là một bộ máy quản lý xã hội làng xã được mở rộng, nâng cao mang tính thô phác, mộc mạc — sản phẩm của văn hóa văn minh nông nghiệp, đậm đà màu sắc bản địa với truyền thống bình dị hài hòa của nó.

Về mặt tư tưởng, tiếp nhận Phật và Đạo, hòa nhập vào tín ngưỡng dân gian cổ truyền, nhà Đinh đã tìm được chất men kích thích phù hợp với đời sống và tâm hồn dân tộc tạo nên sức mạnh trong sự nghiệp khôi phục lại đất nước.

Tuy nhiên cũng cần nhìn nhận rằng Phật, Đạo, đặc biệt là Phật, từng là chỗ dựa tinh thần và có vị trí lớn trong đời sống xã hội Đại Cồ Việt cũng như trong cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước thời Đinh. Nhưng trước sau Phật và Đạo cũng chỉ là tôn giáo, không phải là học thuyết hướng dẫn việc tổ chức và quản lý đất

https://tieulun.hopto.org

nước. Đội ngũ trí thức với tư cách là tầng lớp tinh hoa của xã hội bao giờ cũng giữ một vị trí quan trọng, dù chỉ dừng lại ở vai trò tư vấn cho mọi nhà nước. Ở thời Đinh đội ngũ này đã xuất hiện và có vị trí trong bộ máy nhà nước, nhưng dường như họ thiếu hẳn, hoặc chưa có khả năng đưa ra một lý thuyết, một đường lối về tổ chức và quản lý quốc gia. Giá trị của cội nguồn khá lớn lao, bài học quá khứ rất cần thiết, sức mạnh của truyền thống là vô địch, nhưng nhiều lắm cũng chỉ đủ để tồn tại, chưa đủ để phát triển không phải ở trước mắt, mà trong tương lai. Sự vắng thiếu này phải chăng là một hạn chế nổi bật của nhà Đinh nói chung ? Hạn chế đó trong bối cảnh lịch sử và trình độ phát triển của xã hội Đại Cồ Việt chưa bộc lộ tác dụng của nó, nhất là với thời gian tồn tại ngắn ngủi của nhà Đinh. Trong quá trình dựng nước, hạn chế này sẽ dần dần bộc lộ, buộc các nhà nước kế tiếp phải lựa chọn, tìm phương giải quyết theo hướng tiếp thu học thuyết Nho giáo như lịch sử đã ghi nhận. Nhưng đó lại là vấn đề đặt ra cho lịch sử ở các thế kỷ sau thế kỷ X. Mang hạn chế này tuyệt nhiên không có nghĩa nhà Đinh không phải là một nhà nước mạnh so với các tổ chức quản lý đất nước trước nó. Với nhà Đinh, gọi tên nước Đại Cồ Việt, có triều đình riêng do một hoàng đế đứng đầu, có niên hiệu riêng, quản lý một lãnh thổ bao gồm những khu vực hành chính mới. Kết hợp giữa hành chính và quân sự là nét độc đáo, sáng tạo của nhà Đinh, nhờ đó nhà Đinh đã tạo nên một tổ chức quyền lực đủ sức mạnh để chế ngự, khuất phục xu hướng phân tán, duy trì và tiếp tục củng cố nền thống nhất vừa mới khôi phục, bảo vệ độc lập tự chủ của đất nước.

Bằng những hoạt động đối nội và đối ngoại, nhà Đinh đã đưa lịch sử nước ta vào một bước phát triển

https://tieulun.hopto.org

mới chưa từng có, khôi phục lại thế đứng hiên ngang cho đất nước, cho dân tộc. Nhờ những bước phát triển và thế đứng hiên ngang đó, từ đây đất nước của cộng đồng các dân tộc trên đất Việt bằng sức sống bền bỉ và năng động của mình sẽ vươn lên đủ sức chống chọi với mọi âm mưu và hành động xâm lược của giặc ngoài và giữ một vị trí quan trọng trong khu vực Đông Nam Á trước những biến động lớn đã từng xảy ra và còn tiếp diễn ở nhiều thế kỷ sau trong khu vực này (1).

Ra đời trong đấu tranh dẹp loạn, nhà Đinh do Đinh Bộ Lĩnh sáng lập xuất hiện trên vũ đài lịch sử với ngọn cờ thống nhất đất nước. Trong quá trình tồn tại, bằng tổ chức quản lý và hoạt động cụ thể, nhà Đinh đã có những đóng góp lớn lao về mọi mặt tạo nguồn sức mạnh cho đất nước, xứng đáng với ngọn cờ vinh quang mà lịch sử đã trao vào tay người anh hùng đất Hoa Lư — Đinh Bộ Lĩnh.

1. Viện Phương Đông thuộc Viện Hàn Lâm khoa học Liên Xô — *Đông Nam Á trong lịch sử thế giới* (Iougo Vostochnaja Azija vo Mirovoj istorii) NXB Khoa học — Mátxcơva 1977, tr. 35—42.

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG IV

SỰ KẾT THÚC CỦA NHÀ ĐINH

Nhà Đinh là một trong những triều đại ngắn trong lịch sử kể từ thế kỷ X. Tính từ năm thành lập—năm Mậu Thìn (968), cho đến khi mất—tháng 7 năm Canh Thìn (980), nhà Đinh tồn tại chưa đầy 13 năm. Sự kết thúc của nhà Đinh có nhiều vấn đề đáng được làm sáng tỏ và đòi hỏi một giải đáp khoa học. Dù thế nào đi nữa, sự kết thúc của nhà Đinh cũng để lại cho hậu thế một nỗi băn khoăn và có phần luyến tiếc. Đó là những băn khoăn trước hàng loạt biến cố bi lụy xảy ra vào những năm cuối và sự luyến tiếc vì hiện tượng chóng tàn của một nhà nước mở đầu, từng có những cống hiến to lớn cho sự tồn tại và phát triển của lịch sử dân tộc.

Vì vậy việc dành riêng một chương ngắn cuối sách cho chung cục của nhà Đinh là cần thiết, và sẽ được bắt đầu tìm hiểu từ sự kiện.

1. Diễn biến lịch sử ?

Chung cục của nhà Đinh diễn ra nhanh chóng, nếu không muốn nói là đột ngột. Quá trình đó thực sự bắt

https://tieulun.hopto.org

đầu từ sau vụ Đỗ Thích ám hại Đinh Bộ Lĩnh và Đinh Liễn, kết thúc bằng việc Dương Thái hậu trao ngôi cho Lê Hoàn, gồm khoảng 10 tháng, từ tháng 10 năm Kỷ Mão (979) đến tháng 7 năm Canh Thìn (980). Tuy nhiên, hiện tượng bất hòa đã xảy ra trong nội bộ nhà Đinh từ tháng Giêng năm Mậu Dần (978) với việc Đinh Bộ Lĩnh truất Đinh Liễn, lập con nhỏ là Hạng Lang làm thái tử. Căn cứ vào ghi chép của biên niên sử, cuối thời Đinh đã xảy ra năm lần phủ định xung quanh ngôi vua trong vòng hơn hai năm trời.

— Đầu năm 978 : Đinh Liễn bị truất, Hạng Lang được lập làm thái tử

— Đầu năm 979 : Đinh Liễn giết Hạng Lang

— Tháng 9 năm 979 : Đỗ Thích giết vua Đinh và Đinh Liễn

— nt : Nguyễn Bặc giết Đỗ Thích, lập Đinh Toàn (6 tuổi) lên ngôi vua.

— Tháng 6-980 : Dương Thái hậu trao ngôi cho Lê Hoàn, kết thúc nhà Đinh.

Cho đến nay, người ta vẫn chưa rõ nguyên nhân của việc Đinh Liễn bị truất khỏi cương vị thái tử, mặc dầu sử có chép là do Đinh Bộ Lĩnh yêu con thứ là Hạng Lang hơn con trưởng. Có lẽ điều đó chưa hẳn là lý do đích thực. Hàng loạt câu hỏi được đặt ra chung quanh sự kiện này. Nếu quả Đinh Bộ Lĩnh yêu quý Hạng Lang, ghét bỏ Đinh Liễn, tại sao Đinh Liễn giết Hạng Lang mà lại không bị Đinh Bộ Lĩnh trừng trị ? Đinh Liễn, Hạng Lang là con của hoàng hậu nào trong năm hoàng hậu? Phải chăng Đinh Liễn đã

https://tieulun.hopto.org

từng trải, có công trong dẹp loạn, từng được phong vương, lại từng đảm nhiệm công việc bang giao với nhà Tống, nhưng đã phạm lầm lỗi gì đó nên mới bị truất mà sử không ghi chép ? Liệu có tình trạng chia bè phái tranh giành quyền vị trong triều đình, núp sau chiêu bài đế vị ? Phải chăng vào thế kỷ X, trong xã hội Đại Cồ Việt quyền trưởng nam chưa được tôn trọng ?

Cho đến nay, chưa có một dữ kiện nào cho phép tìm được giải đáp thỏa đáng. Vấn đề cuối cùng, không chỉ giới hạn trong nội bộ hoàng gia, đó là vấn đề của xã hội. Khó có thể dừng lại ở một hiện tượng « bỏ trưởng lập thứ » để khái quát chung cho toàn xã hội. Chúng ta còn biết hiện tượng này vẫn thường xảy ra ở các triều đại sau. Vả lại việc Đinh Liễn giết Hạng Lang ở một phương diện nào đó, chẳng phải là giành lại quyền trưởng nam đó sao ? Vấn đề quyền trưởng nam gắn liền với sự xuất hiện của chế độ gia trưởng phụ quyền, sự phân hóa xã hội và quyền thừa kế tài sản. Sau hàng thiên niên kỷ tồn tại và phát triển, mặc dù có trải qua những bước không bình thường, xã hội Đại Cồ Việt chắc chắn không còn dừng lại ở thời kỳ đầu của thời đại văn minh. Xã hội đó đã có đầy đủ điều kiện cho sự xuất hiện và xác lập chế độ gia trưởng phụ quyền với quyền trưởng nam. Tuy nhiên, quyền trưởng nam đã xác lập vững vàng nhưng vi phạm quyền trưởng nam lại là một chuyện khác. « Bỏ trưởng lập thứ » là một điều không bình thường, vì vậy đã dẫn đến hậu quả lục đục trong nội bộ hoàng gia, từ đó kéo theo sự sụp đổ của cả một triều đại. Nhưng qua việc Đinh Liễn giết Hạng Lang mà không bị nhà vua trừng phạt dưới bất cứ một hình thức nào, có thể đoán định được Đinh Bộ Lĩnh đã lập lại thế cân bằng ổn định sau cơn khủng hoảng tạm thời để tiếp tục xây dựng, củng cố vương

https://tieulun.hopto.org

triều. Vì vậy tìm hiểu quá trình diễn biến đi tới sụp đổ của nhà Đinh không thể không nhắc đến sự kiện « bỏ trưởng lập thứ » xảy ra vào đầu năm 978, nhưng hẳn rằng không thể xem đó là mốc khởi đầu đích thực của quá trình tiêu vong của nhà Đinh.

2. Nguyên nhân.

Từ trước đến nay đã có nhiều cách giải thích về nguyên nhân dẫn đến sự tiêu vong của nhà Đinh. Có thể chia làm ba loại. Thứ nhất là quan điểm của các sử gia phong kiến. Theo các sử gia này, nhà Đinh mất là do « tam cương không chính », do « bỏ đạo thường », như lời Ngô Sĩ Liên : « Nối nghiệp dùng con đích là đạo thường muôn đời, bỏ đạo ấy chưa từng không gây loạn » (1) hoặc như Lê Tung : « Nhà Đinh dấy lên, tuy do số trời, nhưng đến lúc suy là do tam cương không chính. Tiên Hoàng bỏ con đích lập con nhỏ, mà ân tình cha con trái lìa ; lập năm hoàng hậu ngang nhau mà tình nghĩa vợ chồng rối loạn, yêu dùng Đỗ Thích để thành họa cướp ngôi giết vua, mà đạo vua tôi không còn » (2). Cùng một quan điểm đó, Nguyễn Nghiễm lại nói một cách khác : « Về việc Tiên Hoàng lập Hạng Lang, trước đó thì có động đất, sau đó thì có mưa đá, có hạn hán. Trời kia răn bảo trờ trờ ra đấy ; thế mà cứ coi là thường, không sớm tỉnh ngộ. Vậy muốn không mất, phỏng được chăng » (3). Thứ hai là quan điểm của dân gian. Theo quan điểm này mọi hiện tượng thịnh suy, hưng phế, lành dữ đều có thần linh chứng giám và định đoạt, một thứ hỗn hợp của tín ngưỡng dân gian, đa thần giáo pha trộn với Phật và Đạo. Người ta thấy rõ

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 208.
2. Lời tổng luận của Lê Tung — *Toàn thư*, sđd, tr. 105.
3. Dẫn theo *Cương mục*, sđd, tập III, tr. 8.

https://tieulun.hoptoc.com

màu sắc đạo giáo đã được dân gian hóa qua truyền thuyết về ngôi huyệt đế vương dưới đáy hồ với thanh gươm bên cỗ ngựa gắn liền với mưu mô thâm độc, nham hiểm của tên thầy địa lý, cũng như trong lời sấm vĩ : « Đỗ Thích thì Đinh Đinh, Lê gia xuất thánh minh...»; hoặc trong lời ru Dương Vân Nga khi còn bé của ông thầy tướng nào đó : « Nín đi thôi, nín đi thôi ; một vai gánh vác cả đôi sơn hà ». Người ta lại còn biết truyền thuyết về viên ngọc khuê Đinh Bộ Lĩnh bắt được ở sông Giao Thủy, va vào mũi thuyền bị sứt một góc, nó móc nối với nhà Phật qua một vị sư chùa Giao Thủy. Tất nhiên những truyền thuyết trên là bịa đặt và pha tạp. Nhưng qua đó lại phản ánh một sự thật : nhân dân muốn rằng sự suy vong của nhà Đinh là do tác động của trời đất, thần Phật, do vận số, tiền định, mà con người không cưỡng lại được.

Thứ ba là giải thích của các nhà sử học ngày nay. Cách nhìn nhận quen thuộc nhất và cũng chung chung nhất là sự tha hóa của Đinh Bộ Lĩnh, say đắm tình riêng, rượu chè, sự yếu ớt bất lực của vua nhỏ tuổi. Cũng có ý kiến muốn đi xa hơn, đặt vấn đề nghi vấn ở tình trạng bè phái, nội bộ nhà Đinh bị thao túng bởi một người nào đó ; hoặc nhà Đinh gốc gác mộc mạc của xã hội nông dân, gặp phải sự chống cự của các tầng lớp địa chủ và tôn giáo. Gần đây còn có ý kiến đi xa hơn, muốn giải thích bằng truyền thống suy tôn người vũ dũng lên làm thủ lĩnh của thời kỳ dân chủ quân sự bộ lạc mà tàn dư còn đậm đà trong xã hội Đại Cồ Việt.

Như vậy, trong việc tìm kiếm nguyên nhân dẫn đến sự tiêu vong của nhà Đinh, trong quá trình nhận thức lịch sử, giới sử học ngày nay đã bác bỏ quan điểm của các sử gia phong kiến, gạt từ quan điểm duy tâm khách

https://tieulun.hopto.org

quan thần bí của tín ngưỡng dân gian cổ truyền, trở về với sự kiện hiện tượng để tiếp cận chân lý lịch sử. Tổng hợp các nguồn thông tin về lịch sử trong bối cảnh xã hội thế kỷ X, cho thấy rằng kiến giải của các nhà sử học ngày nay ít nhiều đều có cơ sở, nhưng chưa toàn diện và có lúc còn dừng lại ở bên ngoài của hiện tượng.

Như đã trình bày ở trên, việc Đinh Bộ Lĩnh truất Đinh Liễn, lập Hạng Lang làm thái tử có gây nên lộn xộn trong nội bộ triều đình nhưng chưa phải là nguyên nhân chủ yếu, trực tiếp dẫn đến chung cục của nhà Đinh.

Để nhìn rõ vấn đề, trước hết cần lưu ý hai sự kiện quan trọng : Đỗ Thích giết Đinh Bộ Lĩnh — Đinh Liễn, và Lê Hoàn được suy tôn lên làm vua thay Đinh Toàn. Sự kiện thứ nhất là một đòn quan trọng, đẩy nhà Đinh vào thế lúng túng — một lúc mất hai yếu nhân — trong bối cảnh lịch sử đã và đang diễn ra khá phức tạp liên quan đến vấn đề cấp bách, sống còn của dân tộc. Sự kiện thứ hai chấm dứt sự hiện diện của nhà Đinh trong lịch sử. Đi sâu vào hai sự kiện này, hy vọng sẽ nhận thức được sâu hơn về nguyên nhân dẫn đến sự tiêu vong của nhà Đinh.

Đỗ Thích là ai và tại sao lại ám hại một lúc hai yếu nhân của nhà Đinh ?

Theo chính sử, *Toàn thư* chỉ cho biết Đỗ Thích giữ chức Chi hậu nội nhân, trước đó làm chức lại ở Đồng Quan(?) « đêm nằm trên cầu bỗng thấy sao sa rơi vào miệng. Thích cho là điềm tốt, bèn nảy ra ý định giết vua. Đến đây nhân lúc vua ăn yến ban đêm, say rượu nằm trong sân Thích bèn giết chết, lại giết luôn cả Nam

https://tieulun.hopto.org

Việt vương Liễn » (1). *Cương mục* cũng chép tương tự, có chua thêm Đỗ Thích người Đại Đê thuộc Thiên Bản (2), Hà Nam Ninh ngày nay. Điều ghi chép đó theo chúng tôi, không giải thích được gì và không thể tin được. Trong khi đó truyền thuyết và gia phả lại cung cấp cho chúng ta ánh sáng để soi tìm sự thật.

Ở Hà Nam Ninh, theo một truyền thuyết khá phổ biến, được bổ sung thêm bằng gia phả họ Đỗ ở Đại Đê, huyện Vụ Bản và sự tích đền Thảo Mã còn gọi là đền Gạo, hay là Minh Tảo, xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, thì Đỗ Thích quê ở Đại Đê, mồ côi cha mẹ, có công cõng Đinh Bộ Lĩnh chạy trốn khi ông bị Nam Tấn vương đuổi. Từ đó Đỗ Thích trở thành tướng thân cận của Đinh Bộ Lĩnh. Dẹp loạn xong, Đỗ Thích được phong trị nội hầu, coi việc trong cung, tuần phòng nội phủ. Đỗ Thích giận Đinh Liễn vì Liễn giết Hạng Lang — người được Đỗ Thích trông nom, bảo vệ. Đỗ Thích mưu sát Đinh Liễn bằng cách bỏ thuốc độc vào dồi lợn, không may giết lầm cả Đinh Bộ Lĩnh. Sau vụ mưu sát, Đỗ Thích bỏ trốn, bị bắt, không bị giết mà chỉ bị giáng làm chân cắt cỏ ngựa (thảo mã). Chính vì vậy trong việc cúng tế Đinh Bộ Lĩnh không bao giờ được dùng đến dồi lợn (3). Trong khi đó ở Thanh Hóa, theo gia phả họ Đỗ ở Xuân Ninh, huyện Thọ Xuân thì Đỗ Thích là cháu đích tôn Đỗ Cảnh Thạc, sau vụ biến, con cháu chạy vào châu Ái. Dòng dõi của Đỗ Thích sau này còn

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 206.

2. *Cương mục*, sđd, tr. 9.

3. Theo tài liệu sưu tầm ghi chép của phòng Bảo tàng Hà Nam Ninh, tài liệu đã dẫn.

https://tieulun.hopto.org

có Đỗ Tử Bình làm đến chức Trung thư môn hạ sảnh, Đỗ Tỉnh làm Hộ bộ thượng thư (1).

Liệu có thể nghĩ rằng có hai Đỗ Thích khác nhau ? Chắc chắn là không, vì lẽ cả hai cũng liên quan đến vụ biến ở Hoa Lư. Chúng tôi cho rằng truyền thuyết và đền thờ ở Hà Nam Ninh được người sau dàn dựng lên nhằm che giấu, đánh lạc hướng một sự thật không hay ho gì của viễn tổ được thờ phụng. Theo sử sách thì Đỗ Thích bị giết, không có chuyện trốn thoát. Vả lại, làm sao có thể nghĩ rằng phạm tội đầu độc một lúc giết hai cha con nhà vua mà chỉ bị giáng làm chân cắt cỏ ngựa. Trái lại gia phả của chi họ Đỗ ở Thanh Hóa chép trung thực, không che giấu về nguồn gốc của Đỗ Thích, còn việc giết vua Đinh và Đinh Liễn tuy không chép rõ, nhưng được phản ánh qua việc con cháu sau sự biến chạy trốn vào châu Ái. Tuy nhiên, qua đó cũng đủ để nắm bắt được sự thật là Đỗ Thích thuộc dòng dõi sứ quân Đỗ Cảnh Thạc, được vua Đinh thu nạp và tin dùng cũng như trường hợp Ngô Nhật Khánh. Cả hai cùng nuôi mối thù riêng và cùng tìm cách chống lại, lật đổ nhà Đinh, nhưng mỗi người hành động theo một cách. Trong khi Ngô Nhật Khánh đón giặc Chiêm về toan đánh úp Hoa Lư thì Đỗ Thích tìm cách giết hại vua Đinh và Đinh Liễn. Đến đây có thể kết luận : Đỗ Thích giết cha con Đinh Bộ Lĩnh để trả thù cho họ Đỗ, hy vọng đoạt lại quyền bính từ tay dòng họ Đinh.

Về sự kiện thứ hai, trong những năm gần đây, tại hội nghị khoa học về « Thế kỷ X » ở Hà Nam Ninh tổ chức vào năm 1982 và hội nghị về « Lê Hoàn và

1. Kiều Long : « Những tướng lĩnh của Lê Hoàn ở Thanh Hóa » *Lê Hoàn và 1000 năm chiến thắng quân Tống xâm lược*. Sở Văn hóa Thông tin Thanh Hóa xuất bản năm 1985, tr. 139—140.

https://tieulun.hopto.org

chiến thắng giặc Tống xâm lược» ở Thanh Hóa tổ chức vào năm 1981 đã được nhiều người đề cập đến ; mặc dù còn có điểm bất đồng, chủ yếu xoay quanh vấn đề quê quán của Lê Hoàn. Chúng tôi cũng đã có dịp trình bày quan điểm của mình về vấn đề này (1). Ở đây chúng tôi trình bày thêm về mối quan hệ giữa Dương Thái Hậu — con gái của Dương Tam Kha—và Lê Hoàn không phải chỉ bắt đầu nảy nở từ khi gặp nhau ở Hoa Lư, mà đã có từ trước, khi Lê Hoàn còn hàn vi, trai trẻ ở châu Ái (2). Tuy nhiên chi tiết này không quan trọng lắm đến mục tiêu đang cần tìm hiểu. Điều quan trọng hơn là lực lượng suy tôn Lê Hoàn lên ngôi vua và mục đích hoạt động trao ngôi của Dương Thái hậu. thì sử sách đã chép rõ : « Bấy giờ Lạng Châu nghe tin quân Tống sắp kéo sang, liền làm tờ tâu báo về. Thái hậu sai Lê Hoàn chọn dũng sĩ đi đánh giặc, lấy người Nam Sách giang là Phạm Cự Lạng làm đại tướng quân. Khi đang bàn kế hoạch xuất quân, Cự Lạng cùng các tướng quân khác đều mặc áo trận đi thẳng vào nội phủ, nói với mọi người rằng « Thưởng người có công, giết kẻ trái lệnh là phép sáng để thi hành việc quân. Nay chúa thượng còn trẻ thơ, chúng ta dẫu hết sức liều chết để chặn giặc ngoài, may có chút công lao, thì có ai biết cho ? Chi bằng trước hãy tôn lập ông thập đạo làm thiên tử, sau đó sẽ xuất quân thì hơn ». Quân sĩ nghe vậy đều hô : « Vạn tuế ».

1. Nguyễn Danh Phiệt — « Lê Hoàn với tập thể anh hùng Hoa Lư » trong *Lê Hoàn và 1000 năm chiến thắng giặc Tống xâm lược*. Sở Văn hóa Thông tin Thanh Hóa xuất bản 1985.

2. Tài liệu do chúng tôi sưu tầm tại xã Thiệu Long, huyện Thiệu Yên, Thanh Hóa, trong đợt đi khảo sát lịch sử tháng 11-1985.

https://tieulun.hopto.org

Thái Hậu thấy mọi người vui lòng quy phục bèn sai lấy áo long cồn khoác lên người Lê Hoàn, mời lên ngôi hoàng đế (1).

Qua sử sách, rõ ràng Lê Hoàn được tập thể anh hùng Hoa Lư, chủ yếu là lực lượng quân đội, tôn lên làm vua thay Đinh Toàn vào tháng 7 năm Canh Thìn (980), vào thời điểm nhà Tống đã chọn tướng tuyển quân « hẹn ngày cùng sang xâm lược » nước Đại Cồ Việt. Nói cách khác, hành động xâm lược của giặc Tống đã thúc đẩy quân lính ở Hoa Lư đến chỗ phải tôn Lê Hoàn lên thay Đinh Toàn — một ông vua mới lên 6 tuổi, để tổ chức việc chống giặc.

Đến đây mọi việc đã quá rõ ràng. Nguyên nhân dẫn đến sự tiêu vong của nhà Đinh do âm mưu, hành động của thù trong và giặc ngoài. Nếu như thù trong — việc làm của Đỗ Thích, đã đưa nhà Đinh lâm vào cảnh hoảng loạn đột ngột, dẫn đến mâu thuẫn nội bộ làm cho nhà Đinh mất những yếu nhân, huân thần như Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Phạm Hạp, thì hành động xâm lược của giặc Tống đã thúc đẩy quân sĩ đến lúc phải lựa chọn thay đổi người cầm quyền giữ nước.

3. Hậu quả tiêu vong của nhà Đinh.

Hành động phản phúc, phá hoại của kẻ thù bên trong và hành động xâm lược của giặc ngoài đã đưa nhà Đinh vào chỗ tiêu vong, nhưng không thể làm suy yếu quốc gia Đại Cồ Việt thống nhất, độc lập và tự chủ do nhà Đinh khôi phục xây nền đắp móng đã hơn mười

1. *Toàn thư*, sđd, tr. 212—213. Về sự kiện này, *Việt sử lược* sđd, tr. 53, chép... « Mùa thu, tháng 7, người Tống đánh nước ta. Quân sĩ thấy Toàn còn bé nhỏ, cùng tôn Lê Hoàn làm Hoàng đế, giáng Toàn làm Vệ vương », không chép việc liên quan đến Dương Thái hậu.

https://tieulun.hopto.org

năm. Chiến thắng giặc Tống xâm lược vào mùa xuân năm 981 và việc xây dựng, phát triển mọi mặt của đất nước dưới nhà Tiền Lê đã chứng minh rõ điều đó.

Từ hai nguyên nhân chủ yếu trên, có thể thấy rằng nhà Đinh được thay thế bằng nhà Lê vào nửa cuối thế kỷ X hoàn toàn không phải vì khủng hoảng về kinh tế hay khủng hoảng thiết chế chính trị - xã hội. Sự thay thế, rõ ràng và trước hết, có thể nói duy nhất vì mục đích chống giặc giữ nước. Mục đích trong sáng và chính nghĩa đó đã quyết định hình thức thay thế. Đó là một sự bàn giao ngôi báu, bàn giao quyền giữ nước trong nội bộ đẳng cấp cầm quyền. Không thấy ở đây một sự «lật đổ», một sự «thoán đạt» có âm mưu, kéo theo thù hận truyền kiếp như kiểu Trần Cảnh thay Lý Chiêu Hoàng năm 1225. Sự bàn giao đó như sử chép, đã diễn ra tiếp theo sau những hoạt động dấy quân chống đối của một vài cựu thần như Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Phạm Hạp chống Lê Hoàn, bảo vệ ngôi vua cho dòng họ Đinh và đều bị Lê Hoàn đánh dẹp, trừng trị. Dù chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn, được giải quyết kịp thời, hiện tượng từ mâu thuẫn đến thanh trừng nội bộ đó vẫn là một biểu hiện tiêu cực, một hạn chế khá lớn của nhà Đinh. Tuy nhiên, nhìn chung, hiện tượng trao ngôi đó đã đưa bộ máy nhà nước quân chủ trung ương tập quyền của nước Đại Cồ Việt vượt qua cơn sóng gió, tiến một bước xa hơn với nhà Tiền Lê, biểu hiện sự kết hợp hài hòa giữa lý trí và tình cảm, giữa lợi ích của đẳng cấp thống trị và lợi ích của dân tộc, theo truyền thống dân chủ trên cơ sở vì lợi ích của cộng đồng.

Từ sự tiêu vong đột ngột của nhà Đinh đến sự thay thế bằng nhà Tiền Lê hoàn toàn không biểu hiện bước đi xuống, trái lại, đã khẳng định trí tuệ thông minh,

https://tieulun.hopto.org

khả năng đối phó xoay chuyển linh hoạt của dân tộc để kịp thời ứng phó với hoàn cảnh mới; khẳng định một lần nữa bước trưởng thành của đất nước không kẻ thù nào dù ở bên trong hay từ bên ngoài, ngăn cản nổi trong thế kỷ hồi sinh và hưng phục — thế kỷ X.

Qua sự kiện trên, một lần nữa toát lên sự thực xã hội Đại Cồ Việt vào thế kỷ X đã phân hóa rõ rệt, nhưng chưa dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đòi hỏi một sự thay đổi hoặc lật đổ bộ máy cầm quyền vì mục đích mở lối thoát nhằm thực hiện cải cách, cải tổ xã hội. Tổ chức giáp, xã, sách, động... với chế độ sở hữu ruộng đất chung vẫn là cơ sở vững chắc cho nhà nước quân chủ trung ương tập quyền vương triều Đinh cũng như vương triều Tiền Lê tiếp nối. Nổi lên hàng đầu và chi phối quá trình vận động của xã hội vẫn là hai mâu thuẫn chủ yếu: xâm lược và chống xâm lược, thống nhất tập quyền và phân tán tự trị. Mâu thuẫn thứ nhất biểu hiện ở mối quan hệ với nhà Tống nắm quyền thống trị Trung Quốc láng giềng. Mâu thuẫn thứ hai biểu hiện xung quanh các cuộc nổi loạn, đấu tranh giành quyền chi phối, khống chế giáp, xã... do các thế lực địa phương cầm đầu chống lại nhà nước quân chủ trung ương tập quyền, biến giáp, xã... thành chỗ dựa để thực hiện ý đồ tự trị, phân tán. Họ Đỗ, họ Ngô đã từng lao vào vòng chiến theo hướng đó, bị thất bại nhưng không bị loại trừ. Sau hơn 10 năm ẩn náu mai phục dưới bóng nhà Đinh, Đỗ Thích và Ngô Nhật Khánh quay trở lại đường cũ, chống phá nhà Đinh theo những hướng khác nhau. Họ bị lịch sử nghiền nát và lên án. Nhà Đinh mất nhưng sự nghiệp dựng nước của nhà Đinh sau hơn 10 năm nắm quyền quản lý đất nước vẫn tồn tại. Sự nghiệp đó được nhà Tiền Lê kế tục phát huy, mãi mãi ngời sáng trong lịch sử.

https://tieulun.hopto.org

KẾT LUẬN

Ra đời trong đấu tranh dẹp loạn, trưởng thành trong củng cố thống nhất và xây dựng đất nước độc lập tự chủ, tiêu vong vì âm mưu và hành động của thù trong giặc ngoài, đó là quá trình lịch sử ngắn ngủi của nhà Đinh. Hơn mười năm tồn tại so với lịch sử hàng ngàn năm quả là ngắn, những sự nghiệp dựng nước và những cống hiến cho lịch sử, đặc biệt là khôi phục và bảo vệ nền thống nhất, gây dựng cơ sở ban đầu cho một nhà nước quân chủ tập quyền độc lập, tự chủ của nhà Đinh lại có giá trị trường tồn cùng với lịch sử. Xuất hiện vào giữa thế kỷ X, nhà Đinh mang trên lưng một gánh nặng di sản quá khứ để lại, bao gồm di sản quí báu và di sản nặng nề. Là một bộ máy nhà nước quân chủ trung ương tập quyền đại biểu cho lợi ích của giai cấp có của nắm quyền thống trị xã hội Đại Cồ Việt Á châu tiền phong kiến, đồng thời đại diện cho quốc gia dân tộc, nhà Đinh trong bối cảnh lịch sử thế kỷ X đã phải đối phó và xử lý công việc trong một hoàn cảnh cực kỳ khó khăn và phức tạp.

Trước hết, âm mưu và hành động nhằm tái lập nền đô hộ của phong kiến Trung Hoa đối với dân tộc ta là một mối đe dọa thường trực, luôn luôn là vấn đề cháy bỏng. Trong khi đó, ở bên trong, ách thống trị của bọn

https://tieulun.hopto.org

đô hộ đã bị quét sạch, nhưng ảnh hưởng và tàn dư xã hội của nó còn lưu lại khá đậm, đặc biệt là xu hướng phân tán, tự trị, tách ra khỏi sự quản lý của chính quyền trung ương, gây không ít trở ngại cho dân tộc trên con đường phục hưng đất nước.

Mặt khác, nhà Đinh có trong tay một gia tài quí báu, một di sản phong phú do bề dày lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc để lại. Đó là một lãnh thổ có cương vực riêng, một cư dân kiên cường anh dũng, đoàn kết nhất trí trong lao động và chiến đấu, có một nền văn hóa riêng lâu đời, bền vững. Trên cơ sở thuận lợi đó, nhà Đinh đã tiếp thu ảnh hưởng bên ngoài, kế thừa di sản quá khứ và canh tân trong sự nghiệp quản lý, xây dựng đất nước.

Kế tục việc làm của các tổ chức chính quyền thời họ Khúc, họ Dương, họ Ngô, nhà Đinh tiến thêm một bước đấu tranh triệt để hơn, quyết liệt hơn trong việc thanh toán mọi di sản nặng nề do kẻ thù đô hộ để lại. Trong sự nghiệp phục hồi và củng cố nền thống nhất đất nước, nhà Đinh, cụ thể là Đinh Bộ Lĩnh đã dùng biện pháp hành chính kết hợp với biện pháp quân sự xóa bỏ tình trạng phân tán của các vùng mà cha đỡ đầu của nó là các thế lực địa phương. Mặt khác, đối với bộ máy quản lý hành chính cũ còn dựa trên cơ sở sắp đặt của nhà Đường thì xóa bỏ hoàn toàn, thay thế bằng một bộ máy quản lý mới với những khu vực hành chính mới, chỉ giữ lại cấp cơ sở đã được cải tổ từ thời họ Khúc, nhằm mục đích duy trì và củng cố khối thống nhất đất nước vừa mới khôi phục lại được, bảo đảm hiệu lực của bộ máy nhà nước quân chủ trung ương tập quyền. Về mặt văn hóa tư tưởng, nhà Đinh chưa bị ảnh hưởng của hệ tư tưởng Nho giáo gắn liền với chính sách nô dịch và đồng

https://tieulun.hopto.org

hóa của kẻ thù, dựa vào Phật, Đạo tìm về cội nguồn, khôi phục và vun trồng văn hóa của dân tộc.

Với nhà Đinh, thời gian lịch sử như bị dồn nén lại. Chỉ cần một so sánh nhỏ giữa ba chặng đường lớn của thế kỷ X : 905—968, 968—980 và 980—1009 cũng đã rõ. Trong vòng hơn mười năm trời, nhà Đinh đã tổ chức và quản lý đất nước, thực hiện được những việc lớn lao, khẳng định thống nhất đất nước và độc lập dân tộc không thế lực nào có thể ngăn cản và phá vỡ. Nhà Đinh, từ quá trình ra đời đã giáng một đòn quyết định, chặn đứng mọi âm mưu chia sẻ đất nước của các thế lực phân tán tồn tại dai dẳng từ trước, giành thắng lợi căn bản cho xu hướng thống nhất, tập quyền, phù hợp với yêu cầu của lịch sử. Với nhà Đinh, quốc gia độc lập tự chủ Đại Cồ Việt tồn tại trong thế đứng hiên ngang. Hơn mười năm xây dựng, nhà Đinh đã dựng nên mô hình tổ chức quản lý đất nước có tác dụng định hướng cho tương lai. Đó là một nhà nước quân chủ trung ương tập quyền trẻ ở xu thế phát triển theo hướng phong kiến hóa với đường lối đối nội hòa hợp, gần gũi, gắn bó với cộng đồng giáp, xã đối ngoại mềm dẻo trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền của dân tộc, với nền quốc phòng mạnh. Trên cơ sở ban đầu đó, các vương triều sau còn phải tiến hành sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh và củng cố cho phù hợp với sự phát triển của đất nước trong quá trình hình thành và xác lập chế độ phong kiến loại hình phương Đông ở nước ta. Tuy nhiên, trong quá trình điều chỉnh, bổ sung, bộ máy quản lý đất nước dựa trên mô hình đó còn giữ được tính chất trẻ trung và thế phát triển hay không, có còn giữ được tính chất hài hòa cởi mở hay trở thành chuyên chế quan liêu với

https://tieulun.hopto.org

những mô phỏng nặng nề, lại không phụ thuộc vào nhà Đinh.

Quan điểm sử học Mác—Lê nin khẳng định quần chúng làm nên lịch sử, nhưng là quần chúng có tổ chức, có chỉ đạo. Vai trò của chỉ đạo đường lối và tổ chức thực hiện cực kỳ quan trọng, nếu không muốn nói là quyết định. Với nhà Đinh, khối cộng đồng dân tộc được tổ chức lại để tồn tại và phát triển trong quốc gia Đại Cồ Việt, mở đầu cho thời kỳ độc lập tự chủ lâu dài trong hành trình lịch sử Đại Cồ Việt — Đại Việt — Việt Nam.

Dưới thời phong kiến, các sử gia theo quan điểm Nho giáo đem cương thường làm chuẩn mực đã phê phán nặng lời nhà Đinh, nhưng cũng không thể không thừa nhận thành tựu dựng nước và công lao mở nước của nhà Đinh, đặt nhà Đinh ở vị trí xứng đáng trong sử sách.

Giới sử học ngày nay đã quan tâm nghiên cứu, khôi phục lại lịch sử và đánh giá cao cống hiến của nhà Đinh đối với đất nước trong thế kỷ bản lề, thế kỷ hồi sinh và phục hưng của dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trong « Lịch sử nước Nam ta » đã từng dành cho nhà Đinh những lời tốt đẹp:

«Đến hồi thập nhị sứ quân
Bốn phương loạn lạc muôn dân cơ hàn
Động Hoa Lư, cõi Tiên hoàng
Nổi lên gây dựng triều đàng họ Đinh
Ra tài kiến thiết kinh dinh» (1)

1. Hồ Chí Minh. Toàn tập — tập II. Nxb Sự thật. 1983, « *Lịch sử nước ta* ».

https://tieulun.hopto.org

Quần chúng làm nên lịch sử, đồng thời cũng là người kiểm tra và phán xét công minh đối với lịch sử. Thành quách, đền đài, lăng tẩm có thể bị hủy hoại theo thời gian, nhưng lòng dân và bia miệng thì không bao giờ mai một. Ký ức về nhà Đinh trong lòng dân Việt Nam tuy có điều thêm đặt, không hoàn toàn đúng như nó có, nhưng xưa và nay bao giờ nhà Đinh cũng hiện ra như một khúc tráng ca, một pho sử thi hùng tráng có kèm theo bi lụy. Cố đô Hoa Lư với đền Đinh ở Hà Nam Ninh ngày nay không chỉ là nơi thăm thú của mỗi người dân Việt Nam với tinh thần hoài cổ, mà thực sự là niềm tự hào, là lòng ngưỡng vọng của mọi người. Niềm tự hào đó đã được Vũ Phạm Khải, một nho sĩ giàu lòng yêu nước quê ở Hà Nam Ninh, một nhà sử thế kỷ XIX, ghi lại trong đôi câu đối ở đền Đinh :

« Mệnh vận nhất ư thiên, đế Tống hoàng bào, đế Việt long cổn ;

Thanh linh trường thử địa, hoàng Đinh thượng miếu, hoàng Lê hạ từ ».

(Tạm dịch : Vận mệnh đều do trời định, vua Tống có hoàng bào, vua Việt có long cổn ; đất này linh thiêng trong sạch mãi, vua Đinh ở miếu trên, vua Lê ở đền dưới) (1).

Thoát thai từ dân dã trong vòng đai của xóm làng, nhưng không dừng lại ở trình độ xóm làng ; tìm sức mạnh ở cội nguồn nhưng không quay lại với quá khứ ;

1. Vũ Phạm Khải sinh năm 1807, mất năm 1871, quê ở làng Phượng Trì, huyện Yên Mô, Ninh Bình cũ, Hà Nam Ninh ngày nay. Ông đậu cử nhân, làm quan triều Nguyễn, từng tham gia biên soạn sách *Đại Nam thực lục*.

Đôi câu đối do Giáo sư Đỗ Văn Ninh cung cấp.

https://tieulun.hopto.org

trên cơ sở cội nguồn đổi mới cho phù hợp với hiện tại. Đó là những nét đặc sắc của nhà Đinh trong kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử vì mục đích « dựng lại non sông » trong hơn 10 năm vào nửa cuối thế kỷ X.

Âm mưu và hành động của thù trong giặc ngoài đã đưa nhà Đinh vào con đường tiêu vong. Nhà Đinh mất nhưng đất nước Đại Cồ Việt vẫn hiên ngang tồn tại, chiến thắng mọi thế lực thù địch, tiếp tục đi tới dưới sự quản lý thống nhất của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền Tiền Lê và Lê Hoàn đứng đầu.

Kể từ thế kỷ X, trên hành trình lịch sử Đại Cồ Việt— Đại Việt — Việt Nam, nhà Đinh mãi mãi xứng đáng với vị trí mở đầu cho thời kỳ độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc.

https://tieulun.hopto.org

PHỤ LỤC

https://tieulun.hopto.org

TRUYỆN ĐINH TIÊN HOÀNG (1)

Phiên âm :

Tống thần mã Đinh thị dĩ
Khắc thống nhất dư đồ

Đinh Tiên Hoàng Hoa Lư động nhân dã. Thế truyền động trung cựu hữu thâm đàm, kỳ mẫu vi Thứ sử Đinh Công Trứ dắng thiếp, thường vu thâm đàm hoãn trạc, thích chàng kiến nhất cự thát hiếp chi dữ giao. Qui nhi hữu thần, cư cơ sinh nhất nam tử. Đinh Công thậm chung ái chi. Mẫu độc tâm tri kỳ vi thát sở xuất. Vị cơ Đinh Công tốt, nhi thát tầm vi động nhân sở hoạch, chúng phanh thực chi, khí kỳ cốt. Mẫu văn chi, hậu chúng nhân tán khứ, thập cốt dĩ qui phong khỏa trí chi táo thượng.

1. Truyện Đinh Tiên Hoàng chúng tôi rút từ sách *Công dư tiệp ký* thuộc đề mục «Danh phần dương trạch quyết» của tiến sĩ Vũ Phương Đề, thế kỷ XVIII, soạn, hiện tàng trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A44. Tiêu đề : « Truyện Đinh Tiên Hoàng » do chúng tôi đặt để bạn đọc tiện theo dõi — *Người dịch.*

https://tieulun.hopto.org

Thường chúc chi viết « Nhữ phụ cốt tại thử », cập sảo trưởng khinh tiệp thiện thấn, hiệu vi Đinh Mỗ (Bộ Lĩnh). Thời hữu Bắc khách tựu ngã quốc khán địa, nhân tòng long mạch chi thử, thích dạ quan thiên văn, kiến hồng quang chi khí, tự đàm trung nhi khởi. Vọng chi như nhất sất luyện, trực xạ vu Thiên Mã tinh. Minh nhật đáo kỳ bàng quan khán lương cửu viết : « Cá trung tất hữu thần vật », nhân cầu thiện thấn giả hạ thám chi Nguyên đàm trung nội hữu nhất xứ tối linh, nhân mạc cảm cận. Khách nhân dĩ hậu thưởng yêu lai. Đinh Mỗ văn chi nhi tự vãng, tức thấn nhập thâm xứ, dĩ thủ ma chi. Quả kiến nhất vật tựa mã hình lập vu thủy đề, đăng thời hồi báo. Khách nhân viết : « Nhữ khả phục hạ dĩ thảo tự giá mã khẩu, thi khán như hà ? » Đinh Mỗ tức tương thảo nhất bả, hướng mã chi tiền, mã quả khai khẩu hạp chi. Tải qui dĩ cáo, khách nhân tướng ngữ viết : « Quả nhiên hữu huyệt » tức sách ngân dữ Đinh Mỗ viết : « Kim thiểu thù lao, tha nhật cảnh tất hữu hậu tặng ». Tha ước dĩ tạm thả qui quốc, bất cửu phục lai. Thời Đinh Mỗ niên tuy thiểu, thị cá thông minh đích nhân, văn Bắc khách ngữ, mạnh tỉnh viết : « Huyệt tại mã khẩu vô nghi » đãi tha khứ hậu, tức thủ táo thượng cốt dĩ thảo bao chi, hạ bạch thủy thôi nhập mã khẩu, mã tận ngật chi. Kỳ nhi nhân đa nhiếp phụ, xuy vi chúng trưởng, cư Đào Ảo sách thường dữ thúc phụ giao chiến, bôn quá đàm nhai, kiều chiết hãm vu đàm, thúc phụ lai dục nhẫn chi, hốt kiến nhị hoàng long ủng chi, thúc cụ nhi thoái. Do thị qui phụ ích chúng. Cư số niên gian, giá khách nhân tức đới tiên nhân cốt (1), tự Bắc nhi lai, tầm chí y xứ dục táng chi, văn Đinh Mỗ anh tài cái thế, thủ hạ dĩ thiên dư nhân, tri giá huyệt thị tha

1. Câu này có hai chữ mờ, chúng tôi tạm đọc « đới » và « cốt » cho thuận nghĩa câu — *Người dịch.*

https://tieulun.hopto.org

táng liễu, tự dĩ uổng phí công phu. Nhân thử hàm oán, tức tựu dữ chi ngữ viết: «Văn quân dĩ đắc địa, thử huyệt tuy giai đệ mã một kiếm bất bảo, kim hứa kiếm nhất bả, trí chư mã đầu, tất năng tung hoành hoàn vũ, đáo xứ thanh di ». Đinh Mỗ tín chi, toại thấn tựu thần mã xứ, dĩ thủ ma kỳ đầu, trí kiếm nhi hồi. Kỳ hậu sở chiến tất khắc, hiệu « Vạn Thắng vương ». Tốt bình thập nhị sứ quân, dư đồ hỗn nhất, thị vi Đinh Tiên Hoàng, tại vị thập hữu nhị niên. Tầm vị nội nhân Đỗ Thích sở sát cập kỳ tử Liễn. Cái truy ư khách nhân chi kế, mã đầu hữu kiếm đới sát cố dã.

Dịch nghĩa:

Táng cốt tiên nhân chốn ngựa thần
Nhà Đinh dựng nghiệp giang sơn một mối.

Đinh Tiên Hoàng người động Hoa Lư (1). Truyền rằng từ xa xưa trong động vốn có một cái đầm rất sâu, mẹ Tiên Hoàng là người vợ thiếp của Thứ sử Đinh Công Trứ, bà hay vào tắm gội ở đầm sâu, một hôm gặp con rái lớn, bà bị rái hiếp. Khi về mang thai, đầy năm thì sinh ra một cậu con trai. Đinh Công Trứ rất yêu mến con. Riêng bà thầm biết cậu là con của rái. Chẳng bao lâu Đinh Công qua đời, con rái cũng bị dân chúng bắt giết, ăn thịt, rồi vứt xương đi. Bà Đinh nghe tin, đợi khi mọi người giải tán, mới tới nơi thu thập xương cốt của rái mang về, bao phong cẩn thận rồi để lên gác bếp. Bà luôn dặn con trai rằng: « Hài cốt cha con tại đây ». Tới khi khôn lớn một chút cậu ta rất thạo bơi lặn nên có tên hiệu là Đinh Mỗ (Bộ Lĩnh).

1. Động là tên gọi của một đơn vị hành chính độc lập và ngang hàng với xã, thôn, trại, sách ở nước ta thủa xưa.

https://tieulun.hopto.org

Thời bấy giờ, có người khách phương Bắc tới nước ta để xem đất, nhân tìm long mạch mà tới nơi này, ngay đêm đầu tiên quan sát thiên văn, khách trông thấy một đám khí hào quang từ trong đầm bốc lên, trông xa như một dải lụa trắng muốt lao thẳng lên ngôi sao Thiên mã. Sáng hôm sau, khách tới bên đầm, quan sát một hồi lâu rồi nói : « Trong cái đầm này ắt có vật thần ». Nhân đó thuê thợ lặn giỏi xuống đầm dò xét. Đầm vốn có nơi tối linh thiêng, xưa nay không ai dám tới gần. Khách nhân lấy hậu thưởng để mời thợ, Đinh Mỗ biết tin tự đến, lặn ngay xuống chỗ đầm sâu, dùng tay để lần mò vật thiêng. Quả nhiên sờ thấy một vật như hình con ngựa đứng ở đáy nước. Lên bờ, Đinh Mỗ kể lại đầu đuôi cho khách nghe. Khách bàn : « Anh hãy lặn xuống lần nữa, đưa nắm cỏ vào mồm ngựa, thử xem sao ? » Đinh Mỗ mang bó cỏ lặn xuống đầm dứ trước mặt ngựa, ngựa mở mồm ngoạm cỏ. Đinh Mỗ lên bờ nói lại, khách đoán rằng : « Ở đây quả nhiên có huyệt », rồi đếm tiền đưa cho Đinh Mỗ mà nói : « Hôm nay thù lao còn ít ỏi, sau đây ắt có hậu tặng ». Khách hẹn tạm về nước, không lâu sẽ quay lại. Đinh Mỗ bấy giờ tuổi còn nhỏ, nhưng thực đã là một người thông minh mẫn tiệp, căn cứ vào lời nói của khách, cậu ngầm sực hiểu : huyệt tại mồm ngựa chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Đợi cho khách đi rồi, cậu trở về đem hài cốt trên bếp, lấy cỏ bọc lại, lặn xuống lần tìm đưa vào mồm ngựa, ngựa ăn hết nhẵn.

Từ đấy trở đi, người qui phục càng đông, Đinh Mỗ được người ta suy tôn làm trưởng, thường xuyên giao chiến với người chú ở sách Đào Ức. Một lần vượt sang bờ vực, cầu gãy nên bị vây hãm tại đầm. Thúc phụ (chú) muốn xông lên đâm chết, nhưng đột nhiên thấy hai con rồng vàng đang che chở cho Đinh Mỗ,

https://tieulun.hopto.org

thức phụ sợ hãi mà thoái binh. Do đấy, mà người thiên hạ theo về ngày càng nhiều.

Vài năm sau, người khách kia từ đất Bắc trở lại, mang theo nắm xương của bố, muốn ngầm táng vào huyệt này. Nhưng nghe tin Đinh Mỗ có tài năng trùm đời, dưới tay đã có dư ngàn người qui phục thì khách mới hay biết huyệt tốt đã bị họ Đinh giành trước mà tự trách mình hữu công vô lao. Và cũng bởi thế khách ngầm oán họ Đinh. Anh ta bèn nói với Đinh Mỗ: «Nghe tin ông đỗ được đất hay, huyệt dẫu tốt nhưng ngựa chìm dưới nước thì gươm kiếm sẽ không còn tốt, nay tôi biếu ông một thanh kiếm đặt vào đầu ngựa, sau này ông ắt tung hoành trời đất, đánh đâu thắng đó». Đinh Mỗ tin vào lời khách nói, liền lặn xuống nơi ngựa thần, đặt kiếm vào đầu ngựa rồi trở về.

Từ đấy trở đi, Đinh Mỗ quả nhiên đánh đâu thắng đó, nên có danh hiệu là: « Vạn Thắng Vương ». Rốt cuộc dẹp được loạn 12 sứ quân, thống nhất giang sơn một mối.

Người ấy chính là Đinh Tiên Hoàng vậy. Ông ở ngôi 12 năm. Về sau bị một nội nhân là Đỗ Thích giết, cùng con của Vương là Đinh Liễn. Cái mưu kế làm sụp nhà Đinh của khách, mà hôm nay cha con Đinh Tiên Hoàng bị giết hại, có lẽ cũng bởi thanh kiếm có sẵn trên đầu ngựa thần từ xưa đó chăng?

(Mai Hồng phiên âm, dịch và chú)

https://tieulun.hopto.org

VĂN BIA ĐỀN THỜ ĐINH TIÊN HOÀNG Ở HOA LƯ

Phiên âm :

Tiền triều Đinh Tiên Hoàng đế miếu công đức bi ký (1).

Minh viết : Hữu công ư dân tắc tự chi. Tiền đại đế vương đoan củng cửu trùng chi nội, trị kỳ quốc gia ; thôi minh pháp độ chi chương, chế tác lễ nhạc chi tắc, trạch cập ư dân chi viễn, hữu công ư thiên hạ vạn thế thịnh hĩ tai ! Bất khả vong dã, hậu nhân truy tư chi, kiến lập miếu đình, xuân thu tứ thời hưởng thiên hạ chi báo.

1. Ký hiệu bia số 15853-15854 Viện nghiên cứu Hán Nôm. Xem thêm nguyên văn chữ Hán trong *Etude historique et archéologique sur Hoa Lư* của G. Dumoutier, tr. 78—89. Ở đền Đinh còn một bia « Tiền triều Đinh Tiên Hoàng đế tăng tu điện miếu bi ký », soạn khắc năm Chính Hòa thứ 17 (1696), ký hiệu số 15857—15858 Viện Hán Nôm. Xét nội dung bia chỉ nói về việc tu bổ thêm đền thờ vua Đinh, chúng tôi không dịch, xin giới thiệu để bạn đọc tham thảo — *Người dịch.*

https://tieulun.hopto.org

Việt tự thiên Nam lập quốc, triệu thác vu kinh Dương Vương, sinh Bách Nam chi tường, vi Bách Việt chi tổ, diệc viết Đinh Tiên Hoàng đế ứng Hoàng long chi thụy, khởi Hồng Lư chi động cư bách vạn nghĩa lữ, điển chương văn vật hoán nhiên khả quan. Ngã Việt chính thống chi quán tự thử nhi thủy. Kỳ hậu lịch triều liệt thánh kế kế tương kế tác, diệc y hiệu ư Đinh triều. Hoàng quy ý phạm, công đức mậu thịnh, hưu hà gia yên. Duy kỳ công chi mạn, cổ cửu chi bất vong ; duy kỳ đức chi tịch, cổ bảo chi đã hạn. Tiền triều đĩ lai, nội hữu cửu miếu hạ sảo miếu thổ, quảng kiến miếu đình đĩ phụng sự chi. Quốc đảo dân kỳ hữu linh ứng, lũy truy gia phong vi Thượng đẳng thần. Trúc nhập tự điển tịnh cấp dưỡng tế điền bất thập mẫu đĩ tòng sùng phụng năng tuần cổ điển cử hoàng văn, cải tất hữu đãi kim nhật.

Hồng duy, thánh triều thánh thiên tử, đức long thượng thánh văn phủ trung hưng, lý tôn chính vực trung đĩ hiếu trị thiên hạ.

Thực lại Đô nguyên sảy Tổng quốc chính, Thượng phụ Bình An Vương đồng tâm tu bổ, tái tạo ngọc thất, dãng thanh hải vũ, khôi phục kinh thành đĩ vi hiếu chi đại truy tư tiền triều nguyên thánh thịnh đức đại công, sùng cấp dưỡng vị điền thất mẫu phụng sự đĩ vi hưng kế chi ý, hội chi chi đã Thẩm hựu trụ thành chi giả, thời Đề đốc hiệu lực Tứ vệ quân vụ sự Lễ bộ công Bái Thị Trung bao tiền đế công nghiệp, xuất bản bộ dân trùng tu tăng tập tứ vũ, đĩ ngụ chính sự cần chi chí dã.

Hoằng Định thất niên phụng mệnh Tế quan Tổng thái giám Chưởng cung môn khai thừa Chế văn Lý hầu Trần Doãn cẩn khải bẩm phê chuẩn cấp bản huyện Trường Yên thượng xã, trục hạng dân đẳng vi sái tảo

https://tieulun.hopto.org

phu dĩ tiện phụng sự hương hỏa, hệ sở sưu sai các địch tinh đinh, như hữu kim tổng cấp nguyên hữu dĩ ngưỡng Chúa thượng chi hành đại quản kỳ dư thịnh tai? Nhiên hậu, truy nhất đại chi hưng, tắc tiên đại viên lăng từ miếu sùng kiến dĩ hậu báo chi, cổ nhân vi lự chí thâm thả viễn.

Ngưỡng kim gia phong tự điển, kỳ dĩ phụng tế điển hựu tăng sùng cấp, thâm chi phù tiên thế đế vương thường hữu công đức ư dân, sở dĩ báo chi giả như thử. Khải Định triều dĩ chi tích, tương dĩ khai ức vạn niên nhân hậu chi mạch, nhân hậu chi khám huệ.

Lê triều quốc kiến ức vạn niên chi tộ; bảo lê dân triệu thứ ức vạn niên chi an. Kỳ công đức dữ thiên địa chung thủy tương vi vô cùng hĩ.

Minh viết:

Ngã Việt chính thống
Tích Đinh Tiên Hoàng
Hoàng Long thụy ứng
Tường khải đế vương
Hoa Lư khởi lữ
Bình sứ quân cương
Thiên hạ sơ định
Tha vụ vị hoàng
Triều nghi thủy chế
Khiển lệnh xích xí
Quân lữ thủy định
Ngã vũ duy dương
Sáng chế mô quảng
Thủy thống pháp lương
Mô liệt hưu hậu

https://tieulun.hopto.org

Thánh minh xuất chương
Trạch cập chi viễn
Thế cửu bất vương
Tiền triều tự điển
Thượng đẳng thần chương
Tuế thời hưởng báo
Miếu đình sinh quang
Tế tự sùng cấp
Hương hỏa huy hoàng
Hồng duy thánh triều
Yểm hữu vạn phương
Hiếu trị thiên hạ
Lễ vi kỷ cương
Thực lại chủ súy
Mậu tán tu tương
Bản hành thường đại
Hưng kế kỳ thường
Quyết điển phụng tế
Thất mẫu đạo lương
Miếu phu sái tảo
Nhất xã lý hương
Thần chi đức báo
Thủy chi lực khuông
Từ vũ tu tập
Lễ bộ đảm đương
Kính cẩn chi chí
Thành kính dĩ tương
Nguyện thần lai cách
Giáng phúc giản nhương
Nhất nhân hữu khánh
Vạn thọ vô cương
Chúa thượng cựu Chương
Vĩnh phúc thọ khương

https://tieulun.hopto.org

Dân vực nhân thọ
Quốc bảo duy dương
Vạn niên thụ hữu
Quyết hậu khắc xương
Công đức mậu thịnh
Thiên địa cửu trường

Hoàng triều Hoằng Định thất niên long ấp Mậu Thân bát nguyệt cốc nhật.

Dịch nghĩa :

Bài ký bia công đức ở miếu Đinh Tiên Hoàng triều trước.

Minh viết : Có công với dân thì thờ, bậc đế vương của các triều đại trước khoanh tay rũ áo ở trong triều đề mà trị nước, nêu rõ pháp độ điển chương, làm ra phép tắc lễ nhạc, ân đức ấy thấm đến dân này từ lâu ; Vì đã có công lao to lớn với nước với dân muôn ngàn năm nay rồi, nên không thể quên được. Bởi thế người đời sau mới truy ơn công đức của họ, dựng đình xây miếu để bốn mùa xuân thu phụng thờ báo đáp.

Tự thủa trời Nam dựng nước, khởi móng xây nền từ Kinh Dương Vương, diễn tốt sinh trăm con trai làm tổ Bách Việt, kể tới vận rồng vàng ứng tác nổi ở động Hoa Lư, cử binh trăm vạn người mà điển chương văn vật đều rực rỡ khả quan.

Bậc đế vương chính thống của nước Việt ta khởi đầu từ đấy. Các bậc vua thánh đế thần kế tiếp nhau chấn tác sau này cũng đều to rộng theo bài học của triều Đinh. Quí mô to rộng, công đức dày cao, há lại chẳng càng phải báo đền to lớn thêm ru? Vì có công lớn thì dù đời có xa xôi cũng chẳng mất, bởi đức dày nên việc báo đền càng phải trọng hậu.

https://tieulun.hopto.org

Từ triều trước đến nay, phạm vi miếu thờ có 9 mẫu 6 sào, kiến tạo mở rộng thêm để phụng thờ, nước khẩn dân cầu đều được linh thiêng ứng nghiệm. Nên được nhiều đời truy phong là Thượng đẳng thần, chép vào tự điển (sách ghi việc tế tự của nhà nước), lại cấp thêm ruộng hương đến 8 mẫu để tỏ rõ lòng tôn sùng theo điển lệ cũ, chứ còn như việc nêu ra những áng văn hay điển rộng có lẽ còn phải đợi tới ngày hôm nay chăng?

Kính nghĩ, Vua triều ta là bậc thiên tử, đức thánh trí thần, khởi vận trung hưng, theo đường chính trực, bên trong dùng đạo hiếu để trị nước. May nhờ có Đô Nguyên soái Tổng quốc chính Thượng phủ Bình An vương (1) đồng lòng tu bổ dựng lại Vương triều, khiến cho sóng yên biển lặng, khôi phục kinh thành, dùng tất cả những cái đó để làm đức hiếu lớn nhớ lại cái công to đức dày của các bậc thánh vương triều trước, lại còn sùng cấp thêm cho 7 mẫu ruộng hương hỏa loại tốt phụng thờ để nêu rõ ý nghĩa dựng nền kế điển thời xưa. Đúng là sâu nặng mà chí lý lắm. Lại còn có người giúp đỡ cho việc thành công, khi ấy ông Bùi Thì Trung là quan Đô đốc Hiệu lực Tứ vệ quản vụ sự bộ Lễ, nêu lên công nghiệp của tiên đế, đem dân chúng bản bộ (nơi mình cai quản) trùng tu, tôn tạo từ vũ để tỏ lòng kính cẩn thì đấy cũng là việc làm cần trọng mà hết lẽ vậy.

Năm Hoằng Định thứ 7 (1606) vâng mệnh bề trên để cho tiện công việc hương đèn thờ phụng, Tế quan Tổng thái giám, Chưởng cung môn khai thừa Chế văn Lý hầu Trần Đoan kính cẩn bẩm khai được phê chuẩn cho các hạng dân xã Trường Yên thượng huyện đó làm sải

1. Bình An vương tức chúa Trịnh Tùng (1570—1623).

https://tieulun.hopto.org

phu (lao công quốt hoạt), hễ tới các kỳ sưu dịch phu phen thì đều được miễn hoàn theo như lệ cũ mà nay họ được quyền lợi cao nhất, nên cần phải nhận rõ việc làm trọng đại của vua ta mà càng gắng sức giữ gìn bảo quản [từ miếu] cho tốt hơn. Về sau muốn truy cứu sự hưng thịnh của một thời, tất phải trông vào công việc báo đáp trọng hậu, xây dựng lăng tẩm, miếu từ để phụng thờ các bậc đế vương xưa của đời trước. Cổ nhân tính toán sâu sắc và xa xôi lắm.

Vua ta nay gia phong tự điển, trước đã cho ruộng tế bây giờ lại sung cấp thêm. Điều ấy khiến cho ta càng hiểu sâu sắc thêm về các bậc đế vương xưa vì có nhiều công đức với dân nên dân phải đáp đền lại như thế.

Phải chăng bằng một công tích của triều Đinh để khơi ra cái mạch nhân hậu, cái ơn nhân hậu cho muôn ngàn năm mà triều Lê thì dựng nên vận nước lâu bền, bảo vệ lê dân, trăm họ được sống trong cảnh yên lành ngàn thủa.

Công đức của họ sẽ thủy chung vĩnh hằng cùng với trời đất.

Có bài minh rằng:

Chính thống nước ta
Xưa Đinh Tiên Hoàng
Rồng vàng báo ứng
Điềm mở đế vương
Hoa Lư dấy nghĩa
Bình dẹp sứ quân
Hòa bình vừa lập
Việc khác chưa thành
Triều nghi mới chế
Khiến lệnh cờ hồng

https://tieulun.hopto.org

Quân ngũ liền định
Lừng lẫy võ công
Bày ra mưu rộng
Lưu lại phép vương
Giúp cho hậu thế
Thông thái vô lường
Ơn thấm lòng dân
Đời xa chẳng quên
Tiền triều tứ điển
Thượng đẳng thần chương
Bốn mùa hưởng báo
Miếu đình phong quang
Tế thờ sùng cấp
Đèn hương huy hoàng
Lớn thay vua ta
Che khắp muôn phương
Hiếu trị thiên hạ
Lễ làm kỷ cương
Cậy nhờ chủ soái
Giúp cho ruộng nương
Vốn làm việc lớn
Dựng lại nghiệp vương
Cấp thêm ruộng tế
Bảy mẫu lúa nương
Cho người quét dọn
Một xã thôn làng
Đức thần ứng báo
Sức ai lật nghiêng
Từ vũ tu bổ
Bộ Lễ đảm đương
Lo toan chu đáo
Thành kính dâng lên
Cầu thần chứng giám
Giáng cho phúc lành

https://tieulun.hopto.org

Mọi người đều hưởng
Vĩnh cửu vô cương
Vua theo điển chương
Phúc thọ vô cùng
Dân ta mãi mãi
Báo quốc biểu dương
Vạn năm trợ giúp
Hậu thế noi gương
Công đức đều lớn
Trời đất vĩnh trường

Niên hiệu Hoàng Định thứ 7 năm Mậu Thân tháng 8 ngày lành.

1. Năm 1606 triều Lê Kính Tông.

https://tieulun.hopto.org

DŨNG QUỐC CÔNG TRẦN MINH CÔNG SỰ TÍCH (1)

... Ngô Vương kiến quốc, thập nhị sứ quân cát cứ đô ấp thổ vũ phân liệt mạc năng tương trấp, hổ tương tranh trưởng. Trần Lãm cử Bố Hải Khẩu xưng Minh Công, (ân công quán Quảng Đông trấn, phụ Trần Công Đức công vãng ngã Nam Việt cư trị vu Bố Hải Khẩu). Đương thị chi thời ngã Việt nguyên nguyên đồ thán vô sở y đầu. Thử gian Ái Châu Đại Hoàng Đinh thị hủy Bộ Lĩnh nãi đầu nhập Trần Công vi dưỡng tử (Trần công dữ Đinh công binh pháp cập sĩ mã). Tự thử Đinh công hối tích sơn lâm tiềm tâm thao lược diên lãm trí mưu chi sĩ chiêu tập lưu tán chi dân, phấn khởi nghĩa binh, đắc số thiên sư nhân dữ dưỡng phụ Trần công đồng tâm hiệp lực tiễu bình thập nhất sứ quân. Nhất nhật Trần công dữ Đinh công đề binh đại chiến nhất trận tiễu bình đắc thập sứ quân, Đinh công toại tức hoàng đế vị tôn hiệu Đinh Tiên Hoàng, quốc hiệu Đại Cồ Việt, đô vu Hoa Lư.

Khước thuyết, thời Đinh Công tức vị nãi thưởng lao công thần gia phong tướng sĩ đẳng cấp hữu sai.

1. Theo bản sách ký hiệu A 2626 — Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Chúng tôi lược bớt mười dòng đầu và đoạn cuối.

https://tieulun.hopto.org

Thử gian đế phong Minh Công: Phụ đực Quốc chính Thượng tướng Công, hức thực ấp ư Sơn Nam Đạo; Thời công tọa triều nhận sự đạo nội thanh bình vạn dân cấp tức tứ hải án nhiên. Công thượng biểu tấu vu đế thỉnh dĩ chu du thiên hạ, trạch lập sinh từ, dĩ vi hân nhật hương hỏa hưởng linh chi hữu sở. Đế hứa chi. Ư thị xa giá chu hành đạo nội, vãn thường sơn xuyên thời hoặc cầm cổ trúc vũ thi thư đối trắc kiên khôn; phượng lạc loan ca thanh khí bồng lai thú vị. Bồng lam điệp chủ trương phong nguyệt Nữ Hồ điếu đỉnh chi tiên tông; Kính song mãu cảnh hội yên hà vạn tượng, vân biên chi cố bộ. Thủy chi thanh, sơn chi tú, qui lai bán tự kiến khôn, đông chi thánh bắc chi thần xuất nhập Nam thiên phong cảnh. Nhất nhật công vãng chi Thiên Trường phủ Lạc Đạo trang, thử gian phụ lão nhân dân hành lễ bái hạ, công toại đình giá trú binh vu thử. Dương gian công túng mục chi ấp giới kiến kỳ sơn thủy oánh vu, long hổ hoàn bão, sơn bất cao nhi sa thổ duy thổ thủy bất thanh nhi điền thủy du nghi. Công tức truyền binh sĩ dữ nhân dân thiết lập hành cung nhất sở vu dân chi trung độ thổ hình chính cục tọa Quí hướng Đinh. Nhân dân phụng tu ly sự hoàn. Công nãi đại khai yến hội tuyên chiêu phụ lão nhân dân đồng lai đãi yến, nãi ban tứ nhân dân hoàng kim nhị thập hốt, truyền nhân dân quảng mãi điền trì, dĩ vi công bản nhân dân phụng lĩnh, sự tất công xa giá phản hồi triều thượng biểu tấu vu đế, thỉnh dĩ Lạc Đạo trang, vi hộ nhi tạo lệ chi dân. Phàm bình hương các dịch tịch kỳ quyên hứa yên. Tự thử Lạc Đạo trang nhân dân cấp tức, phong tục đôn hậu, giai mông công kỳ huệ trạch.

Khước thuyết, thời công ly trướng quốc sự, phàm đông chinh tây thảo đa hữu kỳ công, đế đại gia thưởng

https://tieulun.hopto.org

tứ quần thần mạc cập, Công tọa triều nhậm sự kinh đắc sổ niên, thời công niên ngoại lục tuần nãi tấu vu đế thỉnh từ quan nạp ấn hồi cư Lạc Đạo trang cung sở dĩ tiện dưỡng nhàn, đế hứa chi. Công bái tạ phản hồi cung sở (tức Lạc Đạo trang), thời Công lưu cư vu công sở khuyến khóa nông tang, giáo dân canh giá, hưng tiện trừ hại dân đa lại yên. Sổ niên chi trung dân thuần tục mỹ, túc vi văn hiến chi hương, giai công chi phúc chi dã.

Khước thuyết, công bị anh bệnh, kỳ thần vọng hiệu, phụ được bất thuyên, toại tầm tốt vu chính tẩm (thời thập nguyệt sơ thập nhật) nhân dân toại hành lễ an táng tại Đồng xàm chi xứ. Táng liễu thượng biểu tấu nhập đế đình, đế tư kỳ công đức, thả tư quốc hữu huân lao tức tặng phong sắc chỉ, mệnh sứ thần nghênh sắc hồi trí tế. Nhất điện phụng ban thanh tiền tam bách quan truyền nhân dân trùng tu điện phụng sự xuân thu, mệnh quan trí tế. Tự thử đại hữu, cố Đình triều đa hữu gia phong mỹ tự thưởng đẳng phúc thần vạn cổ huyết thực khâm tai !

Nhất phong Quốc tể Trần Minh Công Đại Vương. Gia phong Liệt tổ linh ứng Thượng đẳng thần, chuẩn hứa Lạc Đạo trang phụng sự.

Khước thuyết, lịch Đinh Lê Lý Trần chí Trần Duệ Tông, thử gian hữu Chiêm quốc nhập khấu binh thanh chấn động, vạn lý lôi đình, tinh kỳ ám địa, chinh cổ kinh thiên, khởi binh tư Nam hải, biên thư cáo cấp, nhất nhật tam chí. Đế văn chi, nãi xa giá thân chinh cử binh vãng quá Sơn Nam đạo, Thiên Trường phủ, Giao Thủy huyện, Lạc Đạo trang, thời nhật dĩ hoàng hôn đế nãi mệnh trú binh vu từ sở. Thị dạ kiến tự nội huy hoàng hữu nhất quan viên thủ đới bạch tinh quan,

https://tieulun.hopto.org

thân bị hồng y, thủ chấp kim bài đạo nhập đế tiền viết : « Thần bản Đinh triều danh tướng, kim kiến bệ hạ cử binh bình Chiêm thần nguyện âm phù hộ quốc, sĩ hậu thanh bình dĩ biểu anh linh ». Tấu hất biến hỹ. Đế tỉnh lai dĩ vi trinh tường chi triệu, tức ký nhập kim chương dĩ vi hậu nghiệm, chí minh nhật đề hành lễ bái tạ, cử binh trực tiến chí Chiêm cảnh đại chiến nhất trận bình đắc Chiêu binh, cập ban sư khải hoàn thưởng lao tướng sĩ dữ chư bách thần hữu âm phù quốc chi công. Thử gian đế nãi phong Lạc Đạo tử, sắc chỉ mệnh sứ nghênh hồi dân hành lễ tam sinh trí tế, nhất tuần tải. Truyền nhân dân trùng tu miếu điện phụng tự yên. Tự hậu quốc đảo dân kỳ, cầu phong đắc phong, cầu vũ đắc vũ, cứu đa hữu đế vương gia phong chỉ sắc vạn cổ huyết thực dữ thiên địa trường tồn y dư hưu tai !

Nhất phong Trần Minh Công tặng phong Liệt tổ linh ứng Thượng đẳng thần. Chuẩn hứa Lạc Đạo trang phụng tự.

Khước thuyết, tử thử dĩ hậu Đại Vương tử đại hữu anh linh kỳ tinh đảo vũ vô bất linh ứng. Cố lịch đại đế vương gia phong mỹ tự, sắc chỉ vạn tuế phúc thần, hương hỏa hữu duyên hỹ (thử kỳ kết ngữ).

Sỹ Nguyễn Quí Đề phụng sao sự tích hoàn, tái phụng tương duệ cập lịch triều tặng phong mỹ tự sắc chỉ lư vu tả...

https://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa :

SỰ TÍCH DŨNG QUỐC CÔNG TRẦN MINH CÔNG

... Ngô Vương dựng nước, 12 sứ quân cát cứ, đất đai phân liệt, tranh giành ngôi thứ chẳng ai chịu ai. Thời ấy, Trần Lãm chiếm cứ vùng Bố Hải khẩu, xưng là Minh Công (theo truyền thuyết ông vốn người trấn Quảng Đông, cha là Trần Đức sang nước Nam Việt ta cư trị ở cửa biển Bố Hải) (1). Thời ấy, dân Nam Việt lầm than không nơi nương tựa, ở sách Đại Hoàng đất Ái châu có người họ Đinh tên gọi Bộ Lĩnh xin Trần Lãm nhận làm con nuôi (Trần Công và Đinh Công cùng nhau luyện binh pháp). Từ đấy Đinh Công nấu mình nơi rừng sâu núi thẳm, ông là một người mưu trí thao lược, chiêu tập dân lưu tán dấy binh được mấy ngàn nghĩa sĩ cùng Trần Công đồng tâm hiệp lực tiễu trừ mười một sứ quân. Có một lần Trần Công cùng Đinh Công mang quân đi đánh một trận lớn bình dẹp các sứ quân. Đinh Công lên ngôi hoàng đế, tự lập tôn hiệu là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đong đô tại Hoa Lư.

1. Thuộc xã Trần Lãm, Thái Bình ngày nay.

https://tieulun.hopto.org

Lại nói, khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua, ông thưởng công lao cho các bậc công thần, gia phong tướng sĩ theo thứ bậc cao thấp khác nhau. Bấy giờ vua phong cho Minh Công chức Phụ Đực Quốc chính thượng tướng công, cấp cho thực ấp là đạo Sơn Nam (1). Thời ông nhậm sự tại triều, đất nước thanh bình, vạn dân yên ổn, ông dâng biểu xin vua được đi chu du thiên hạ tìm đất kiến lập sinh từ để làm nơi hương hỏa về sau. Vua chuẩn cho. Ông xa giá cùng vua chu du vãn cảnh núi sông khắp nước. Có lúc cầm ca sáo trúc, khi thì thư dạo gót kiền khôn, tiếng nhạc khúc loan thanh, non cảnh bồng lai thú vị. Khi thuyền buồm ba lá chủ định theo vết tiên tông vãn cảnh Ngũ Hồ ngắm trăng câu cá; Kinh song mâu dạo gót cảnh hội khói mây chiều ráng. Vạn tượng ngàn hình non xanh nước biếc, giang sơn lưng túi càn khôn, thánh đông thần bắc, ra vào giang sơn phong cảnh lạ.

Một ngày nọ, ông đi tới trang Lạc Đạo phủ Thiên Trường, phụ lão nhân dân làm lễ chào mừng, ông dừng ngựa án binh. Khi ấy ông phóng mắt nhìn về ấp giới, cảnh non xanh nước biếc bao quanh cùng thế rồng chầu hổ chực, núi không cao mà đất pha sỏi cát, nước không sâu mà đủ được ruộng nương. Ông bèn ra lệnh cho binh sĩ cùng dân chúng thiết lập một hành cung ngay giữa thôn làng, hành cung hướng Đinh quay lưng hướng Quí, nhân dân phụng mệnh sửa sang miếu điện. Công việc hoàn tất, ông bèn mở đại tiệc triệu mời các vị phụ lão nhân dân tới dự, trao cho nhân dân 20 nén vàng mua ruộng ao để thờ phụng ông. Trở về triều, ông dâng sớ xin vua ban sắc công nhận trang Lạc Đạo là sinh quán của ông và xin miễn tất cả phu phen binh

1. Nay thuộc Nam Định cũ.

https://tieulun.hopto.org

dịch cho dân trang này. Vua thuận cho Từ đấy dân nơi đây phong tục thuần mỹ là bởi nhờ ân trạch của ông.

Lại nói, ông đảm nhận việc nước, phàm đông chinh bắc chiến nơi đâu ông cũng đều lập chiến công hiển hách. Vua ban thưởng công lớn cho các bậc quần thần thì không có ai sánh kịp ông. Ông làm việc tại triều một số năm, ngoài 60 tuổi ông dâng sớ xin về trí sĩ tại trang Lạc Đạo để dưỡng lão, vua cũng vui lòng. Ông bái tạ vua trở về cung sở (tức Lạc Đạo trang). Trở về đây ông khuyến miễn nông tang, dạy dân cày cấy, hưng lợi trừ hại, trăm sự dân chúng đều nương cậy vào ông. Trong những năm tháng ấy, dân thuần tục mỹ, đủ gọi là một làng văn hiến, mà cũng đều từ ân huệ nơi ông.

Lại có chuyện kể rằng, khi ông lâm bệnh uất, cầu thần vô hiệu, thuốc thang chẳng lành, thế rồi không bao lâu thì ông mất tại chính tẩm (ngày 10 tháng 10), nhân dân liền hành lễ an táng ông tại xứ Đồng Xâm. Chôn cất xong xuôi, nhân dân dâng sớ tâu vua. Nhà vua nhớ ông có đức cả công to, bèn phong sắc chỉ sai sứ mang sắc về tế lễ, ngài còn cho dân 300 quan tiền xanh để trùng tu miếu điện phụng thờ. Kể từ khi ấy, ông càng linh thiêng hiển ứng. Cho nên triều nhà Đinh nhiều lần phong mỹ tự : Thượng đẳng phúc thần, để cho dân phụng thờ ông đời đời vậy.

Phong sắc : Quốc tế Trần Minh Công Đại vương. Lại gia phong Liệt tổ linh ứng Thượng đẳng thần, trao cho nhân dân trang Lạc Đạo phụng thờ.

Lại nói, trải các triều Đinh Lê, Lý Trần cho tới đời Trần Duệ Tông, quân Chiêm Thành trống giục cờ giong, trời rung đất rợp, binh mã ào ào kéo tới xâm lăng biên cương phía nam tổ quốc. Một ngày ba lần thư cáo cấp từ biên ải. Nhà vua bèn xa giá

https://tieulun.hopto.org

cử binh ra trận, khi đi qua trang Lạc Đạo, huyện Giao Thủy, phủ Thiên Trường thì trời sắp tối, vua bèn trú quân tại đền. Đêm ấy ngài mộng thấy trên điện từ trong ánh sáng hào quang có một viên quan đầu đội mũ bách tinh (trăm sao) thân khoác áo hồng, tay cầm kim bài, tiến thẳng tới trước mặt vua tâu rằng: «Thần vốn là một danh thần đời nhà Đinh, nay thấy bệ hạ đem quân đi dẹp giặc Chiêm Thành, thần nguyện xin âm phù giúp nước, mong tới khi đất nước thanh bình để tỏ rõ sự anh linh». Nói đoạn thì biến mất. Tỉnh giấc, vua đoán ngay đó là điềm lành. Vua bèn cho chép vào sách vàng (kim chương) để lưu truyền linh nghiệm về sau. Sáng mai, vua hành lễ bái tạ rồi tiến quân thẳng tới biên cương đánh một trận lớn quét sạch quân thù, ca khúc khải hoàn, vua thưởng công lao cho các tướng sĩ, cùng trăm thần sông núi ngầm giúp cho giang sơn. Khi ấy, vua phong sắc cho đền Lạc Đạo, lại sai bề tôi rước sắc tới đàn, làm lễ tam sinh (1), tế lễ một tuần (2). Vua còn sai dân chúng trăng tu miếu điện để phụng thờ ông. Từ đó về sau dân cầu gió được gió, nguyện mưa được mưa. Cho nên đế vương nhiều đời ban thưởng sắc phong nguyên thể vạn đại trường tồn cùng trời đất vậy.

Phong Trần Minh Công Đại vương. Tặng phong Liệt tổ linh ứng Thượng đẳng thần, chuẩn cho trang Lạc Đạo phụng thờ.

Còn ban các chữ: Vạn cổ phúc thần, hương hỏa hàng vạn năm là bởi có căn nguyên vậy thay.

Tên tôi là Nguyễn Quí Đề vâng mệnh sao thần tích đã xong. Lại đem các duệ hiệu cùng các mỹ tự (chữ đẹp) phong tặng cho ông của các triều đại ghi chép ở bên...

1. Tam sinh: 3 con vật dùng tế thần: trâu, dê, lợn.
2. 10 ngày.

https://tieulun.hopto.org

ĐÔNG KẾT XÃ THẦN TÍCH

(Lý Trần Lê triều sắc phong nhị thập tam đạo cụ biên mạt quyển).

Sứ quân kỷ

Phúc thần : Bắc Tế Đại Vương (thần tích Nguyễn húy Triển, tự Nguyễn Siêu, Giáp Thân niên chính nguyệt Thân thì sinh, thọ ngũ thập tuế, mẫu Nam quốc nhân).

Phúc thần Bắc quốc, Phúc Kiến Đà Dương nhân. Tổ Nguyễn Hàng Bắc triều danh tướng, vị quán vũ giai, họ tứ thập cửu tuế nhi chung, tặng : Cô sự Đại vương miếu tự Ngũ Hồ động. Phụ Nguyễn Nê tài lực quá nhân anh hùng cái thế, sĩ Tấn Vũ Đế, đại chưởng binh quyền vi Kiêu kỵ đại tướng quân, Đô thống Quân Bình Dương hầu. Thừa Nam quốc loạn phụng mệnh chinh Nam, lư mã tam thiên, tinh binh bát vạn, Nam lai vấn tội. Thời Khúc Vương cập Dương Công chủ phế cống khi thiên bất cung triều lễ, Nguyễn Nê đại quân tiến chí Thanh Quả nhi trú yên. Nhàn thiết lập phủ nha truyền lao canh cổ, hựu thú y xã nữ tử Nguyễn Thị Mai vi tiểu thiếp. Trú thử phàm tam thập cửu niên, hựu sinh tam nam : Nguyễn Khoan, Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Siêu. Suất giai tinh bẩm phi thường, tướng tài tú dị, Nguyễn Nê ~~hủy~~ kỳ gia khánh, mưu đồ thành sự, nãi bá ân uy kiêm trứ, giáo dưỡng thi hành. Viễn cận lạc tòng nhân dân hướng phục, thiết tài sơn tích, binh giáp nhuệ tinh, quyết thắng vô tiền, sở lâm hữu tài. Chí Mậu Thìn niên tam nguyệt sơ tam nhật Bình Dương Hầu tốt, niên thọ thất thập cửu tuế, vô

https://tieulun.hopto.org

bệnh nhi chung ư Thanh Quả doanh trung. Doanh chi tỉnh giai điền tắc yên. Thời tướng sĩ Đỗ Hạo, Trần Mưu qui táng Bắc kinh Phúc Kiến, Thanh Xuân sơn hạ. Kỳ tử Nguyễn Khoan, Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Siêu trưng thủ binh quyền, các tướng tranh lập, tham quyền cố vị, tòng mẫu vô qui. Tấn cư Nam địa dĩ chí niên nguyệt tích, yên tác Nam nhân. Nhiên đa dĩ tiền tài, kiêm hữu tài lược, hựu vi Nam quốc Ngô Vương Quyền tín dụng, mệnh Nguyễn Khoan vi Cẩm hạt hạt tướng quân, Nguyễn Thủ Tiệp vi Tứ Xuyên Đô hộ, Nguyễn Siêu vi Thống lĩnh tướng quân, các hữu binh dân, nhân giai xu phụ. Thừa Nam quốc tiền Ngô Vương Quyền, hậu Ngô Văn Xương chi mạt, chính lệnh phế di thiên hạ đại loạn, tướng thần phân vi thập nhị sứ quân, các thủ binh dân, tùy phương phố khởi. Đại tướng quân Nguyễn Khoan cứ Sơn Tây Tam Đới phủ, Lập Thạch huyện; Trung tướng quân Nguyễn Thủ Tiệp cứ Kinh Bắc Tiên Du huyện; Thứ tướng quân Nguyễn Siêu cứ Thanh Đàm huyện Đông Phù Liệt. Các cứ huyện binh thiết lập doanh sài, cung phủ thu thủ binh nhung dĩ đồ thành sự. Tướng quân Nguyễn Siêu dưỡng đắc đệ tử bát thiên, binh mã thập dư vạn, nhật dạ mưu lự thu phủ anh hào, thê thiếp tùy nô bất khả thăng số. Thời hữu Bái Xuyên nhân Nguyễn Thị Ngọc Giả, Ngọc Kiều chi tử, niên phương nhị bát, nhập thị phủ trung, tài đắc tam niên, sinh đắc nam tử Nguyễn Triệu, nữ tử Nguyễn Thị Ngọc Cầu. Nguyễn Siêu tái dụng Bái Xuyên nhân Lưu Triều vi tỳ tướng. Triều vi nhân tính đa hãn hỗ, bỉ vật khinh nhân, nhân đa úy phục. Nguyễn Siêu nãi sứ tướng binh vạn dư, cứ thủ Thanh Đàm xã (kim cải vi Văn Uyên xã) dĩ phòng tha binh xâm loạt. Nguyễn Tri Khả vi tiên phong, Trần Cồn vi tả dực, Đỗ Cơ vi hữu dực, Phạm Phục vi tổng quản chư quân. Tướng quân Nguyễn Siêu phủ hoài viễn cận, bảo dưỡng hiền

https://tieulun.hopto.org

tài, thiên hạ ủy uy, viễn cận hướng mộ. Phàm đắc thất niên, thời hải nội vô chủ, thập nhị sứ quân tranh trưởng cạnh đoạt, thiên hạ tru loạn, mạc năng thống trấp. Chí Nhâm Dần niên, thập nhất nguyệt, văn Đinh Bộ Lĩnh hội chúng khởi binh vu Đội lĩnh sơn hạ, bộ lạc ủy phục, kinh phủ qui tâm, tướng sĩ tam thiên, suất giai hùng hổ, hữu chiến tất khắc, sở hướng vô tiền, thiên hạ dĩ vi vô dữ địch dã. Tướng quân Nguyễn Siêu viện mệnh tướng sĩ luyện tập binh nhung, trúc tu hào lũy dĩ vi bị phòng. Nhân trúc thượng tự Yên Việt xã đại hà hoành quá Phúc Am xã tiểu hà, nhất dạ nãi thành. Dĩ phòng xâm loạt, nhược kiến tặc chí, nhật tắc chỉnh tề khí dụng bài trận giao công, dạ tắc canh cổ truyền lao, bế thành tự thủ. Dĩ vi vô bất khả thừa.

Chí Ất Tỵ niên, lục nguyệt sơ lục nhật, kiến Đinh tướng Nguyễn Bổ, Nguyễn Phục, Cao Sơn, Đinh Thiết, tế tượng binh mã tòng nam đạo Phú Xuyên Thượng Phúc nhi lai, trú vu Ngọc Hồi, Bình Vọng chi địa, qua giáp liên thiên, tinh kỳ tế nhật, huyền quân ngạn thượng, vi chi sổ trùng, nam nữ hào trung vi chi nguy cụ. Vu thời Nguyễn Trí Khả, Trần Cồn, Đỗ Cơ, Phạm Phục thỉnh mệnh ư tướng quân, khai lũy kích chi. Tự dần chí thân phàm sổ thập hợp trảm đắc Đinh tướng Nguyễn Bổ ư Cổ Điển, Nguyễn Phục ư Văn Điển, Cao Sơn ư Tương Trúc xã, Đinh Thiết ư Thọ Am kiều Điền huyết lưu hồng, phó thi mãn địa, tặc đồ tẩu tán, viễn cận lạc tòng. Đinh Bộ Lĩnh văn chi đại nộ, thỉnh mệnh ư Minh Công trảm kỳ hướng đạo tam thập nhân dĩ nghiệm quân hiến. Đinh Bộ Lĩnh tái sử Đại tướng quân Nguyễn Bặc vi tiên phong tướng binh nhất vạn, Thập đạo tướng quân Lê Hoàn vi tiếp chiến, tướng binh bát thiên nhân; Đinh Bộ Lĩnh vi tướng quân, tượng mã nhất thiên, tinh binh thất vạn, các tòng giản đạo, trực chí Cầm Cơ xã, truyền

https://tieulun.hopto.org

thinh pháo thanh, trường khu đại phá. Nguyễn Siêu văn chi, tuyển tướng luyện binh, tu lương thiết hiểm. Thời lục nguyệt nhi thập bát nhật, hữu tú sĩ Đỗ Khả vi tự Bắc phương lai, chỉ quân môn hiến sách viết: « Thần văn dụng binh làm chiến tại tiên định mưu, cố quý hoạch chấm, thái tiểu trí giáo. Kim tướng quân chính, Bắc Triều chi qui khí, vi Nam quốc chi danh thần, thừa thời nhi phạt phẫn độ dân, dục sáng Hán ngũ bách niên chi nghiệp. Nhân thế nhi dưỡng uy sức nhuệ, hà úy Đinh thất thập vạn chi binh, thiên dữ nhân qui, chính kỳ thời dã. Hà nãi khu khu tiểu ấp tự thị binh cường, cửu cửu chinh phu, bất úy trường đại. Tướng quân thục dữ thành đại nghiệp tai ? Văn kỳ Tây hữu Đại tướng quân giả, cái thế anh hùng, Bắc hữu Trung tướng quân giả, thời trung hào kiệt. Tướng quân cẩu năng thừa thử cơ hội đại nghiệp khả đồ dã ? Kim giả tướng quân bán giới sơn hà, nhất thân cô lũy, viện không lương thiếu, binh giáp vị tinh, thị bỉ chi trương sắc cao phong, thế nan lưỡng địch. Vi tướng quân kế giả mạc nhược thoái sư tây bắc, khất viện sư huynh, sử trảo nha chi tướng hùng hổ chi binh, các tướng trung viện. Nhất tắc tòng Đông An bắc ngạn nhi lai, nhất tắc tòng Từ Liêm tây trực lộ nhi hạ, sử bỉ Đinh tân công Sở phá, tung hợp hoành phân, quyết thắng phụ ư khoảnh khắc. Như thử Lê Hoàn phá đởm bất hà vi mưu, Bộ Lĩnh hồn kinh, nan đồ phục nghiệp. Ngã ư thử thừa phá trác cầu hoàn chi thế ; dương lôi oanh điện tảo chi uy, dĩ chi nhi bình Ngô đại nghiệp ; tốc nhược thôi khô dĩ chi nhi kiến nghiệp vạn niên, dị nhi phản chưởng. Tướng quân hà vi nhi bất thành tai ? » Tướng quân Nguyễn Siêu tòng kỳ sách, thất nguyệt sơ thập nhật hội minh phân quan vi nhị bộ : nhất cư thủ lũy, nhất khứ cầu viện sư. Thời thất nguyệt thập ngũ nhật, hồng thủy thao thao, giang thiên nhất sắc, quan quân tiến hành, quá Đông Phù Liệt

https://tieulun.hopto.org

xã giang đầu hoành hành bắc ngạn chí vu trung lưu, hốt ngộ đại phong ba đào hung dũng, hoàng thiên phất tộ, trầm một long chu, khí giới quân nhu, nhất giai không tận. Đinh Bộ Lĩnh văn chi, dạ sử võ sĩ Nguyễn Đoàn phàm thập dư nhân, tiền nhập doanh trung thừa phong cử hỏa, hỏa liệt phong mạnh, yên ám tế thiên. Doanh trung nhân nhân kinh hoàng tẩu tán. Duy Ngọc Giả, Nguyễn Triệu, Ngọc Cầu đệ tử sổ thập nhân, đồn xuất di cư, vu trung tướng quân Nguyễn Thủ Tiệp cứ Tiên Du. Hậu sổ nguyệt văn phù thi lưu chí Bái Xuyên, nhất mã nhất thi, phù du giang ngoại, tam nguyệt bất hủ, diện tựa sinh nhân. Nhân dĩ vi thần. Kỳ thê kỳ tử Nguyễn Triệu dữ đệ tử Nguyễn Liên, Nguyễn Thảo, Phạm Xu, Đỗ Như, Trần Hội, Bùi Thi, Lưu Khả phàm thập dư nhân lai kiến kỳ sự, nhân phù thi an táng vu phù sa yên (hậu danh Mả Bái). Thủy lập sổ xích bồng cao dĩ vi phụng sự sở, nhi lưu Bùi Thi, Lưu Khả cư thủ hương hỏa yên. Tự thử Phù Liệt xã địa phương, tặc chỉ vi thù. Nhật vãng nguyệt lai, lê đinh tảo huyệt nhân dân tẩu tán, nhật thậm điêu tàn, thảo mãng diên man vi hồ thử xã, xâm tầm tuế nguyệt, kinh thập cửu niên. Chí Canh Thìn niên Đinh thị bình Ngô khai quốc, kiến Trường Yên phủ, Thanh Đàm nhân dân xảo xảo phức tập, nhân tư kỳ đức, báo đáp vô do, thủy lập từ đường. Đông Phù Liệt thị giang diện tân đầu dĩ cung tế tự... (1).

1. Lược bỏ phần cuối.

https://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa :

THẦN TÍCH XÃ ĐÔNG KẾT (1)

(23 đạo sắc của triều Lý Trần Lê chép đủ ở cuối sách)

Kỷ sứ quân

Phúc thần Bác Tế Đại vương (thần họ Nguyễn húy Triều, tên chữ là Nguyễn Siêu, sinh giờ thân, tháng giêng năm Giáp Thân).

Phúc thần vốn người Đà Dương, Phúc Kiến, Bắc quốc. Tổ nội ông là Nguyễn Hàng một võ tướng có tiếng của Bắc triều chết năm 49 tuổi. Được tặng phong Cố sự Đại vương, có miếu thờ ở đông Ngũ Hồ. Cha là Nguyễn Nê tài lực hơn người, anh hùng trùm đời, làm quan thời Tấn Vũ đế, nắm quyền binh, hàm Kiêu kỵ Đại tướng quân, Đô thống Quản Binh Dương hầu. Nhân khi nước Nam có loạn, thừa lệnh đem 3 ngàn lừa ngựa, 8 vạn tinh binh đi nam chinh. Bấy giờ Khúc vương và Dương công chủ ý phế hổ cống nạp, Nguyễn Nê đem đại quân tiến đến Thanh Quả thì dừng, nhân đấy thiết lập nha phủ, canh giữ đêm ngày, lại lấy Nguyễn Thị Mai người xã ấy làm vợ bé. Ông đóng đồn ở đó tất cả 39 năm, sinh

1. Theo bản sách ký hiệu A2266 thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm.

https://tieulun.hopto.org

được 3 con trai: Nguyễn Khoan, Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Siêu đều là bậc anh tuấn phi thường. Nguyễn Nê rất hài lòng về gia cảnh của ông, bèn nảy ra ý mưu cầu đại sự. Thế rồi gia ân làm uy, giáo dưỡng thi hành, người xa kẻ gần đều hồ hởi theo ông, đúng là nhân tâm qui phục. Tiền tài chất cao như núi, binh giáp nhuệ tinh, xưa nay khó bì, lại khéo sắp đặt. Tới ngày mồng 3 tháng 3 năm Mậu Thìn thì Bình Dương hầu tự nhiên vô bệnh mà chết tại bản doanh Thanh Quả, hưởng thọ 79 tuổi. Khi ấy các tướng sĩ Đỗ Hạo, Trần Mưu đưa thi hài ông về Bắc quốc táng tại chân núi Thanh Xuân Phúc Kiến đất Bắc. Các con ông: Nguyễn Khoan, Nguyễn Thủ Tiệp, Nguyễn Siêu nắm giữ binh quyền, tranh quyền lập vị, theo mẹ không về Bắc, nhập tịch nước Nam. Ngày qua tháng lại họ trở thành người Nam, hơn nữa họ đều là người giàu có, lại có tài vũ dũng thao lược, lại được Ngô Vương Quyền tín dụng, cho Nguyễn Khoan làm Cẩm Hạt tướng quân, Nguyễn Thủ Tiệp làm Tứ Xuyên Đô hộ, Nguyễn Siêu làm Thông Lĩnh tướng quân. Ai nấy đều có binh dân, người người đều qui phục. Nhân nước Nam thời Tiền Ngô vương cho đến cuối đời Ngô Xương Văn chính lệnh bỏ dời, thiên hạ loạn lớn, tướng thần chia làm 12 sứ quân đều tranh nhau mỗi người chiếm cứ một khu. Đại tướng quân Nguyễn Khoan chiếm cứ huyện Lập Thạch, phủ Tam Đới, Sơn Tây, Trung tướng Nguyễn Thủ Tiệp nắm cứ huyện Tiên Sơn Kinh Bắc, Thứ tướng quân Nguyễn Siêu nắm giữ Đông Phù Liệt huyện Thanh Đàm. Nơi đâu cũng lập doanh trại đồn phủ, thu giữ binh quyền để mưu cầu đại sự. Nguyễn Siêu nuôi dưỡng môn đệ 8 ngàn người, binh mã có trên 10 vạn. Đêm ngày lo toan thu phục anh hào, vợ lớn vợ bé, kẻ theo hầu, nô tỳ không sao đếm xuể. Bấy giờ có người Bái Xuyên tên là Nguyễn Thị Ngọc Giả, con của Ngọc Kiều đang tuổi mười tám đôi

https://tieulun.hopto.org

mươi, vào hầu trong phủ vừa được 3 năm thì sinh con trai đặt tên là Nguyễn Triệu, con gái tên là Nguyễn Thị Ngọc Cầu. Nguyễn Siêu tái dụng Lưu Triều người Bái Xuyên làm tỳ tướng. Triều là người ngỗ ngược, bỉ vật khinh người, nhiều kẻ sợ nể. Nguyễn Siêu bèn dùng tướng binh trên vạn người, chiếm cứ xã Thanh Đàm (nay đổi là xã Văn Uyên) để canh phòng sự xâm loát của người khác. Cho Nguyễn Trí Khả làm tiên phong, Nguyễn Cần làm tả dực (cánh trái), Đỗ Cơ làm hữu dực (cánh phải), Phạm Phục tổng quản các quân. Tướng quân Nguyễn Siêu phủ dụ kẻ xa người gần, bảo dưỡng người hiền tài, họ đều vì nể uy ông, xa gần đều ngưỡng mộ. Chừng được 7 năm, lúc bấy giờ trong nước vô chủ, 12 sứ quân cạnh tranh ngôi thứ, thiên hạ loạn lạc, không ai thống lĩnh nổi. Mãi đến tháng 11 năm Nhâm Dần (1) nghe tin Đinh Bộ Lĩnh chiêu binh khởi nghĩa dưới núi Đội, bộ lạc các nơi đều sợ phục, từ kinh đô đến trấn phủ đều tâm phục, tướng sĩ lên tới 3 ngàn mà cũng đều là tướng hổ binh hùng, đã đánh là thắng, xưa nay chưa từng có, thiên hạ cho rằng không ai địch nổi. Tướng quân Nguyễn Siêu bèn cho tướng sĩ luyện tập võ bị, xây thành đắp lũy, đề phòng bị. Nhân đấy đắp lũy, trên từ sông lớn xã Yên Việt, dưới ngang qua sông Con tới xã Phúc Am, chỉ một đêm đã xong. Nếu thấy địch tới, ban ngày thì chỉnh tề vũ khí, bày trận giao chiến, còn ban đêm thì canh phòng, trống chiêng truyền báo, đóng cửa thành tự thủ, tránh mọi sơ hở để đối phương lợi dụng.

Đến năm Ất Tỵ (2), tháng 6 ngày 6 thấy các tướng Đinh là Nguyễn Bổ, Nguyễn Phục, Cao Sơn, Đinh Thiết,

1. Năm 966.

2. Sách chép nhầm, có lẽ Đinh Mão (967) mới đúng.

https://tieulun.hopto.org

voi ngựa tướng sĩ ầm ầm từ miền Thượng Phúc Phú Xuyên phía nam tràn tới, họ đóng quân tại địa phận Ngọc Hồi, đất Bình Vọng, gươm đao lấp loáng, cờ bay rợp bóng, quân vây tứ phía điệp trùng, trai gái trong hào lo âu khiếp sợ. Khi ấy Nguyễn Trí Khả, Trần Cồn, Đỗ Cơ, Phạm Phục xin mệnh lệnh tướng quân cho mở cổng thành để phản công. Từ giờ dần đến giờ thân đánh nhau đến vài chục hiệp chém được đầu tướng Đinh là Nguyễn Bồ tại Cổ Điển, Nguyễn Phục tại Văn Điển, Cao Sơn tại xã Tương Trúc, Đinh Thiết tại cầu Tho Am, máu chảy đỏ ngầu đồng ruộng, xác chết đầy đường, giặc còn lại thì nhau tẩu tán, xa gần vui sướng. Đinh Bộ Lĩnh nghe tin phẫn nộ xin mệnh lệnh Minh Công chém đầu 30 người dẫn đường để giữ nghiêm quân lệnh. Bộ Lĩnh lại sai Đại tướng quân Nguyễn Bặc đi tiên phong lĩnh tướng sĩ một vạn người, Thập đạo tướng quân Lê Hoàn làm tiếp ứng lĩnh 8 ngàn quân, Đinh Bộ Lĩnh thân chinh thống lĩnh toàn quân, voi ngựa ngàn thớt, tinh binh bảy vạn, đều theo đường tắt tiến thẳng đến xã Cầm Cơ, truyền lệnh khi nghe tiếng pháo nổ thì phải xông lên đại phá giặc. Nguyễn Siêu biết tin chọn tướng luyện quân, chuẩn bị lương thảo đặt giữ chỗ hiểm. Bấy giờ vào ngày 28 tháng 6, có tú sĩ Đỗ Khả tự Bắc phương tới, chỉ tay vào cửa quân mà hiến kế : « Thần nghe dụng binh lúc xung trận thì phải định mưu trước, sở dĩ con chim bị mắc bẫy là bởi quỉ kế mà người hái củi phải tự vẫn cũng là do kế ấy. Nay tướng quân là bậc qui khí của Bắc triều là danh thần nước Nam, nên nhân thời thế này mà trừ bạo cứu dân, để nối nghiệp nhà Hán cách đây 500 năm. Nhân đây lại dưỡng uy súc nhuệ hà tất phải sợ đám 70 vạn quân của nhà Đinh, thuận ý trời lòng dân qui tụ, đấy chính là thời cơ vậy. Hà cớ cứ bo bo ôm lấy cái ấp nhỏ, phải tự tin vào sức mạnh binh sĩ, đã là một bậc chinh phu đường

https://tieulun.hopto.org

đường thì chớ nề khó khăn, ngoài tướng quân ra thì còn ai đáng làm việc lớn đó. Lại nghe phía Tây có Đại tướng quân, anh hùng hơn đời, phía bắc có Trung tướng quân là bậc hào kiệt trong đám hào kiệt thời nay, sao tướng quân không nắm lấy cơ hội này, nghiệp lớn có thể mưu tính được đấy. Nay tướng quân chỉ nắm lấy một mảnh sơn hà, một thân một lũy trơ trọi, viện binh thì hão lương thảo thiếu, binh khí sĩ tốt thô sơ, trông vào cảnh đường xa núi cao, thế khó mà địch nổi. Chẳng còn kế nào hay hơn là tướng quân lui quân về Tây Bắc, xin viện binh của anh, khiến tướng xanh vuốt, dụng quân hùng hổ, các nơi ứng viện. Một mũi từ bờ bắc Đông An xốc tới, một mũi từ phía tây Từ Liêm đánh xuống, đúng là cái thế đánh Tần phá Sở mà diệt nhà Đinh, chia dọc đánh ngang, quyết được thua một trận ở ngay trước mắt, định hưng công trong khoảnh khắc. Như vậy Lê Hoàn vỡ mật chẳng tính được mưu, Bộ Lĩnh hồn xiêu, khó mà phục nghiệp. Ta thừa kế ấy mà đánh cho tan tác trúc chẻ ngói bay, đất lở trời rung, đấy chính là đại sách bình Ngô, khác nào gió cuốn cành khô, dùng đó mà dựng nghiệp ngàn đời thật dễ như trở bàn tay. Tướng quân làm gì mà chẳng thành?».

Tướng quân Nguyễn Siêu theo kế sách đó, ngày 10 tháng 7 hội thề chia quân thành 2 bộ: một bộ phận ở lại giữ thành, một bộ phận đi cầu viện binh. Khi đó nhằm vào ngày 15 tháng 7, lũ dâng cuồn cuộn, trời nước một màu, quan quân ra đi, qua xã Đông Phù Liệt, vừa ra giữa dòng thì bỗng gặp gió lớn, sóng cao gầm thét, trời không phù hộ, thuyền rồng bị đắm, khí giới quân nhu đều mất cả. Đinh Bộ Lĩnh nghe tin, ban đêm sai võ sĩ Nguyễn Đoàn lĩnh hơn 10 người, ngầm lẻn vào trong doanh, thừa gió phóng hỏa, ngọn lửa rừng rực, khói đen ngút trời. Trong doanh mọi người kinh sợ tẩu

https://tieulun.hopto.org

tán. Duy có con ẽm hơn 10 người, Ngọc Giả, Nguyễn Triệu, Ngọc Cầu cao chạy xa bay tới bản doanh của tướng quân Nguyễn Thủ Tiệp. Sau đó vài tháng nghe có xác trôi tới Bái Xuyên, một ngựa một thân trôi ra giữa dòng, 3 tháng mà không thối, mặt tươi như lúc sống. Mọi người cho là thần. Vợ con ông Nguyễn Triệu cùng đám đệ tử: Nguyễn Liên, Nguyễn Thảo, Phạm Xu, Đỗ Như, Trần Hội, Bùi Thì, Lưu Khả tất cả hơn 10 người đều đến chứng kiến. Bèn đem thi thể an táng tại bãi phù sa (sau gọi là Mả Bái). Lúc đầu dựng tạm bằng mấy cây cỏ bồng cỏ cao để thờ, rồi để Bùi Thì, Lưu Khả ở lại lo việc đèn nhang. Tự đấy nhân dân xã Phù Liệt mang lòng hận thù, ly tán tha phương cầu thực, cảnh vật tiêu điều, cỏ mọc hoang vu, cáo chồn làm tổ, năm tháng phũ phàng, rêu phong phủ lấp. Mãi đến năm Canh Thìn (1) họ Đinh bình Ngô khai quốc, dựng đô ở phủ Trường Yên, dân chúng Thanh Đàm dần dà hồi cư, họ nhớ tới công đức của ông bèn lập từ đường ở bến sông gần chợ xã Đông Phù Liệt để tế tự...

1. Năm 980, năm cuối cùng của nhà Đinh. Nhà Đinh dẹp xong 12 sứ quân, mở nước vào năm Mậu Thìn (968). Có lẽ có sự nhầm lẫn do sao chép ?

https://tieulun.hopto.org

THẦN TÍCH LONG KIỀU ĐẠI VƯƠNG
(KIỀU CÔNG HÃN)

Phiên âm :

1) Bái Dương Tổng Long Kiều linh thánh chiêu ứng Đại vương thượng đẳng thần ký lục (1)

Thượng đẳng Linh thánh giáng sinh Sơn Tây Phong Châu đạo, kim tức Bạch Hạc huyện, tiền thân phụ Kiều Công Chuẩn sinh hạ tam tử : trưởng Kiều Công Hãn, thứ Kiều Công Đĩnh (húy Bàng trị thủy) quí Kiều Lệnh Công (húy Thuận) truyền thụ mệnh Ngô Vương vi Đề sát Giám ty Quốc sự, dĩ kinh nhị thế. Thời Ngô Vương Thái tử (Xương Ngập) phương ấu, vương mệnh Dương Tam Kha thụ di mệnh phụ thái tử, Tam Kha nhân thoán kỳ vị, tự xưng Bình Vương. Ngô Vương trưởng tử, bèn Nam Sách giang trú Trà hương. Tam Kha khiển chư tướng Kiều Tam Chế tức Kiều Công Hãn (tại Bạch Hạc), Đỗ Cảnh Thạc (tại Động Khẩu), Ngô Nhật Khánh (tại Giao Thủy), Phạm Phòng Ất (húy Hổ tại Kim Động) đẳng đồng tương bình diệt Ngô, hậu chỉ bán lộ phản mệnh, chư tướng tương dữ mưu, toại nặc thái tử Xương

1. Thần tích ký hiệu AE a15 Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

https://tieulun.hopto.org

Ngập vu Sơn Động giang. Tam Kha tri chi, sách bất khắc hậu chư tướng... (1), ư thị tiền Ngô Vương Thái tử hủy Xương Văn, tự xưng Nam Tấn Vương, triệu chư tướng nghênh kỳ huynh Thái tử Xương Ngập qui, xưng Thiên Sách Vương đồng lý Quốc sự. Thời Ngô Vương thảo Đường Nguyễn nhị thôn, tốt vu quân nhi các sứ tranh trưởng cầu loạn, Thiên sách Vương chi tử, Ngô Xương Xí dữ Kiều Công Hãn các chi phân liệt thập nhị Sứ quân, cứ ư nhất phương, tiền lục dĩ điều ư quân thủ ngự chí Đinh Tiên Hoàng khởi binh thống trị cơ đồ tướng quân tương tranh bất khắc, thì tướng quân hoa mệnh triều thiên, dĩ hữu phân minh bất tại lục hạ. Kim Kiều Công Hãn vi trị Hoan Châu ngộ Đinh Tiên Hoàng thống nhất, tỵ vu Thái Nha hải khẩu, tuyền quá địa phương, lưu tích diên thi vi linh thần vạn đại huyết thực. Chí Lý triều Nhân Tông Hoàng đế Thái Ninh nhị niên chi nội xâm vũ kinh thất nguyệt bất chỉ, đế nghinh Pháp Vân phật Tản Viên sơn thần dữ chư thần lập đàn kỳ tinh, nhiên thần mặc tướng quốc gia nẫm hữu linh ứng, sắc ban bách thần phụng ban tế dụng, lập vi tự điển.

Tự thử đặc phong Kiều Công Hãn vi Long Kiều linh thánh Chiêu ứng Quốc công. Tư ký lục.

Thái Ninh nhị niên thập nhị nguyệt sơ thập nhật duyệt ký lục.

Tứ kỷ sửu khoa đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân Dương Đình Ngô Thế Vinh phụng sao như chính bản.

1. Thiếu mất một số chữ.

https://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa :

1) Bài ký vị thượng đẳng thần Long Kiều linh thánh chiêu ứng Đại vương ở tổng Bái Dương

Thần xưa sinh ở đạo Phong Châu tức là huyện Bạch Hạc Sơn Tây ngày nay. Cha thần ngày trước là Kiều Công Chuẩn sinh hạ ba con trai : con cả Kiều Công Hãn, con thứ Kiều Công Đĩnh (tên húy là Bàng chuyên trị thủy), con út Kiều Lệnh Công (tên húy là Thuận), nhà thần chịu mệnh vua Ngô làm quan Đề sát Giám ty Quốc sự trải đã hai đời (triều).

Thời bấy giờ Thái tử Xương Ngập của Ngô Vương còn non dại, vua trao di mệnh cho Dương Tam Kha giúp đỡ thái tử, nhân đấy Tam Kha đã cướp ngôi của Xương Ngập rồi tự xưng là Bình Vương. Được tin con trai cả của Ngô Vương chạy về trú ở làng Trà vùng Nam Sách Giang. Tam Kha sai các tướng Kiều Tam Chế tức Kiều Công Hãn (tại Bạch Hạc), Đỗ Cảnh Thạc (ở Đỗ Động), Ngô Nhật Khánh (ở Giao Thủy), Phạm Phòng Ất (tên húy là Hổ ở Kim Động) cùng đem quân đi diệt nhà Ngô. Nhưng đến nửa đường, các tướng bàn mưu rồi quay lại đưa Thái tử Xương Ngập về ẩn tại đất Sơn Động Giang và quay về triều phế truất Dương Tam Kha. Khi ấy có người con thứ của Tiền Ngô (tức Ngô Quyền) tên là Ngô Xương Văn (được sự trợ giúp của bầy tôi cũ) tự xưng là Nam Tấn Vương, Tấn Vương liền sai các tướng lĩnh đi đón anh của mình là Thái tử Xương Ngập về và tôn lên làm Thiên Sách Vương cùng nhau chăm lo công việc đất nước. Buổi ấy Ngô Vương (tức Xương Văn) đem quân đi đánh dẹp ở hai thôn Đường, Nguyễn, Vương chết tại trận. Từ đấy trở đi, sự tranh giành cát cứ càng loạn lạc hơn, con của Nam Tấn Vương là Ngô Xương Xí cũng như bọn Kiều Công Hãn mỗi kẻ cứ trị một

https://tieulun.hopto.org

phương mà phân ra thành 12 sứ quân. Đến khi Đinh Tiên Hoàng khởi binh thống trị giang sơn, tướng quân tranh chẳng nổi nên tướng quân phải hóa mệnh chầu trời, sự kiện đã rõ nhưng không chép vào trong sách sử.

Bấy giờ, Kiều Công Hãn đang cát trị ở Hoan Châu, lại gặp Đinh Tiên Hoàng thống nhất, nên ông phải tránh về cửa biển Đại (Thái) Nha. Bởi vậy mà thi thể tướng quân đã trôi giạt lưu tích cho địa phương nơi này và đã trở thành vị linh thần ngàn năm phụng thờ của họ.

Đến năm thứ hai niên hiệu Thái Ninh đời Lý Nhân Tông triều Lý (1073), mưa dầm liền qua tháng 7 không tạnh, vua cho rước Phật Pháp Vân, thần núi Tản Viên cùng bách thánh linh thần lập đàn cầu tạnh. Trăm thần ngầm giúp, linh ứng hiển nhiên, vua ban sắc chỉ lập miếu phụng thờ, cùng đồ tế khí, ghi vào tự điển lưu giữ ngàn năm.

Nhà vua đặc phong Kiều Công Hãn là Long Kiều Linh thánh Chiêu ứng quốc công.

Nay ghi chép lại.

Thái Ninh năm thứ hai (1073) tháng 12 ngày 10 duyệt bài ghi chép.

Đệ Tam giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Sửu (1829) Dương Bình Ngô Thế Vinh sao như bản chính.

(Mai Hàng phiên âm, dịch và chú)

Phiên âm :

2) An Lãng Long Kiều Đại Vương phổ lục.

Hậu chúa kích Chu Thái ư Bạch Hạc, thừa thắng trục Bắc vi độc thỉ sở trúng nhi tổ. Hải nội vô chủ ư

https://tieulun.hopto.org

thị quần hùng cat cứ thổ vũ, vương xuất Man binh cứ Thái Châu, Hào Châu, Phong Châu tự xưng Tam Chế. Đinh mão niên thập nhị nguyệt, sơ lục nhật Đinh Tiên Hoàng lai xâm, vương binh bại, nãi xuất huy hạ số bách nhân nam hành, dục xu Giao Châu dữ Ngô Nhật Khánh vi cố thủ chi kế. Chí Nguyên Châu đắc báo Giao Châu Ngô Nhật Khánh dĩ hàng. Vương tri thế bức, nãi dẫn binh chí Trường Châu An Lũng (tức Hiệp Luật) nhật dĩ phô Lũng cảnh, hữu quán quán chủ Phạm thị Già nghênh nhập, dĩ hoàng hoa tửu thanh ngư khoái vi hiến. Vương viết: Ngã thiên lý nhi lai, bất tri lão ẩu hà cố hậu tinh? Tương Hà dĩ báo chi hồ? Phạm thị viết: Thiếp ư dạ gian mộng kiến nhất nhân vị viết: « Minh nhật hữu tôn quí đại nhân lâm hạnh nhữ thiện đãi chi. Đắc phi kim nhật chi tướng quân hồ? Vương nãi thụ chi dĩ nhi vị Phạm thị viết: Ẩu hữu huệ khả thác nhất phiên đề sự, ngã tuy bất báo, thiên tất báo chi. Vi thiện hữu dư khánh, ẩu khả ký ngô ngôn hỹ », Nãi giải cẩm y nhất long y cập mã thượng tiền hậu kim ngân sức vật tất dĩ dữ chi. Toại chí Kiều thượng hóa mệnh tốt (do quán hữu mộc kiều tại nam, tục vị Lũng Kiều), thị lạp nguyệt sơ thập nhật dã, quân sĩ dạ táng nhi khứ. Mẫu cẩm kỳ đức, nhật nhật cụ tửu khoái ư mộ tiền phần hương hiến chi, ký nhi phương dân phụng tự, Hậu Lê Hoàn Bắc kích quá thử, dạ mộng kiến vương xuất binh mã thậm thịnh nguyện dữ Bắc hành trợ thắng, quả nhi đại tiệp, chấp kỳ Phó tướng Quách Quan Biện, Triệu Phụng Huân dĩ qui. Lê Hoàn tức đế vị, thâm gia kỳ linh hiển, chiếu Trường Châu lập miếu bản quận sự chí.

Sơ Đại Hành mộng kiến vương vấn viết: « Công thị hà thần dã? » Vương viết: « Ngã An Lũng, Long Kiều thần dã? », hậu lập miếu nhận dĩ Long Kiều vi hiệu.

https://tieulun.hopto.org

Tự Đức Canh Tuất lạp nguyệt sơ cát.

Kỷ Sửu khoa đệ tam giáp Tiến sĩ xuất thân Dương Bình, Ngô Thế Vinh phụng biên tập.

Dịch nghĩa :

2) Bài ký long kiểu đại vương ở An Lũng.

Hậu chúa đánh Chu Thái ở Bạch Hạc, thừa thắng đuổi giặc lên Bắc, không may bị trúng tên có thuốc độc mà chết. Khi ấy trong nước không có chủ, nên đã xảy ra nạn cát cứ tranh giành xưng hùng xưng bá của bọn quyền thần. Vương (Kiều Công Hãn) đem quân người Man đi đánh chiếm Thái Châu, Hào Châu, Phong Châu tự xưng là Tam Chế. Năm Đinh Mão (967) tháng chạp ngày mùng 6 Đinh Tiên Hoàng tới lấn cõi, quân của vương thua, bèn nhằm trong đám bộ hạ điểm lấy vài trăm người đi về phía Nam, muốn đi gặp tới Giao Châu cùng với Ngô Nhật Khánh tính kế cố thủ. Nhưng khi tới Nguyên Châu được tin ở Giao Châu Ngô Nhật Khánh đã đầu hàng. Vương biết tình thế cấp bách lại đưa quân quay về Trường Châu khi đến An Lũng (tức Hiệp Luật) thì trời đã xế chiều, vương ghé vào một quán ở bên đường gặp bà chủ hàng họ Phạm tên Giả thỉnh vào quán rồi đem rượu Hoàng hoa (tức rượu hoa cúc) và gỏi cá trám dâng mời vương. Vương nói : « Ta từ muôn dặm đến, vốn chưa quen biết lão bà, cớ sao mà hậu đãi ta làm vậy ? Rồi đây ta biết sẽ lấy gì để đền ơn cho được ».

Lão bà đáp : « Đêm qua tôi nằm chiêm bao có người bảo rằng ngày mai sẽ có bậc tôn quí đại nhân đến đây, người hãy tiếp đãi tử tế người ấy, hôm nay há chẳng phải là tướng quân ru ? »

Vương bèn nhận lời ăn uống xong, lại nói với chủ quán : « Ta nhớ mãi cái tình cảm nồng hậu này của bà,

https://tieulun.hopto.org

dẫu có thác ta chưa kịp báo ơn thì đất trời đền ơn, bà đã làm việc thiện ắt có nhiều điều vui. Bà hãy nhớ lấy lời ta ». Nói đoạn bèn cởi áo cầm bào, một bộ long y và tất cả vàng bạc, đồ vật trang sức sẵn có trên yên ngựa tất thảy cho bà chủ quán họ Phạm rồi bước lên cầu mà hóa (chết) (do ở phía nam quán có cái cầu gỗ nên tục gọi là Lũng Kiều). Hôm ấy là ngày 10 tháng 12 (chạp) năm Đinh Mão. Ban đêm quân sĩ chôn cất xong rồi ra đi. Từ đấy bà chủ quán cảm kích nhớ ơn công đức của vương cứ ngày ngày mang rượu cúc, gỏi cá thắp hương dâng lên trước mộ, nhân dân trong vùng cũng đã lập đền để phụng thờ vương.

Về sau Lê Hoàn đem quân đi đánh giặc phương Bắc qua đây, đêm nằm mơ thấy vương mang binh mã rất đông, nguyện cùng Lê Hoàn đi đánh giặc. Quả nhiên Lê Hoàn đại thắng, bắt được Phó tướng của giặc Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân.

Sau khi Lê Hoàn trở về lên ngôi vua, thấy vương càng linh thiêng hiển ứng, xuống chiếu nhân dân Trường Châu lập miếu thờ vương tại quận này.

Khi vua Đại Hành mới gặp hỏi vương rằng : Ông là thần gì ? Vương đáp : « Tôi là thần Long Kiều An Lũng đây ». Bởi thế sau khi lập miếu nhân đấy lấy chữ « Long Kiều » để mà đặt tên hiệu cho vương.

Tự Đức năm Canh Tuất (1) tháng chạp ngày lành.

Kỷ Sửu khoa (2) đệ tam giáp tiến sĩ xuất thân.

Dương Bình, Ngô Thế Vinh *biên tập*

(Mai Hồng phiên âm, dịch và chú)

1. Năm 1850.
2. Năm 1829.

https://tieulun.hopto.org

THẦN TÍCH ĐỘC NHĨ ĐẠI VƯƠNG
(ĐỖ CẢNH THẠC)

ĐỘC NHĨ ĐẠI VƯƠNG (1)

(Chấn Văn đệ nhất bộ thượng đẳng)

Quốc triều Lễ bộ chính bản

Phiên âm :

... (2)

Ấn tích Độc Nhĩ Đại vương, nãi thị Bắc quốc Quảng Lăng nhân, phụ tính Đỗ danh Thạc, mẫu Trần thị Thọ thừa thế âm hành thiện, dĩ ý vi nghiệp, độ thế cứu nhân. Kiến nhân cơ hàn năng chẩn chi, cơ tắc thực chi, hàn tắc y chi, bệnh tắc dưỡng chi, tử tắc táng chi. Bắc địa phương giai xưng kỳ vi tích thiện chi gia, tử tôn dư khánh. Đãi chí Đỗ công niên tam thập thất, Trần thị tam thập lục. Nhất dạ phu phụ đồng ngọa, hốt nhi hồn hồn tự mộng kiến hữu lưỡng hùng tòng không trung

1. Thần tích ký hiệu AE a2 Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

2. Chúng tôi lược bỏ phần mở đầu có tính chất công thức chung thường thấy trong các thần phả, không có liên quan gì đến nhân vật được giới thiệu.

https://tieulun.hopto.org

nhi giáng nhập vu đình tiền, du du dương dương, tương vũ tương đạo. Công phu thê ư mộng trung trỏc đắc nhất hùng, ư thị cảm nhi hữu dựng. Mậu Tý niên ngũ nguyệt thập nhị nhật sinh hạ nhất nam tử, phong tư dĩnh dị, thể mạo khôi ngô, cao xuất thường vạn vạn. Đương sinh chi gian, thụy khí tề phi, hương yên phức uất. Sinh đắc bách nhật, phụ phận nãi mệnh danh hô viết: « Cảnh Thạc Công ». Thạc công nhi dĩnh ngộ nhập học ư Trương Đường tiên sinh, thi tài kiêm Đỗ Lý chi thi, học lực quan Âu Tô chi học, kiêm dĩ lục giáp thần phù, vô bất tinh xảo.

Niên nhị thập lục dữ Nguyễn Thủ Tiệp, Phạm Bạch Hổ, Lý Khuê, Nguyễn Khoan, Kiều Công Hãn, Ngô Xương Xí, Lã Tá Đường chi bối... phàm thập nhị nhân vãng Nam bang ngã Việt phụ Ngô chúa Quyền. Cập chúa tồ, thập nhị nhân các tự xưng vi thập nhị sứ quân. Cát phân thổ vũ, hùng cứ nhất phương. Cảnh Thạc Công tự xưng vi sứ quân lịch quan ngã Việt sơn xuyên hình thế chi tiện, dĩ lập cung thành cư chi. Nhất nhật Cảnh Thạc Công chí Sơn Tây đạo, Quốc Uy phủ, Ninh Sơn huyện (Ninh Sơn hậu cải vi An Sơn) Lạp Hạ trang. Công kiến Lạp Hạ trang chi tây, Đông Giang chi biên hữu trại hiệu viết Quyền trại, Sơn nhiễu tại hậu, thủy loan tại tiền, sơn thủy oánh vu, long hổ hoàn bào, sơn bất cao nhi sa thổ duy tích, thủy hữu thanh nhi truyền tình tu tuyên, tưởng độc nhất địa thế hữu tinh hĩ. Nãi mệnh trúc thành ư Quyền trại chi địa cư chi, hiệu viết: « Cổ Hiền thành ». Nhân dĩ tự kỷ tính Đỗ nãi hiệu kỳ giang viết: « Đỗ Động Giang ». Phàm Ninh Sơn nhất huyện tự Quyền trại liên Thiên Phúc nhi Thụy Khuê chí Thanh Uy, Bảo Đà, các lập hành cung, phàm thất thập nhị sở yên. Tu tạo thuyền chiến tích tụ lương thực, nhật dạ ư Quyền trại thành cung huấn luyện binh

https://tieulun.hopto.org

sĩ. Hà nhật triệu Quyền trại nhân dân phụ lão khuyến khóa điền ngư, huấn đào lễ nhượng, phàm tứ lân chi ngoại, nhân dân diệc giai ái mộ. Đắc bát cửu niên gian, thường thường nhĩ văn hữu thanh tụng :

Nam quốc sơn hà nam đế trị
Bắc phương thổ vũ bắc nhân cư

Chí hậu, tại Ái châu, Trường Yên phủ, Hoa Lư động, Đại Hoàng thôn nhân, tính Đinh danh Bộ Lĩnh, ứng thiên thuận nhân thừa thời nhi khởi, dữ Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lê Hoàn, Phạm Trù chi bối, tương vi tả hữu dữ thập nhị sứ quân bách chiến bách thắng hiệu vi « Vạn Thắng Vương ». Phàm thập nhị sứ quân, duy tồn độc Cảnh Thạc công.

Nhất nhật Đinh Bộ Lĩnh dữ chúng tướng mưu nghị viết: « Đỗ Cảnh Thạc trí dũng mưu lược khả dĩ kế thắng, bất khả dĩ lực chiến ». Nãi dạ phân vi tứ đạo nhất đạo tòng Mỹ Lương huyện nhi xuất, nhất đạo tòng Tam Đới phủ Yên Lạc huyện nhi lai, nhất đạo tòng Sơn Nam, Chương Đức huyện nhi thăng, nhất đạo tòng Quảng Uy, Bất Bạt huyện nhi hạ, tứ diện hiệp công. Thử gian Cảnh Thạc công cư tại Bảo Đà đồn sở, kỳ Quyền trại duy hữu thủ tướng, vi thử thủ vĩ bất năng tương ấn. Phàn cung thành đồn trại, lương thực, chiến thuyền khí cụ giai vi Đinh Bộ Lĩnh đoạt phá tận liễu. Cảnh Thạc hữu thu thập tàn bại chi tốt, dữ thất thập nhị ấp gia thần dân phu tư Quyền trại, hựu nhất phiên chỉnh đốn dữ Đinh Bộ Lĩnh giai công cự chiến du niên. Lưỡng hổ công đấu phàm sổ thập trận, thắng phụ vị phân tranh đoạt thần khí chí trùng, thiên mệnh hữu tại, bất khả dĩ trí lực tranh. Nhất nhật công dữ Đinh Bộ Lĩnh giao phong, công vi lưu thỉ sở trúng, hựu bị hàn nhiệt triền miên. Nhất dạ phủ bệnh xuất quan thiên văn, kiến

https://tieulun.hopto.org

công tướng tinh hắc ám lâm trụy, than viết : « Du du bị thương, hạt dĩ kỳ cực ? » Nãi kiến vi phong suy diện triệt cốt sinh hàn, tri kỳ mệnh tại đán tịch. Nãi triệu gia thần thất thập nhất hương giai hội đồng ư Quyền trại cung sở, kỳ chúc vu đinh ninh, sự khất trạch gia thần thủy thủ thập nhân, các phù công hành thuyền phản hồi Bắc quốc, phương chi kinh Bắc đạo, Lạng Giang phủ Đồng Lĩnh sơn chi hạ nhi một hĩ (thời thập nguyệt nhị thập ngũ nhật). Kỳ gia thần mại ngọc quan hành lễ, liệm táng ư Đồng Lĩnh sơn chi thượng. Táng hất phản hồi ngôn dữ Quyền trại cập thất thập nhất hương nhân dân giai lập miếu phụng chi.

Thời Đinh Bộ Lĩnh tức vị hiệu Đinh Tiên Hoàng. Vi cơ Đỗ Thích sở thí, Lê Hoàn đại chi, vi Lê Đại Hành hoàng đế.

Chí Lý Thái Tổ tảo ứng « thập bát tử » chi sấm, phi thao thụ vị chi quyền, lập đô vu Thăng Long, cải quốc vi Đại Việt, gia phong bách thần, nhân dĩ Đỗ Cảnh Thạc công nãi Bắc triều chi nhân vị hữu mỹ hiệu. Nãi cụ trần công sự thủy chung, thượng biểu Bắc triều thỉnh gia phong chi tự. Bắc triều Tống đế nhân dĩ Đinh Tiên Hoàng, nãi anh hùng dũng mãnh như thị nhi Cảnh Thạc công độc nhĩ cảm cự. Nãi phong Cảnh Thạc công vi « Độc Nhĩ Đại Vương » Lệnh sứ thần kim điệp lai ngã Việt. Lý Thái Tổ nãi y nhiên hành y sắc gia phong, hứa Lạp Hạ trang Quyền trại cập thất thập nhất hương tiền nhật vi Cảnh Thạc công gia thần giả giai nghênh sắc lập miếu dĩ phụng chi. Chuẩn Lạp Hạ trang Quyền trại phụng chi. Nhất truy tôn Độc Nhĩ Đại Vương.

Khước thuyết tự thử dĩ hậu, lịch Lý Trần nhị thị dữ ngã hoàng gia khai sáng hồng đồ, thường hữu hộ quốc bảo dân, đảo vũ kỳ tình giai nẫm trứ linh ứng.

https://tieulun.hopto.org

Cố lịch đại đế vương đa hữu gia phong mỹ tự, dĩ vi ức niên huyết thực, vạn đại chưng thường, dữ thiên địa trường tồn, y dư hưu tai !

Nhất phụng khai sinh hóa các tịch dữ hủy tự thiết cấm « Thạc » tự, sắc phục hoàng sắc hành lễ cấm chỉ.

Nhất sinh thần ngũ nguyệt thập nhị nhật (dụng ngưu lao suy tửu xướng ca tam nhật). Nhất hóa thần thập nguyệt nhị thập ngũ nhật (dụng hắc chư suy tửu). Nhất khánh hạ nhị nguyệt bát nguyệt vọng nhật (các xướng ca nhất nhật, hắc chư suy tửu).

Hồng Phúc nguyên niên, quí đông, nguyệt, cát nhật

Hàn lâm viện Đông các Đại học sĩ
thần Nguyễn Bính phụng soạn

Hoàng triều Vĩnh Hựu tam niên, trọng đông, nguyệt, cát nhật.

Quản giám Bách thần Tri điện Hồng Lĩnh
Thiếu khanh thần Nguyễn Hiền tái tôn chỉnh bản phụng sao.

https://tieulun.hopto.org

Dịch nghĩa :

ĐỘC NHĨ ĐẠI VƯƠNG

(Bộ thứ nhất, chữ Chấn, thượng đẳng)

Bản chính của bộ Lễ đương triều

...

Lại nói, Độc Nhĩ Đại Vương vốn người Quảng Lăng, Bắc quốc, cha ông họ Đỗ tên Thạc, mẹ là Trần thị Thọ, gia đình thường làm việc tốt, chuyên làm nghề y để chữa bệnh cứu người, chẩn cấp giúp đỡ những người gặp cảnh đói rét cơ hàn : Ai đói thì cho ăn, ai rét thì cho mặc, ai ốm thì chữa bệnh nuôi nấng, ai chết thì chôn cất... khắp vùng nhân dân ai ai cũng đều khen là nhà tích đức thì tất có phúc lớn. Tới năm Đỗ công 37 tuổi, bà Trần thị 36 tuổi, vào một đêm ông bà đang nằm bên nhau bỗng mơ màng mộng mị mà trông thấy 2 con gấu từ trên không trung giáng xuống trước sân, chúng cùng nhau vờn nhảy tung tăng. Hai vợ chồng trong mộng bắt được một con, thế rồi cảm ứng mà có mang, đến ngày 12 tháng 5 năm Mậu Tý sinh

https://tieulun.hopto.org

ra một cậu con trai, phong tư dĩnh dị, dáng mạo khôi ngô, quả là bậc siêu phàm muôn người có một không hai. Giữa lúc sinh, khí lành nghi ngút, hương thơm ngạt ngào. Sinh được trăm ngày, cha bèn đặt tên cho là Cảnh Thạc Công. Cảnh Thạc lớn lên thông minh tuấn tú, theo học Trương Đường tiên sinh, tài thơ Thạc Công kiêm cả thơ Lý Đỗ (Lý Bạch, Đỗ Phủ) học lực vượt cả Âu Tô (Âu Dương Tu, Tô Đông Pha), lại kiêm bói lục giáp thần phù (1), không việc gì không tinh tường khéo léo, tinh xảo.

Năm 26 tuổi, ông cùng bọn Nguyễn Thủ Tiệp, Phạm Bạch Hổ, Lý Khuê, Nguyễn Khoan, Kiều Công Hãn, Ngô Xương Xí, Lã Tá Đường... Tất cả 12 người rời xuống phía Nam tới nước Việt ta ở phò giúp Ngô Vương Quyền. Đến khi Ngô Vương qua đời 12 người đều tự xưng làm 12 sứ quân, cát cứ mỗi người một phương. Cảnh Thạc Công cũng tự xưng là một sứ quân và đi quan sát hình thế tiện lợi của sông núi nước Việt ta để xây dựng doanh thành đóng giữ.

Một hôm Cảnh Thạc đi tới trang Lạp Hạ, huyện Ninh Sơn (Ninh Sơn sau đổi là An Sơn), phủ Quốc Oai, đạo Sơn Tây, ông nhìn thấy ở bên sông Động Giang, phía tây trang Lạp Hạ có một cái trại gọi là Trại Quyền, núi vòng phía sau, sông lượn phía trước. Núi sông bao bọc như thể rồng ôm hổ bế. Núi không cao mà đất đai bằng phẳng, nước trong xanh mà nguồn mạch dồi dào, ông cho rằng đây cũng là một dải đất hữu tình. Bởi thế, ông liền cho đắp thành tại đất Trại Quyền để đóng quân, nên mới gọi tên là Thành Cổ Hiền, thế rồi lại tự

1. Lục giáp thần phù : Lục giáp là phép bói toán độn số Lục nhân lục giáp ; thần phù tức phép bùa chú phù thủy.

https://tieulun.hopto.org

lấy họ của mình mà đặt danh hiệu cho dòng sông (Động Giang) là Đỗ Động Giang. Cả huyện Ninh Sơn nối liền một dải từ Trại Quyền đến Thiên Phúc, từ Thụy Khuê tới Bảo Đà Thanh Oai, nơi nơi đều lập hành cung cả thảy gồm 72 cơ sở, tu tạo thuyền chiến tích trữ lương thảo, ngày đêm luyện tập sĩ tốt ở tại bản doanh Trại Quyền. Nhân khi rảnh việc, triệu tập nhân dân phụ lão Trại Quyền tới để khuyến khích hướng dẫn họ về công việc cày cấy nông trang, thuyền ngư chài lưới, đào luyện gốm sành và giáo dục họ về các đức khiêm nhường lễ nghĩa. Nhân dân từ phía quanh vùng đều ái mộ ông tám chín năm liền chỉ nghe thấy tiếng ngợi ca.

Nước Nam sông núi, vua Nam trị
Đất Bắc giang sơn, người Bắc coi

Về sau, tại thôn Đại Hoàng, động Hoa Lư, phủ Trường Yên châu Ái, có người họ Đinh tên là Bộ Lĩnh ứng mệnh trời, thuận lòng người, gặp thời dấy nghĩa, được bọn Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lê Hoàn, Phạm Trú cùng nhau phò giúp đánh dẹp 12 sứ quân, trăm trận trăm thắng nên có danh hiệu là « Vạn Thắng Vương », trong số 12 sứ quân, chỉ còn lại Cảnh Thạc mà thôi.

Có một ngày Đinh Bộ Lĩnh bàn mưu cùng các tướng sĩ rằng : « Đỗ Cảnh Thạc trí dũng mưu lược, chỉ có thể thắng bằng kế, chứ không có thể chiến thắng bằng lực », thế rồi nhân lúc đêm tối mới chia quân thành 4 đạo : một đạo xuất phát từ huyện Mỹ Lương đi ra, một đạo từ huyện Yên Lạc phủ Tam Đới kéo tới, một đạo từ huyện Chương Đức Sơn Nam tiến lên, một đạo từ huyện Bất Bạt Quảng Oai đánh xuống, 4 mặt cùng đánh. Lúc bấy giờ Cảnh Thạc đang ở đồn Bảo Đà, còn ở bản doanh Trại Quyền chỉ có một tướng giữ thành. Vì thế

https://tieulun.hopto.org

mà ở đầu và ở đuôi không ứng cứu được nhau. Tất thảy cung thành đồn trại, lương thực thuyền chiến, khí giới đều bị Đinh Bộ Lĩnh tước đoạt phá phách tan tành. Đỗ Cảnh Thạc tập hợp tàn quân sĩ tốt bại trận cùng với gia thần dân phu của 72 ấp, lại một phen chỉnh đốn quân ngũ tại Trại Quyền, giao tranh với Đinh Bộ Lĩnh và cầm cự hơn một năm trời. Lưỡng hổ chọi nhau mấy mươi trận để tranh giành ngôi báu mà vẫn không phân thắng bại. Bởi vì ngôi báu là tối hệ trọng phải do mệnh trời định đoạt, chứ không thể giành giật nó bằng trí lực được vậy.

Một hôm, giao chiến với Đinh Bộ Lĩnh, ông bị một mũi tên lạc làm sát thương, lại bị bệnh sốt liên miên. Một đêm, ông gắng gượng đi ra ngoài quan sát thiên văn, thấy ngôi sao tướng của mình bị mờ tối sắp sa xuống, bèn than rằng : « Trời xanh vời vợi sao nỡ bức ta đến bước đường cùng ». Rồi ông lại thấy một làn gió nhẹ thổi hắt vào mặt lạnh buốt thấu xương, ông tự biết mệnh mình chỉ còn trong sớm tối. Ông bèn triệu tập gia thần 71 hương (làng) hội họp ở cung Trại Quyền, ân cần căn dặn. Cắt đặt công việc xong xuôi, lại chọn lấy 10 tay sào chèo thuyền đưa ông về Bắc quốc, nhưng khi vừa tới dưới chân núi Đồng Lĩnh phủ Lạng Giang đạo Kinh Bắc thì mất (lúc ấy là vào ngày 25 tháng 10). Gia thần mua quan tài quí (ngọc quan) hành lễ khâm liệm, chôn cất trên núi Đồng Lĩnh. Sau khi chôn cất xong, gia thần quay về báo cho dân chúng Trại và 71 hương cùng lập miếu phụng thờ ông.

Bấy giờ, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi xưng hiệu là Đinh Tiên Hoàng chẳng bao lâu lại bị Đỗ Thích giết. Lê Hoàn lên làm vua thay Đinh Tiên Hoàng xưng là Lê Đại Hành hoàng đế.

https://tieulun.hopto.org

Đến khi Lý Thái Tổ sớm ứng điềm câu sấm «thập bất tử » (1) lên ngôi nắm quyền trị nước, định đô ở Thăng Long, đổi tên nước là Đại Việt, gia phong cho Bách thần sông núi, nhận thấy Đỗ Cảnh Thạc là người Bắc triều chưa được phong tên đẹp (mỹ hiệu). Vua bèn nói hết đầu đuôi sự nghiệp của ông gửi cho triều Bắc (nhà Tống) đề nghị phong mỹ tự cho ông, Bắc triều nhà Tống nhận thấy Đinh Tiên Hoàng là bậc anh hùng dũng mãnh như thế mà Đỗ Cảnh Thạc một thân dám chống lại, bèn phong Đỗ Cảnh Thạc là Độc Nhĩ Đại Vương, sai sứ thần mang sắc thư (Kim diệp) sang nước Việt ta. Lý Thái Tổ cũng nhân đó mà ban sắc phong cho Trại Quyền trang Lạp Hạ và 71 hương là gia thần của Đỗ Cảnh Thạc ngày trước đều được nghênh sắc của nhà vua để thờ phụng ông.

Truy tôn (Đỗ Cảnh Thạc) Độc Nhĩ Đại Vương là Thượng đẳng thần. Cho Trại Quyền Lạp Hạ trang phụng thờ.

Lại nói từ đó trở về sau, trải 2 triều Lý Trần và cho tới bản triều ta khai sáng nghiệp lớn, đều thường thấy linh thiêng hiển ứng giúp nước cứu dân, giúp mưa phù tạnh nên đã được các triều đại đế vương luôn luôn gia phong mỹ tự để được hưởng sự cúng tế ngàn năm tồn tại muôn thủa vĩnh hằng cùng trời đất.

Vậy liệt kê các khoản cỗ tế trong các tiết lễ sinh hóa và chữ húy. Cấm ngặt không được dùng chữ «Thạc». Khi tế lễ cấm dùng sắc phục màu vàng.

1. « Thập bát tử » : theo chữ Hán, ba chữ này ghép thành chữ « lý ». Tháng 10 năm Kỷ Dậu (1009) vua Ngọa triều Lê Long Đĩnh chết, trước đó ở châu Cổ Pháp có cây gạo bị sét đánh, người làng trông kỹ chỗ sét đánh có ba chữ trên, nhân đó mà đoán điềm Lý Công Uẩn lên làm vua *(Theo Toàn thư)*.

https://tieulun.hopto.org

— Ngày sinh của thần vào ngày 12 tháng 5. lễ Tế trâu cả con, xôi rượu, hát xướng 3 ngày.

— Ngày hóa của thần vào ngày 25 tháng 10 tế lễ dùng lợn đen, xôi rượu.

— Lễ ngày vui (Khánh hạ) vào ngày rằm tháng 2 và tháng 8: tế lễ dùng lợn đen, xôi rượu. Mỗi tiết lễ hát xướng một ngày.

Năm Hồng Phúc thứ nhất (1572) tháng chạp ngày lành.

Hàn lâm viện Đông các Đại học sĩ
Nguyễn Bỉnh soạn

Năm Vĩnh Hựu thứ 3 (1737) triều Lê tháng 11 (trọng đông) ngày tốt.

Quản giám Bách thần Tri diện Hồng Lĩnh Thiếu khanh Nguyễn Hiền sao nguyên như bản chính

(Mai Hồng phiên âm, dịch và chú).

https://tieulun.hopto.org

THƯ MỤC THAM KHẢO CHÍNH

TIẾNG VIỆT

ĐÀO DUY ANH — *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Hà Nội, 1956.

ĐÀO DUY ANH — *Đất nước Việt Nam qua các đời*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1964.

PH. ĂNG GHEN — *Thư gửi Mác ngày 6-6-1853* trong K. Mác, Ph. Ăng ghen, V.I. Lê-nin — *Bàn về các xã hội tư bản* — Bản dịch của NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975.

PH. ĂNG GHEN — *Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của nhà nước*. Trong *Tuyển tập Mác — Ăng ghen*, tập VI. NBX Sự thật, Hà Nội, 1984.

PHAN HUY CHÚ — *Lịch triều hiến chương loại chí*. Bản dịch của Viện Sử học. NXB Sử học, Hà Nội, 1960.

Dân tộc học số 4 (1977).

Hội Trường Yên. Ban tổ chức hội ở Ninh Bình biên soạn Xb 1911.

Khảo cổ học số 5—6, tháng 6-1970.

TRẦN TRỌNG KIM — *Việt Nam sử học*. Hà Nội, 1949.

PHAN HUY LÊ — TRẦN QUỐC VƯỢNG — HÀ VĂN TẤN — LƯƠNG NINH — *Lịch sử Việt Nam*, tập I, NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983.

V.I. LENIN — *Nhà nước và cách mạng* trong *Lê Nin toàn tập*, tập 33, NXB Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1976.

NGÔ SĨ LIÊN — *Đại Việt sử ký toàn thư*. Bản dịch của Ngô Đức Thọ. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983.

https://tieulun.hopto.org

K. MÁC — *Những hình thức có trước sản xuất tư bản chủ nghĩa*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1976.

K. MÁC — *Thư gửi Ăng ghen ngày 2-6-1853* trong K. Mác, Ph. Ăng ghen, V.I. Lê Nin. *Bàn về các xã tiền tư bản*. Bản dịch của NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975.

K. MÁC — *Sự thống trị của Anh ở Ấn Độ* trong *Tuyển tập Mác — Ăng ghen*, tập II, NXB Sự thật, Hà Nội, 1981.

HỒ CHÍ MINH — *Lịch sử nước ta* trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập III, NXB Sự thật, Hà Nội, 1983.

HỒNG NAM, HỒNG LĨNH chủ biên — *Những trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam chống phong kiến Trung Quốc xâm lược*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984.

ĐỖ VĂN NINH — *Thành cổ Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983.

Nghiên cứu lịch sử các số 76 (1965), 84, 85 (1966), 130, 132 (1970), 4 (1981), 1—2 (1987).

Nhiều tác giả — *Hùng Vương dựng nước*, tập I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1970.

Nhiều tác giả — *Xã hội Việt Nam thời Lý-Trần*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1982.

Nhiều tác giả — *Thế kỷ X — Những vấn đề lịch sử*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984.

Nhiều tác giả — *Lê Hoàn và 1000 năm chiến thắng quân Tống xâm lược*. Sở Văn hóa Thông tin Thanh Hóa xuất bản 1985.

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN — *Việt sử thông giám cương mục*. Bản dịch của Ban nghiên cứu Văn Sử Địa, tập II Tiền biên, tập III Chính biên. NXB Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957.

TRƯƠNG HỮU QUÝNH — NGUYỄN ĐỨC NGHINH — *Lịch sử Việt Nam*, Q.1, tập II, tái bản lần thứ hai, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1970.

PHẠM VĂN SƠN — *Việt sử tân biên*, Q.1, NXB Khai Trí, Sài Gòn, 1984.

— Tài liệu khảo sát lịch sử tại Dương Xá, Thiệu Dương, Thanh Hóa do tác giả tiến hành năm 1981.

— Tài liệu khảo sát khu vực thành Quèn, xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai, Hà Sơn Bình năm 1981 do tác giả tiến hành.

https://tieulun.hopto.org

— Tài liệu khảo sát lịch sử xã Thiệu Long, huyện Thiệu Yên, Thanh Hóa năm 1985 do tác giả tiến hành.

— Tài liệu khảo sát lịch sử tại huyện Gia Viễn, Hoa Lư, Hà Nam Ninh năm 1985 do tác giả tiến hành.

— Tài liệu hồ sơ kiểm kê di tích lịch sử đợt I (1968) tỉnh Thái Bình, Sở Văn hóa Thông tin Thái Bình.

— Tài liệu báo cáo khai quật khu di tích Hoa Lư (1977 — 1978). Ty Văn hóa Thông tin Hà Nam Ninh.

— Tài liệu hồ sơ kiểm kê di tích lịch sử các huyện Hà Nam Ninh. Phòng Bảo tàng, Sở Văn hóa Thông tin Hà Nam Ninh.

VĂN TÂN — *Lịch sử Việt Nam (Sơ giản)*. NXB Sử học, Hà Nội, 1963.

Tống sử — Liệt truyện 247 — Giao Chỉ. Bản dịch của Trần Thắng. Tài liệu đánh máy của Khoa Sử trường Đại học tổng hợp Hà Nội.

BÙI THIẾT — *Làng xã ngoại thành Hà Nội*, NXB Hà Nội, 1985.

MINH TRANH — *Sơ thảo lịch sử Việt Nam*. NXB Giáo dục Phổ thông, Hà Nội, 1964.

NGUYỄN TRÃI — *Dư địa chí* trong *Nguyễn Trãi toàn tập*. Bản dịch của NXB Khoa học Xã hội, 1976.

LÊ TRẮC — *An Nam chí lược*. Bản dịch của Phan Huy Tiếp. Tài liệu đánh máy của Viện Sử Học.

Tri Tân các số từ 153 tháng 7-1944 đến số 164 tháng 10-1944.

CAO HƯNG TRƯNG — *An Nam chí nguyên*. Bản dịch của Hoa Bằng. Tài liệu đánh máy của Viện Sử học.

ỦY BAN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM — *Lịch sử Việt Nam*. Tập I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971.

VIỆN KHẢO CỔ HỌC — *Những phát hiện mới khảo cổ học* các năm 1972 — 1975 — 1976, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

VIỆN KHẢO CỔ HỌC — *Những phát hiện khảo cổ học năm 1980*. Hà Nội, 1980.

Việt sử lược. Bản dịch của Trần Quốc Vượng, NXB Văn Sử Địa, Hà Nội, 1960.

TRẦN QUỐC VƯỢNG — *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*. Tập I, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1960.

https://tieulun.hopto.org

TIẾNG PHÁP — ANH

J. BUTTINGER. *The smaller dragon — A political history of Vietnam*. New York, 1962.

J. BUTTINGER. *A dragon defiant — A short history of Vietnam*. Praeger, New York, Washington, 1972.

J. CHESNAUX. *Contribution à l'Histoire de la Nation Vietnamienne*. Editions Sociales, Paris, 1955.

G. DUMOUTIER. *Etudes historiques et archéologiques sur Hoa Lư*. Imp. Bourdin et Cie, 1893.

H. MASPÉRO. « Le protectorat général d'Annam sous les Tangs ». *BEFEO*. TX. N°3, 7-9/1910.

LÊ THÀNH KHÔI. *Le Vietnam — Histoire et Civilisation*. Editions de Minuit, Paris, 1955.

THANH LƯƠNG. *Histoire résumé du Vietnam*. Editions en langues étrangères, Hanoi, 1955.

C. PARIS. *Abrégé de l'Histoire d'Annam de 2847 avant J.C. à 1890 ère chrétienne*. Imp. Typolitho F.H. Schneider, Hanoi, 1890.

K.W. TAYLOR. *The Birth of Vietnam*. University of California Press, 1983.

TIẾNG NGA

D.V. DEOPIK — « Vietnam vo rannje srednjevekovoe ». *Istoria stran Azii i Afrika vo srednjie veka*. I d. Maskovskvo Ounjiversitjeta. Maskva, 1968.

D.V. DEOPIK — « Feodalnoe obshestvo Vietnama ». *Istoriographia stran' Vostoka*. Izd. Maskovskvo ounjiversitjeta. Maskva, 1977.

INSTITOUT VOSTOKOVEDJENJIA — Akadjemija Naouk SSSR. *Iougo Vostoch'naja Azija vo Mirovojistorii*. Izd. Naouka, Maskva, 1977.

A.B. POLJAKOV — « Mjesto' Kratkoj istorii Viet' vo Vietnamskoj istoriographii ». *Kratkaja istorija Viet*. Izd. Naouka, Maskva, 1980.

D.V. POZNJER — *Drevnyj Vietnam problema letopissanja*. Izd. Naouka, Maskva, 1980.

M.A. CHESHKOV — *Ocherki istorii feodalnovo Vietnama*. Izd. Naouka, Maskva, 1967.

https://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

Trang

LỜI TỰA của Giáo sư *VĂN TÂN* 5

MỞ ĐẦU 9

CHƯƠNG I

NHÀ ĐINH — TỪ ĐIỂM XUẤT PHÁT LỊCH SỬ : « LOẠN 12 SỨ QUÂN » 19

Diễn biến lịch sử 20

Nguồn gốc các sứ quân 32

Thế lực các sứ quân 37

Hoạt động của các sứ quân 45

CHƯƠNG II

ĐINH BỘ LĨNH VỚI SỰ NGHIỆP THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC 50

Nguồn gốc Đinh Bộ Lĩnh 50

Thế lực của Đinh Bộ Lĩnh 58

Hoạt động của Đinh Bộ Lĩnh 60

Nguyên nhân thắng lợi của Đinh Bộ Lĩnh 75

CHƯƠNG III

NHÀ ĐINH VỚI SỰ NGHIỆP DỰNG NƯỚC (968 — 980) 81

Khái quát về đất nước thời Đinh 81

Tổ chức bộ máy quản lý đất nước của nhà Đinh 85

Chức năng và hoạt động dựng nước 110

https://tieulun.hopto.org

CHƯƠNG IV

SỰ KẾT THÚC CỦA NHÀ ĐINH 144

Diễn biến lịch sử 144
Nguyên nhân 147
Hậu quả tiêu vong của nhà Đinh 153

KẾT LUẬN 156

PHỤ LỤC

A — Truyện, văn bia, thần tích *(MAI HỒNG phiên âm, dịch và chú giải).*

— Truyện Đinh Tiên Hoàng 165
— Văn bia đền thờ Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư 170
— Sự tích Dũng quốc công Trần Minh Công (Trần Lãm) 179
— Thần tích xã Đông Kết (Nguyễn Siêu) 187
— Thần tích Long Kiều đại vương (Kiều Công Hãn) 198
— Thần tích Độc nhĩ đại vương (Đỗ Cảnh Thạc) 205

B — Bản đồ.
— Sự phân bố địa bàn chiếm giữ của 12 sứ quân và căn cứ của Đinh Bộ Lĩnh
— Động Hoa Lư, Kinh đô Hoa Lư và vùng phụ cận
— Kinh đô Hoa Lư.

THƯ MỤC THAM KHẢO CHÍNH

MỤC LỤC

https://tieulun.hopto.org

NHÀ ĐINH
DẸP LOẠN VÀ DỰNG NƯỚC

●

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập : SONG MAI
Biên tập kỹ thuật : NGUYỄN VĂN TÍNH
Sửa bản in : THU THỦY
Trình bày bìa : VŨ GIA NGỌC

In 1000 cuốn, khổ 13 × 19 tại Nhà in THANH NIÊN, 62 Trần Huy Liệu, Phú Nhuận — TP. Hồ Chí Minh. Số xuất bản : 47/KHXH ngày 8 tháng 10 năm 1990. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 1990.

https://tieulun.hopto.org